

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0101435127

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 07 năm 2003

Đăng ký thay đổi lần thứ: 31, ngày 15 tháng 05 năm 2024

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN  
THÔNG ELCOM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ELCOM TECHNOLOGY  
COMMUNICATIONS CORPORATION

Tên công ty viết tắt: ELCOM CORP

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà  
Nội, Việt Nam*

Điện thoại: (84-24) 38359359

Fax: (84-24) 38355884

Email: [contact@elcom.com.vn](mailto:contact@elcom.com.vn)

Website:

<http://www.elcom.com.vn>

**3. Vốn điều lệ: 832.900.770.000 đồng.**

*Bằng chữ: Tám trăm ba mươi hai tỷ chín trăm triệu bảy trăm bảy mươi  
nghìn đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 83.290.077

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: PHAN CHIẾN THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 25/01/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040071022294

Ngày cấp: 24/06/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật  
tự xã hội

*Địa chỉ thường trú: Căn hộ số 1906, tòa P02, Khu đô thị Nam Thăng Long, TDP Nam  
Thăng Long, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

*Địa chỉ liên lạc: Căn hộ số 1906, tòa P02, Khu đô thị Nam Thăng Long, TDP Nam  
Thăng Long, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

\* Họ và tên: PHẠM MINH THẮNG

Chức danh: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 10/04/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024077000643

Ngày cấp: 12/04/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Đội 3, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đội 3, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Ngày: 21-05-2024  
Số: 20914 SCT/05 #



Đỗ Văn Linh



CÔNG CHỨNG VIÊN  
PHẠM THỊ HOÀI

Số: 02/2024/NQ-DHĐCĐ

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2024



## NGHỊ QUYẾT

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom;
- Căn cứ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/BB-DHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom.

### QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua các báo cáo sau:

1.1 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023, kế hoạch kinh doanh năm 2024  
Kế hoạch kinh doanh năm 2024

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024 (Tỷ đồng)	Tăng trưởng so với năm 2023 (%)
Doanh thu thuần	1.100	12%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	108	28%
Cổ tức	Tối đa 10%	

- Về việc lựa chọn báo cáo tài chính năm 2024: tiếp tục triển khai thực hiện theo các nội dung Điều 1 Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2024/NQ-DHĐCĐ ngày 05/02/2024 và 4/TT-BKS ngày 24/01/2024 của Ban kiểm soát.

1.2 Báo cáo đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập năm 2023.

1.3 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 (Theo Tờ trình số 03/2024/TT-HĐQT ngày 03/04/2024).

Chỉ tiêu	(t)vt: Triệu đồng) Năm 2023
<b>Một số chỉ tiêu cơ bản trong BCTC hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán</b>	
Doanh thu thuần	980.089
Lợi nhuận trước thuế	96.893
Lợi nhuận sau thuế TNDN	84.320
<b>Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023</b>	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.500
Lợi nhuận sau thuế còn lại	80.820

**Điều 3. Thông qua ngân sách thu nhập của HĐQT và phương án chi trả thù lao cho BKS năm 2024**

**3.1 Ngân sách thu nhập của HĐQT năm 2024:**

- Lương của các thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành sẽ chi trả cho các vị trí điều hành để từ nguồn chi phí theo kế hoạch kinh doanh năm 2024.
- Tổng thù lao cho các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức danh điều hành: không vượt quá 2 tỷ đồng. Giao cho HĐQT triển khai chi tiết việc chi trả hao gồm quyết định mức phân bổ cụ thể, thời gian chi trả.

**3.2 Thù lao cho Ban kiểm soát năm 2024:**

- Tổng quỹ thù lao cho BKS tối đa 264 triệu đồng
- Giao cho Hội đồng quản trị triển khai chi tiết việc chi trả hao gồm quyết định mức phân bổ cụ thể, thời gian chi trả.

**Điều 4. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty (Theo các nội dung cụ thể tại Tờ trình số 05/2024/TTr-HĐQT, Phụ lục 1, Phụ lục 2 ngày 03/04/2024).**

**Điều 5. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Theo Tờ trình số 06/2024/TTr-HĐQT ngày 03/04/2024).**

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Đối tượng phát hành:	Cầu bộ nòng cốt đóng góp cho sự thành công trong kết quả kinh doanh của Công ty
Số lượng phát hành:	Tối đa 1.800.000 (Ba triệu, tám trăm nghìn) cổ phiếu
Giá phát hành:	10.000 đồng/cổ phiếu
Thời gian thực hiện dự kiến:	Năm 2024 - 2025 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT
Mục đích:	Củng cố lợi ích của nhân viên và Công ty Bổ sung thêm vốn lưu động cho Công ty
Hạn chế chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày kết thúc phát hành
Điều kiện khác	Cổ phiếu được đăng ký, lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh ("HOSE").

**Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT:**

- Quyết định triển khai thực hiện phát hành và quyết định việc sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung phương án phát hành cổ phiếu để phù hợp với tình hình thực tế phát hành, quy



định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo dự phát hành được thành công;

- Quyết định nội dung và ban hành Quy chế phát hành (bao gồm nhưng không hạn chế tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng) để thực hiện phương án này;
- Quyết định thời điểm phát hành ESOP phù hợp;
- Quyết định danh sách người lao động đủ điều kiện tham gia chương trình;
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong tương hợp phát hành cổ phiếu cho người lao động là nhà đầu tư nước ngoài;
- Sửa đổi Điều lệ Công ty và thực hiện thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Công ty về phần nội dung vốn điều lệ căn cứ kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại VSDC và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm này;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông Bicom thông qua toàn văn tại cuộc họp. Hội đồng quản trị căn cứ nội dung Nghị quyết này để thực hiện

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**PHAN CHIẾN THẮNG**

Số: 05/2024/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2024

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày 24 tháng 04 năm 2024

## TỜ TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Về phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ)

Kính thưa Đại hội,

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") biểu quyết thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty với các nội dung sau:

#### I. Báo cáo tiến độ thực hiện phương án phát hành tăng vốn theo các Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023:

Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ về tiến độ thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần theo các Nghị quyết ĐHĐCĐ trong năm 2023, cụ thể

- ✓ Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 40% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/10/2023. Tình hình thực hiện: Đã hoàn thành. Số lượng cổ phiếu đã phát hành 23.511.234 cổ phiếu. Tổng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành là 82.290.077 cổ phiếu. Vốn điều lệ sau đợt phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là 822.900.770.000 đồng.
- ✓ Phát hành 1.000.000 cổ phiếu với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") theo Điều 6, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023. Tình hình thực hiện: đang thực hiện. Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành cho người lao động là 832.900.770.000 đồng. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục chịu trách nhiệm tổ chức thi hành, triển khai thực hiện việc phát hành 1.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Điều 6, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 cho đến khi hoàn tất việc phát hành.

#### II. Phương án phát hành tổng thể: *Phạm Chiến Thắng*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ như sau:

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ dự kiến trước khi phát hành	832.900.770.000 đồng (Tám trăm ba mươi hai tỷ, chín trăm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) (Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành phát hành 1.000.000 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Điều 6 Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023)

Số lượng cổ phiếu dự kiến trước khi phát hành	83.290.077 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành	83.290.077 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	Tối đa 20.458.014 cổ phiếu
Trung đó:	
✓ Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 100:5)	Tối đa 4.164.503 cổ phiếu
✓ Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu (tỷ lệ 100:15)	Tối đa 12.493.511 cổ phiếu
✓ Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, chi tiết theo Tờ trình số 06/2024/TTr-PHĐCĐ ngày 03/04/2024	Tối đa 3.800.000 cổ phiếu
Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành	Bổ sung vốn lưu động cho công ty, đầu tư nghiên cứu công nghệ và/hoặc sản phẩm mới.
Thời gian dự kiến phát hành	Năm 2024, 2025 hoặc thời hạn khác theo Quyết định của HĐQT. Việc phát hành sẽ chia làm 2 đợt. Đợt 1 phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Đợt 2 phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành	Tối đa 103.748.091 cổ phiếu
Vốn điều lệ sau khi phát hành	Tối đa 1.037.480.910.000 đồng (Một nghìn, không trăm ba mươi bảy tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, chín trăm mười nghìn đồng)

Nội dung chi tiết của Phương án phát hành được đính kèm Tờ trình này.

### III. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành

Trong đợt phát hành có thể xuất hiện một số pha loãng cổ phiếu, bao gồm: Pha loãng về giá thanh chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền; Pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS); Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS); Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

#### IV. Thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung

Ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty cam kết sẽ thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh ("HOSE") toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành theo đúng quy định của Pháp luật.

#### V. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT:

- ✓ Thực hiện việc phát hành cổ phiếu và quyết định, thực hiện thủ tục phân phối cổ phiếu theo các phương án phát hành chi tiết;
- ✓ Quyết định chi tiết nội dung phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án phát hành khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công cũng như việc huy động vốn của Công ty được thực hiện đúng quy định Pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty;
- ✓ Quyết định số lượng cổ phiếu phát hành theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm triển khai phương án phát hành;
- ✓ Lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện chào bán, phát hành cổ phiếu sau khi Ủy ban chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản cho Công ty và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu;
- ✓ Cân đối và quyết định nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- ✓ Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;
- ✓ Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất việc phát hành theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm;
- ✓ Triển khai các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi hoàn tất việc phát hành theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm;
- ✓ Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSDC và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế phát hành theo quy định của Pháp luật;
- ✓ Ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- ✓ Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, ĐHQĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.
- ✓ Các nội dung khác để đảm bảo thực hiện Phương án phát hành tổng thể này.



Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**PHAN CHIÊN BẰNG**

**PHỤ LỤC 1: PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU  
TĂNG VỐN CỔ PHẦN TỰ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
(Đính kèm Từ trình số 05/2024/TTr-HĐQT)

1	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	Tối đa 4.164.503 cổ phiếu  Số lượng cổ phiếu phát hành căn cứ theo tỷ lệ thực hiện quyền trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty và thực hiện theo phương pháp làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
2	Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá:	Tối đa 41.645.030.000 đồng (Bốn mươi một tỷ, sáu trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng)
3	Tỷ lệ thực hiện quyền:	100:5 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền sẽ được nhận thêm 5 cổ phiếu mới).
4	Đối tượng phát hành:	Tất cả cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành.
5	Nguồn vốn sử dụng:	Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển theo Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty. HĐQT ủy quyền cho HĐQT cân đối và quyết định nguồn vốn sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.
6	Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ:	Sau khi nhân với tỷ lệ thực hiện quyền, số lượng cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.  Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 2.598 cổ phiếu, với tỷ lệ thực hiện quyền 100:5 thì số cổ phiếu mà cổ đông A nhận được là: $2.598 \times 5 / 100 = 129,9$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn ở trên thì số cổ phiếu mới mà cổ đông A được nhận là 129 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ (0,9 cổ phiếu) sẽ được hủy bỏ.
7	Hạn chế chuyển nhượng:	Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.

**PHỤ LỤC 2: PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU THEO PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN QUYỀN MUA**

*(Đính kèm Từ trình số 05/2024/TTr-HĐQT)*

1	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:	Tối đa 12.493.511 cổ phiếu
2	Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá):	Tối đa 124.935.110.000 đồng (Một trăm hai mươi tư tỷ, chín trăm ba mươi lăm triệu, một trăm mười nghìn đồng)
3	Giá chào bán:	10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
4	Tổng số tiền huy động theo giá chào bán dự kiến :	Tối đa 124.935.110.000 đồng (Một trăm hai mươi tư tỷ, chín trăm ba mươi lăm triệu, một trăm mười nghìn đồng)
5	Mục đích sử dụng vốn, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 124.935.110.000 đồng được sử dụng vào các mục đích sau: bổ sung vốn lưu động cho công ty, đầu tư nghiên cứu công nghệ và/hoặc sản phẩm mới.
6	Tỷ lệ thực hiện quyền.	100:15 (Tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được mua 15 cổ phiếu mới). Số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.  Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 2.598 cổ phiếu sẽ được hưởng 2.598 quyền. Khi đó, số cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông A được mua như sau: $2.598 \times 15 / 100 = 389,7$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 389 cổ phiếu.
7	Phương thức chào bán:	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
8	Đối tượng chào bán:	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông được chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.
9	Chuyển nhượng quyền mua:	Cổ đông hiện hữu: có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu

		<p>của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.</p> <p>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 3.000 cổ phần sẽ được hưởng 3.000 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 2.000 quyền mua cho nhà đầu tư B và chuyển nhượng 1.000 quyền mua cho nhà đầu tư C. Nhà đầu tư B và C không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho người thứ ba.</p>
11	Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua (cổ phiếu còn dư)	<p>Số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua trong đợt chào bán (số cổ phiếu còn dư) sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác và Nhà đầu tư khác) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu nhưng được phép thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu và giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm chào bán. Các điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của các nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.</p> <p>ĐI (ĐCĐ) ủy quyền cho HĐQT xây dựng tiêu chí và lựa chọn cổ đông/Nhà đầu tư khác có nhu cầu mua cổ phiếu còn dư.</p> <p>Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.</p>
12	Hạn chế chuyển nhượng	<p>Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.</p> <p>Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phiếu đang trong thời hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua</p>



		<p>cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>Số cổ phiếu còn dư khi được chào bán cho các cổ đông/Nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định.</p>
13	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	Không áp dụng
14	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Giao và ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.



Số: 02 - 02/2024/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2024

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 24 tháng 07 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu và một số vấn đề liên quan

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 15/07/2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM

Hội đồng quản trị thống nhất thông qua việc triển khai Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024 như sau:

Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:	12.493.511 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá)	124.935.110.000 đồng

Giá chào bán:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số tiền huy động theo giá chào bán dự kiến:	124.935.110.000 đồng
Mục đích sử dụng vốn, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:	Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 124.935.110.000 đồng được sử dụng vào các mục đích sau: bổ sung vốn lưu động cho Công ty, đầu tư nghiên cứu công nghệ và/hoặc sản phẩm mới
Tỷ lệ thực hiện quyền:	100:15 (Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được mua 15 cổ phiếu mới). Số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. <i>Vi dụ: Vào ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông A sở hữu 2.598 cổ phiếu sẽ được hưởng 2.598 quyền. Khi đó, số cổ phiếu phát hành thêm cổ đông A được mua như sau: <math>2.598 \times 15 / 100 = 389,7</math> cổ phiếu. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 389 cổ phiếu.</i>
Phương thức chào bán:	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
Đối tượng chào bán:	Cổ đông hiện hữu theo danh sách; cổ đông được chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.
Chuyển nhượng quyền mua:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng. <i>Vi dụ: Vào ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông A sở hữu 3.000 cổ phần sẽ được hưởng 3.000 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 2.000 quyền mua cho nhà đầu tư B và chuyển nhượng 1.000 quyền mua cho nhà đầu tư C. Nhà đầu tư B và C không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho người thứ ba.</i>

<p>Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua (cổ phiếu còn dư):</p>	<p>Số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua trong đợt chào bán (số cổ phiếu còn dư) sẽ được Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác và Nhà đầu tư khác) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu nhưng được phép thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu và giá trị trường của cổ phiếu tại thời điểm chào bán. Các điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của các nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.</p> <p>HDQT xây dựng tiêu chí và lựa chọn cổ đông/Nhà đầu tư khác có nhu cầu mua cổ phiếu còn dư.</p> <p>Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm: thời gian giữ hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HDQT quyết định kết thúc đợt chào bán.</p>
<p>Hạn chế chuyển nhượng:</p>	<p>Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.</p> <p>Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phiếu đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>Số cổ phiếu còn dư khi được chào bán cho các cổ đông/Nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định.</p>
<p>Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu:</p>	<p>Không áp dụng</p>
<p>Thời gian dự kiến chào bán:</p>	<p>Dự kiến trong năm 2024, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng cho Công ty</p>

**Điều 2: Thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu**

Tổng số tiền dự kiến thu được từ việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024 là 124.935.110.000 đồng (chưa trừ các chi phí liên quan đến đợt chào bán) sẽ được Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM đầu tư vào các hạng mục cụ thể như sau:



STT	Mục đích sử dụng	Số tiền (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Bổ sung vốn lưu động cho Công ty (Thanh toán gốc và lãi của một số hợp đồng cấp tín dụng)	82.000.000.000	Quý III, IV/2024
2	Đầu tư nghiên cứu một số công nghệ, sản phẩm mới	42.935.110.000	Quý IV/2024 và Quý I, II, III, IV/2025
	<b>Tổng cộng</b>	<b>124.935.110.000</b>	

Tổng trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM sẽ thực hiện phân bổ lần lượt theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi sử dụng hết tổng số tiền thu được từ đợt chào bán, cụ thể như sau:

- (1) Thanh toán gốc và lãi của một số hợp đồng cấp tín dụng: 82.000.000.000 đồng
- (2) Đầu tư nghiên cứu một số công nghệ, sản phẩm mới: 42.935.110.000 đồng

(Thông tin chi tiết từng hạng mục dự kiến giải ngân được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết này)

**Điều 3: Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**

**3.1. Thông tin tỷ lệ sở hữu nước ngoài:**

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/07/2003, cấp thay đổi lần thứ 31 ngày 15/05/2024. Thông tin về các ngành nghề, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM không quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

Căn cứ Văn bản số 1020/UBCK-PTTT ngày 02/03/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty được xác định là 49%.

**3.2. Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty:**

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 26/06/2024, Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM có 126 cổ đông nước ngoài. Số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 2.579.257 cổ phần, tương đương 3,10% vốn điều lệ.

Dự kiến sau đợt chào bán (giả sử toàn bộ cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu), số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 2.966.145 cổ phần, tương đương 3,10% vốn điều lệ.

Như đã nêu trên, theo quy định của pháp luật, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM được xác định là 49%. Sau khi thông báo chào bán ra công chúng, trong trường hợp cổ phiếu chào bán không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu, Hội đồng quản trị sẽ ưu tiên phân phối cho nhà đầu tư trong nước, trong trường hợp phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài sẽ đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty không vượt quá 49% theo quy định.

**Điều 4: Thông qua cam kết niêm yết cổ phiếu sau khi kết thúc đợt chào bán**

Hội đồng quản trị Công ty cam kết thực hiện việc hoàn tất hồ sơ niêm yết cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông FLCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh không chậm hơn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Thời gian thực hiện hoàn tất đăng ký niêm yết kể trên không bao gồm thời gian do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trì hoãn phê duyệt.

**Điều 5: Ủy quyền**

Thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện và ký kết các hồ sơ để triển khai các công việc sau:

- Chủ động xây dựng, sửa đổi, bổ sung và giải trình các hồ sơ phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai việc phát hành sau khi có quyết định chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Triển khai phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán phù hợp với mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty thông qua.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi Điều lệ Công ty theo số vốn điều lệ mới sau khi hoàn thành đợt chào bán.
- Thực hiện việc báo cáo kết quả và công bố thông tin về đợt chào bán với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định hiện hành.
- Thực hiện các thủ tục, hồ sơ cần thiết để đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký chứng khoán bổ sung trên Tổng công ty Lưu ký và Bảo trữ chứng khoán Việt Nam sau khi hoàn tất đợt chào bán.
- Các công việc có liên quan khác đến đợt chào bán.

**Điều 6: Hiệu lực thi hành**

Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6,
- Issu VPHDQT,
- CBTT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



PHAN CHIÊN TƯỜNG

## PHỤ LỤC 01

Thông tin chi tiết từng hạng mục dự kiến giải ngân số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM (Đính kèm Nghị quyết HĐQT số 02-07/2024/NQ-HĐQT ngày 15/07/2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM)

1. Bổ sung vốn lưu động (Thanh toán gốc và lãi của một số hợp đồng cấp tín dụng)

Chi tiết bổ sung vốn lưu động (Thanh toán gốc và lãi của một số hợp đồng cấp tín dụng)

Nội dung sử dụng vốn	Số tiền (VNĐ)	Thời gian dự kiến giải ngân
Thanh toán gốc và lãi của hợp đồng cấp tín dụng tại các tổ chức tín dụng sau	82.000.000.000	Quý III/2024 và Quý IV/2024
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long (Hợp đồng tín dụng số 166008.23.054.27172.TD ngày 11/10/2023)	46.740.000.000	Quý III/2024 và Quý IV/2024
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Hợp đồng tín dụng số 01/2024/4247448/HĐTD ngày 30/01/2024)	9.500.000.000	Quý III/2024 và Quý IV/2024
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long (Hợp đồng tín dụng số 223187.24.054.27172.TD ngày 28/06/2024)	25.760.000.000	Quý IV/2024

a. Hợp đồng tín dụng số 166008.23.054.27172.TD ngày 11/10/2023

- Bên cấp tín dụng: Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long
- Mối quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành: Không có
- Giá trị hạn mức tín dụng: 350.000.000.000 VND
- Dự nợ tính đến 30/06/2024: 95.317.175.031 đồng
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: Từ ngày 11/10/2023 đến ngày 09/10/2024
- Mục đích cấp tín dụng: Phục vụ hoạt động cung cấp thiết bị, phần mềm và các dịch vụ đi kèm trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao.
- Dự kiến số tiền thu được từ chào bán dùng để thanh toán: 46.740.000.000 đồng
- Thời gian thanh toán dự kiến: Quý III/2024 và Quý IV/2024

b. Hợp đồng tín dụng số 01/2024/4247448/HĐTD ngày 30/01/2024

- Bên cấp tín dụng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Mối quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành: Không có
- Giá trị hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND
- Dự nợ tính đến 30/06/2024: 9.559.105.561 đồng
- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng
- Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bán lẻ, mở LLC phục vụ hoạt động kinh doanh



- Dự kiến số tiền thu được từ chào bán dùng để thanh toán: 9.500.000.000 đồng
  - Thời gian thanh toán dự kiến: Quý III/2024 và Quý IV/2024
  - c. **Hợp đồng tín dụng số 223187.24.054.27172.TD ngày 28/06/2024**
  - Bên cấp tín dụng: Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long
  - Mọi quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành: Không có
  - Giá trị hạn mức tín dụng: 600.000.000.000 VND
  - Dư nợ tính đến 30/06/2024: 25.764.253.227 đồng
  - Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: Kể từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 15/06/2025
  - Mục đích cấp tín dụng: Phục vụ hoạt động cung cấp thiết bị, phần mềm và các dịch vụ đi kèm trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao và hoạt động kinh doanh nông sản
  - Dự kiến số tiền thu được từ chào bán dùng để thanh toán: 25.760.000.000 đồng
  - Thời gian thanh toán dự kiến: Quý IV/2024
2. **Đầu tư nghiên cứu công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh**

Căn cứ Nghị quyết số 01-07/2024/NQ-HDQT ngày 15/07/2024 của Hội đồng quản trị về việc Thông qua triển khai và tổng ngân sách đầu tư nghiên cứu phát triển cho các sản phẩm, công nghệ GenAI, công nghệ Camera AI thế hệ mới, nền tảng kho dữ liệu thông minh, công nghệ chặn thu vệ tinh dự kiến là 42.935.110.000 đồng, chi tiết như sau:

STT	Công nghệ/Sản phẩm	Chi phí đầu tư nghiên cứu phát triển dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến
1	Đầu tư nghiên cứu công nghệ GenAI: phục vụ nâng cấp các dòng sản phẩm hiện tại và phát triển các dòng sản phẩm mới chu kỳ đến 2030.	12.000.000.000	Quý IV/2024 và Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV Năm 2025
2	Đầu tư nghiên cứu thử nghiệm công nghệ Camera AI thế hệ mới của hãng: phục vụ đưa vào các hợp đồng giao thông, an ninh trong giai đoạn đến 2030.	10.935.110.000	
3	Đầu tư nghiên cứu nền tảng kho dữ liệu thông minh: kho dữ liệu thông minh phục vụ cho mảng chuyển đổi số đến năm 2030.	11.000.000.000	
4	Đầu tư nghiên cứu phát triển các công nghệ chặn thu vệ tinh, xử lý dữ liệu: các giải mã mới, vệ tinh mới và xử lý dữ liệu đa nguồn cho việc nâng cấp, phát triển sản phẩm thế hệ mới đáp ứng tình hình an ninh quốc gia ngày càng phức tạp.	9.000.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>42.935.110.000</b>	



Số: 02/2024/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 09 năm 2024

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày 16 tháng 09 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỆN THÔNG ELCOM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 34/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông ELCOM
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-DHĐCD ngày 25/04/2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông ELCOM;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 10/09/2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông ELCOM.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua việc bổ sung một phần nội dung Phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết DHĐCD thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-DHĐCD ngày 25/04/2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông ELCOM

*Phan Chiến Thắng*

HĐQT thông qua việc bổ sung một phần nội dung Phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết DHĐCD thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-DHĐCD ngày 25/04/2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông ELCOM, cụ thể là bổ sung nội dung của Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua (cổ phiếu còn dư để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua (cổ phiếu còn dư);	Số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua trong đợt chào bán (số cổ phiếu còn dư) sẽ được HĐQT, đồng quản trị lựa chọn phân phối cho các đối tượng khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác và Nhà đầu tư khác) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu nhưng được phép thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu và giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm chào bán. Các điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của các nhà đầu tư không tuân lợi hơn so với điều kiện chào bán.
---	--

	<p>của cổ đông hiện hữu, hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.</p> <p>HĐQT xây dựng tiêu chí và lựa chọn cổ đông/Nhà đầu tư khác có nhu cầu mua cổ phiếu còn dư.</p> <p>Tường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.</p> <p>Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các quy định khác liên quan đến pháp luật hiện hành.</p>
--	--

**Điều 2:** Nghị quyết này là một phần không thể thiếu của Nghị quyết số 02-07/2024/NQ-HĐQT ngày 15/07/2024

Nghị quyết này sửa đổi và thay thế nội dung liên quan đến Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua (cổ phiếu còn dư) tại Điều 1 của Nghị quyết 02-07/2024/NQ-HĐQT ngày 15/07/2024. Các nội dung khác của Nghị quyết 02-07/2024/NQ-HĐQT ngày 15/07/2024 không thay đổi và vẫn còn hiệu lực.

**Điều 3:** Hiệu lực thi hành

Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.!

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VP HĐQT;
- CBTT.



PHAN CHIÊN THẮNG



Số: 01-LG/2024/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2024

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày 24 tháng 01 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH11 ngày 17/06/2020 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 34/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 17/08/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 11/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-DHĐCĐ ngày 25/04/2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM số 02-07/2024/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 07 năm 2024 thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu và một số vấn đề liên quan
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty số 01-09/2024/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 09 năm 2024;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 17/10/2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua việc thay đổi nội dung Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được chi tiết tại Điều 2 của Nghị quyết HĐQT của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM số 02-07/2024/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 07 năm 2024 thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu và một số vấn đề liên quan

HĐQT thông qua việc thay đổi nội dung Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được chi tiết tại Điều 2 của Nghị quyết HĐQT của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM số 02-07/2024/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 07 năm 2024 thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu và một số vấn đề liên quan, cụ thể như sau:

Tổng số tiền dự kiến thu được từ việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024 là 124.935.110.000 đồng (chưa trừ các chi phí liên quan đến đợt chào bán) sẽ được Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM đầu tư vào các hạng mục cụ thể như sau:



STT	Mục tiêu chi tiêu	Số tiền (đồng)	Thời gian chi tiêu (từ ngày đến ngày)
1	Bổ sung vốn lưu động cho Công ty	82.000.000.000	Tháng 12/2024 – Quý 1/2025
2	Đầu tư nghiên cứu một số công nghệ, sản phẩm mới	42.935.110.000	Năm 2025
	<b>Tổng cộng</b>	<b>124.935.110.000</b>	

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông ELCOM sẽ thực hiện phân bổ lần lượt theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi sử dụng hết tổng số tiền thu được từ đợt chào bán, cụ thể như sau:

- (1) Bổ sung vốn lưu động cho Công ty. 82.000.000.000 đồng
- (2) Đầu tư nghiên cứu một số công nghệ, sản phẩm mới 42.935.110.000 đồng

*(Thông tin chi tiết từng hạng mục dự kiến giải ngân được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết này)*

**Điều 2:** Nghị quyết này là một phần không thể thiếu của Nghị quyết số 02-07/2024/NQ-HĐQT ngày 15/07/2024

Nghị quyết này sửa đổi và thay thế nội dung liên quan đến Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông liên hữu tại Điều 2 của Nghị quyết 02-07/2024/NQ-HĐQT ngày 15/07/2024. Các nội dung khác của Nghị quyết 02-07/2024/NQ-HĐQT ngày 15/07/2024 không thay đổi và vẫn còn hiệu lực.

**Điều 3:** Hiệu lực thi hành

Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các bộ phận và cơ cấu có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nêu:

- Như Điều 3;
- Lưu (VP/HĐQT);
- CBTT.



**PHAN CHIÊN THẮNG**



**PHỤ LỤC 01**

**Thông tin chi tiết từng hạng mục dự kiến giải ngân số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM**  
(Đính kèm Nghị quyết HĐQT số 01-10/2024/NQ-HĐQT ngày 17/10/2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM)

**I. Bổ sung vào lưu động**

TT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1.1	<b>Thanh toán gốc và lãi của hợp đồng cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long</b> (theo Hợp đồng tín dụng số 166008.23.054.27172.TD ngày 11/10/2023 và Hợp đồng tín dụng số 223187.24.054.27172.TD ngày 28/06/2024)	66.000.000.000	Taáng 12/2024 – Quý 1/2025. Theo thời gian đáo hạn quy định tại từng hợp đồng vay. Ngoài ra, trên cơ sở cân đối và sử dụng nguồn vốn huy động để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công ty trong từng thời kỳ, Công ty có thể cân nhắc thanh toán trước hạn các khoản nợ vay nếu trên theo điều thuận giữa Công ty và Ngân hàng.
1.2	<b>Thanh toán công nợ cho các nhà cung cấp</b>	16.000.000.000	
	Thanh toán cho Công ty ISG Technology PTE LTD (Hợp đồng số JSC.24008 ngày 25/01/2024)	7.000.000.000	Quý 1/2025. Theo thời gian đến hạn thanh toán với các nhà cung cấp. Ngoài ra, trên cơ sở cân đối và sử dụng nguồn vốn huy động để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công ty trong từng thời kỳ, Công ty có thể cân nhắc thanh toán trước hạn các khoản công nợ này.
	Thanh toán cho Công ty Converse network limited (Hợp đồng số JSC.24063 ngày 20/08/2024)	1.000.000.000	
	Thanh toán cho Công ty Hudson Capital Holding Limited (Hợp đồng số JSC.24065 ngày 08/08/2024)	8.000.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>82.000.000.000</b>	

Trong trường hợp có sự thay đổi về lộ trình huy động vốn thu được từ đợt chào bán (có tác động sớm hơn hoặc chậm hơn so với kế hoạch trả nợ vay đã trình bày trong hồ sơ xin cấp phép chào bán cổ phiếu ra công chúng), Hội đồng quản trị Công ty sẽ linh hoạt phân bổ nguồn vốn của Công ty để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán đến hạn. Đồng thời, Hội đồng quản trị cam kết sẽ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán để thanh toán các nghĩa vụ nợ đã trình bày phía trên, đảm bảo đúng mục đích sử dụng vốn là thanh toán nợ vay và giảm thiểu chi phí cũng như nâng cao uy tín, hiệu quả hoạt động của Công ty.

**1.1. Thanh toán gốc và lãi của hợp đồng cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long**

**a. Hợp đồng tín dụng số 166008.23.054.27172.TD ngày 11/10/2023**

- Bên cấp tín dụng: Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long
- Mọi quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành: Không có
- Giá trị hạn mức tín dụng: 350.000.000.000 VND
- Dư nợ tính đến 10/10/2024: 7.000.000.000 đồng
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: Từ ngày 11/10/2023 đến ngày 09/10/2024
- Mục đích cấp tín dụng: Phục vụ hoạt động cung cấp thiết bị, phần mềm và các dịch vụ đi kèm trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao.
- Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả chi tiết tại từng lần giải ngân, nhận nợ và Thoả thuận chung
- Dự kiến số tiền thu được từ chào bán dùng để thanh toán: 7.000.000.000 đồng
- Thời gian thanh toán dự kiến: tháng 12/2024.

*Nhiệm mục đích thay thế vốn liên tục để phục vụ hoạt động cung cấp thiết bị, phần mềm đi kèm trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao. Hội đồng quản trị của ELCOM đề nghị việc với Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long để thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng số 223187.24.054.27172.TD ngày 28/06/2024*

*Hợp đồng cấp tín dụng số 223187.24.054.27172.TD ngày 28/06/2024 đã tiếp nối và kế thừa mục đích cấp tín dụng cũng như các điều khoản và điều kiện cấp tín dụng của Hợp đồng tín dụng 166008.23.054.27172.TD ngày 11/10/2023.*

**b. Hợp đồng tín dụng số 223187.24.054.27172.TD ngày 28/06/2024**

- Bên cấp tín dụng: Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long
- Mọi quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành: Không có
- Giá trị hạn mức tín dụng: 600.000.000.000 VND
- Dư nợ tính đến 10/10/2024: 59.231.304.192 đồng
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: Kể từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 15/06/2025
- Mục đích: Phục vụ hoạt động cung cấp thiết bị, phần mềm và các dịch vụ đi kèm trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao và hoạt động kinh doanh nông sản
- Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng

đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: chi tiết tại từng lần giải ngân, nhận nợ và hoà thuận, chung.

- Dự kiến số tiền thu được từ chào bán dùng để thanh toán: 59.000.000.000 đồng
- Thời gian thanh toán dự kiến: Tháng 12/2024 - Quý 1/2025.

## **1.2. Thanh toán công nợ cho các nhà cung cấp**

### **a. Thanh toán cho Công ty ISG Technology PTE LTD (Hợp đồng số JSC24008 ngày 25/01/2024)**

- Tên nhà cung cấp: ISG Technology PTE LTD
- Mối quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành: không có
- Số hợp đồng: Hợp đồng số JSC24008 ngày 25/01/2024
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: thiết bị điều khiển và biển báo giao thông cho cao tốc
- Giá trị Hợp đồng: 689,485 USD (tương đương 16.515.923.650 VND tại thời điểm 06/02/2024)
- Dư nợ tính đến hiện tại: 297,485 USD (tương đương 7.444.562.125 VND tại thời điểm 08/10/2024)
- Thời hạn thanh toán theo hợp đồng: tháng 1/2025
- Dự kiến số tiền thu được từ chào bán dùng để thanh toán: 7.000.000.000 đồng
- Thời gian thanh toán dự kiến: tháng 1/2025

### **b. Thanh toán cho Công ty Converse network limited (Hợp đồng số JSC24063 ngày 20/08/2024)**

- Tên nhà cung cấp: Converse network limited
- Mối quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành: không có
- Số hợp đồng: Hợp đồng số JSC24063 ngày 20/08/2024
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Phần mềm tự động phân tích hình ảnh giao thông
- Giá trị Hợp đồng: 41.838 USD (tương đương 1.046.995.950 VND tại thời điểm 08/10/2024)
- Dư nợ tính đến hiện tại: 41.838 USD (tương đương 1.046.995.950 VND tại thời điểm 08/10/2024)
- Thời hạn thanh toán theo hợp đồng: tháng 1/2025
- Dự kiến số tiền thu được từ chào bán dùng để thanh toán: 1.000.000.000 đồng
- Thời gian thanh toán dự kiến: tháng 1/2025

### **c. Thanh toán cho Công ty Hudson Capital Holding Limited (Hợp đồng số JSC24065 ngày 08/08/2024)**

- Tên nhà cung cấp: Hudson Capital Holding Limited
- Mối quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành: không có
- Số hợp đồng: Hợp đồng số JSC24065 ngày 08/08/2024
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Phần mềm khung dịch vụ hệ thống giao thông thông minh
- Giá trị Hợp đồng: 130,612 USD (tương đương 3.273.565.300 VND tại thời điểm 8/10/2024)

- Dự nợ tính đến hiện tại: 330,612 USD (tương đương 8.271.565.300 VNĐ tại thời điểm 8/10/2024)
- Thời hạn thanh toán theo hợp đồng: tháng 3/2025
- Dự kiến số tiền thu được từ chào bán dùng để thanh toán: 8.000.000.000 đồng
- Thời gian thanh toán dự kiến: tháng 3/2025.

**2. Đầu tư nghiên cứu công nghệ, mở rộng sâu xuất kinh doanh**

Căn cứ Nghị quyết số 01-07/2024/NQ-HĐQT ngày 15/07/2024 của Hội đồng quản trị về việc Thông qua triển khai và tổng ngân sách đầu tư nghiên cứu phát triển cho các sản phẩm, công nghệ GenAI, công nghệ Camera AI thế hệ mới, nền tảng kho dữ liệu thông minh, công nghệ chặn thu vệ tinh dự kiến là 42.935.110.000 đồng, chi tiết như sau:

STT	Công nghệ/Sản phẩm	Chi phí đầu tư nghiên cứu phát triển dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến giai đoạn
1	Đầu tư nghiên cứu công nghệ GenAI: phục vụ nâng cấp các dòng sản phẩm hiện tại và phát triển các dòng sản phẩm mới chu kỳ đến 2030.	12.000.000.000	Năm 2025
2	Đầu tư nghiên cứu thử nghiệm công nghệ Camera AI thế hệ mới của hãng: phục vụ đưa vào các hợp đồng giao động, an ninh trong giai đoạn đến 2030.	10.935.110.000	
3	Đầu tư nghiên cứu nền tảng kho dữ liệu thông minh: kho dữ liệu thông minh phục vụ cho mảng chuyển đổi số đến năm 2030.	11.000.000.000	
4	Đầu tư nghiên cứu phát triển các công nghệ chặn thu vệ tinh, xử lý dữ liệu: các giải mã mới, vệ tinh mới và xử lý dữ liệu đa nguồn cho việc nâng cấp, phát triển sản phẩm thế hệ mới đáp ứng tình hình an ninh quốc gia ngày càng phức tạp	9.000.000.000	
<b>Tổng cộng</b>		<b>42.935.110.000</b>	



elcom™ 

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày 24 tháng 02 năm 2025

## ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Phan Chiến Thắng*

Hà Nội, tháng 5 năm 2024

# MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU .....	3
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....	3
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY .....	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty .....	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động .....	14
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....	14
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	14
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....	15
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	15
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	15
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....	16
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....	16
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	16
Điều 11. Quyền của cổ đông .....	16
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông .....	17
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	19
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	20
Điều 16. Thay đổi các quyền .....	21
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	22
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....	23
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua .....	24
Điều 21. Thẩm quyền và tác thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	25
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	26
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	27
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	27
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	27
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	28
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị .....	28
Điều 27. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	29
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	30
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	30
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	32
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty .....	32
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....	32
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý .....	32
Điều 33. Người điều hành Công ty .....	33
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc .....	33
IX. BAN KIỂM SOÁT .....	34
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) .....	34
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát .....	35
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát .....	35
Điều 40. Tiền lương, thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát .....	35

X. TRÁCH NHIỆM CỦA TÀI ANH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....	36
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	37
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....	37
Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	37
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	37
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn.....	37
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....	38
Điều 45. Phân phối lợi nhuận .....	38
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	38
Điều 46. Tài khoản ngân hàng.....	38
Điều 47. Năm tài chính.....	38
Điều 48. Chế độ kế toán.....	38
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG .....	39
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, báo niên và quý .....	39
Điều 50. Báo cáo thường niên .....	39
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	39
Điều 51. Kiểm toán.....	39
XVII. CON DẤU.....	39
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp .....	39
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	40
Điều 53. Giải thể công ty .....	40
Điều 54. Gia hạn hoạt động .....	40
Điều 55. Thanh lý .....	40
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	40
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	40
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....	41
Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....	41
XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....	41
Điều 58. Ngày hiệu lực .....	41

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom nhất trí thông qua ngày 05 tháng 02 năm 2024.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công ty và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
  - b. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
  - d. “Luật chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
  - e. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
  - f. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
  - g. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
  - h. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
  - i. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
  - j. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
  - k. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty;
  - l. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
  - m. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
  - n. “Số giao dịch chứng khoán” là Số giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản, khác nhau gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

### II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty
  - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM
  - Tên tiếng Anh: ELOOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION
  - Tên viết tắt: ELCOM CORP

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: (84-24) 3 8359359
- Fax: (84-24) 3 8355884
- E-mail: [contact@elcom.com.vn](mailto:contact@elcom.com.vn)
- Website: [www.elcom.com.vn](http://www.elcom.com.vn)

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.**

1. Công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty.

2. Tổng Giám đốc là đại diện chủ tài khoản tại ngân hàng.

3. Công ty phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

**III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
2.	Sản xuất sản phẩm điện tử đặc dụng	2640
3.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
4.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2676
5.	Sản xuất thiết bị điện khảo	2790
6.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4652
7.	Sản xuất đồng hồ	2652
8.	Sản xuất mô tu, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
9.	Xuất bản phần mềm <i>(trừ xuất bản phẩm)</i>	5820
10.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
11.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; - Sản xuất, kinh doanh phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm. <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	1079
12.	Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
13.	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ	2012
14.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng: Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị y tế, dụng cụ y tế, khẩu trang y tế	3250
15.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
16.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	2029

17.	<p>Máy trang phục (trừ trang phục lừ đa lông thú):</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất trang phục bảo hộ;</li> <li>- Sản xuất mũ mềm hoặc cứng;</li> </ul>	1410
18.	<p>Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp:</p> <p>Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng được khai thác từ năng lượng sạch (gió, mặt trời, địa nhiệt, nước, sinh khối...) và các nguồn năng lượng tái tạo khác.</p>	3320
19.	<p>Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại lý kinh doanh dịch vụ Internet;</li> <li>- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;</li> <li>- Lắp đặt, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, tổng đài điện thoại thuê bao dung lượng nhỏ, thiết bị phát xạ, nguồn điện; lắp đặt các thiết bị truyền dẫn cho các tuyến Viba và mạng cáp thông tin.</li> <li>- Cung cấp dịch vụ viễn thông thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VIOP (điện thoại internet);</li> <li>- Kinh doanh dịch vụ viễn thông;</li> <li>- Kinh doanh hàng hóa viễn thông;</li> <li>- Thiết lập mạng viễn thông công cộng;</li> <li>- Đại lý cung cấp các dịch vụ nội dung số: Dịch vụ lưu trữ, xử lý và khai thác cơ sở dữ liệu; quảng cáo trực tuyến, giải trí, đào tạo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác trên mạng internet, mạng điện thoại di động và điện thoại cố định;</li> <li>- Thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất trong phạm vi toàn quốc;</li> <li>- Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông;</li> <li>- Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm radar;</li> <li>- Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh;</li> <li>- Cung cấp và làm đại lý dịch vụ ứng dụng viễn thông, làm đại lý dịch vụ viễn thông sử dụng hạ tầng viễn thông vệ tinh. Cung cấp và làm đại lý các ứng dụng viễn thông chuyên dùng gồm: Theo dõi hoạt động và giám sát tàu thuyền và các phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy và các phương tiện nổi, công trình thủy, các tài sản và cơ sở khác trên biển, trên sông và trên đất liền. Đo, gửi thông tin và điều khiển từ xa, phát hiện cá từ xa và các trạm radar.</li> <li>- Đại lý cung cấp các dịch vụ nội dung số: Cung cấp nội dung, dịch vụ tư vấn y tế qua điện thoại và mạng internet.</li> </ul> <p><i>(Trừ dịch vụ bưu chính công ích và việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i></p>	6190

20.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ đăng ký tên miền (Domain) lưu trữ Web (hosting)	6311
21.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Thiết kế công nghệ môi trường; - Tư vấn, chuyển giao công nghệ, lắp đặt, thẩm định, giám sát các công trình công nghệ môi trường, tự động hóa công nghiệp, công nghệ sinh học (không bao gồm thiết kế công trình); - Chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao; - Dịch vụ chuyển giao công nghệ; - Tư vấn về nông học.	7490
22.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di chúc <i>(Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)</i>	6810
23.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính: Chi tiết: - Dịch vụ trò chơi trực tuyến; - Dịch vụ trò chơi điện tử liên mạng.	6209
24.	Lắp đặt hệ thống điện: Chi tiết: Xây lắp hệ thống chiếu sáng bao gồm: chiếu sáng nội ngoại nội thất và đèn điều khiển tín hiệu giao thông cả đường dây trạm điện dưới 35KV	4321
25.	Quảng cáo Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo <i>(trừ quảng cáo thuốc lá)</i>	7310
26.	Vận tải hành khách đường bộ khác: Chi tiết: Vận tải hành khách bằng ô tô;	4932
27.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô	4933
28.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp: Thiết kế công trình công đường thủy; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng hạng 2 gồm: - Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; - Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư định mức xây dựng giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; - Đo bóc khối lượng; - Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; - Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; - Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; - Lập thẩm tra hồ sơ thầu toán, quyết toán vốn	7110



	<p>đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa trong công trình xây dựng; Thiết kế hệ thống Lện công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp thoát nước môi trường nước công trình xây dựng; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 220KV, công trình điện dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình điện nhỏ, công nghệ thông tin; Thiết kế cơ khí; Thiết kế công trình giao thông cầu-đường bộ; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế điện tử - viễn thông</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông;</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. (Khoản 9 Điều 1 ND số 100/2018/ND-CP ngày 16/07/2018)</li> </ul> </li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (Khoản 8 Điều 1 ND số 100/2018/ND-CP ngày 16/07/2018)</li> </ul>	
29.	<p>Giác dục khác chưa được phân vào đâu:</p> <p>Chi tiết: Đào tạo công nghệ thông tin viễn thông</p>	8559
30.	<p>Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (<i>Trừ sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay hoặc các phương tiện, thiết bị vận tải khác</i>)</p>	3313
31.	<p>Hoạt động viễn thông vệ tinh</p> <p>Chi tiết: Hoạt động vận hành, duy trì hoặc cung cấp việc tiếp cận các phương tiện truyền giọng nói, dữ liệu, kỹ thuật, âm thanh, hình ảnh, sử dụng hạ tầng viễn thông vệ tinh</p>	6130
32.	<p>Công thông tin:</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết lập trang thông tin tổng hợp;</li> <li>- Dịch vụ mạng xã hội;</li> <li>- Hoạt động thương mại điện tử: Website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử gồm: Sàn giao dịch thương mại điện tử; Website khuyến mại trực tuyến</li> </ul> <p>(<i>Trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức</i>).</p>	6312
33.	<p>Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu:</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng (trừ những thông tin Nhà nước cấm);</li> <li>- Dịch vụ thông tin giá trị với phát thanh, truyền hình, báo chí</li> <li>- Dịch vụ kết nối vận tải.</li> </ul> <p>(<i>Trừ dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng; Trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức</i>)</p>	6399

34.	<p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết: Xây dựng mới, trung tu, đại tu và sửa chữa, duy tu, duy trì các công trình giao thông; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hư: điện và các công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng công trình viễn thông</p> <p><i>(Trừ Xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)</i></p>	4299
35.	<p>Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên.</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học;</li> <li>- Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường</li> <li>- Các dịch vụ khoa học kỹ thuật;</li> <li>- Hoạt động nghiên cứu, phát triển chuyển giao ứng dụng công nghệ cao.</li> </ul> <p><i>(Trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thẩm định, đánh giá)</i></p>	7211
36.	<p>Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược</p>	7213
37.	<p>Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu</p>	8699
38.	<p>Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa: Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng khám tư vấn sức khỏe hoặc phòng tư vấn sức khỏe qua các phương tiện công nghệ thông tin, viễn thông;</li> <li>- Phòng khám nội tổng hợp;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa thuộc hệ nội: Tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, nhi và chuyển khoa khác thuộc hệ nội;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa ngoại;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa phụ sản;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa nam học;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa răng - hàm - mặt;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa tai - mũi - họng;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa mắt;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa thần kinh;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa phục hồi chức năng;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa tâm thần;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa ung bướu;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa da liễu;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa dinh dưỡng;</li> <li>- Phòng chẩn trị y học cổ truyền.</li> </ul>	8620

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phòng xét nghiệm.</li> <li>- Phòng khám chẩn đoán hình ảnh, Phòng X-Quang.</li> <li>- Phòng khám, tư vấn và điều trị dự phòng</li> <li>- Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp.</li> <li>- Cơ sở dịch vụ y tế bao gồm: Cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đấm chạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp; Cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà, Cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh trong nước và ra nước ngoài; Cơ sở dịch vụ kính thuốc; Cơ sở dịch vụ thẩm mỹ; Cơ sở dịch vụ xoa bóp;</li> </ul>	
39.	<p>Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế. Chi tiết:</p> <p>Hoạt động của các bệnh viện</p>	8610
40.	<p>Xây dựng công trình điện</p> <p>Nhóm này gồm:</p> <p>Xây dựng mạng lưới đường dây truyền tải, phân phối điện và các công trình, cấu trúc có liên quan như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường dây, mạng lưới truyền tải điện với khoảng cách dài.</li> <li>+ Đường dây, mạng lưới truyền tải điện, đường cấp điện ngầm và các công trình phụ trợ ở thành phố.</li> <li>+ Trạm biến áp.</li> </ul> <p><i>(Trình Xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)</i></p>	4221
41.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
42.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
43.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
44.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
45.	<p>Xây dựng công trình thủy</p> <p><i>(Trình Xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)</i></p>	4291
46.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
47.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
48.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
49.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
50.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
51.	Xây dựng nhà ở	4101

52.	Xây dựng nhà không để ô	4102
53.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
54.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Chi tiết: Bán buôn thiết bị sản xuất năng lượng được khai thác từ năng lượng sạch (gió, mặt trời, địa nhiệt, nước, sinh khối...) và các nguồn năng lượng tái tạo khác - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng vật tư sử dụng cho sản xuất nông nghiệp <i>(Trừ hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia và việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4659
55.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Bán buôn máy móc thiết bị và các sản phẩm đo lường, thí nghiệm, tự động hóa, xử lý môi trường; - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất Nhà nước cấm). - Mua bán các chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế. - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (Trừ kim loại quý) <i>(Trừ hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia và việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4669
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	8299
57.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có</i>	4651



	<i>vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	
58.	Bán buôn máy nước, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
59.	Đại lý, môi giới, đấu giá: Chi tiết: Đại lý mua bán sản phẩm chuyên ngành giao thông - xây dựng; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa <i>(Trừ hoạt động đấu giá và việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4610
60.	Cho thuê máy nước, thiết bị và đồ dùng hình ảnh khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Dịch vụ cho thuê máy nước thiết bị điện, điện tử, viễn thông, thiết bị khoa học;	7730
61.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm) <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4620
62.	Bán buôn thực phẩm <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4632
63.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4721
64.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4722
65.	Bán buôn, đồ dùng khác cho gia đình: Chi tiết: - Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: Máy đo huyết áp, máy đo nhiệt độ... - Bán buôn khẩu trang y tế;	4649

	<p>· Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;</p> <p><i>(Trừ hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia và việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i></p>	
66.	<p>Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: Máy đo huyết áp, máy đo nhiệt độ...</li> <li>- Bán lẻ khẩu trang y tế</li> <li>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh</li> </ul> <p>Điều 1, Khoản 2 Điều 32 Luật được số 103/2016/QH13 ngày 06/04/2016</p> <p><i>(Trừ hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia và việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i></p>	4772
67.	<p>Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua hình thức điện thoại hoặc internet <i>(trừ hoạt động đấu giá và việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i></p>	4791
68.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
69.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
70.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
71.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
72.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;	0163
73.	<p>Xử lý hạt giống để nhân giống. Chi tiết:</p> <p>Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng</p> <p><i>(Trừ nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật mới mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, đánh giá)</i></p>	0164
74.	<p>Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp</p> <p>Chi tiết: Đầu tư phát triển chăn nuôi, trồng trọt và khu du lịch sinh thái;</p>	0150
75.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132

	<i>(Trừ nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, đánh giá)</i>	
76.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
77.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, tư vấn thuế, tư vấn kiểm toán, tư vấn kế toán, tư vấn chứng khoán) (Chương III Luật đầu tư số: 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014)	6619
78.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết Bán buôn sắt, thép Bán buôn kim loại (trừ kim loại quý) <i>(Trừ hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia và việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4662
79.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện ứng dụng điện tử khác; Sản xuất thiết bị linh kiện điện tử và cụm lắp ráp được sử dụng thiết bị truyền thông.	3290
80.	Lập trình máy vi tính	6201

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là mang lại lợi nhuận cao nhất cho các Cổ đông, huy động, phát triển nguồn vốn; sử dụng vốn có hiệu quả nhất trong sản xuất kinh doanh, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia [Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan].

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ, việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào từng thời điểm, sau khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và công bố theo quy định của pháp luật sẽ được tự động cập nhật trong Điều lệ này mà không cần thông qua sửa đổi Điều lệ.

2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành các cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần chuyển nhượng có điều kiện. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần, và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với các điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

8. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ số tiền để nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác,
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật, và dấu của Công ty.

#### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu mua hết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.



## V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

### Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

## VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc một hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 126, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty trong Công ty;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp ;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

## **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Cổ đông có thể tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết theo một trong các hình thức sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều lệ này hoặc các quy định, quy chế nội bộ của Công ty trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật.

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã cam kết mua.

4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích



liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

(Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác)

### **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 06 (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến. Cổ đông có thể đăng ký tham dự đại hội và thực hiện quyền biểu quyết của mình đối với các vấn đề tại cuộc họp thông qua mạng một cách thuận tiện và hiệu quả. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền của Hội đồng quản trị lựa chọn hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và/hoặc hội nghị trực tuyến phù hợp với quy định của Pháp luật và điều kiện thực tế của Công ty theo từng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xem thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

#### 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.



2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
  - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
  - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - i. Quyết định: ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
  - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
  - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất của Công ty;
  - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
  - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 16. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nên trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19, 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc đã đăng ký của cổ đông hoặc địa chỉ do cổ đông cung cấp, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trừ lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.



3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

#### **Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự như sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để chờ cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Từ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành cả Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thứ tự giải quyết từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.



5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của chương nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. ĐHBKD ủy quyền cho HĐQT quyết định hình thức bỏ phiếu hằng năm và xây dựng, ban hành quy chế bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác tuân theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số

cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người đứng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

#### **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bất cứ khi nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và việc gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời của cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thực hiện thông qua hình thức gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp các hình thức này theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu gửi trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử hoặc các phương thức điện tử khác hoặc phương thức kết hợp khác, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, các phương

thức điện tử hoặc phương thức kết hợp khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu, và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.



h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đang ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên tài trang chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);

e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f. Các thông tin khác (nếu có).



g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mở ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

### **Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 07 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 01 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Mọi cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty

### **Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- h. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h. Thống qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
  - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
  - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
  - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
  - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
  - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết; thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thủ lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nắm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền cố định trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị:**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều



hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đều các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua bộ, nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Theo quy định trong Điều lệ này.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.



12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về công tác phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định tối thiểu ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

### **Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thủ quỹ công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Báo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 33. Người điều hành Công ty**

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tự hợp làm thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

## IX. BAN KIỂM SOÁT

### Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát không qua để cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Các trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

### Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, hai miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tình tuân thủ pháp luật trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác;
4. Đảm bảo sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

### **Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.



2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại Hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

### **Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được như chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 30% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

#### **Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền để hoặc đang làm theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm chứng trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

### **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

#### **Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số hiện bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải công bố của Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi; bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

### **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

#### **Điều 44. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

### **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 45. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 46. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 47. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

#### **Điều 48. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.



2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

### **Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính bán niên phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **Điều 50. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 51. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **XVII. CON DẤU**

### **Điều 52. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.



## **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 53. Giải thể công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
  - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 54. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 ngày trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

### **Điều 55. Thanh lý**

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - c. Nợ thuế;
  - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
  - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan có gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trọng tài kinh tế chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật kể đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 58. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom nhất trí thông qua ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại thành phố Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
*Phan Chiến Thắng*

**PHỤ LỤC 01**  
**CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP**  
**ĐẾN THỜI ĐIỂM 04/05/2024**

**1. Chi tiết vốn Điều lệ của Công ty**

STT	Thời gian	Vốn điều lệ (đồng)	Ghi chú
1	2003	13.000.000.000	Thành lập mới
2	2007	97.500.000.000	Phát hành thêm cổ phần
3	2009	122.700.000.000	Phát hành thêm cổ phần
4	2010	221.259.090.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
5	2010	293.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cho cấu bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động
6	2012	366.349.090.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2010
7	2013	373.399.090.000	Phát hành cổ phiếu cho cấu bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động
8	2014	379.399.090.000	Phát hành cổ phiếu cho cấu bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động
9	2015	409.719.980.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
10	2016	415.719.980.000	Phát hành cổ phiếu cho cấu bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động
11	2016	473.719.980.000	Phát hành cổ phiếu cho cấu bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động
12	2016	465.973.750.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
13	2017	475.973.750.000	Phát hành cổ phiếu cho cấu bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động
14	2017	509.252.430.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
15	2022	587.788.430.000	Phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
16	2023	822.900.770.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
17	2024	832.900.770.000	Phát hành cổ phiếu cho cấu bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động



Z. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông sáng lập tại thời điểm 04/05/2024

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tổng giá trị (Đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Phan Chiến Thắng	Căn hộ số 1906, tòa P02, Khu đô thị Nam Thăng Long, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	6.585.917	65.869.170.000	7,91%
2	Trần Hùng Giang	SN67, Cùn Bắc, Phường Quán Thánh, Q. Ba Đình, Hà Nội	4.811.380	48.113.800.000	5,78%
3	Ngô Ngọc Hà	P116, Nhà A11, Khu tập thể Khương Thượng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội	3.915.726	39.157.260.000	4,70%
4	Nguyễn Đức Thiệp	Số 56B, tổ 23, cụm 4, phường Yên Phụ, Q. Tây Hồ, Hà Nội	1.606.068	16.060.680.000	1,93%
5	Nguyễn Mạnh Hải	P101, nhà E2, Khu tập thể Bách Khoa, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	4.741.557	47.415.570.000	5,69%

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phan Chiến Thắng



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG EI.COM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 4
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	5 - 6
<b>Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11-12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	13 - 53

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo số 0101435127 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được đăng ký thay đổi lần thứ 28 vào ngày 01 tháng 12 năm 2022

Vốn điều lệ của công ty là: 587.788.430.000 VND (Năm trăm tám mươi bảy tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.) tương đương 58.778.843 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ phiếu của công ty có mã giao dịch là ELC và được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE).

Tại sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau :

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHIÓA SỔ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 09/05/2022
Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 09/05/2022
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Bà Hoàng Thị Phương Thủy	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022

Các thành viên của Ban Điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng

## KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## CÔNG ĐỒ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn,



- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm mong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

**T.M. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Phạm Minh Thắng**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**  
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số: 129/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM

Kính gửi:

Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro cơ sở sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

## **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

*Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023*

### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

**Giám đốc**



**Lê Phương Anh**

*Số Giấy CN ĐKKN Kiểm toán  
số 0719-2023-133-1*

**Kiểm toán viên**

**Phùng Văn Lữ**

*Số Giấy CN ĐKKN Kiểm toán  
số 4075-2022-133-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết t minh	Số cuối năm	Đơn vị tính VND Số đầu năm
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>784.963.354.045</b>	<b>786.337.403.323</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>59.547.830.416</b>	<b>139.635.157.686</b>
111	1 Tiền		21.047.830.416	106.635.157.686
112	2 Các khoản tương đương tiền		38.500.000.000	33.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4.a</b>	<b>83.000.000.000</b>	<b>26.545.487.699</b>
122	1 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		83.000.000.000	26.545.487.699
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>527.583.873.721</b>	<b>530.143.722.239</b>
131	1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.a	432.944.748.219	416.843.446.365
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.a	88.977.222.024	116.870.431.756
133	3 Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.a	-	2.900.000.000
136	6 Phải thu ngắn hạn khác	8.a	46.883.355.089	28.196.267.275
137	7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	9	(41.221.451.611)	(34.666.423.157)
139	8 Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>113.631.223.080</b>	<b>59.006.286.451</b>
141	1 Hàng tồn kho		113.631.223.080	59.006.286.451
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.200.426.828</b>	<b>1.006.749.248</b>
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn	15.a	430.373.424	243.462.336
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		770.053.404	763.286.912



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Tiếp theo)


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>322.966.499.667</b>	<b>300.301.102.683</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>6.000.000.000</b>	<b>-</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
215	3. Phải thu về cho vay dài hạn	7.b	6.000.000.000	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>12.729.481.748</b>	<b>7.763.702.970</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	12.110.819.718	7.598.798.123
222	- Nguyên giá		99.766.056.148	91.863.275.636
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(87.655.236.400)	(84.264.477.513)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	618.662.000	164.904.847
228	- Nguyên giá		10.004.499.881	9.344.499.881
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(9.385.837.881)	(9.179.595.034)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>5.568.361.635</b>	<b>8.038.288.648</b>
231	- Nguyên giá		6.744.124.331	10.190.534.149
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.175.762.696)	(2.152.245.501)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>246.601.885</b>	<b>246.601.885</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		246.601.885	246.601.885
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4.b</b>	<b>293.504.409.743</b>	<b>281.801.189.612</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		76.133.425.000	62.433.425.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		118.009.603.966	122.252.734.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		122.967.748.457	122.967.748.457
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(23.606.367.680)	(25.852.767.845)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.917.644.656</b>	<b>2.451.319.568</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15.b	4.917.644.656	2.451.319.568
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.107.929.853.712</b>	<b>1.086.638.506.006</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
 (Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết t minh	Số cuối năm	Đơn vị tính VND Số đầu năm
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>236.191.723.174</b>	<b>237.215.002.967</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>227.148.938.451</b>	<b>228.241.341.234</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.a	149.536.404.601	129.226.277.650
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	12.450.826.255	46.136.115.380
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	4.204.928.987	3.457.822.589
314	4. Phải trả người lao động		4.673.928.472	7.485.693.998
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	3.861.537.484	10.308.389.267
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	1.287.321.440	1.275.311.061
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21.a	12.258.599.777	12.589.825.163
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	30.899.200.000	6.328.000.000
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23.a	2.639.081.476	7.496.580.156
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.337.109.959	3.937.325.770
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>9.042.784.723</b>	<b>8.973.661.733</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	21.b	2.591.698.900	2.591.698.900
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	23.b	6.451.085.823	6.381.962.833
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>871.738.130.538</b>	<b>849.423.503.039</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24</b>	<b>871.738.130.538</b>	<b>849.423.503.039</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		587.788.430.000	509.282.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		587.788.430.000	509.282.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		85.409.782.716	85.677.010.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		-	(1.349.334.820)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		41.410.255.576	41.410.255.576
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		151.929.661.246	208.203.142.283
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		129.413.672.283	181.833.066.150
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		22.515.988.963	26.370.076.133
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.107.929.853.712</b>	<b>1.086.638.506.006</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Kế toán trưởng

Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thắng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG**  
Năm 2022

Mã số	CHI TIẾT	Mã số	Thuyết t minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	805.547.017.614	629.418.861.186
02	2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		805.547.017.614	629.418.861.186
11	4. Giá vốn hàng bán	11	27	696.081.839.682	515.749.415.249
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		109.465.177.932	113.669.445.937
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	24.144.305.343	10.484.097.704
22	7. Chi phí tài chính	22	29	(222.983.835)	1.507.736.118
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.091.951.300	4.032.298.214
24	8. Chi phí bán hàng	24	30	42.870.795.712	38.340.457.807
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	31	59.726.936.691	47.657.331.157
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		31.234.734.707	36.648.019.559
31	11. Thu nhập khác	31	32	670.770.624	1.211.431.379
32	12. Chi phí khác	32	33	1.265.413.299	3.160.359.935
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(594.642.675)	(1.948.928.556)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		30.640.092.032	34.699.091.003
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	8.124.103.069	8.329.014.870
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		22.515.988.963	26.370.076.133

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

  
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

  
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Thắng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Phương pháp gián tiếp  
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>30.640.092.032</b>	<b>34.699.091.003</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>(8.348.731.122)</b>	<b>11.960.772.757</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định	3.597.001.734	6.666.054.934
03	- Các khoản dự phòng	(479.747.601)	2.275.947.459
04	Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	327.413.512	480.840.126
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(10.475.350.670)	(1.494.376.976)
06	- Chi phí lãi vay	1.081.951.303	4.032.298.214
07	- Các khoản điều chỉnh khác	(2.400.000.000)	-
08	<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>22.291.360.910</b>	<b>46.659.863.760</b>
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(15.786.764.228)	120.471.405.947
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(28.630.333.145)	94.809.808.790
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(67.063.989.932)	(345.732.584.795)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(2.653.236.176)	(57.024.772)
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	-	67.295.740
14	- Tiền lãi vay đã trả	(694.837.969)	(3.647.344.880)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(7.856.435.477)	(12.535.530.992)
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.000.215.811)	(464.712.292)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(101.394.451.828)</b>	<b>(100.428.823.494)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH	(4.205.029.091)	(4.010.624.545)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH	2.435.140.238	19.045.909.093
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	(8.900.000.000)	(14.579.487.699)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	3.900.000.000	20.750.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(13.700.000.000)	(13.861.044.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.372.147.500	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4.540.513.969	5.264.150.006
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(5.557.227.384)</b>	<b>12.817.902.853</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Tiếp theo)  
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VNĐ	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của	2.432.938.536	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	44.450.073.158	215.006.447.136
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(19.878.873.358)	(255.240.357.131)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(142.159.140)	(30.324.000.210)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>26.861.979.396</b>	<b>(70.557.910.205)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(80.089.699.816)</b>	<b>(158.168.830.846)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>139.635.157.686</b>	<b>298.810.864.818</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	2.372.546	(1.006.876.286)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>59.547.830.416</b>	<b>139.635.157.686</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thắng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính riêng)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo số 0101435127 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do số Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được đăng ký thay đổi lần thứ 28 vào ngày 01 tháng 12 năm 2022.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION

Tên Công ty viết tắt: ELCOM CORP.

Vốn điều lệ của công ty là: 587.788.430.000 VND (Năm trăm tám mươi bảy tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn...) tương đương 58.778.843 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ phiếu của công ty có mã giao dịch là ELC và được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau :

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**Cơ cấu tổ chức :**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau :

SIT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động tài chính trong năm
1	Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Sản xuất phần mềm xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao
2	Công ty Cổ phần Elcom plus	92,86%	92,86%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng.
3	Công Ty TNHH VTS Hải Phòng	65%	65%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) vùng Hải Phòng theo lĩnh vực BT.
4	Công ty CP FJ.COMPRIME	70%	70%	Tầng 6, tòa nhà Faurexco, 231 - 233 Lê Thánh Tông P. Bến Nghé, Q1. TP. HCM	Xuất bản phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử.
5	Công ty CP Đầu tư Smartek (là công ty con của Công ty Cổ phần Elcom plus)	74,44%	74,44%	Tầng 04, TT Ươm tạo & Đào tạo Công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, Xã Thạch Hòa, Huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội.	Xuất bản phần mềm
6	Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	68,68%	68,68%	Tầng 6, số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.	Sản xuất kinh doanh linh kiện điện tử phần mềm, Bất động sản

Số các: bộ công nhân viên : 241 người

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại.

**Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, đẩy chuyển công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông,
- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



#### 2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn;
- Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chi nhánh ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

#### 2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay, ... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.  
Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm đủ dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản vô định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện, vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm
- TSCĐ vô hình	05 năm

## 2.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư không còn được trích bày trên Báo cáo tài chính riêng sau khi đã bán, hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và kết quả không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trung kỳ tài chính.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp có từ số hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho thuê khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.



## 2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc (thiết bị) và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

## 2.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp thuận tiện, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (HCC) được kê toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (HCC) được ghi nhận là nợ phải trả. Trong quá trình thực hiện hoạt động HCC, tùy theo từng trường hợp kê toán tiếp tục được hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

### a. Đối với HCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào HCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo đối như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh; Bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn và sự chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản được chia sẻ với chi phí đầu tư xây dựng đã bỏ ra được ghi nhận là thu nhập khác (nếu lãi) hoặc chi phí khác (nếu lỗ).

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, HCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh (theo thỏa thuận trong hợp đồng).



#### ***d. Đối với BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

#### **2.13. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **2.14. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### **2.15. Vay và nợ phải trả thuế tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuế tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán trên thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Trường hợp vay, nợ hàng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **2.16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **2.17. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong

thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.18. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được hù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo lãnh công trình được trích lập từ 3% đến 5% giá trị công trình dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lên hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về hặc hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính

### 2.19. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu trong ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng triền thồng...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

Doanh thu chưa thực hiện đối với hoạt động bán hàng cho khách hàng thân thiết (VIP/truyền thông...) là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ mà Công ty sẽ cung cấp miễn phí (hoặc số tiền phải chiết khấu, giảm giá) cho người mua khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình khách hàng thân thiết (VIP/truyền thông...)

## 2.20. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (ãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tính hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.21. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



## 2.22. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.23. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chi yếu nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trung năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với ước lợi nhuận sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.



## 2.25. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	415.743.479	416.511.472
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.652.086.937	136.218.646.214
Các khoản tương đương tiền	38.500.000.000	32.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 1-3 tháng</i>	<i>38.500.000.000</i>	<i>33.000.000.000</i>
	<b>59.547.830.416</b>	<b>139.635.157.686</b>

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn. (*)				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	32.000.000.000	-	7.893.706.170	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	5.000.000.000	-	8.821.424.658	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đồng Đô	-	-	4.830.356.871	-
Ngân hàng TMCP TMCP Quân đội-CN Thăng Long	46.000.000.000	-	5.000.000.000	-
	<b>83.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>26.545.487.699</b>	<b>-</b>

(\*) Bao gồm khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 1 tháng đến 12 tháng với lãi suất 6,4%/năm đến 9%/năm.

	SL cổ phần	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>			
- Công ty TNHH GP phần mềm ELCOM	3.000.000	33.000.000.000	(16.950.033.077)
- Công ty TNHH VTS Hải Phòng	1.205.230	12.052.300.000	-
- Công ty CP ELCOMPLUS	1.395.000	13.681.125.000	-
- Công ty CP ELCOMPRIME	700.000	7.000.000.000	-
- Công ty CP Tập Đoàn Thương mại Hà Nội	1.340.000	13.400.000.000	-
		<b>76.133.425.000</b>	<b>(16.950.033.077)</b>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>			
- Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	626.074	17.360.740.000	(419.269.342)
- Công ty CP Máy tính và truyền thông Việt Nam	2.124.100	91.031.000.000	-
- Công ty CP Công nghệ VFT	2.474.758	9.617.863.966	-
		<b>118.009.603.966</b>	<b>(419.269.342)</b>

12.052.300.000	12.052.300.000	-	12.052.300.000
13.381.125.000	13.381.125.000	-	13.381.125.000
7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000
13.400.000.000	-	-	.
<u>59.183.391.923</u>	<u>62.433.425.000</u>	<u>(17.060.513.523)</u>	<u>45.372.911.477</u>
16.941.470.658	17.360.740.000	(419.276.373)	16.941.463.637
91.031.000.000	91.031.000.000	-	91.031.000.000
9.617.863.966	13.861.044.000	(1.358.443.752)	12.502.600.248
<u>117.590.334.624</u>	<u>122.252.784.000</u>	<u>(1.777.720.125)</u>	<u>120.475.063.875</u>



	SL cổ phần	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND
<b><i>Đầu tư cổ phiếu</i></b>		78.933.482.500	(6.237.065.261)
- Công ty CP Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	(1.942.085.985)
- Công ty CP Trung Văn	371.699	26.985.200.000	(912.247.568)
- Công ty CP Antana Holdings	1.473.493	14.734.943.000	(3.022.731.708)
- Công ty CP Tư vấn Hạ tầng Việt thông	840.000	6.000.000.000	-
- Công ty CP GP CN Truyền thông đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	(360.000.000)
- Công ty CP Tư lịch Viễn thông Petrolimex	19.095	115.000.000	-
<b><i>Đầu tư dài hạn khác</i></b>		44.034.265.957	-
- Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh (*)		37.771.500.000	-
- Dự án Thanh Trì - Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì		5.862.765.957	-
- Dự án quản lý xe buýt - Công ty CP Transmedia		400.000.000	-
		<b>122.967.748.457</b>	<b>(6.237.065.261)</b>

26.072.952.432	26.985.200.000	(912.247.568)	26.072.952.432
11.712.201.297	14.734.933.000	(3.800.200.644)	10.934.732.556
6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000
2.148.349.500	2.148.349.500	-	2.148.349.500
-	360.000.000	(360.000.000)	-
115.000.000	115.000.000	-	115.000.000
44.034.265.957	44.034.265.957	-	44.034.265.957
37.771.500.000	37.771.500.000	-	37.771.500.000
5.862.765.957	5.862.765.957	-	5.862.765.957
400.000.000	400.000.000	-	400.000.000
<u>116.730.683.196</u>	<u>122.967.748.457</u>	<u>(7.014.534.197)</u>	<u>115.953.214.260</u>

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp)

(\*) Đây là khoản góp vốn để thực hiện dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/MH/HTĐT/ELC TLX ký với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính
- Công ty TNHH GP phần mềm EL.COM	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.
Công ty TNHH VTS Hải Phong	Tầng 11, Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	65,00%	65,00%	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo tính thức BT
- Công ty CP ELCOMPLUS	Tầng 5, tòa nhà Elcom ngõ 15 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	92,86%	92,86%	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng
- Công ty CP ELCOMPRIME	Tầng 6, Tòa nhà Finatexco, 231-233 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	70,00%	70,00%	Xuất bản phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử
- Công ty CP Đầu tư Smartek (là công ty con của Công ty Cổ phần Elcom plus)	Tầng 04, TT Ươm tạo & Đào tạo Công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	74,44%	74,44%	Xuất bản phần mềm
- Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	Tầng 6, số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.	68,68%	68,68%	Sản xuất kinh doanh linh kiện điện tử phần mềm, Bất động sản

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền hiệu quyết	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính
- Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, Phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn	42,97%	12,97%	Khai thác quặng kim loại
- Công ty CP Máy tính và truyền thông Việt Nam	Số 18 Nguyễn Cải Thanh, Phường Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	35,40%	35,40%	Sản xuất kinh doanh phần mềm máy tính, dịch vụ cho thuê văn phòng
- Công ty CP Công nghệ VFT	Đường 72, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	34,00%	34,00%	Sản xuất bán các hệ thống viễn thông và phát triển phần mềm.



**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	58.132.715.176	53.663.715.176
TĐ Viễn thông Q&V/Vietel	24.176.690.222	25.386.789.103
TCT HT mạng/VNPT NET	15.534.200.000	15.534.200.000
Công ty CP N.D.C	80.727.070.580	45.150.590.644
Công ty viễn thông Mobifone	2.501.448.428	22.303.948.671
Công ty CP Tập Đoàn Thương mại Hà Nội	38.069.926.187	42.000.000.000
Các đối tượng khác	213.803.697.526	212.804.202.771
	<b>432.944.748.219</b>	<b>416.843.446.365</b>

**b. Phải thu các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty CP Atami Holdings	Cùng thành viên HĐQT	2.100.437.591	6.300.477.591
Công ty CP CN Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	597.770.779	597.770.779
Công ty CP Đầu tư Sinartek	Công ty con của Công ty CP Ecom Plus	-	499.109.028
Công ty CP Tập đoàn TM Hà Nội	Công ty con từ ngày 01/04/2022	38.069.926.187	42.000.000.000
Công ty CP ELCOM PLUS	Công ty con	2.805.744.181	-
		<b>43.573.878.738</b>	<b>49.397.317.398</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
TWS International trading PTE. LTD	-	26.739.516.000
Công ty CP DV kỹ thuật DELTA TECH	2.840.872.250	2.840.872.250
Công ty CP IUNI	5.208.729.346	-
Các đối tượng khác	80.927.620.428	87.320.043.506
	<b>89.977.221.024</b>	<b>116.870.431.756</b>

**b. Trả trước cho các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Trần Hùng Giang (*)	Thành viên HĐQT	4.030.000.000	4.030.000.000
Nguyễn Thị Lê Thủy (*)	Vợ ông Phan Chiến Thắng - Chủ tịch HĐQT	5.980.000.000	5.980.000.000
Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên HĐQT	2.990.000.000	2.990.000.000
Công ty CP Ecomprime	Công ty con	-	359.538.000
		<b>13.000.000.000</b>	<b>13.359.538.000</b>

(\*) Đây là khoản tạm ứng trên biên hạn góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012, được gia hạn đến 31/12/2022 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng toà nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị, xét hợp nhà ở để bán lại tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diêm, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội.

## 7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

### a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các đối tượng khác	-	-	2.390.000.000	-
	-	-	2.900.000.000	-

### b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Tàu Phái	6.000.000.000	-	-	-
	6.000.000.000	-	-	-

Hợp đồng vay có kỳ hạn 24 tháng, lãi suất 5,5%/năm.

## 8. PHẢI THU KHÁC

### a. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	-	-
Tạm ứng	6.343.616.138	-	2.267.140.823	-
Cầm chấ, thế chấp, ký quỹ, ký cược	26.703.501.006	-	4.059.832.495	-
Phải thu khác ngắn hạn khác (*)	13.836.237.895	(6.261.845.045)	21.869.293.957	(6.261.845.048)
	46.883.355.089	(6.261.845.048)	28.196.267.275	(6.261.845.048)

(\*) Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn khác:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu thưởng doanh số từ Converse Network Ltd	-	4.917.186.056
Phải thu tăng cho mượn thử nghiệm	222.299.764	1.587.300.482
Phối thu lãi cho vay Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279
Phải thu tiền cho vay Công ty CP Đầu tư Thương mại Bắc Hà	4.500.000.000	4.500.000.000
Phải thu lãi cho vay Nguyễn Phương Hải (CMT 011486928 ngày 11/03/2019)	1.005.750.000	1.005.750.000
Phải thu lãi cho vay Công ty CP CN vật liệu mới (ELCOM Industry)	1.716.209.769	1.716.209.769
Phải thu số tức từ Công ty CP Tr. vấn ĐT PT Hạ tầng Viễn thông	-	1.680.000.000
Phải thu khác từ các công ty và cá nhân khác	2.751.093.083	2.922.062.107
	13.836.237.895	21.869.293.957

### b. Số dư với các bên liên quan

		Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	3.539.885.279	3.539.885.279
		3.539.885.279	3.539.885.279

## 9. NỢ XÃI

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Hắc Kari	4.137.656.058	-	4.137.656.058	-
Công ty CP Công nghệ Vật liệu Mới	4.111.247.702	-	4.111.247.702	-
Tập đoàn Viễn thông Quân Đội (HĐ 02/2012: hệ thống thiết bị quản lý mạng thông PCRF)	17.846.327.583	-	17.846.327.583	-
TCT BT mạng/VNPT NET	13.534.200.000	10.873.940.000	13.534.200.000	10.873.940.000
Công ty CP Thủy sản N.G Việt Nam	12.943.377.077	5.260.843.526	12.943.377.077	11.815.871.980
Đối tượng khác	2.783.426.717	-	2.783.426.717	-
	<b>57.356.235.137</b>	<b>16.134.783.526</b>	<b>57.356.235.137</b>	<b>22.689.811.980</b>

## 10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	51.679.325.541	-	39.089.778.359	-
Thành phẩm	4.162.865.785	-	5.734.846.072	-
Hàng hoá	57.789.027.754	-	44.181.662.020	-
	<b>113.631.223.080</b>	<b>-</b>	<b>89.006.286.451</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho đang để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022: 0 VNĐ.

## 11. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án Từ Liêm (*)	246.601.885	246.601.885
	<b>246.601.885</b>	<b>246.601.885</b>

(\*) Đây là chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn: Kiêu Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ Khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	66.739.686.839	10.139.454.909	12.880.939.520	2.103.194.368	91.863.275.636
Số tăng trong năm	-	3.346.510.909	2.488.092.876	2.068.176.727	7.902.780.512
- Mua trong năm	-	3.346.510.909	2.488.092.876	2.068.176.727	7.902.780.512
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>66.739.686.839</b>	<b>13.485.965.818</b>	<b>15.369.032.396</b>	<b>4.171.371.095</b>	<b>99.766.056.148</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	66.659.483.041	5.477.251.044	10.307.573.717	1.820.169.711	84.264.477.513
Số tăng trong năm	62.870.454	1.097.674.770	1.569.941.714	660.271.949	3.390.758.887
- Khấu hao trong năm	62.870.454	1.097.674.770	1.569.941.714	660.271.949	3.390.758.887
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>66.722.353.495</b>	<b>6.574.925.814</b>	<b>11.877.515.431</b>	<b>2.480.441.660</b>	<b>87.655.236.400</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	80.203.798	4.662.203.865	2.573.365.803	283.024.657	7.598.798.123
<b>Số cuối năm</b>	<b>17.333.344</b>	<b>6.911.040.004</b>	<b>3.491.516.965</b>	<b>1.690.929.435</b>	<b>12.110.819.748</b>

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2022: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2022: 83.467.241.935 VND



### 13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phân mức	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số đầu năm	9.344.499.881	9.344.499.881
Số tăng trong năm	660.000.000	660.000.000
- <i>Mua trong năm</i>	660.000.000	660.000.000
Số giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.004.499.881</b>	<b>10.004.499.881</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số đầu năm	9.179.595.034	9.179.595.034
Số tăng trong năm	206.242.847	206.242.847
- <i>Khấu hao trong năm</i>	206.242.847	206.242.847
Số giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.385.837.881</b>	<b>9.385.837.881</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	164.904.847	164.904.847
Tại ngày cuối năm	618.662.000	618.662.000

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2022: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2022: 8.934.639.881 VND

#### 14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá

Khuôn mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số đầu năm	10.190.534.149	10.190.534.149
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	(3.446.409.818)	(3.446.409.818)
Số cuối năm	6.744.124.331	6.744.124.331
<b>GIÁ TRỊ HẠO MÓN LŨY KẾ</b>		
Số đầu năm	2.152.245.501	2.152.245.501
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	(976.482.805)	-
Số cuối năm	1.175.762.696	1.175.762.696
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	8.038.288.648	8.038.288.648
Tại ngày cuối kỳ	5.568.361.635	5.568.361.635

- Giá trị còn lại của BĐS đầu tư đang thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2022: 3.129.237.304 VND
- Nguyên giá BĐS đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nằm giữ chờ tăng giá: 0 VND

#### 15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho, chi phí khác	430.373.424	243.462.336
	<b>430.373.424</b>	<b>243.462.336</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều kỳ	2.713.850.726	1.358.443.434
- Chi phí dài hạn khác chờ phân bổ	2.203.793.930	1.092.876.134
	<b>4.917.644.656</b>	<b>2.451.319.568</b>

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	Số cuối năm		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	30.899.200.000	30.899.200.000	48.770.073.358	19.878.873.358	6.328.000.000	6.328.000.000
- Vay Ngân hàng	20.251.200.000	20.251.200.000	40.130.073.358	19.878.873.358	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long (VND) (1)	20.251.200.000	20.251.200.000	32.459.333.358	12.208.133.358	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN - CN Đa Định	-	-	7.670.740.000	7.670.740.000	-	-
- Công ty TNHH VTS Hải Phòng (2)	10.648.000.000	10.648.000.000	4.320.000.000	-	6.328.000.000	6.328.000.000
	<u>30.899.200.000</u>	<u>30.899.200.000</u>	<u>44.450.073.358</u>	<u>19.878.873.358</u>	<u>6.328.000.000</u>	<u>6.328.000.000</u>
Số dư các báo liên quan						
	Mối quan hệ	Số cuối năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND	
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con	10.648.000.000	4.320.000.000	-	6.328.000.000	

**Chi tiết các khoản vay của Công ty:**

**(1) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long theo Hợp đồng cấp tín dụng số 34953.22.054.27172.TD ký ngày 02/08/2022:**

- Tổng hạn mức tín dụng là 350 tỷ đồng, trong đó, giá trị hạn mức tín dụng khả dụng lần đầu là 175 tỷ đồng. Khách hàng được sử dụng tổng giá trị TMTD khi đã sử dụng hết giá trị hạn mức tín dụng khả dụng lần đầu, phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng.
- Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: Từ ngày ký Hợp đồng này đến 05/07/2023.
- Lãi suất: Theo từng văn bản nhận nợ của Khách hàng.  
Mục đích: Phục vụ hoạt động cung cấp thiết bị, phần mềm và các dịch vụ đi kèm trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao.
- Thời hạn cho vay: Tối đa 6 tháng đối với các phương án giải ngân không có đầu ra cụ thể và tối đa 9 tháng đối với các phương án có đầu ra cụ thể
- Tài sản đảm bảo: Tiền - Tiết kiệm/ Hợp đồng tiền gửi - Giấy tờ có giá, Bất động sản/ Phương tiện vận tải/ Hàng hóa/ Quyền đòi nợ theo quy định của MB tại từng thời kỳ; Sổ tiết kiệm/ Bất động sản/ Giấy tờ có giá thuộc quyền sở hữu của bên thứ 3.
- Số dư tại 31/12/2022: 20.251.200.000 VND.

**(2) Vay Công ty CP VTS Hải Phòng theo các hợp đồng sau:**

- Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/VTS-ELCOM ngày 04/07/2019, phụ lục số 01 ngày 05/07/2020
  - + Số tiền vay: 4.300.000.000 VND. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động
  - + Thời hạn vay: đến ngày 05/07/2022. Lãi suất cho vay: 6,0%/năm
  - + Số dư tại 31/12/2022 là: 4.300.000.000 VND.
- Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV/VTS-ELCOM ngày 19/08/2019, phụ lục số 01 ngày 19/08/2020
  - + Số tiền vay: 2.028.000.000 VND. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động
  - + Thời hạn vay: đến ngày 19/08/2022. Lãi suất cho vay: 6,0%/năm
  - + Số dư tại 31/12/2022 là: 2.028.000.000 VND.
- Hợp đồng vay vốn số 01/2022/HĐVV/VTS-ELCOM ngày 29/12/2022
  - + Số tiền vay: 4.320.000.000 VND. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động
  - + Thời hạn vay: 3 tháng (từ ngày 29/12/2022 đến ngày 31/03/2023). Lãi suất: 6%/năm
  - + Số dư tại ngày 31/12/2022: 4.320.000.000 VND



## 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

### a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ciena Communications	66.312.038.876	66.312.038.876	3.091.601.958	3.091.601.958
Converse Network Ltd	11.081.696.520	11.081.696.520	73.914.535.130	73.914.535.130
ISG Technology Pte Ltd	-	-	1.803.248.672	1.803.248.672
Công ty CP kỹ thuật Toán Cầu	-	-	13.081.452.010	13.081.452.010
Công ty CP Sản xuất & Thương mại An Phát Đạt	-	-	-	-
TWS International trading PTE LTD	23.746.394.000	23.746.394.000	-	-
Các đối tượng khác	38.396.275.205	38.396.275.205	37.335.439.880	37.335.439.880
	<b>149.536.404.601</b>	<b>149.536.404.601</b>	<b>129.226.277.650</b>	<b>129.226.277.650</b>

### b. Các hẽn liên quan

		Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	Công ty con	127.422.566	122.468.166
Công ty CP máy tính và truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết	422.273.333	422.273.333
		<b>549.695.899</b>	<b>544.741.499</b>

## 18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cục B05 - Bộ Công An	-	440.080.000
Cục C10 - Bộ Công An	-	8.427.378.500
Trung tâm tin học - Bộ KII và Đầu tư	8.758.209.000	34.779.835.000
Công ty CP MOPHA	2.320.725.000	2.320.725.000
Các đối tượng khác	1.371.901.255	168.696.880
	<b>12.450.826.255</b>	<b>46.136.115.380</b>

#### 19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.893.431.798	36.145.964.546	35.682.009.476	-	2.357.386.868
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	540.762.179	540.762.179	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.106.208.282	8.124.102.069	7.856.435.477	-	1.373.875.874
Thuế Thu nhập cá nhân	-	218.867.983	2.133.590.133	2.238.494.974	-	113.963.142
Các loại thuế khác	-	126.253.929	3.847.057.001	3.726.668.424	-	246.642.506
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	113.060.597	-	-	-	113.050.597
	-	<b>3.457.822.589</b>	<b>50.791.476.928</b>	<b>50.044.370.530</b>	-	<b>4.204.928.987</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thực hiện dự án	3.689.073.746	9.858.705.564
Chi trả phải trả khác	172.463.738	449.683.703
	<b>3.861.537.484</b>	<b>10.308.389.267</b>

## 21. PHẢI TRẢ KHÁC

### a. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	1.550.783.852	1.282.296.452
Phải trả cổ tức cho cổ đông	730.339.858	872.498.998
Phải trả hàng mang đi bảo hành	346.876.050	141.899.602
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	823.764.713	1.708.996.185
Phải trả lãi vay	1.408.699.002	1.021.585.668
Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	6.930.520.000	6.930.520.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	467.616.302	632.028.258
	<b>12.258.599.777</b>	<b>12.589.825.163</b>

(\*) Đây là khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty CP Công nghệ mạng Đồng Đô theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐ/ELCOM-DONGDO ngày 24/03/2021 với số tiền: 6.930.520.000 VND.

### b. Phải trả khác dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.591.698.900	2.591.698.900
	<b>2.591.698.900</b>	<b>2.591.698.900</b>

### c. Phải trả khác là các bên liên quan:

Mối quan hệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH VTS Hải Phòng - Công ty con	1.408.699.002	1.021.585.668
	<b>1.408.699.002</b>	<b>1.021.585.668</b>

**22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Cho thuê văn phòng	1.287.321.440	1.275.311.061
	<u>1.287.321.440</u>	<u>1.275.311.061</u>

**23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Dự phòng hao hụt sản phẩm hàng hóa	2.639.081.476	7.496.580.356
	<u>2.639.081.476</u>	<u>7.496.580.356</u>

**b. Dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	6.451.085.823	6.381.962.832
	<u>6.451.085.823</u>	<u>6.381.962.832</u>



## 24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	509.282.430.000	88.677.010.000	(3.349.334.820)	41.410.255.576	5.200.000.000	213.764.254.950	854.984.615.706
- Lãi (lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-	26.370.076.123	26.370.076.123
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	2.000.000.000	-	-	-	2.000.000.000
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(1.560.000.000)	(1.560.000.000)
- Chia cổ phiếu thưởng	-	(2.000.000.000)	-	-	-	-	(2.000.000.000)
- Chia cổ tức:	-	-	-	-	-	(30.371.188.800)	(30.371.188.800)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>509.282.430.000</b>	<b>86.677.010.000</b>	<b>(1.349.334.820)</b>	<b>41.410.255.576</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>208.203.142.283</b>	<b>849.423.503.039</b>
Số dư đầu năm nay	509.282.430.000	86.677.010.000	(1.349.334.820)	41.410.255.576	5.200.000.000	208.203.142.283	849.423.503.039
- Tăng vốn trong năm nay (1)	2.116.530.000	-	-	-	-	-	2.116.530.000
- Lãi (lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-	22.515.988.963	22.515.988.963
- Mua cổ phiếu quỹ chia thưởng CBNV (2)	-	(1.349.334.820)	1.349.334.820	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ (3)	-	-	-	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
- Chuyển lợi nhuận đánh vốn góp (1)	76.389.470.000	-	-	-	-	(76.389.470.000)	-
- Tăng khác	-	82.108.536	-	-	-	-	82.108.536
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>587.788.430.000</b>	<b>88.409.783.716</b>	<b>-</b>	<b>41.410.255.576</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>151.929.661.246</b>	<b>871.738.130.538</b>

(1) Theo Nghị quyết HĐQT số 01-H/2021/NĐ-HĐQT ngày 17/11/2021 của HĐQT Công ty CP Công nghệ - Viễn thông ELCOM, về việc thông qua đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.

(2) Theo Nghị quyết số 02-05/2021/NQ-HĐQT ngày 28/05/2021 của HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Công nghệ điện tử - Viễn thông, quyết định thông qua kế hoạch sử dụng cổ phiếu quỹ thưởng cho người lao động trong Công ty: 309.595 cổ phiếu, trong đó chia làm 2 đợt:

- Đợt 1: Số lượng cổ phiếu quỹ thưởng cho CBNV là 200.000 cổ phiếu, giá trị theo mệnh giá 2.000.000.000 VND. Ngày 07/09/2021, Công ty đã báo cáo UBCK Nhà nước về việc hoàn thành giao dịch đợt 1.

- Đợt 2: Số lượng cổ phiếu quỹ thưởng cho CBNV là 109.595 cổ phiếu, giá trị theo mệnh giá 1.095.950.000 VND, thời gian thực hiện sau đợt 1 và theo Quy định của pháp luật. Ngày 28/01/2022, Công ty đã gửi công bố thông tin giao dịch bán cổ phiếu quỹ tới UBCK Nhà nước, theo đó thời gian thực hiện chi trả đợt 2 dự kiến từ ngày 16/02/2022 đến ngày 15/03/2022. Đến ngày 30/06/2022, Công ty đã hoàn thành việc trả thưởng đợt 2.

(3) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo nghị quyết Đại hội cổ đông số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022.

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty TNHH Đầu tư DT&T	20.715.410.000	3,52%	31.055.140.000	6,10%
- Ông Phan Chiến Thắng	55.049.410.000	9,37%	44.341.060.000	8,71%
- Ông Trần Hùng Giang	34.567.010.000	5,85%	29.884.370.000	5,87%
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	34.126.410.000	5,80%	29.675.150.000	5,82%
- Các cổ đông khác	443.532.190.000	75,46%	374.326.710.000	73,50%
	<b>587.789.430.000</b>	<b>100%</b>	<b>509.282.430.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	509.282.430.000	509.282.430.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	78.506.000.000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	<b>587.788.430.000</b>	<b>509.282.430.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	58.778.843	50.928.243
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	58.778.843	50.928.243
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	58.778.843	50.928.243
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	109.595
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	109.595
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.778.843	50.818.648
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	58.778.843	50.818.648

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

**e. Cổ tức**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Cổ tức đã công bố	-	30.371.188.800
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (*)	-	30.371.188.800
- Cổ tức đã chi trả trong kỳ	142.159.140	30.324.000.210

**f. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	41.410.255.576	41.410.255.576
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.200.000.000	5.200.000.000

**25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngoại tệ các loại</b>		
Đồng đô la Mỹ (USD)	4.939,31	3.077.451,20
<b>b. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)</b>	<b>18.307.777.778</b>	<b>18.307.777.778</b>

**26. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	14.820.178.590	3.950.000.000
- Doanh thu bán hàng hàng hóa	717.747.229.451	540.196.157.053
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.979.609.573	85.272.704.133
	<b>805.547.017.614</b>	<b>629.418.861.186</b>

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn bán thành phẩm phần mềm	5.069.324.256	1.939.454.596
- Giá vốn bán hàng hóa	661.784.697.706	469.523.760.148
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	29.227.917.720	44.286.200.505
	<b>696.081.839.682</b>	<b>515.749.415.249</b>

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	4.308.192.604	2.049.545.973
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	38.190.000	1.718.190.000
- Lãi chứng khoán kinh doanh	-	305.956.260
- Lãi từ việc bán các khoản đầu tư	6.128.967.466	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.688.867.486	1.493.119.471
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	-	-
- Lãi từ hợp tác đầu tư	8.980.087.787	-
- Chiết khấu thanh toán được nhận	-	4.917.186.000
	<b>24.144.305.343</b>	<b>10.484.097.704</b>

### 29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền vay	1.081.951.363	4.032.298.214
- Chi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	614.051.515	1.418.082.200
- Chi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	327.413.512	480.849.126
- Dự phòng giảm giá đầu tư	(2.246.400.165)	(4.423.494.422)
	<b>(222.983.835)</b>	<b>1.507.735.118</b>

### 30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nhân công	27.875.696.881	21.211.530.808
- Chi phí khấu hao	1.465.241.870	1.182.755.207
- Chi phí dự phòng bảo lãnh	37.999.028	9.459.338.693
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.845.796.673	5.947.631.932
- Chi phí khác bằng tiền	646.061.260	539.201.167
	<b>42.870.795.712</b>	<b>38.340.457.807</b>

### 31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	1.892.106.867	1.521.279.020
- Chi phí nhân công	23.961.046.114	17.202.336.096
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.269.498.172	5.061.871.788
- Hoàn nhập/ Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.555.028.454	(4.603.028.277)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.403.738.114	5.878.633.212
- Chi phí khác bằng tiền	5.645.518.970	2.596.239.318
	<b>59.726.936.691</b>	<b>47.657.331.157</b>

### 32. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản	266.327.863	993.356.802
- Thu nhập khác	404.442.761	218.074.577
	<b>670.770.624</b>	<b>1.211.431.379</b>

### 33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	651.745.195	
- Chi phí khác	613.668.104	3.160.359.935
	<b>1.265.413.299</b>	<b>3.160.359.935</b>



#### 34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	30.640.092.032	34.699.091.003
Các khoản điều chỉnh tăng	10.155.549.661	8.557.916.451
- Chi phí khấu hao vượt định mức	189.383.894	337.281.683
- Chi phí không hợp lệ	9.966.165.767	6.877.876.162
- Lãi từ đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản phải thu, kỳ quỹ, tiền cuối kỳ theo TT 290/2014	-	1.142.958.606
Các khoản điều chỉnh giảm	(175.126.346)	(1.718.190.000)
- Thu nhập đã tính thuế từ các khoản đầu tư	(38.190.000)	(1.718.190.000)
- Lãi từ đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản phải thu, kỳ quỹ	(136.936.346)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	40.620.515.347	41.538.817.454
Thuế TNDN hiện hành hoạt động SXKD thông thường	8.124.103.069	8.307.763.491
Điều chỉnh tăng thuế phải nộp theo BB quyết toán thuế	-	21.251.379
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>8.124.103.069</b>	<b>8.329.014.870</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.106.208.282	5.312.724.404
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(7.856.435.477)	(12.533.530.992)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>1.373.875.874</b>	<b>1.106.208.282</b>

#### 35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC, hàng hóa	658.532.297.221	374.370.964.055
- Chi phí nhân công	56.601.234.648	58.413.866.904
- Chi phí khấu hao	3.597.001.734	6.666.054.934
- Chi phí dự phòng	6.593.027.482	4.856.310.416
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.071.772.175	52.128.109.342
- Chi phí khác hằng tiền	13.641.966.734	11.387.067.330
	<b>813.337.299.994</b>	<b>507.822.372.981</b>

### 36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.547.830.416	-	139.635.157.686	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	479.828.103.308	(41.221.451.611)	445.039.713.640	(34.666.423.157)
Các khoản cho vay	6.000.000.000	-	2.900.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	81.000.000.000	-	26.545.487.699	-
Đầu tư dài hạn	122.967.748.457	(6.237.065.261)	122.967.748.457	(7.014.534.197)
	<b>751.343.682.181</b>	<b>(47.458.516.872)</b>	<b>737.088.107.482</b>	<b>(41.680.957.354)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay và nợ			30.899.200.000	6.328.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác			164.386.703.278	144.407.801.713
Chi phí phải trả			3.861.537.484	10.308.389.267
			<b>199.147.440.762</b>	<b>161.044.190.980</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán có Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và quyết minh thống tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể về việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Quyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất

#### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn có tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.547.830.416	-	-	59.547.830.416
Phải thu khách hàng, phải trả khác	479.828.103.308	-	-	479.828.103.308
Các khoản cho vay	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	83.000.000.000	-	-	83.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	122.967.748.457	122.967.748.457
	<b>622.375.933.724</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>122.967.748.457</b>	<b>751.343.682.181</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	139.635.157.686	-	-	139.635.157.686
Phải thu khách hàng, phải trả khác	445.039.713.640	-	-	445.039.713.640
Các khoản cho vay	2.900.000.000	-	-	2.900.000.000
Đầu tư ngắn hạn	26.545.487.699	-	-	26.545.487.699
Đầu tư dài hạn	-	-	122.967.748.457	122.967.748.457
	<b>614.120.359.025</b>	-	<b>122.967.748.457</b>	<b>737.088.107.482</b>

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	30.899.200.000	-	-	30.899.200.000
Phải trả người bán, phải trả khác	161.795.004.378	2.591.698.900	-	164.386.703.278
Chi phí phải trả	3.861.537.484	-	-	3.861.537.484
	<b>196.555.741.862</b>	<b>2.591.698.900</b>	-	<b>199.147.440.762</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	6.328.000.000	-	-	6.328.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	141.816.102.813	2.591.698.900	-	144.407.801.713
Chi phí phải trả	10.308.389.267	-	-	10.308.389.267
	<b>158.452.492.080</b>	<b>2.591.698.900</b>	-	<b>161.044.190.980</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiếp thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 37. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KÝ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đối với được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.



### 38. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)  
Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh  
Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND		
	Doanh thu thành phẩm phần mềm	Doanh thu bán hàng và CCDV	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	14.820.178.590	790.726.839.024	805.547.017.614
Chi phí bộ phận	5.069.224.256	691.012.615.426	696.081.839.682
<b>Kết quả kinh doanh bộ</b>	<b>9.750.954.334</b>	<b>99.714.223.598</b>	<b>109.465.177.932</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			102.597.732.403
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			6.867.445.529
Doanh thu hoạt động tài chính			24.144.305.343
Chi phí tài chính			(222.983.835)
Thu nhập khác			670.770.624
Chi phí khác			1.265.413.299
Thuế TNDN hiện hành			8.124.103.069
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>22.515.988.963</b>

### 39. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

#### a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm ELCOM	Công ty con
Công ty CP Ecom Plus	Công ty con
Công ty CP Ecom Prime	Công ty con
Công ty TNHH VIS Hải Phòng	Công ty con
Công ty CP Atani Holdings	Công thành viên HĐQT
Công ty CP Đầu tư Smartek	Công ty con của Công ty CP ELCOM PLUS
Công ty CP Tập đoàn TM Hà Nội	Công ty con từ ngày 01/04/2022
Công ty NPT Solutions INC	Phan Đức Trung – GD Công ty INC người có liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC	Ngô Trọng Hiếu (GD) Công ty - em trai của Phó TGĐ Ngô Ngọc Hà

**39. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỞ ĐỐI BÊN LIÊN QUAN (tiếp)**

**b. Giao dịch với bên liên quan**

*Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm ELCOM*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	4.954.400	1.087.144.000
+ Giá trị hàng hóa chưa có thuế GTGT	4.504.000	1.087.040.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	450.400	0.104.000
- Bù trừ công nợ phải thu khác và phải trả		965.319.334

*Công ty CP Elcom Plus*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	68.750.000	55.000.000
+ Giá trị hàng hóa chưa có thuế GTGT	62.500.000	50.000.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	6.250.000	5.000.000
- Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	68.750.000	1.069.135.000
- Bù trừ công nợ		
- Bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty CP Elcom Plus	2.805.744.181	-
- Giá trị hàng hóa chưa có thuế GTGT	2.711.481.739	-
- Thuế GTGT hàng hóa bán ra	94.262.443	-
- Nộp tiền góp vốn	300.000.000	-

*Công ty CP Elcom Prime*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ		380.179.326
- Mua hàng hóa, dịch vụ	359.538.000	-
+ Giá trị hàng hóa chưa có thuế GTGT	332.065.556	-
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	26.632.444	-

*Công ty TNHH VTS Hải Phòng*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí lãi vay phải trả	587.113.354	384.957.334
- Nhận tiền vay	4.320.000.000	6.328.000.000

**39. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (tiếp)**

*Công ty CP Tập đoàn TM Hà Nội*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí ELCOM thuê dịch vụ	13.630.161.600	-
+ Giá trị dịch vụ chưa có thuế GTGT	12.391.056.000	-
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	1.239.105.600	-
- Thanh toán tiền dịch vụ	720.000.000	-
- Bù trừ công nợ phải trả và phải thu	3.930.073.813	-
- Doanh thu từ hợp tác đầu tư Elcom được nhận	8.980.087.787	-
- Bù trừ công nợ phải trả và phải thu khác	8.980.087.787	-

*Công ty NPT Solutions INC.*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua trong kỳ	2.419.725.600	-
- Thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ	2.414.269.350	-

*Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá trị thuê Server, DV điện Cloud	258.656.918	-
- Thanh toán tiền dịch vụ	259.223.188	-

*Công ty CP Atari Holdings*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi phạt chậm thanh toán	364.471.229	-
- Nhận tiền lãi chậm thanh toán	341.018.569	-
- Thu tiền cho thuê văn phòng	4.200.000.000	-

*Công ty CP Đầu tư Smartek*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Bán hàng hóa dịch vụ	330.750.750	-
+ Giá trị hàng hóa chưa có thuế GTGT	309.682.500	-
+ Thuế GTGT hàng hóa bán ra	30.068.250	-

Giáo dục với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm nay VNĐ
<b>+ Thu nhập của HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty</b>		
<b>1 Thu nhập HĐQT</b>		
Ông Phạm Chiến Tiến	Chủ tịch HĐQT	222.500.000
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT	144.500.000
Ông Trần Hùng Giang	TV HĐQT	144.500.000
Ông Nguyễn Mạnh Hải	TV HĐQT	144.500.000
Ông Ngô Ngọc Hồ	TV HĐQT, Phó TGLĐ	166.900.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	TV HĐQT	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	TV HĐQT đến ngày 28/04/2022	40.000.000
Ông Đỗ Mạnh Tiến	TV HĐQT từ ngày 28/04/2022	60.000.000
<b>+ Thu nhập BKS</b>		
Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban kiểm soát	315.880.000
Bà Hà Thị Ngọc Hà	Thành viên BKS	164.750.000
Bà Hoàng Thị Phương Thủy	Thành viên BKS	36.000.000
<b>+ Thu nhập Ban điều hành</b>		
Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	389.300.000
Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	556.000.000

Ngoài thu nhập nêu trên, trong năm 2022, Ông Phạm Minh Thắng nhận thưởng bằng cổ phiếu là 30.595 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, bà Đặng Thị Thanh Minh nhận thưởng bằng cổ phiếu là 3.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**40. SỐ LIỆU SỐ SẴN**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2023

Người lập biên

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHỨNG THỰC BAN SAO ĐUNG VỚI BAN CHÍNH

Số chứng thực: 137 17 04 SCS/TS

Ngày: 17-12-2024

Chu Hồng Hạnh - Tổng Giám Đốc, Phạm Minh Thắng

CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH

Nguyễn Thị Thùy Nhung





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 – 4
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	5 – 6
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11-12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 44



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông ELCOM trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông ELCOM được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo số 0191435127 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do số Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được đăng ký thay đổi lần thứ 28 vào ngày 01 tháng 12 năm 2022.

Vốn điều lệ của công ty là: 587.788.430.000 VND (Năm trăm tám mươi bảy tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.) trong đó có 58.778.843 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ phiếu của công ty có mã giao dịch là ELC và được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Tại sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau :

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xé Việt Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 09/05/2022
Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 09/05/2022
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Bà Vũ Thị Ngọc Hà	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Bà Hoàng Thị Phương Thủy	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022

Các thành viên của Ban Điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng

**KIỂM TOÁN VIỆN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông ELCOM đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;



- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

**T.M. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Phạm Minh Thắng**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**  
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số: 150/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM

Kính gửi:

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

## **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn tưởng EL.COM tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

*Hồ Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023*

### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Lê Phương Anh**  
Số Giấy CN ĐKKH Kiểm toán  
số 0739-2023-133-1

**Kiểm toán viên**

**Phùng Văn Lữ**  
Số Giấy CN ĐKKH Kiểm toán  
số 4075-2022-133-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>821.003.580.348</b>	<b>878.345.287.612</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>72.857.962.923</b>	<b>154.654.621.594</b>
111	1. Tiền		31.357.962.923	118.932.163.512
112	2. Các khoản tương đương tiền		41.500.000.000	35.722.458.082
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4.a</b>	<b>83.288.003.000</b>	<b>27.245.487.699</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		723.320.938	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(435.317.938)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		83.000.000.000	27.245.487.699
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>535.120.948.675</b>	<b>556.366.668.916</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.a	429.008.842.347	429.460.309.137
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.a	89.080.199.692	123.025.012.931
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	5.732.000.000	6.292.000.000
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	8.a	51.921.358.247	32.255.770.005
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	9	(41.221.451.611)	(34.666.423.157)
139	7. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>123.929.814.709</b>	<b>138.755.044.899</b>
141	1. Hàng tồn kho		123.929.814.709	138.755.044.899
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.806.851.041</b>	<b>1.323.464.504</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15.a	566.663.541	466.154.828
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.240.187.500	857.309.676
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
 (Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		323.572.201.017	266.981.070.897
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		6.052.500.000	181.700.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn		6.000.000.000	-
216	6. Phải thu dài hạn khác	8.b	52.500.000	181.700.000
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		69.610.424.937	10.808.666.196
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	65.728.988.585	8.728.885.895
222	- Nguyên giá		150.193.474.910	87.619.347.126
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(84.464.486.325)	(78.890.461.231)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	3.881.436.352	2.079.780.301
228	- Nguyên giá		10.262.199.565	7.833.042.257
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(6.380.763.213)	(5.753.261.956)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	14	5.568.361.635	8.039.288.648
231	- Nguyên giá		6.744.124.331	10.190.534.149
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.175.762.696)	(2.152.245.501)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	11	1.082.965.521	246.601.885
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.082.965.521	246.601.885
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4.b	234.876.137.896	244.355.714.848
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		117.755.454.700	128.012.500.588
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		123.357.748.457	123.357.748.457
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(6.237.065.261)	(7.014.534.197)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		6.681.611.028	3.350.099.320
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15.b	6.453.124.855	3.066.095.874
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		228.686.173	284.003.446
269	3. Lợi thế thương mại		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.144.875.781.365</b>	<b>1.145.326.358.509</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>233.436.735.540</b>	<b>276.940.734.187</b>
310	I. Nợ ngắn hạn		224.393.950.817	267.967.072.454
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	152.545.358.544	129.412.323.384
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	15.031.379.527	58.079.784.283
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	5.207.201.822	4.169.586.751
314	4. Phải trả người lao động		6.042.923.497	8.851.712.561
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	3.883.988.415	10.393.017.830
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	1.314.471.982	1.391.019.396
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21.a	11.135.254.015	11.843.812.494
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	20.251.260.000	31.385.928.049
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23.a	2.639.081.476	7.496.580.356
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.343.091.539	4.943.357.350
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>9.042.784.723</b>	<b>8.973.661.733</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	21.b	2.591.698.900	2.591.698.900
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16.b	-	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	23.b	6.451.085.823	6.381.962.833
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>911.439.045.825</b>	<b>868.385.624.322</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24</b>	<b>911.439.045.825</b>	<b>868.385.624.322</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		587.788.430.000	509.282.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		587.788.430.000	509.282.430.000
412	2. Tổng dư vốn cổ phần		85.409.783.716	86.677.010.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		-	(1.349.334.820)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		41.410.255.576	41.410.255.576
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		166.376.331.752	213.858.698.235
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		135.069.228.235	165.746.469.178
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		31.307.103.517	48.112.229.057
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		25.254.244.781	13.306.565.331
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.144.875.781.365</b>	<b>1.145.326.358.509</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thanh Minh



Phạm Minh Thắng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	863.331.702.038	659.260.549.082
02	2. Các khoản giảm trừ	27	48.264.438	128.383.270
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	28	863.283.437.600	659.132.165.812
11	4. Giá vốn hàng bán	29	723.791.207.416	530.050.105.850
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		140.492.230.184	129.082.059.962
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	30	48.086.805.403	10.847.323.144
22	7. Chi phí tài chính	31	38.592.073.824	4.923.757.053
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		38.307.770.019	3.676.728.124
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết		75.661.559	20.355.519.365
25	9. Chi phí bán hàng	32	44.995.293.772	40.036.046.250
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	33	57.631.718.055	54.565.236.220
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - (21 - 22) - (24 + 25))		47.435.611.495	60.759.862.948
31	12. Thu nhập khác	34	943.499.208	1.213.702.195
32	13. Chi phí khác	35	1.856.029.419	3.179.248.652
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(912.530.211)	(1.965.546.457)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		46.523.081.284	58.794.316.491
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	36	9.095.111.084	8.430.044.214
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		55.317.273	55.317.273
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		37.372.652.927	50.308.955.004
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		31.307.103.517	48.112.229.057
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		6.065.549.410	2.196.725.947
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37	605	947

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thắng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Phương pháp gián tiếp  
 Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>46.523.081.284</b>	<b>58.794.316.491</b>
	<b>2. Điều chỉnh chi các khoản</b>	<b>(21.113.898.100)</b>	<b>7.681.559.946</b>
02	- Khả hao tài sản cố định	5.201.226.351	7.394.161.230
03	- Các khoản dự phòng	989.185.629	5.920.910.654
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(167.118.966)	597.477.956
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(64.044.959.133)	(9.917.718.018)
06	- Chi phí lãi vay	38.307.770.019	3.676.728.124
07	- Các khoản điều chỉnh khác	(2.400.000.000)	-
<b>08</b>	<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>25.409.183.184</b>	<b>66.475.876.437</b>
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	6.892.782.816	69.834.693.785
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10.819.833.674	91.972.961.992
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(96.014.252.646)	(309.454.076.562)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	(2.902.751.120)	473.523.579
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	(723.320.938)	67.295.740
14	- Tiền lãi vay đã trả	(38.307.770.019)	(3.676.728.124)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(8.293.012.691)	(12.606.409.301)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	481.085.438	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.353.345.409)	(464.712.292)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(103.991.567.710)</b>	<b>(97.377.574.745)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng, TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(5.341.392.727)	(4.010.624.545)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	2.707.867.511	19.045.909.091
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	(15.560.000.000)	(14.370.487.699)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	4.600.000.000	22.530.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(13.400.000.000)	(13.861.044.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.372.147.500	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	43.307.928.025	5.977.809.836
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>26.716.550.309</b>	<b>15.311.562.683</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Tiếp theo)  
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	2.432.938.536	500.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp của các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	45.950.073.358	217.949.786.751
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(52.754.801.407)	(255.593.107.124)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(142.159.140)	(30.324.000.210)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(4.523.948.653)</b>	<b>(67.467.320.583)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trung năm</b>	<b>(81.798.966.054)</b>	<b>(149.533.332.645)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>154.654.621.594</b>	<b>305.194.698.884</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	2.307.383	(1.006.744.645)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>72.857.962.923</b>	<b>154.654.621.594</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thắng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo số 0101435127 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được đăng ký thay đổi lần thứ 28 vào ngày 01 tháng 12 năm 2022

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION

Tên Công ty viết tắt: ELCOM CORP.

Vốn điều lệ của công ty là: 587.788.430.000 VND (Năm trăm tám mươi bảy tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn/.) tương đương 58.778.843 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ phiếu của công ty có mã giao dịch là ELC và được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số cán bộ công nhân viên : 268 người

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyên giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dạy chuyên công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;

- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng thực phẩm loại là bằng tiền kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đầu hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó điều chỉnh những thay đổi của phần sở hữu công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty sau khi mua.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chi thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư; nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các chế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



## 2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Kiểu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện, vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm
- TSCĐ vô hình	05 năm

## 2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

## 2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và thời hạn phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Tình trạng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc (trạng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận nếu trường hợp gồm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa

phần phải có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.12. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của lập thể, cá nhân có liên quan, ... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.14. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

## 2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền hiệu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



## 2.17 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

### a. Mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở số liệu của Công ty CP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM và các Công ty con, bao gồm:

TT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính
	<b>Công ty con</b>			
1	Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Elcom plus	92,86%	92,36%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội
3	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65%	65%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội
4	Công ty CP ELCOMPRIME	70%	70%	Tầng 6, tòa nhà Fimexco, 231 – 233 Lê Thành Tông P. Bến Nghé, Q1, TP. HCM
5	Công ty CP Đầu tư Stuartek (là công ty con của Công ty Cổ phần Elcom plus)	74,44%	74,44%	Tầng 04, TT Uơm tạo & Đền tạc Công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, Xã Thạch Hà, Huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội.
6	Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	68,68%	68,68%	Tầng 6, số 18 Nguyễn Chi Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.
	<b>Công ty liên kết</b>			
1	Công ty CP Công nghệ VIM Bắc Kạn	42,97%	42,97%	Số 91, Đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, Phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
2	Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	35,40%	35,40%	Số 18 Nguyễn Chi Thanh, Phường Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
3	Công ty CP Công nghệ VFT	34,00%	34,00%	Đường 72, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội



## b. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

### (i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (gian dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

### (ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt, tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trung sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### (iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty mẹ được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty mẹ, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty mẹ phải chia sẻ vượt quá lợi ích của công ty mẹ trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty mẹ có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	617.140.757	533.336.603
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.740.822.166	113.398.826.909
Các khoản tương đương tiền	41.500.000.000	35.722.458.082
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 - 3 tháng</i>	<i>41.500.000.000</i>	<i>35.722.458.082</i>
<b>Cộng</b>	<b>72.857.962.923</b>	<b>154.654.621.594</b>

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chứng khoán kinh doanh	723.320.938	(435.317.938)	-	-
Công ty chứng khoán SSI	723.320.938	(435.317.938)	-	-
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>83.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>27.245.487.699</b>	<b>-</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	83.000.000.000	-	27.245.487.699	-
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội</i>	<i>32.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>7.893.706.170</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>8.821.424.658</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đông Đô</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>4.830.356.871</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Thống Long</i>	<i>46.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng IndovinaBank</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>700.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>83.723.320.938</b>	<b>(435.317.938)</b>	<b>27.245.487.699</b>	<b>-</b>

(\*) Bao gồm khoản tiền gửi đồng có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất 6,4 %/năm đến 9%/năm.

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

b. Đầu tư tài chính dài hạn	Số cổ phiếu	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Giá gốc	GT dự phòng	GT hợp lý	Giá gốc	GT dự phòng	GT hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		<b>117.755.454.700</b>	-	<b>117.755.454.700</b>	<b>128.012.500.588</b>	-	<b>128.012.500.588</b>
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	626.047	5.841.470.658	-	5.841.470.658	5.841.463.627	-	5.841.463.627
Công ty CP máy tính & truyền thông Việt Nam	2.124.100	91.724.202.306	-	91.724.202.306	91.648.547.778	-	91.648.547.778
Công ty CP Công nghệ VFT	2.474.758	20.189.781.736	-	20.189.781.736	30.522.489.183	-	30.522.489.183
<b>Đầu tư khác</b>		<b>123.357.748.457</b>	<b>(6.237.065.261)</b>	<b>117.120.683.196</b>	<b>123.357.748.457</b>	<b>(7.014.534.197)</b>	<b>116.343.214.260</b>
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>		<b>78.933.482.500</b>	<b>(6.237.065.261)</b>	<b>72.696.417.239</b>	<b>78.933.482.500</b>	<b>(7.014.534.197)</b>	<b>71.918.948.303</b>
Công ty CP Phát triển Đông Dương Xanh	1.260.000	28.590.000.000	(1.942.085.985)	26.647.914.015	28.590.000.000	(1.942.085.985)	26.647.914.015
Công ty CP tư vấn hạ tầng Viễn thông	840.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Công ty CP Giải pháp Đa phương tiện. Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	2.148.349.500	-	2.148.349.500
Công ty CP Tin học Viễn thông Peroinex	19.095	115.000.000	-	115.000.000	115.000.000	-	115.000.000
Công ty CP Đầu tư & phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	(360.000.000)	-	360.000.000	(360.000.000)	-
Công ty CP Trung Việt	371.699	26.985.200.000	(912.247.568)	26.072.952.432	26.985.200.000	(912.247.568)	26.072.952.432
Công ty CP Anni Holdings	1.473.493	14.734.933.000	(3.022.731.708)	11.712.201.292	14.734.933.000	(3.800.200.644)	10.934.732.356

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đầu tư dài hạn khác	44.424.265.957	-	44.424.265.957	44.424.265.957	-	44.424.265.957
Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư & PT Thăng Long Xanh (**)	37.771.500.000	-	37.771.500.000	37.771.500.000	-	37.771.500.000
Công ty CP TRANSMEDIA	400.000.000	-	400.000.000	400.000.000	-	400.000.000
Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì	5.862.765.957	-	5.862.765.957	5.862.765.957	-	5.862.765.957
Công ty TNHH Luckybest Việt Nam	390.000.000	-	390.000.000	390.000.000	-	390.000.000
<b>Cộng các khoản đầu tư</b>	<b>241.113.203.157</b>	<b>(6.237.065.261)</b>	<b>234.876.137.896</b>	<b>251.370.249.045</b>	<b>(7.014.534.197)</b>	<b>244.355.714.848</b>

(\*\*) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tại ô đất C13/D12 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng góp tài sản đầu tư số 11/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh.



**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	58.132.715.176	53.663.715.176
Công ty TNHH KTCN cao QT Global	5.935.044.000	5.935.044.000
TĐ Viễn thông QĐ/Vietel	24.176.690.322	25.386.789.103
TCT HT mạng/VNPT NET	15.534.200.000	15.534.200.000
Cty CP N.D.C	80.727.070.580	45.150.590.644
Cục Hàng Hải Việt Nam		266.437.581
Tổng Công ty viễn thông Mobifone	2.501.448.428	22.303.948.671
Cty CP Tập Đoàn Thương mại Hà Nội		42.660.000.000
Các đối tượng khác	242.601.673.841	219.219.383.962
<b>Cộng</b>	<b>429.606.842.347</b>	<b>429.460.309.137</b>

**b. Phải thu các bên liên quan**

	<b>Mối quan hệ</b>	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cty CP Atani Holdings	Cùng thành viên HĐQT	2.106.437.591	6.300.437.591
Cty CP CN Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	597.770.779	597.770.779
<b>Cộng</b>		<b>2.698.208.370</b>	<b>6.898.208.370</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP DV kỹ thuật DELTATECH	2.840.872.250	2.840.872.250
TWS International Trading (PTE) LTD	-	26.709.516.000
Các đối tượng khác	86.235.327.442	93.474.624.681
<b>Cộng</b>	<b>89.076.199.692</b>	<b>123.025.012.931</b>

**b. Trả trước cho các bên liên quan**

	<b>Mối quan hệ</b>	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Trần Hưng Giang (*)	Thành viên HĐQT	4.030.000.000	4.030.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (*)	Vợ ông Phan Chiến Trưởng - Chủ tịch HĐQT	5.980.000.000	5.980.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên HĐQT	2.990.000.000	2.990.000.000
<b>Cộng</b>		<b>13.000.000.000</b>	<b>13.000.000.000</b>

(\*) Đây là khoản tạm ứng theo Biên bản góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012, được gia hạn đến 31/12/2022 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng tổ nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán lại tại thôn Kiểng Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội.

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngân hạn	5.732.000.000	-	6.292.000.000	-
Cho vay khác (*)	5.732.000.000	-	6.292.000.000	-
b. Dài hạn	6.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Tấn Phát	6.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.732.000.000</b>	<b>-</b>	<b>6.292.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là các khoản cho vay với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất 6%/năm và không có tài sản đảm bảo.

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Phải thu khác ngắn hạn	51.921.358.247	(6.261.845.048)	32.255.770.005	(6.461.845.048)
Đảm hiểm xã hội	-	-	1.125.000	-
Bảo hiểm y tế	-	-	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	90.000	-
Tạm ứng	10.625.299.188	-	5.745.837.823	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	26.704.745.166	-	4.059.832.495	-
Phải thu khác ngắn hạn khác (*)	14.591.313.893	(6.261.845.048)	22.450.099.687	(6.461.845.048)
b. Phải thu khác dài hạn	52.500.000	-	181.700.000	-
Phải thu khác	52.500.000	-	181.700.000	-
<b>Cộng</b>	<b>51.973.858.247</b>	<b>(6.261.845.048)</b>	<b>32.438.685.005</b>	<b>(6.461.845.048)</b>

(\*) Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn khác:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm	322.399.764	1.588.900.482
Phải thu lãi cho vay Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279
Phải thu tiền cho vay Công ty CP Đầu tư Thương mại Bắc Hà	4.500.000.000	4.500.000.000
Phải thu lãi cho vay Nguyễn Phương Hải (CMTC 011486928 ngày 11/08/2009)	1.005.750.000	1.005.750.000
Phải thu lãi cho vay Công ty CP CN vật liệu mới (ELCOM Industry)	1.716.209.769	1.716.209.769
Phải thu cổ tức từ Công ty CP tư vấn ĐT PT hạ tầng viễn thông	-	1.680.000.000
Phải thu khác từ các công ty và cá nhân khác	3.507.069.081	8.419.354.157
<b>Cộng</b>	<b>14.591.313.893</b>	<b>22.450.099.687</b>

**c. Số dư với các bên liên quan**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	3.539.885.279	3.539.885.279
<b>Cộng</b>	<b>3.539.885.279</b>	<b>3.539.885.279</b>	

## 9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
Công ty CP Công nghệ Vật liệu môi Bắc Kạn	4.137.656.058	-	4.137.656.058	-
Công ty CP Công nghệ Vật liệu Môi	4.111.247.702	-	4.111.247.702	-
Tập đoàn Viễn thông Quân Đội	17.846.327.583	-	25.386.789.103	7.540.461.520
TCT HT mạng/VNPT NET	15.534.200.000	10.873.940.000	15.534.200.000	10.873.940.000
Cty CP Thủy sản N.G Việt Nam	12.943.377.077	5.260.843.526	12.943.377.077	11.615.871.980
Đối tượng khác	2.783.426.717	-	2.783.426.717	-
<b>Cộng</b>	<b>57.356.235.137</b>	<b>16.134.783.526</b>	<b>64.896.696.657</b>	<b>30.230.273.500</b>

## 10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	2.532.000	-	2.532.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	53.965.020.390	-	81.087.719.521	-
Thành phẩm	11.945.865.870	-	13.517.846.157	-
Hàng hóa	58.016.396.449	-	44.146.947.421	-
<b>Cộng</b>	<b>123.929.814.709</b>	<b>-</b>	<b>138.755.044.899</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại ngày 31/12/2022: 0 VND.

## 11. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Dự án TĐ Liên (*)	246.601.885	246.601.885
<b>Mua sắm TSCĐ</b>		
Mua xe ô tô Mitsubishi	836.363.636	-
<b>Cộng</b>	<b>1.082.965.521</b>	<b>246.601.885</b>

(\*) Đây là chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị ĐCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu năm	-	62.161.476.859	11.080.277.636	12.313.204.958	2.064.387.673	87.619.347.126
Số tăng trong năm	54.545.454.545	125.892.727	3.346.510.909	2.488.092.876	2.068.176.727	62.574.127.784
- Mua trong năm		125.892.727	3.346.510.909	2.488.092.876	2.068.176.727	8.928.673.239
- Tổng do hợp nhất	54.545.454.545					54.545.454.545
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán						
<b>Số cuối năm</b>	<b>54.545.454.545</b>	<b>62.287.369.586</b>	<b>14.426.788.545</b>	<b>14.801.297.834</b>	<b>4.132.564.400</b>	<b>150.193.474.910</b>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	60.564.242.390	5.942.365.152	10.374.327.237	2.009.526.452	78.890.461.231
Số tăng trong năm	2.181.818.184	73.524.394	1.259.511.123	1.584.686.037	474.483.356	5.574.025.094
- Khấu hao trong năm	2.181.818.184	73.524.394	1.259.511.123	1.584.686.037	474.483.356	5.574.025.094
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán						
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.181.818.184</b>	<b>60.637.766.784</b>	<b>7.201.876.275</b>	<b>11.959.013.274</b>	<b>2.484.011.808</b>	<b>84.464.486.325</b>
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	1.597.234.469	5.137.912.484	1.938.877.721	54.861.221	8.728.885.895
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>52.363.636.361</b>	<b>1.649.602.802</b>	<b>7.224.912.270</b>	<b>2.842.284.560</b>	<b>1.648.552.592</b>	<b>65.728.988.585</b>

- Nguyên giá TSCĐ lưu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2022:

83.667.741.935 VND



### 13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Đầu năm	TSCĐ khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	7.088.902.376	744.439.881	7.833.342.257
Số tăng trong năm	-	-	-
- Mua trong năm	2.423.657.508	-	2.423.657.508
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.517.759.684</b>	<b>744.439.881</b>	<b>10.262.199.565</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	5.705.500.778	48.061.178	5.753.561.956
Số tăng trong năm	627.201.257	-	627.201.257
- Khấu hao trong năm	627.201.257	-	627.201.257
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.332.702.035</b>	<b>48.061.178</b>	<b>6.390.763.213</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	1.383.401.598	696.378.703	2.079.780.301
Tại ngày cuối năm	3.185.057.649	696.378.703	3.881.436.352

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2022: 8.934.639.881 VND

### 14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số đầu năm	10.190.534.149	10.190.534.149
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	(3.446.409.818)	(3.446.409.818)
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.744.124.331</b>	<b>6.744.124.331</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>		
Số đầu năm	2.152.245.501	2.152.245.501
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	(976.482.805)	(976.482.805)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.175.762.696</b>	<b>1.175.762.696</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	8.038.288.648	8.038.288.648
Tại ngày cuối năm	5.568.361.635	5.568.361.635

Giá trị còn lại của BĐS đầu tư đang thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2022: 0 VND

### 15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bán hàng, chi phí chi trả, chi phí khác	566.663.541	466.154.828
<b>Cộng</b>	<b>566.663.541</b>	<b>466.154.828</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều kỳ	4.249.550.925	1.973.219.740
- Chi phí dài hạn khác chờ phân bổ	2.203.793.930	1.092.876.134
<b>Cộng</b>	<b>6.453.124.855</b>	<b>3.066.095.874</b>

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Khả năng trả nợ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>20.251.200.000</b>	<b>20.251.200.000</b>	<b>41.630.073.358</b>	<b>52.764.801.407</b>	<b>31.385.928.049</b>	<b>30.981.928.053</b>		
Vay Ngân hàng	20.251.200.000	20.251.200.000	41.630.073.358	21.864.873.358	486.000.000	83.000.004		
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long	20.251.200.000	20.251.200.000	32.459.333.558	12.208.133.558	-	-		
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	7.670.740.000	7.670.740.000	-	-		
- Vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV	-	-	1.500.000.000	1.986.000.000	486.000.000	83.000.004		
- Vay ngắn hạn có an toàn	-	-	-	-	-	-		
<b>Nợ Dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.899.928.049</b>	<b>30.899.928.049</b>	<b>30.899.928.049</b>		
Kỳ dài đến hạn trả (Ngân hàng Bảo Việt Liên Việt)	-	-	-	30.899.928.049	30.899.928.049	30.899.928.049		
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>Cộng</b>	<b>20.251.200.000</b>	<b>20.251.200.000</b>	<b>41.630.073.358</b>	<b>52.764.801.407</b>	<b>31.385.928.049</b>	<b>31.385.928.049</b>		

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI HẠN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Elena Communications Inc	66.312.038.876	66.312.038.876	3.091.601.558	3.091.601.958
TWS International Trading Pte Ltd	33.746.394.000	33.746.394.000	-	-
Converse Network Ltd	11.081.596.520	11.081.596.520	73.914.535.130	73.914.535.130
ISX Technology Pte Ltd	-	-	1.803.248.672	1.803.248.672
Công ty CP kỹ thuật Toàn Cầu	-	-	13.081.452.010	13.081.452.010
Các đối tượng khác	41.405.229.148	41.405.229.148	37.521.485.614	37.521.485.614
<b>Cộng</b>	<b>152.545.358.544</b>	<b>152.545.358.544</b>	<b>129.412.323.384</b>	<b>129.412.323.384</b>

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công an tỉnh Thanh Hóa	-	-
Cục BCS - Bộ Công An	-	440.080.000
Cục CSQL tại giam - Bộ Công An	-	8.427.378.500
TT tin học	8.758.200.000	24.779.835.000
Công ty CP MDP11A	2.320.725.000	-
Các đối tượng khác	3.952.454.527	14.432.490.783
<b>Cộng</b>	<b>15.031.379.527</b>	<b>58.079.784.283</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số còn phải thu cuối năm	Số còn phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.259.072.949	36.766.806.457	36.642.808.392	-	2.183.071.614
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	540.762.179	540.762.179	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.112.628.128	9.095.111.084	8.293.012.691	-	1.914.726.521
Thuế Thu nhập cá nhân	-	558.571.148	2.823.248.164	2.833.771.315	-	548.047.997
Thuế nhà thầu	-	126.253.929	3.847.057.001	3.726.668.424	-	246.642.506
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	113.060.597	6.133.824	4.480.637	-	111.713.784
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.169.586.751</b>	<b>53.079.118.709</b>	<b>52.041.503.638</b>	<b>-</b>	<b>5.207.201.822</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



## 20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thực hiện dự án	3.689.073.746	9.858.705.564
Chi trả phải trả khác	194.914.669	534.312.266
<b>Cộng</b>	<b>3.883.988.415</b>	<b>10.393.017.830</b>

## 21. PHẢI TRẢ KHÁC

### a. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	1.802.211.079	1.521.117.116
Phải trả cổ tức cho cổ đông	730.339.838	872.498.998
Nhiệm kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn	823.764.713	1.708.996.185
Phải trả hàng mang đi bán lẻ	346.876.050	141.899.602
Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	6.930.520.000	6.930.520.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	501.542.315	668.780.593
<b>Cộng</b>	<b>11.135.254.015</b>	<b>11.843.812.494</b>

(\*) Bao gồm:

+ Khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty CP Công nghệ mạng Đồng Đô theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh: số 01/2021/HĐ/ELCOM-DONGDO ngày 24/03/2021 với số tiền: 6.930.520.000 VND.

### b. Phải trả khác dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản thế chấp, kỳ quỹ, kỳ cược	2.591.698.900	2.591.598.900
<b>Cộng</b>	<b>2.591.698.900</b>	<b>2.591.698.900</b>

## 22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Cho thuê văn phòng	1.314.471.982	1.391.019.396
<b>Cộng</b>	<b>1.314.471.982</b>	<b>1.391.019.396</b>

## 23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	2.639.081.476	7.496.580.356
<b>Cộng</b>	<b>2.639.081.476</b>	<b>7.496.580.356</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Dự phòng bán hàng sản phẩm hàng hóa	6.451.085.823	6.381.962.833
<b>Cộng</b>	<b>6.451.085.823</b>	<b>6.381.962.833</b>

**M. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Tổng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác (thuộc vốn Chủ sở hữu)	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	509.282.430.000	88.677.010.000	(3.349.334.820)	41.410.255.576	5.200.000.000	201.462.354.662	10.609.839.384	853.292.554.802
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	48.112.229.057	2.196.725.947	50.308.955.004
Thay đổi do mất quyền kiểm soát công ty con	-	-	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.560.000.000)	-	(1.560.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(30.371.182.800)	-	(30.371.182.800)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	2.000.000.000	-	-	-	-	2.000.000.000
Chia lại cổ phiếu thưởng (3)	-	(2.000.000.000)	-	-	-	-	-	(2.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(3.784.696.684)	-	(3.784.696.684)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>509.282.430.000</b>	<b>86.677.010.000</b>	<b>(1.349.334.820)</b>	<b>41.410.255.576</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>213.858.698.235</b>	<b>13.306.565.331</b>	<b>868.385.624.372</b>
Tăng vốn trong kỳ (1)	2.115.530.000	-	-	-	-	(76.389.470.000)	-	(74.272.940.000)
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	31.307.100.517	6.065.549.410	37.372.652.927
Trích lập các quỹ (1)	-	-	-	-	-	(2.400.000.000)	-	(2.400.000.000)
Tăng khác	-	82.108.536	-	-	-	-	6.110.000.000	6.192.108.536
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ (2)	-	(1.349.334.820)	1.349.334.820	-	-	-	-	-
Chuyển lợi nhuận thành vốn gốc (1)	76.389.470.000	-	-	-	-	-	-	76.389.470.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(227.869.960)	(227.869.960)
<b>Số cuối năm</b>	<b>587.786.430.000</b>	<b>85.409.783.716</b>	<b>-</b>	<b>41.410.255.576</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>166.376.331.752</b>	<b>25.254.244.781</b>	<b>911.439.045.825</b>

#### 24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(1) Theo Nghị quyết HĐQT số 01-11/2021/NQ-HĐQT ngày 17/11/2021 của HĐQT Công ty CP Công nghệ - Viễn thông ELCOM, về việc thông qua đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.

(2) Theo Nghị quyết số 02-05/2021/NQ-HĐQT ngày 28/05/2021 của HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Công nghệ điện tử - Viễn thông, quyết định thông qua kế hoạch sử dụng cổ phiếu quỹ thưởng cho người lao động trong Công ty: 309.595 cổ phiếu, trong đó chia làm 2 đợt:

+ Đợt 1: Số lượng cổ phiếu quỹ thưởng cho CBNV là 200.000 cổ phiếu, giá trị theo mệnh giá 2.000.000.000 VND, Ngày 07/09/2021, Công ty đã báo cáo UBCK Nhà nước về việc hoàn thành giao dịch đợt 1

+ Đợt 2: Số lượng cổ phiếu quỹ thưởng cho CBNV là 109.595 cổ phiếu, giá trị theo mệnh giá 1.095.950.000 VND, thời gian thực hiện sau đợt 1 và Quy định của pháp luật. Ngày 28/01/2022, Công ty đã gửi công bố thông tin giao dịch bán cổ phiếu quỹ lên UBCK Nhà nước, theo đó thời gian thực hiện chi trả đợt 2 dự kiến từ ngày 16/02/2022 đến 15/03/2022. Đến ngày 30/06/2022, Công ty đã hoàn thành việc trả thưởng đợt 2.

(3) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo nghị quyết Đại hội cổ đông số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022.

## 24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)

### k. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty TNHH Đầu tư DT&T	20.712.410.000	3,52%	31.055.140.000	6,10%
- Ông Phan Chiến Thắng	55.049.410.000	9,37%	44.341.060.000	8,71%
- Ông Trần Hùng Giang	34.367.010.000	5,85%	29.884.370.000	5,87%
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	34.126.410.000	5,84%	29.675.150.000	5,82%
- Các cổ đông khác	112.532.190.000	75,46%	374.326.710.000	73,50%
	<b>587.788.430.000</b>	<b>100%</b>	<b>509.282.430.000</b>	<b>100%</b>

### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	509.282.430.000	509.282.430.000
- Vốn góp tăng trong năm	78.506.000.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	<b>587.788.430.000</b>	<b>509.282.430.000</b>

### d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	58.778.843	50.928.243
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	58.778.843	50.928.243
- Cổ phiếu phổ thông	58.778.843	50.928.243
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	109.595
- Cổ phiếu phổ thông	-	109.595
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.778.843	50.818.648
- Cổ phiếu phổ thông	58.778.843	50.818.648

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

### e. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	20.371.188.880
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (*)	-	30.371.188.880
- Cổ tức đã chi trả trong năm	142.159.140	30.324.000.210

### c. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	41.410.255.576	41.410.255.576
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.200.000.000	5.200.000.000



**25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI HẰNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngoại tệ các loại		
Đồng đô la Mỹ (USD)	78.501.11	3.077.451,20
b. Nợ khế dài đã xử lý (VND)	18.307.777.778	18.307.777.778

**26. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	43.585.251.850	18.214.471.070
- Doanh thu bán hàng hóa	740.563.710.869	551.622.161.245
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	79.182.739.319	89.423.916.767
<b>Cộng</b>	<b>863.331.702.038</b>	<b>659.260.549.082</b>

**27. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giảm giá hàng bán	48.264.438	128.383.270
<b>Cộng</b>	<b>48.264.438</b>	<b>128.383.270</b>

**28. DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	43.585.251.850	16.086.087.800
- Doanh thu bán hàng hóa	740.513.446.431	551.622.161.245
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	79.182.739.319	89.423.916.767
<b>Cộng</b>	<b>863.283.437.600</b>	<b>659.132.165.812</b>

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn bán thành phẩm phần mềm	7.526.327.854	3.521.865.322
- Giá vốn bán hàng hóa	681.234.627.904	479.648.587.231
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	34.030.251.558	46.179.653.297
<b>Cộng</b>	<b>722.791.207.416</b>	<b>530.050.105.850</b>

### 30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	42.687.299.846	2.412.871.413
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	74.240.000	1.718.190.000
- Lãi chứng khoán kinh doanh	39.440.054	305.956.260
- Chiết khấu thanh toán được nhận		4.917.186.000
- Lãi từ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	167.118.966	1.493.119.471
- Lãi từ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.123.706.517	-
<b>Cộng</b>	<b>48.086.805.403</b>	<b>10.847.323.144</b>

### 31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền vay	38.307.770.019	3.676.728.124
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	614.077.435	1.418.082.200
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	597.477.956
- Chi phí tài chính khác	12.377.368	
- Chi phí dự phòng các khoản đầu tư	(342.150.998)	(768.531.227)
<b>Cộng</b>	<b>38.592.073.824</b>	<b>4.923.757.053</b>

### 32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nhân công	29.279.300.541	22.008.817.117
- Chi phí khấu hao	1.188.655.506	1.672.157.526
- Chi phí dự phòng bảo hành	588.139.028	9.459.338.693
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.845.796.673	5.947.631.932
- Chi phí khác hàng tiền	1.093.402.024	948.100.982
<b>Cộng</b>	<b>44.995.293.772</b>	<b>40.036.046.250</b>

### 33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nhân công	32.695.874.277	42.596.089.121
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.550.306.561	5.307.420.724
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.054.285.368	8.133.535.906
- Hoàn nhập/ Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.555.028.454	(4.603.028.277)
- Chi phí khác bằng tiền	6.776.223.395	2.931.218.746
<b>Cộng</b>	<b>57.631.718.055</b>	<b>54.565.236.220</b>

### 34. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	366.327.863	992.356.802
- Thu nhập khác	677.171.345	320.345.393
<b>Cộng</b>	<b>943.499.208</b>	<b>1.213.702.195</b>

**35. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí chuyển nhượng BĐS	651.745.195	
- Chi phí khác	1.204.284.224	3.179.248.652
<b>Cộng</b>	<b>1.856.029.419</b>	<b>3.179.248.652</b>

**36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	9.095.111.084	8.430.044.214
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	55.317.273	55.317.273

**37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	31.307.103.517	48.112.229.057
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	31.307.103.517	48.112.229.057
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	51.751.016	50.818.648
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>605</b>	<b>947</b>

**38. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC, hàng hóa	666.933.448.319	383.913.514.025
- Chi phí nhân công	68.146.160.685	67.341.341.783
- Chi phí khấu hao	6.201.226.351	7.394.161.230
- Chi phí bốc hàng, dự phòng phải thu khó đòi	6.593.027.482	4.856.310.416
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.694.851.187	54.594.017.070
- Chi phí khác bằng tiền	25.123.360.949	12.399.486.964
<b>Cộng</b>	<b>837.692.074.973</b>	<b>530.498.831.488</b>

### 39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.857.962.923	-	154.654.621.594	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	481.582.700.594	(41.221.451.611)	461.897.779.142	(34.666.423.157)
Các khoản cho vay	11.732.000.000	-	6.292.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	83.723.320.938	(435.317.938)	27.245.487.699	-
Đầu tư dài hạn	241.113.203.157	(6.237.065.261)	251.370.249.045	(7.014.534.197)
	<b>891.009.187.612</b>	<b>(47.893.834.810)</b>	<b>901.460.137.480</b>	<b>(41.680.957.354)</b>

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	20.251.200.000	-	31.385.928.049	-
Phải trả người bán, phải trả khác	166.272.311.459	-	143.847.834.778	-
Chi phí phải trả	3.883.988.415	-	10.393.017.830	-
	<b>190.407.499.874</b>	<b>-</b>	<b>185.626.780.657</b>	<b>-</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.



**Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hạn hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.857.962.923	-	-	72.857.962.923
Phải thu khách hàng, phải thu khác	481.530.200.594	52.500.000	-	481.582.700.594
Các khoản cho vay	5.732.000.000	6.000.000.000	-	11.732.000.000
Đầu tư ngắn hạn	83.723.320.938	-	-	83.723.320.938
Đầu tư dài hạn	-	-	241.113.203.157	241.113.203.157
<b>Cộng</b>	<b>643.843.484.455</b>	<b>6.052.500.000</b>	<b>241.113.203.157</b>	<b>891.009.187.612</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.654.621.594	-	-	154.654.621.594
Phải thu khách hàng, phải thu khác	461.760.079.142	181.700.000	-	461.897.779.142
Các khoản cho vay	6.292.000.000	-	-	6.292.000.000
Đầu tư ngắn hạn	27.245.487.699	-	-	27.245.487.699
Đầu tư dài hạn	-	-	251.370.249.045	251.370.249.045
<b>Cộng</b>	<b>649.908.188.435</b>	<b>181.700.000</b>	<b>251.370.249.045</b>	<b>901.460.137.480</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (hệ cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	20.251.200.000	-	-	20.251.200.000
Phải trả người bán, phải trả khác	163.680.612.559	2.591.698.900	-	166.272.311.459
Chi phí phải trả	3.883.988.415	-	-	3.883.988.415
<b>Cộng</b>	<b>187.815.800.974</b>	<b>2.591.698.900</b>	<b>-</b>	<b>190.407.499.874</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	31.385.928.049	-	-	31.385.928.049
Phải trả người bán, phải trả khác	141.256.135.878	2.591.698.900	-	143.847.834.778
Chi phí phải trả	10.391.017.830	-	-	10.391.017.830
<b>Cộng</b>	<b>183.035.081.757</b>	<b>2.591.698.900</b>	<b>-</b>	<b>185.626.780.657</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đầu hạn.

#### 40. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đời đời được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Giá vốn của các bộ phận	7.526.327.854
Lợi nhuận gộp	36.058.923.996
Tổng chi phí mua tài sản cố định	269.674.984
Tài sản hữu phn	57.802.220.099
<b>Tổng tài sản</b>	<b>57.802.220.099</b>
Nợ phải trả các bộ phận	11.785.699.183
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>11.785.699.183</b>

740.515.446.431	79.182.739.319		863.293.437.600
681.234.627.904	34.030.251.658		722.791.207.416
<b>59.280.818.527</b>	<b>45.152.487.661</b>	•	<b>140.492.230.184</b>
4.581.790.461	489.927.282	•	5.341.392.727
982.062.395.060	105.011.166.206	-	1.144.875.781.365
<b>982.062.395.060</b>	<b>105.011.166.206</b>	•	<b>1.144.875.781.365</b>
200.239.574.748	21.411.461.604	-	233.436.735.540
<b>200.239.574.748</b>	<b>21.411.461.604</b>	•	<b>233.436.735.540</b>



## 42. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

### a. Thông tin các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Antani Holdings	Cùng thành viên HĐQT
Công ty NPT Solutions INC	Phan Đức Trung – GD Công ty INC người cổ bên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC	Ngô Trung Hiếu TGĐ Công ty - em trai của Phó TGĐ Ngô Ngọc Hà

### b. Giao dịch với bên liên quan

#### *Công ty CP Antani Holdings*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Lãi phạt chậm thanh toán	364.471.229	-
- Nhận tiền lãi chậm thanh toán	341.018.569	-
- Thu tiền cho thuê văn phòng	4.200.000.000	-

#### *Công ty NPT Solutions INC*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua trong kỳ	2.419.725.600	-
- Thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ	2.414.269.350	-

#### *Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Giá trị thuê Server, DV cloud	258.656.918	-
- Thanh toán tiền dịch vụ	259.223.188	-

Giáo dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm này VND
<b>- Thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Điều hành</b>		
<b>+ Thu nhập HĐQT</b>		
Ông Phạm Chíển Thăng	Chủ tịch HĐQT	2.884.845.640
Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	1.282.900.000
Ông Trần Hùng Cường	TV HĐQT	222.566.000
Ông Nguyễn Mạnh Hải	TV HĐQT	144.566.000
Ông Ngô Ngọc Hồ	TV HĐQT, Phó TGĐ	144.566.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	TV HĐQT	386.960.000
Ông Đỗ Minh Tiến	TV HĐQT	126.660.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	TV HĐQT đến ngày 28/04/2022	66.660.000
<b>+ Thu nhập BKS</b>		
Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban kiểm soát	636.637.600
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên BKS	318.890.000
Bà Hoàng Thị Phương Thủy	Thành viên BKS	364.757.600
<b>+ Thu nhập Ban Điều hành</b>		
Ông Phạm Chíển Thăng	Tổng Giám đốc	945.309.600
Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	369.309.600

Ngoài thu nhập nêu trên, trong năm 2022, ông Phạm Chíển Thăng nhận thưởng bằng cổ phiếu là 50.595 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, bà Đặng Thị Thanh Minh nhận thưởng bằng cổ phiếu là 3.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**43. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Châu Hồng Hạnh ngày: 17/03/2023  
 Đặng Thị Thanh Minh



TUO. CHỦ TỊCH  
 NG. T. PHÁP - HỘ TỊCH.

Nguyễn Thị Thúy Nhung

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023**

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 50



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên
Bà Hoàng Thị Phương Thủy	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Lễ nhiệm ngày 19/05/2023
Bà Đậu Thị Lý	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 19/05/2023
Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 19/05/2023

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn T.HY.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phân đoạn và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu có các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

**Phạm Minh Thắng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 01 năm 2024, từ trang 06 đến trang 50 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả Hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về liệu quá trình kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.2 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo, Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM đang hợp tác với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tầng Lưng Xanh để thực hiện "Dự án xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư tại ô đất C13/DD2 (nay là ô đất H1/ODK2)" thuộc phường Trần Phú quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội". Dự án đầu tư này đang trong quá trình đề nghị các cơ quan ban ngành chấp thuận chủ trương, phương án.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 27/03/2023.



**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1  
Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**Nguyễn Minh Thắng**  
**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.097.908.049.619</b>	<b>784.963.354.045</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	169.306.868.542	59.547.830.416
Tiền	111		68.306.868.542	21.047.830.416
Các khoản tương đương tiền	112		101.000.000.000	38.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	54.310.262.487	83.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		54.310.262.487	83.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		773.534.951.668	527.583.873.721
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	741.200.456.107	432.944.748.219
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	24.733.438.805	88.977.222.024
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	6.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	70.194.678.518	46.883.355.089
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(68.593.621.762)	(41.221.451.611)
Hàng tồn kho	140	11	99.692.109.923	113.631.223.080
Hàng tồn kho	141		99.692.109.923	113.631.223.080
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.063.856.999	1.200.426.828
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	291.885.008	430.373.424
Thuế GTGT được khấu trừ	152		771.971.991	770.053.404
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>391.752.869.194</b>	<b>322.966.499.667</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		59.534.265.957	6.000.000.000
Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	13.000.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	2.900.000.000	6.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	43.634.265.957	-
Tài sản cố định	220		33.764.978.865	12.729.481.748
Tài sản cố định hữu hình	221	14	25.920.493.446	12.110.819.748
- Nguyên giá	222		115.121.491.566	99.766.056.148
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.200.998.120)	(87.655.236.400)
Tài sản cố định vô hình	227	15	7.844.483.419	618.662.000
- Nguyên giá	228		17.452.188.389	19.004.499.881
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.607.704.970)	(9.385.837.881)
Bất động sản đầu tư	230	16	5.568.361.635	5.568.361.635
- Nguyên giá	231		5.744.124.331	6.744.124.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.175.762.696)	(1.175.762.696)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	246.601.885	246.601.885
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		246.601.885	246.601.885
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	286.309.336.815	293.504.409.743
Đầu tư vào công ty con	251		209.407.125.000	76.123.425.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		26.978.603.966	118.009.603.966
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		81.459.137.000	122.967.748.457
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.535.525.151)	(23.606.367.680)
Tài sản dài hạn khác	260		6.329.324.037	4.917.644.656
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	6.329.324.037	4.917.644.656
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.489.660.918.813</b>	<b>1.107.929.853.712</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
 Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>594.065.008.494</b>	<b>236.191.723.174</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>576.694.713.801</b>	<b>227.148.938.451</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	476.708.216.168	149.536.404.601
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	17.778.912.380	12.450.826.255
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	17.220.002.661	4.204.928.987
Phải trả người lao động	314		6.620.892.627	4.673.928.472
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	707.345.703	3.861.537.484
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	5.392.794.298	1.287.321.440
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	4.407.777.052	12.258.599.777
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	42.456.036.515	30.899.200.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	2.295.434.584	2.639.081.476
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.107.301.813	5.337.109.959
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.370.294.693</b>	<b>9.042.784.723</b>
Phải trả dài hạn khác	337	15	9.437.809.700	2.591.698.900
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	7.932.484.993	6.451.085.823
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>895.595.910.319</b>	<b>871.738.130.538</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>895.595.910.319</b>	<b>871.738.130.538</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		822.900.770.000	587.788.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		822.900.770.000	587.788.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	85.409.783.716
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.410.255.576	41.410.255.576
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.200.000.000	5.200.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.084.884.743	151.929.661.246
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		31.427.104.962	129.413.672.283
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		25.657.779.781	22.515.988.963
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.489.660.919.813</b>	<b>1.107.929.853.712</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Chu Hồng Hạnh

Đậu Thị Lý

Phạm Minh Thắng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	925.023.399.791	805.547.017.614
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>925.023.399.791</b>	<b>805.547.017.614</b>
Giá vốn hàng bán	11	28	771.772.598.370	696.081.839.682
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>153.250.801.421</b>	<b>109.465.177.932</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	24.594.224.693	24.144.305.343
Chi phí tài chính	22	30	10.146.581.634	(222.983.835)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.335.433.867</i>	<i>1.081.951.303</i>
Chi phí bán hàng	25	31	42.774.629.561	42.870.795.732
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	90.871.986.872	59.726.936.691
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>34.051.828.047</b>	<b>31.234.734.707</b>
Thu nhập khác	31	32	975.834.890	670.770.624
Chi phí khác	32	33	1.070.524.067	1.265.413.299
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(94.689.177)</b>	<b>(594.642.675)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>33.957.138.870</b>	<b>30.640.092.032</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	8.299.359.089	8.124.103.069
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>25.657.779.781</b>	<b>22.515.988.963</b>

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024*

Người lập biểu

  
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

  
Đậu Thị Lý

Tổng Giám đốc

  
Phạm Minh Thắng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	1	33.957.138.870	30.640.092.032
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.906.697.192	3.597.091.734
Các khoản dự phòng	03	27.419.079.900	(479.747.601)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.453.150.523	327.413.512
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(12.276.027.133)	(10.475.350.070)
Chi phí lãi vay	06	4.335.433.867	1.081.951.303
Các điều chỉnh khác	07	-	(2.400.000.000)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>58.815.473.219</b>	<b>22.291.360.910</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(287.350.436.819)	(15.786.764.228)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(227.402.298)	(28.630.333.145)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	340.048.775.375	(67.063.989.932)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.273.190.965)	(2.653.236.176)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.693.319.378)	(694.837.969)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.028.642.615)	(7.856.435.477)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.029.808.146)	(1.000.215.811)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>99.259.448.375</b>	<b>(101.394.451.828)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.341.319.398)	(4.205.029.091)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.063.750.000	2.435.140.238
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(97.700.000.000)	(8.900.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	109.800.000.000	3.900.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(13.500.000.000)	(13.700.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.670.000.000	10.372.147.500
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.954.574.824	4.540.513.969
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(1.052.994.574)</b>	<b>(5.557.227.384)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết	Năm 2023	Năm 2022
	số	minh	VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	2.432.938.576
Tiền thu từ đi vay	33		164.498.423.703	44.450.073.358
Tiền trả nợ gốc vay	34		(152.941.587.188)	(19.878.873.358)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(142.159.140)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>11.556.836.515</b>	<b>26.861.979.396</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>109.763.290.316</b>	<b>(80.089.699.816)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>59.547.830.416</b>	<b>139.635.157.686</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.252.190)	2.372.546
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>169.306.868.542</b>	<b>59.547.830.416</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
Chu Hồng Hạnh

  
Đậu Thị Lý

  
Phạm Minh Thắng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 07 năm 2003 và các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 30 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/01/2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 30 ngày 12/01/2024 của Công ty là: 822.900.770.000 (Tám trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn), tương đương 82.290.077 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty có mã giao dịch là ELC và được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 207 người (tại ngày 31/12/2022 là 241 người).

#### 1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

#### 1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2023 bao gồm:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

#### 1.4 CHU KỶ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY**

Công ty có các công ty con, công ty liên kết và đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

*Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:*

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom.	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.	100%	100%
Công ty Cổ phần Elcom plus	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng	93%	93%
Công ty CP Elcom Prime	Tầng 6, tòa nhà Pimexco, 231-233 Lê Thành Tông P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	Xuất bản phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử	70%	70%
Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	Tầng 6, Số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	Sản xuất kinh doanh linh kiện điện tử phần mềm, Bất động sản	68,68%	68,68%
Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	Số 18 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh phần mềm máy tính, dịch vụ cho thuê văn phòng	50,5%	50,5%

*Danh sách các công ty con kiểm soát gián tiếp:*

Tên công ty con gián tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP đầu tư Smartek (là công ty con của Công ty Cổ phần Elcom plus)	Tầng 04, TT Tạo tạo & Đào tạo công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội	Xuất bản phần mềm	74,4%	74,4%

*Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Công nghệ VI.M Bắc Kạn	Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Khai thác quặng kim loại	42,97%	42,97%
Công ty CP Công nghệ VIT	Đường 72, phường Dương Nội, quận Hà Đông, TP. Hà Nội	Sản xuất, bán các hệ thống viễn thông và phát triển phần mềm	34%	34%

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)

*Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:*

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Lắp đặt dịch vụ Viễn thông
Văn phòng đại diện Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	Đại diện Công ty giao dịch với khách hàng

### 1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán

## 2. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 2.1 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### 2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

### 3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra

### 3.3 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

### 3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đời.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đời.

Dự phòng phải thu khó đời của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### *Đầu tư vào Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị tại trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị tại trường của cổ phiếu.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Công ty áp dụng phương pháp kê khai tài sản xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sửa chữa, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	03 - 08
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

**3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sửa chữa, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính

***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 5 - 8 năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3.10. GHỊ NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Nguyên giá

Là bất động sản là nhà cửa vật kiến trúc nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá mà không phải để:

- Sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc
- Bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá bất động sản đầu tư và ghi nhận: khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán.

### 3.11. CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí dự án Từ Liêm. Đây là chi phí tiền quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Thời gian thực hiện đến 31/12/2028.

### 3.12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thực tế phát sinh.

### 3.13. NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận: chủ số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân Đội.

### 3.14 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

### 3.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng or bán hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 3.16 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải trả ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng phải trả của Công ty phản ánh các khoản Dự phòng bảo lãnh sản phẩm hàng hóa.

*Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa*

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.



**TIUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa bằng 5% trên giá trị hợp đồng quy định điều kiện bắt buộc bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc liên quan đến các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

**3.17 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về chi thuê tài sản. Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

**3.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức năm tới; do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được Ủy ban chứng khoán chấp thuận.

**3.19 GHI NHẬN DOANH THU, TIJU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

**Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua,
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa,
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi lập đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt đời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo lãi kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## 3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

### Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả liên tục tại

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được tính bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và không



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, cứu cố) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất cố định tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty dựa cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp Ủy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.21 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền lý kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở dịch vụ được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, giao dịch và số dư của các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	1.189.909.589	415.743.479
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	67.116.958.953	20.632.086.937
- Các khoản ương đương tiền	101.900.000.000	38.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>169.306.868.542</b>	<b>59.547.830.416</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>	54.310.262.487	54.310.262.487	83.000.000.000	83.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	54.310.262.487	54.310.262.487	83.000.000.000	83.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	39.000.000.000	39.000.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	.	.	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thăng Long	10.000.000.000	10.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	5.310.262.487	5.310.262.487	.	.
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>54.310.262.487</b>	<b>54.310.262.487</b>	<b>83.000.000.000</b>	<b>83.000.000.000</b>

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất từ 4,4%/năm đến 10,7%/năm

**5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty con	200.407.125.000	(16.754.270.756)	(*)	76.133.425.000	(16.950.033.077)	(*)
+ Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	30.000.000.000	(16.754.270.756)	(*)	30.000.000.000	(16.950.033.077)	(*)
+ Công ty CP Elcom Plus	13.681.125.000	-	(*)	13.681.125.000	-	(*)
+ Công ty CP Elcom Prime	7.000.000.000	-	(*)	7.000.000.000	-	(*)
+ Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	13.400.000.000	-	(*)	13.400.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH VTS Hải Phòng	-	-	(*)	12.052.300.000	-	(*)
- Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	136.326.000.000	-	(*)	-	-	(*)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty liên kết	26.978.603.966	(421.110.666)	(*)	118.009.603.966	(419.269.342)	(*)
+ Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	17.360.740.000	(421.110.666)	(*)	17.360.740.000	(419.269.342)	(*)
+ Công ty CP Công nghệ VFT	9.617.863.966	-	(*)	9.617.863.966	-	(*)
+ Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	-	-	(*)	91.031.000.000	-	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	81.459.133.000	(5.360.143.729)	(*)	122.967.748.457	(6.237.065.261)	(*)
+ Công ty CP Phát triển Đông Dương Xanh	28.590.000.000	(2.046.855.088)	(*)	28.590.000.000	(1.942.085.985)	(*)
+ Công ty CP tư vấn HT Viễn thông	6.000.000.000	-	(*)	6.000.000.000	-	(*)
+ Công ty CP Giải pháp CN truyền thông đa phương tiện Sáng kiến	-	-	(*)	2.148.349.500	-	(*)
+ Công ty CP Tín học Viễn thông Petrolimex	115.000.000	-	(*)	115.000.000	-	(*)
+ Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh	360.000.000	(360.000.000)	(*)	360.000.000	(360.000.000)	(*)
+ Công ty CP Trung Vầu	26.985.200.000	(912.247.568)	(*)	26.985.200.000	(912.247.568)	(*)
+ Công ty CP Atani Holdings	14.734.933.000	(1.253.577.453)	(*)	14.734.933.000	(3.022.711.708)	(*)
+ Công ty CP ISK	4.674.000.000	(787.463.620)	(*)	-	-	(*)
+ Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư & PT Thăng Long Xanh (1)	-	-	(*)	37.771.500.000	-	(*)
+ Dự án Thanh Trì - Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì (2)	-	-	(*)	5.862.765.957	-	(*)
+ Dự án quản lý xe buýt - Công ty CP Transmedia	-	-	(*)	400.000.000	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>308.844.861.966</b>	<b>(22.535.525.151)</b>	<b>(*)</b>	<b>317.110.777.423</b>	<b>(23.606.367.680)</b>	<b>(*)</b>

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### 5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)

Chi tiết hoạt động của công ty con, công ty liên kết trong năm 2023:

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính
<b>Công ty con</b>				
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyên công nghệ cao.
Công ty Cổ phần Elcom plus	93%	93%	Tầng 5, tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng.
Công ty TNHH VTS Hải Phòng (Đã thoái vốn trong năm 2023)	65%	65%	Tầng 11, tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải (tàu biển (VTS)) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.
Công ty CP Elcom Prime	70%	70%	Tầng 6, tòa nhà Fimexon, 231-233 Lê Thánh Tôn P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM	Xuất bán phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử
Công ty CP đầu tư Smartek (là công ty con của Công ty Cổ phần Elcom plus)	74,4%	74,4%	Tầng 04, TT Ươm tạo & Đào tạo công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội	Xuất bán phần mềm
Công ty CP Tập đoàn thương mại Hà Nội	68,68%	68,68%	Tầng 6, Số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	Sản xuất kinh doanh linh kiện điện tử phần mềm, Bất động sản
Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	50,5%	50,5%	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	Sản xuất kinh doanh phần mềm máy tính, dịch vụ cho thuê văn phòng
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	42,97%	42,97%	Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Khai thác quặng kim loại
Công ty Cổ phần Công nghệ VFT	34%	34%	Đường 72, phường Dương Nội, quận Hà Đông, TP. Hà Nội	Sản xuất, bán các hệ thống viễn thông và phát triển phần mềm



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)

Ghi chú: Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(1) Đây là khoản góp vốn hợp tác đầu tư để thực hiện "Dự án xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư tại ô đất C13/DD2 (nay là ô đất H1/ODK2)" thuộc phường Trần Phú quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ngày 30/06/2011 ký với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh. Theo biên bản thỏa thuận số 30122/BBTT/ELCOM-TLX ngày 30/12/2022 giữa Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh, thời gian hợp tác đầu tư tiếp tục từ ngày 31/12/2022 đến ngày 31/12/2028.

Vào ngày 09/01/2024, liên danh Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh đã có văn bản số 13/TTtr về việc đề nghị UBND thành phố Hà Nội cho phép nhà đầu tư được điều chỉnh mục tiêu "xã hội hóa đầu tư xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư" sang mục tiêu "đầu tư xây dựng nhà ở xã hội" tại ô đất H1/ODK2, phường Trần Phú, quận Hoàng Mai theo hình thức nhận chuyển nhượng, nhận vốn góp bằng tiền sử dụng đất, mua tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở cạnh gia tăng của người dân.

Ngày 16/01/2024, Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã có văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, theo đó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội - Tổ trưởng Tổ công tác đặc biệt của UBND thành phố đã có ý kiến chỉ đạo giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở, ngành Thành có liên quan kiểm tra, rà soát, xem xét nội dung đề xuất, kiến nghị của liên danh Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh - Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom nhận định rằng dự án có khả năng triển khai thực hiện, đồng thời khoản hợp tác đầu tư không bị tổn thất. Năm 2023, Công ty đã thực hiện điều chỉnh khoản góp vốn này sang sang khoản mục phải thu dài hạn khác (trình bày tại thuyết minh số 9. Phải thu khác) cho phù hợp hơn về bản chất.

(2) Đây là khoản hợp tác đầu tư số 01/2014/HĐĐT/ELCOM-BĐSTHANHLIET ngày 11/12/2014 giữa Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì để thực hiện "Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội" giữa Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

Theo nghị quyết số 01-12/2022/BB-HDQT của Hội đồng Quản trị Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom ngày 21/12/2022, Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom thông qua thoái 100% vốn góp của Công ty tại "Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội" giữa Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	741.200.456.107	62.331.776.714	432.944.748.219	34.959.606.563
- Tập đoàn viễn thông Quân đội Viettel	165.889.012.218	17.846.327.583	24.176.690.322	17.846.327.583
- Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	53.632.715.176	-	58.132.715.176	-
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net)	15.534.200.000	15.534.200.000	15.534.200.000	4.660.260.000
- Công ty CP N.D.C	56.223.631.956	-	80.727.070.580	-
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Thép Nam Phát	158.229.185.514	-	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú Hưng Long	40.002.822.644	-	-	-
- Công ty CP Tập Đoàn Thương mại Hà Nội	33.965.940.975	-	38.060.926.187	-
- Các đối tượng khác	217.722.947.624	28.951.249.131	216.304.145.954	12.453.018.980
<b>Cộng</b>	<b>741.200.456.107</b>	<b>62.331.776.714</b>	<b>432.944.748.219</b>	<b>34.959.606.563</b>

b) Phải thu của khách hàng là các hệ liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 38.3

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>24.733.438.805</b>	<b>-</b>	<b>88.977.222.024</b>	<b>-</b>
- Nguyễn Thị Lệ Thủy (1)	-	-	5.980.000.000	-
- Ngô Ngọc Hà (1)	-	-	2.990.000.000	-
- Trần Hùng Giang (1)	-	-	4.030.000.000	-
- Công ty CP JUNI	-	-	5.208.729.346	-
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật DELTATECH	2.540.872.250	-	2.840.872.250	-
- Các đối tượng khác	22.192.566.555	-	67.927.620.428	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyễn Thị Lệ Thủy (1)	5.980.000.000	-	-	-
- Ngô Ngọc Hà (1)	2.990.000.000	-	-	-
- Trần Hùng Giang (1)	4.030.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>37.733.438.805</b>	<b>-</b>	<b>88.977.222.024</b>	<b>-</b>

(1) Đây là khoản ứng trước cho các cá nhân là chủ sở hữu của các lô đất thuộc "Dự án xây dựng khu dịch vụ cửa hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội". Theo biên bản thỏa thuận hợp tác số 31/222/BBTT-ELCOM ngày 31/12/2022, các bên thống nhất thời gian hợp tác tiếp tục từ ngày 31/12/2022 đến ngày 31/12/2028. Sau thời gian nêu trên, nếu dự án không được triển khai vì bất kỳ lý do gì thì các bên cùng nhau thống nhất phương án để chuyển đổi mục đích dự án trên tinh thần hợp tác giữa các bên và nếu không có phương án thay thế, các cá nhân trên phải hoàn lại vô điều kiện phần tạm ứng theo biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 25/10/2008.

Vào ngày 09/01/2024, Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom đã có văn bản số 16/TTc về việc đề nghị UBND thành phố Hà Nội xem xét, chấp thuận đề xuất nghiên cứu thực hiện đầu tư theo hình thức tự thỏa thuận, chuyển nhượng Quyền sử dụng đất để thực hiện "Dự án xây dựng khu dịch vụ cửa hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội" theo hình thức đầu tư trực tiếp, sử dụng 100% vốn đầu tư trong nước bao gồm vốn của Doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện dự án theo hình thức nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn quyền sử dụng đất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP)**

Ngày 12/01/2024, Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã có văn bản số 533/VP-TNMT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, theo đó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội - Tổ trưởng Tổ công tác đặc biệt của UBND thành phố đã có ý kiến chỉ đạo giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, hướng dẫn Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom thực hiện theo quy định. Đến thời điểm lập báo cáo này, các kiến nghị của Công ty vẫn đang được xem xét.

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2023	01/01/2023
	Giá trị VND	Giá trị VND
a) Ngắn hạn	6.000.000.000	-
- Công ty CP Tấn Phát (1)	6.000.000.000	-
b) Dài hạn	2.900.000.000	6.000.000.000
- Công ty CP Tấn Phát (1)	-	6.000.000.000
- Cho vay cá nhân (2)	2.900.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.900.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>

(1) Theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2022/VAYVON ngày 10/06/2022 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty CP Tấn Phát. Thời gian cho vay tối đa 2 năm, lãi suất cho vay cố định 5.5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

(2) Theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2023-ELC-Thanh Nhân ngày 18/12/2023, thời gian cho vay là 2 năm, lãi suất cho vay cố định 7%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Đến thời điểm lập báo cáo này, khoản tiền cho vay đã được thu hồi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	70.194.678.518	6.261.845.048	46.883.355.089	6.261.845.048
- Tam ứng	6.961.821.170	-	6.343.616.188	-
- Ký cược, ký quỹ	28.798.206.471	-	26.703.501.006	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.547.134.058	-	1.842.395.555	-
- Phải thu khác	29.887.516.819	6.261.845.048	11.993.842.340	6.261.845.048
- Ông Lại Hữu Thành (1)	9.506.000.000	-	-	-
- Ông Hà Quốc Vương (1)	8.826.000.000	-	-	-
- Nguyễn Phương Hải (CMT 011486928 ngày 11/08/2009)	1.005.750.000	1.005.750.000	1.005.750.000	1.005.750.000
- Công ty CP CN Vật liệu môi Bắc Kan	3.539.885.279	3.539.885.279	3.539.885.279	3.539.885.279
- Công ty CP CN vật liệu môi (ELCOM Industry)	1.716.209.769	1.716.209.769	1.716.209.769	1.716.209.769
- Công ty CP đầu tư thương mại Bắc Hà (2)	4.000.000.000	-	4.500.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.299.671.771	-	1.231.997.292	-
b) Dài hạn	43.634.265.957	-	-	-
- Dự án Trần Phú - Công ty CP Dầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh (3)	37.771.500.000	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì (4)	5.862.765.957	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>113.828.944.475</b>	<b>6.261.845.048</b>	<b>46.883.355.089</b>	<b>6.261.845.048</b>

c) Phải thu của khác là các bên liên quan: Chi tiết minh bày tại thuyết minh số 38.3

(1) Là khoản phải thu phát sinh từ việc thoái vốn Công ty Cổ phần ISK.

(2) Là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà liên quan đến khoản góp vốn đầu tư vào một dự án bất động sản trọng năm 2007. Trong năm 2023, công ty đã thu được số tiền là 500.000.000 VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, khoản tiền phải thu này đã được Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà hoàn trả.

(3) (4) Công ty đã điều chỉnh khoản hợp tác đầu tư đang được ghi nhận trên tài khoản 226 - Đầu tư vào đơn vị khác về tài khoản 138 - Phải thu khác theo đúng quy định hiện hành. Chi tiết nội dung số dư xem tại thuyết minh 5.1.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. NỢ XUẤT**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi Dự phòng VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty CP Thủy sản N.G Việt Nam	12.943.377.077	-	12.943.377.077	5.260.843.526
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net)	15.534.200.000	-	15.534.200.000	10.873.940.000
- Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	4.137.656.058	-	4.137.656.058	-
- Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới	4.111.247.702	-	4.111.247.702	-
- Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel - HĐ02/2012, hệ thống thiết bị quản lý băng thông PCRF	17.846.327.583	-	17.846.327.583	-
- Các đối tượng khác	14.020.813.342	-	14.020.813.342	2.783.426.717
<b>Cộng</b>	<b>68.593.621.762</b>	<b>-</b>	<b>68.593.621.762</b>	<b>16.134.783.526</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	36.025.336.386	-	51.679.329.541	-
Thành phẩm	4.162.865.785	-	4.162.865.785	-
Hàng hóa	59.503.907.752	-	57.789.027.754	-
<b>Cộng</b>	<b>99.692.109.923</b>	<b>-</b>	<b>113.631.223.080</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**12. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	246.601.885	246.601.885
- Dự án Phúc Diễn (*)	246.601.885	246.601.885
<b>Cộng</b>	<b>246.601.885</b>	<b>246.601.885</b>

(\*) Đây là chi phí xây dựng thực hiện "Dự án xây dựng khu dịch vụ của hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội". Chi tiết thông tin dự án xem tại Thuyết minh số 7.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	291.885.008	430.373.424
- Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kiosk và chi phí khác	291.885.008	430.373.424
b) Dài hạn	6.329.324.037	4.917.644.656
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.234.359.021	2.713.850.725
- Các khoản khác	2.094.965.016	2.203.793.930
<b>Cộng</b>	<b>6.621.209.045</b>	<b>5.348.018.080</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	TSCĐ HH khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2023	66.739.686.839	13.485.965.818	15.369.032.396	4.171.371.093	99.766.056.148
- Mua trong năm	-	3.792.930.890	14.267.216.455	-	18.060.147.345
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.118.790.909)	-	(585.921.018)	(2.704.711.927)
31/12/2023	<u>66.739.686.839</u>	<u>15.160.105.799</u>	<u>29.636.248.851</u>	<u>3.585.450.077</u>	<u>115.121.491.566</u>
<b>HAO MÓN LŨY KẾ</b>					
01/01/2023	(66.722.353.495)	(6.574.925.814)	(11.877.515.431)	(2.480.441.660)	(87.655.236.400)
- Khấu hao trong năm	(17.333.344)	(1.557.894.473)	(1.764.324.390)	(345.277.896)	(3.684.830.103)
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.960.038.959	-	179.031.424	2.139.070.383
31/12/2023	<u>(66.739.686.839)</u>	<u>(6.172.781.328)</u>	<u>(13.641.839.821)</u>	<u>(2.646.688.132)</u>	<u>(89.200.996.120)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2023	17.333.344	6.911.040.004	3.491.516.965	1.690.929.435	12.110.819.748
31/12/2023	-	8.987.324.471	15.994.409.030	938.761.945	25.920.495.446

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 85.103.901.936 VND (tại ngày 01/01/2023 là 87.467.241.935 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2023	10.004.499.881	10.004.499.881
- Mua trong năm	7.447.688.508	7.447.688.508
31/12/2023	17.452.188.389	17.452.188.389
<b>HAO MÔN LŨY KẾ</b>		
01/01/2023	(9.385.837.881)	(9.385.837.881)
- Khấu hao trong năm	(221.867.089)	(221.867.089)
31/12/2023	(9.607.704.970)	(9.607.704.970)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2023	618.662.000	618.662.000
31/12/2023	7.844.483.419	7.844.483.419

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 9.344.499.881 VND (tại ngày 01/01/2023 là 8.934.639.881 VND)

**16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	Nhả cửa vật kiến (trúc) <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2023	6.744.124.331	6.744.124.331
31/12/2023	6.744.124.331	6.744.124.331
<b>HAO MÔN LŨY KẾ</b>		
01/01/2023	(1.175.762.696)	(1.175.762.696)
31/12/2023	(1.175.762.696)	(1.175.762.696)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2023	5.568.361.635	5.568.361.635
31/12/2023	5.568.361.635	5.568.361.635

- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay (tại ngày 31/12/2023 là 3.129.237.304 VND (tại ngày 01/01/2023 là 3.129.237.304 VND))

Theo quyết định số 01-01/2020/QĐ-ELCOM ngày 02/01/2020 của Tổng Giám đốc Công ty CP Công nghệ - Viễn Thông Elcom, Công ty đã chuyển đổi mục đích sử dụng tài sản từ bất động sản chủ sở hữu thành bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư: Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
a) Ngắn hạn	476.708.216.168	476.708.216.168	149.536.404.601	149.536.404.601
- Ciena Communications Inc	180.456.183.108	180.456.183.108	66.312.038.876	66.312.038.876
- TWS International Trading Pte Ltd	34.734.128.000	34.734.128.000	33.746.394.000	33.746.394.000
- Công ty TNHH Kết cấu thép S68	70.238.790.846	70.238.790.846	-	-
- Công ty CP Thép Kỹ Nam	32.988.973.233	32.988.973.233	-	-
- Công ty TNHH BST	33.198.509.703	33.198.509.703	-	-
- Các đối tượng khác	125.091.631.278	125.091.631.278	49.477.971.725	49.477.971.725
<b>Cộng</b>	<b>476.708.216.168</b>	<b>476.708.216.168</b>	<b>149.536.404.601</b>	<b>149.536.404.601</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 38.3

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>u) Ngắn hạn</b>	<b>17.778.912.380</b>	<b>17.778.912.380</b>	<b>12.450.826.255</b>	<b>12.450.826.255</b>
- BQLDA ĐTXD các CUGT tỉnh Yên Bái	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
- Trung tâm tin học - Bộ KH & đầu tư	-	-	8.758.200.000	8.758.200.000
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng tỉnh Hà Nam	3.689.319.000	3.689.319.000	-	-
- Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	2.600.000.000	2.600.000.000	-	-
- Công ty CP Mopha	2.320.725.000	2.320.725.000	2.320.725.000	2.320.725.000
- Các đối tượng khác	3.168.868.380	3.168.868.380	1.371.901.255	1.371.901.255
<b>Cộng</b>	<b>17.778.912.380</b>	<b>17.778.912.380</b>	<b>12.450.826.255</b>	<b>12.450.826.255</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
	<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>			
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.257.386.868	11.065.912.547	4.373.359.702	9.099.739.713
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	27.071.960.628	27.071.960.628	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.916.532.903	2.916.532.903	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.373.875.874	8.299.359.089	3.028.642.615	6.644.592.348
- Thuế thu nhập cá nhân	113.963.142	1.891.021.804	1.882.824.889	122.160.057
- Thuế nhà đất	246.642.506	2.031.252.177	1.037.444.737	1.240.449.946
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	113.060.597	6.000.000	6.000.000	113.060.597
<b>Cộng</b>	<b>4.204.928.987</b>	<b>53.282.039.148</b>	<b>40.266.965.474</b>	<b>17.220.002.661</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn	42.456.036.515	42.456.036.515	164.498.423.703	152.941.587.188	30.899.200.000	30.899.200.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Thăng Long (1)	42.456.036.515	42.456.036.515	144.498.423.703	122.293.587.188	20.251.200.000	20.251.200.000
- Công ty TNHH VTS Hải Phòng	-	-	-	10.648.000.000	10.648.000.000	10.648.000.000
- Vay cá nhân	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>42.456.036.515</b>	<b>42.456.036.515</b>	<b>164.498.423.703</b>	<b>152.941.587.188</b>	<b>30.899.200.000</b>	<b>30.899.200.000</b>

(1) Hợp đồng vay số 166008.23.054.27272.TD ngày 11/10/2023 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom. Hạn mức cấp tín dụng: 350.000.000.000 đồng trong đó:

- Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 đồng
- Hạn mức bảo lãnh thanh toán: 50.000.000.000 đồng
- Hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là: 250.000.000.000 đồng
- Hạn mức bảo lãnh LC là: 50.000.000.000 đồng
- Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng từ ngày giao kết hợp đồng ngày đến ngày 09/10/2024
- Mục đích cấp tín dụng: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động cung cấp thiết bị, phần mềm và các dịch vụ đi kèm trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao của khách hàng.
- Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh: Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: chỉ tiết tại từng lần giải ngân, nhận nợ và thỏa thuận chung.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là hệ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với bản cáo tài chính)*

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>707.345.703</b>	<b>3.861.537.484</b>
- Trích trước chi phí liên dự án	527.345.703	3.689.073.746
- Các khoản trích trước khác	180.000.000	172.463.738
<b>Cộng</b>	<b>707.345.703</b>	<b>3.861.537.484</b>

**22. DOANH THU CHỨA THỰC HIỆN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.392.794.298</b>	<b>1.287.321.440</b>
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	1.782.794.298	1.287.321.440
- Các khoản khác	3.610.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.392.794.298</b>	<b>1.287.321.440</b>

**23. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.407.777.052</b>	<b>12.258.599.777</b>
- Kinh phí công đoàn	1.813.147.322	1.550.783.852
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	823.764.713	823.764.713
- Phải trả cổ tức	730.339.858	730.339.858
- Phải trả lãi vay	-	1.408.699.002
- Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	-	6.930.520.000
- Phải trả hãng mang đi bảo hành	498.707.490	346.876.050
- Phải trả khác	561.817.669	467.616.302
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.437.809.700</b>	<b>2.591.698.900</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.507.289.700	2.591.698.900
- Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	6.930.520.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.845.586.752</b>	<b>14.850.298.677</b>

(\*) Là khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty CP Công nghệ mạng Đồng Đô theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐ/ELCOM-DONGDO ngày 24/03/2021 với số tiền là 6.930.520.000 VND. Mục đích của việc hợp tác đầu tư là mua phần vốn góp của Công ty CP Công nghệ VPT.

**24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.295.434.584</b>	<b>2.639.081.476</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm: hàng hóa	2.295.434.584	2.639.081.476
<b>b) Dài hạn</b>	<b>7.932.484.993</b>	<b>6.451.085.823</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm: tăng hậu	7.932.484.993	6.451.085.823
<b>Cộng</b>	<b>10.227.919.577</b>	<b>9.090.167.299</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**25.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	509.282.430.000	86.677.010.000	(1.349.334.820)	41.410.255.576	5.200.000.000	208.203.142.283	849.423.503.039
- Tăng vốn trong năm trước	2.116.530.000	-	-	-	-	-	2.116.530.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	22.515.988.963	22.515.988.963
- Chuyển lợi nhuận thành vốn góp	76.389.470.000	-	-	-	-	(76.389.470.000)	-
- Mua lại Cổ phiếu quỹ	-	(1.349.334.820)	1.349.334.820	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
- Tăng khác	-	82.108.536	-	-	-	-	82.108.536
31/12/2022	587.788.430.000	85.409.783.716	-	41.410.255.576	5.200.000.000	151.929.661.246	871.738.130.538
01/01/2023	587.788.430.000	85.409.783.716	-	41.410.255.576	5.200.000.000	151.929.661.246	871.738.130.538
- Tăng vốn trong năm nay (1)	255.112.340.000	(85.409.783.716)	-	(31.000.000.000)	-	(318.702.556.284)	-
+ Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	25.657.779.781	25.657.779.781
- Phân phối lợi nhuận (2)	-	-	-	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
31/12/2023	842.900.770.000	-	-	10.410.255.576	5.200.000.000	57.084.884.743	895.595.910.319

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****25.1 BẢNG ĐỐI CHIỀU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

(1) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 30/10/2023, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 02-11/2023/NQ-HĐQT ngày 02/11/2023 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền 100:40 (một cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 40 cổ phiếu mới). Số cổ phiếu dự kiến được phát hành thêm là 23.511.537 cổ phiếu. Ngày kết thúc đợt phát hành là ngày 07/12/2023.

Nghị quyết số 02-12/2023/NQ-HĐQT ngày 13/12/2023 của Hội đồng quản trị đã thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, tổng số cổ phiếu được phát hành thêm là 23.511.234 cổ phiếu.

(2) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 26/04/2023

**25.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Ông Phan Chiến Thắng	65.569.170.000	55.049.410.000
- Ông Trần Hùng Cường	48.113.800.000	34.367.010.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	47.460.570.000	34.126.410.000
- Cổ đông khác	661.457.230.000	464.245.600.000
<b>Cộng</b>	<b>822.900.770.000</b>	<b>587.788.430.000</b>

**25.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỐ TỨC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	587.788.430.000	509.282.430.000
+ Vốn góp tăng trong năm	235.112.340.000	78.506.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	822.900.770.000	587.788.430.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**25.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2023	01/01/2023
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	82.290.077	58.778.843
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	82.290.077	58.778.843
+ Cổ phiếu phổ thông	82.290.077	58.778.843
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.290.077	58.778.843
+ Cổ phiếu phổ thông	82.290.077	58.778.843
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2023	01/01/2023
a) Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	51.998,72	4.939,31
b) Nợ khó đòi đã xử lý:	18.433.858.421	18.307.777.778
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	18.433.858.421	18.307.777.778

**27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
a) Doanh thu	925.023.399.791	805.547.017.614
- Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	34.494.740.000	14.820.178.590
- Doanh thu bán hàng hóa	794.417.028.575	717.747.229.451
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	96.111.631.216	72.979.609.573
<b>Cộng</b>	<b>925.023.399.791</b>	<b>805.547.017.614</b>

**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá vốn bán thành phẩm phần mềm	10.351.765.357	5.069.224.256
- Giá vốn bán hàng hóa	723.768.578.046	561.784.697.706
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	37.652.253.967	29.227.917.720
<b>Cộng</b>	<b>771.772.598.370</b>	<b>696.081.839.682</b>

**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.953.005.508	4.308.192.601
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	802.371.125	38.190.000
- Lãi từ việc bán các khoản đầu tư	-	6.128.967.466
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.312.021.172	4.688.867.486
- Lãi từ hợp tác đầu tư	9.527.826.888	5.980.067.787
<b>Cộng</b>	<b>24.594.224.693</b>	<b>24.144.305.343</b>

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí lãi vay	4.335.433.867	3.081.951.303
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.428.839.773	614.051.515
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	1.453.150.523	327.415.512
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.070.842.529)	(2.246.400.165)
<b>Cộng</b>	<b>10.146.581.634</b>	<b>(222.983.835)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>90.871.986.872</b>	<b>59.726.936.697</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	31.189.258.889	21.961.046.114
- Chi phí đồ dùng văn phòng	4.194.782.418	1.892.106.867
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2.896.585.101	2.269.498.172
- Chi phí dự phòng	27.372.170.151	6.555.028.454
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.637.043.224	19.405.738.114
- Chi phí bằng tiền khác	4.582.147.089	5.645.518.970
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>42.774.629.561</b>	<b>42.870.795.712</b>
- Chi phí nhân viên	28.285.450.491	21.875.696.881
- Chi phí khấu hao TSCĐ	999.112.091	1.465.241.870
- Chi phí dự phòng bán hàng	2.843.229.375	37.999.028
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.004.664.798	12.845.796.673
- Chi phí bằng tiền khác	642.172.806	646.061.260
<b>Cộng</b>	<b>133.646.616.433</b>	<b>102.597.732.403</b>

**32. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	796.521.271	266.327.863
- Các khoản khác	179.313.619	404.442.761
<b>Cộng</b>	<b>975.834.890</b>	<b>670.770.624</b>

**33. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lũy từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	651.745.195
- Các khoản chi phí khác	1.070.524.067	613.668.104
<b>Cộng</b>	<b>1.070.524.067</b>	<b>1.265.413.299</b>

**34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên vật liệu, CCDC, tăng hoá	233.412.647.361	288.298.840.526
- Chi phí nhân công	60.485.093.567	56.601.234.648
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.906.697.192	3.597.001.731
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.570.082.112	74.371.772.175
- Chi phí dự phòng tạo hành, phải thu khó đòi	30.215.399.526	6.593.027.482
- Chi phí bằng tiền khác	14.446.605.123	13.641.966.734
<b>Cộng</b>	<b>415.036.524.881</b>	<b>443.103.843.299</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023 VNĐ	Năm 2022 VNĐ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.957.138.870	30.640.092.032
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>7.681.709.933</b>	<b>10.155.549.661</b>
- Khấu hao TSCĐ vượt định mức	237.093.336	189.383.894
- Các khoản chi phí không hợp lệ	7.307.680.251	9.966.165.767
- Lãi chênh lệch tỷ giá của các khoản phải thu, kỳ quỹ năm 2022	136.936.346	-
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(915.887.065)</b>	<b>(175.126.346)</b>
- Thu nhập đã tính thuế từ các khoản đầu tư	(802.371.125)	(38.190.000)
- Lãi chênh lệch tỷ giá của các khoản phải thu, kỳ quỹ	(113.515.940)	(136.936.346)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>40.722.961.738</b>	<b>40.620.515.347</b>
Tỷ lệ suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>8.144.592.348</b>	<b>8.124.103.069</b>
Chi phí thuế TNDN đã nộp sau Thanh tra Quyết toán thuế 2022	154.766.741	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>8.299.359.089</b>	<b>8.124.103.069</b>

**36. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lợi trên cổ phiếu thị trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất tài chi trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chi liệu này trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### 37.1 THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực bán thành phẩm phần mềm: Bán các sản phẩm phần mềm.
- Lĩnh vực bán thép: Kinh doanh buôn bán thép.
- Lĩnh vực bán hàng hóa: Bán các thiết bị phục vụ dự án.
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ: Dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Các hoạt động kinh doanh ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam của Công ty chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

**37.2. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

	Thành phẩm phần mềm	Kán thép	Bán hàng hỗn	Cung cấp dịch vụ	Cộng
Năm 2023					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	34.494.740.000	250.215.374.429	544.201.654.146	96.111.631.216	925.023.199.791
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>34.494.740.000</b>	<b>250.215.374.429</b>	<b>544.201.654.146</b>	<b>96.111.631.216</b>	<b>925.023.199.791</b>
Chi phí bộ phận	(10.351.766.357)	(214.023.723.064)	(479.744.854.982)	(37.652.253.967)	(771.772.598.370)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	24.142.973.643	6.191.651.365	64.456.799.164	58.459.377.249	153.250.801.421
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(133.646.616.433)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					19.604.184.988
Doanh thu hoạt động tài chính					24.591.224.693
Chi phí tài chính					(10.146.581.634)
Thu nhập khác					975.034.890
Chi phí khác					(1.070.524.067)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(8.299.359.089)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>25.657.779.781</b>
Tài sản không phân bổ					1.489.660.910.813
Nợ phải trả không phân bổ					594.065.008.494
<b>Tổng chi phí mua TNCĐ</b>					<b>11.341.319.398</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

**37.2. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

	Thành phẩm phần mềm	Sắt thép	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Cộng
<b>Năm 2022</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.820.178.590	290.447.077.001	427.300.152.450	72.979.609.573	805.547.017.614
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>14.820.178.590</b>	<b>290.447.077.001</b>	<b>427.300.152.450</b>	<b>72.979.609.573</b>	<b>805.547.017.614</b>
Chi phí bộ phận	(5.069.224.256)	(281.987.236.936)	(379.797.460.770)	(29.227.917.720)	(696.081.819.682)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	9.750.954.334	8.459.840.065	47.502.691.680	43.751.691.853	109.465.177.932
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(102.597.732.403)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					6.867.445.529
Doanh thu hoạt động tài chính					24.144.305.343
Chi phí tài chính					222.983.835
Thu nhập khác					670.770.624
Chi phí khác					(1.265.413.299)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(8.124.103.069)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>22.575.988.963</b>
Tài sản không phân bổ					1.107.929.853.713
Nợ phải trả không phân bổ					236.191.723.174
<b>Tổng chi phí mua TSCĐ</b>					<b>4.203.029.091</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 38. THÔNG TIN KHÁC

#### 38.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM	Công ty con
- Công ty CP ELCOMPLUS	Công ty con
- Công ty CP đầu tư Smartek	Công ty con của Công ty CP Elcom Plus
- Công ty CP ELCOM PRIME	Công ty con
- Công ty CP tập đoàn Thương mại Hà Nội	Công ty con
- Công ty CP máy tính truyền thông Việt Nam	Công ty con
- Công ty CP Công nghệ VFT	Công ty liên kết
- Công ty CP Antani Holdings	Công thành viên HĐQT
- Công ty NPT Solutions INC	Ông Phan Đức Trung - (GĐ) Công ty INC là con trai của Chủ tịch HĐQT
- Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC	Ông Ngô Trọng Hiếu TGD Công ty - em trai của Phó TGD Ngô Ngọc Hà
- Công ty CP đầu tư thương mại & phát triển Dịch vụ Việt Nam	Ông Nguyễn Văn Hòa là đại diện theo Pháp luật của Công ty CP đầu tư TM & PT Dịch vụ Việt Nam và là Phó Tổng Giám đốc của Công ty CP Công nghệ - Viễn thông ELCOM
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Vợ Ông Plun Chiến Thắng - Chủ tịch HĐQT

#### 38.2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Công ty CP Elcom Plus</u>	<u>Năm 2023 VND</u>	<u>Năm 2022 VND</u>
- Mua hàng hóa, dịch vụ	1.596.985.000	68.750.000
+ Giá trị hàng hóa chưa có thuế GTGT	3.595.160.000	62.500.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	1.885.000	6.250.000
- Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	-	68.750.000
- Trả trừ công nợ phải trả và phải thu	-	-
- Bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty CP Elcom Plus	-	2.805.744.101
+ Giá trị dịch vụ chưa có thuế GTGT	-	2.711.481.738
+ Thuế GTGT hàng hóa bán ra	-	94.262.413
- Nộp tiền góp vốn	-	300.000.000
<b>Công ty CP Elcom Prime</b>	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
- Mua hàng hóa, dịch vụ	-	359.538.000
+ Giá trị hàng hóa chưa có thuế GTGT	-	332.905.556
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	-	26.632.444

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**38. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**38.2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Công ty CP Đầu tư Smartek	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Bán hàng hóa, dịch vụ	-	330.750.750
+ Giá trị dịch vụ chưa có thuế GTGT	-	300.682.509
+ Thuế GTGT hàng hóa bán ra	-	30.068.259
<b>Công ty TNHH VTS Hải Phòng</b>	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
- Chi phí lãi vay phải trả	-	387.113.334
- Nhận tiền vay	-	4.320.000.000
<b>Công ty CP Tập đoàn TM Hà Nội</b>	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
- Chi phí ELCOM thuê dịch vụ	13.010.608.800	13.630.161.600
+ Giá trị DV thuê kho chưa có thuế GTGT	12.391.056.000	12.391.056.000
- Thuế GTGT hàng hóa mua vào	619.552.800	1.239.105.600
- Thanh toán tiền mua dịch vụ	520.000.000	720.000.000
- Bù trừ công nợ phải trả và phải thu	4.103.985.212	3.930.073.813
- Doanh thu từ hợp tác đầu tư Elcom được nhận	9.006.176.388	8.980.087.787
- Bù trừ công nợ phải trả và phải thu khác	9.006.176.388	8.950.087.787
<b>Công ty CP Công nghệ VFT</b>	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
- Mua hàng hóa, dịch vụ	132.188.980	16.500.000
+ Giá trị DV thuê kho chưa có thuế GTGT	120.171.800	15.000.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	12.017.180	1.500.000
- Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	132.188.980	16.500.000
<b>Công ty CP Atani Holdings</b>	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
- Lãi chậm thanh toán	16.055.400	364.471.029
- Nhận tiền lãi chậm thanh toán	39.508.060	341.018.569
- Thu tiền cho thuê văn phòng	2.100.437.391	4.200.000.000
<b>Công ty NPT Solutions INC</b>	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
- Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua trong kỳ	1.811.812.500	2.619.725.600
- Thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ	1.805.625.000	2.614.269.350
<b>Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC</b>	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
- Mua hàng hóa, dịch vụ	471.610.031	284.522.610
+ Giá trị DV thuê Server, DV điện Cloud chưa có thuế GTGT	428.736.392	258.636.918
- Thuế GTGT hàng hóa mua vào	42.873.639	25.865.692
- Thanh toán tiền dịch vụ	471.610.031	259.223.188

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các số liệu minh này là hệ phân loại thành và cân đối, đưc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 38. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

#### 38.2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Công ty CP đầu tư thương mại & PT dịch vụ Việt Nam	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	217.800.000	108.900.000
+ Giá trị thuế xu ô tô chưa có thuế GTGT	198.000.000	99.000.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	19.800.000	9.900.000
- Thanh toán tiền dịch vụ	217.800.000	108.900.000

#### 38.3. SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2023	01/01/2023
<b>Phải thu của khách hàng</b>		
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	597.770.779	597.770.779
Công ty CP Anani Holding	-	2.100.437.591
Công ty Cổ phần Thương mại Hà Nội	33.465.940.975	38.069.926.187
Công ty CP Elcom Plus	1.408.557.186	2.805.744.181
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Ông Trần Hùng Giang	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	5.980.000.000	5.980.000.000
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279
<b>Phải trả cho người bán</b>		
Công ty TNHH GP phần mềm Elcom	127.422.566	127.422.566
Công ty CP Máy tính & Truyền thông Việt Nam	422.273.333	422.273.333

#### 38.4. THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN QUẢN LÝ CHỦ CHỐT

Năm 2023	Chức vụ	Tổng thu nhập VND
<b>HĐQT và Ban Giám đốc</b>		
- Ông Phan Xuân Thắng	Chủ tịch HĐQT	285.500.000
- Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	177.205.000
- Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	177.205.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	177.205.000
- Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	446.973.070
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	120.000.000
- Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên HĐQT	120.000.000
- Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	455.673.000
- Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	461.227.273
<b>Hạn Kiểm soát</b>		
- Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng ban	334.900.000
- Bà Vũ Thị Ngọc Hà	Thành viên	328.021.000
- Bà Hoàng Thị Phương Thủy	Thành viên	36.000.000
<b>Kế toán trưởng</b>		
- Bà Đậu Thị Lý	Kế toán trưởng (bổ nhiệm từ 19/05/2023)	268.122.727
- Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng (miễn nhiệm từ 19/05/2023)	227.640.000
<b>Cộng</b>		<b>3.615.672.070</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**38. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**38.4. THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN QUẢN LÝ CHỦ CHỐT (TIẾP)**

Năm 2022	Chức vụ	Tổng thu nhập VND
<b>HĐQT và Ban Giám đốc</b>		
- Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	222.500.000
- Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	141.500.000
- Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	144.500.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	144.500.000
- Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	386.900.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	120.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	40.000.000
- Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên HĐQT	80.000.000
- Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	389.300.000
- Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	.
<b>Ban Kiểm soát</b>		
- Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng ban	315.880.000
- Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	304.757.600
- Bà Hoàng Thị Phương Thủy	Thành viên	36.000.000
<b>Kế toán trưởng</b>		
- Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	556.000.000
<b>Cộng</b>		<b>2.884.845.600</b>

**38.5. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 13715 Quyển số: 04 SCT/HS  
Ngày: 17-12-2024



Chu Hồng Hạnh

Đậu Thị Lý

Phạm Minh Thắng

PHIÊN BẢN CHỨNG THỰC  
CÔNG CHỨC TỰ PHÁP - HỘ TỊCH

Nguyễn Thị Thùy Nhung

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023**

---

*Tháng 3 năm 2024*

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 54

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### ĐỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc/Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Hà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban
Hà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên
Hà Hoàng Thị Phương Thủy	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/05/2023
Bà Đậu Thị Lý	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 19/05/2023
Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 19/05/2023

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UIY.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Bản cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu chu mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc



**Phạm Minh Tuấn**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Kính gửi:** Các cổ đông  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 54 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc minh bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.3 trong Báo cáo tài chính kèm theo Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM đang hợp tác với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh để thực hiện "Dự án xây dựng nhà ở hỗn hợp tại ô đất C13/DD2 (nay là ô đất E11/ODK2)" thuộc phường Trần Phú quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội". Dự án đầu tư này đang trong quá trình đề nghị các cơ quan ban ngành chấp thuận chủ trương, phương án.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 27/03/2023.



**Nguyễn Minh Long**  
Phó Tổng giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**Nguyễn Minh Thắng**  
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.214.117.529.930</b>	<b>821.003.580.348</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	186.196.786.544	72.857.962.923
Tiền	111		78.196.786.544	31.357.962.923
Các khoản tương đương tiền	112		108.000.000.000	41.500.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>104.620.407.487</b>	<b>83.288.003.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		723.320.938	723.320.938
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(143.175.938)	(435.317.938)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1	104.040.262.487	83.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>809.414.896.009</b>	<b>535.120.948.675</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	773.365.334.735	429.608.842.347
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	24.936.143.053	89.080.199.692
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	6.000.000.000	5.732.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	75.979.576.065	51.921.558.247
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác	137	10	(70.866.157.841)	(41.221.451.611)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	11	<b>108.831.975.292</b>	<b>123.929.814.709</b>
Hàng tồn kho	141		108.831.975.292	123.929.814.709
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.053.464.598</b>	<b>5.806.851.041</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	328.864.512	566.663.541
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.946.821.600	5.240.187.500
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	777.778.486	.
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>606.996.536.132</b>	<b>323.872.201.017</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>63.114.765.957</b>	<b>6.052.500.000</b>
Trả trước cho người bán dài hạn	212		13.000.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	2.900.000.000	6.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	47.214.765.957	52.500.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>89.960.658.765</b>	<b>69.610.424.937</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	79.480.720.090	65.728.988.585
- Nguyên giá	222		169.592.550.506	150.193.474.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90.111.824.416)	(84.464.486.325)
Tài sản cố định vô hình	227	15	10.479.932.675	3.881.436.352
- Nguyên giá	228		16.865.954.337	10.262.199.565
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.386.021.662)	(6.380.763.213)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
*Tại ngày 31/12/2023*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>16</b>	<b>8.420.642.762</b>	<b>5.568.361.635</b>
- Nguyên giá	231		18.171.592.354	6.744.124.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.750.949.592)	(1.175.762.696)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>1.568.938.941</b>	<b>1.082.965.521</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.568.938.941	1.082.965.521
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>120.839.462.375</b>	<b>234.876.137.896</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		36.947.464.014	117.755.454.700
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		89.349.133.000	123.357.748.457
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.457.134.639)	(6.237.065.261)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>323.092.067.332</b>	<b>6.681.811.028</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	322.918.698.433	6.453.124.855
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		173.368.899	228.686.173
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.821.114.066.062</b>	<b>1.144.875.781.365</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2023

NGHỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>668.957.131.977</b>	<b>233.436.735.540</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>584.576.962.684</b>	<b>224.393.950.817</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	474.894.502.331	152.545.358.544
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	20.148.249.408	15.031.379.527
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	18.370.720.137	5.207.201.822
Phải trả người lao động	314		9.697.835.428	6.042.923.497
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	714.862.703	3.883.988.415
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	6.033.264.089	1.314.471.982
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	4.840.328.424	11.135.254.015
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	42.456.036.515	20.251.200.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	2.295.434.584	2.639.081.476
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.125.729.065	6.343.091.539
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>84.380.169.293</b>	<b>9.042.784.723</b>
Phải trả dài hạn khác	337	23	9.881.829.700	2.591.698.900
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341	24	66.565.854.600	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	7.932.484.993	6.451.085.823
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.152.156.934.085</b>	<b>911.439.045.825</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>1.152.156.934.085</b>	<b>911.439.045.825</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		822.900.770.000	587.788.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		822.900.770.000	587.788.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	85.409.783.716
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.410.255.576	41.410.255.576
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.200.000.000	5.200.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		123.393.429.070	166.376.331.752
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		45.741.484.317	135.069.228.235
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		77.651.944.753	31.307.103.517
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		190.252.479.439	25.254.244.781
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.821.114.066.062</b>	<b>1.144.875.781.365</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

  
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

  
Đâu Thị Lý

Tổng Giám đốc

  
Phạm Minh Thắng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	980.089.882.652	863.331.702.038
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	240.000	48.264.438
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>980.089.642.652</b>	<b>863.283.437.600</b>
Giá vốn hàng bán	11	30	786.357.957.034	722.791.207.416
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>193.731.685.618</b>	<b>140.492.230.184</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	53.193.595.824	48.086.805.403
Chi phí lãi chính	22	32	8.845.254.355	38.592.073.824
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.715.807.784	38.107.770.019
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.785.833.428)	75.661.559
Chi phí bán hàng	25	33	46.289.273.562	44.995.293.772
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	92.865.234.126	57.631.718.055
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>97.139.685.971</b>	<b>47.435.611.495</b>
Thu nhập khác	31	34	980.262.758	943.499.208
Chi phí khác	32	35	1.226.623.095	1.856.029.410
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(246.360.337)</b>	<b>(912.530.211)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>96.893.328.634</b>	<b>46.523.081.284</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	9.434.781.937	9.095.111.084
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3.137.707.645	55.317.273
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>84.320.836.052</b>	<b>37.372.652.927</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		77.651.944.753	31.307.103.517
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.668.891.299	6.065.549.410
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	1.303	605
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	39	1.303	605

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chu Hồng Hạnh

Đậu Thị Lý

Phạm Minh Thắng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	1	96.893.325.634	46.523.081.284
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.422.795.548	6.201.226.351
Các khoản dự phòng	03	29.710.383.899	989.183.629
(Lãi)/ lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	772.479.766	(167.118.966)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(47.678.165.731)	(64.044.959.133)
Chi phí lãi vay	06	3.715.807.784	38.307.770.019
Các điều chỉnh khác	07	-	(2.400.000.000)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>90.836.628.688</b>	<b>25.409.183.184</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(314.897.710.350)	6.892.782.816
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	931.322.962	10.819.833.674
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	331.247.812.734	(96.014.252.646)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(573.882.970)	(2.902.751.120)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	(723.320.938)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.715.807.784)	(38.307.770.019)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.937.078.606)	(8.293.012.691)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	481.085.438
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.057.159.443)	(1.353.345.409)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>95.834.125.431</b>	<b>(103.991.567.710)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.321.482.463)	(5.341.392.727)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.063.750.000	2.707.867.511
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(200.718.000.000)	(15.560.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	224.133.000.000	4.600.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(21.000.000.000)	(13.400.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.670.000.000	10.372.147.500
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.153.484.121	43.337.928.025
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>5.980.751.658</b>	<b>26.716.550.309</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.500.000.000	2.432.938.536
Tiền thu từ đi vay	33	164.498.423.703	45.950.073.358
Tiền trả nợ gốc vay	34	(152.941.587.188)	(52.764.801.407)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.546.504.504)	(142.159.140)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>11.510.332.011</b>	<b>(4.523.948.653)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>113.325.209.100</b>	<b>(81.798.966.054)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>72.857.962.923</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	13.614.521	2.307.383
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>186.196.786.544</b>
			<b>72.857.962.923</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu




Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc



Phạm Minh Thắng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2003 và các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 30 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/01/2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 30 ngày 12/01/2024 của Công ty là 822.900.770.000 (Tám trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.). Tương đương 82.290.077 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty có mã giao dịch là ELC và được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 236 người (tại ngày 31/12/2022 là 241 người).

#### 1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

#### 1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2023 bao gồm:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, đây chuyên công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí.
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích: kinh doanh, cho thuê tài sản;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

#### 1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY**

- Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

*Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:*

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội,	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt các hệ thống, dây truyền công nghệ cao;	100%	100%
Công ty CP Elcom Plus	Tầng 5, tòa nhà Elcom ngõ 15 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng	93%	93%
Công ty CP Elcom Prime	Tầng 6, Tòa nhà Fimexco, 231-233 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Xuất bán phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử	70%	70%
Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	Tầng 6, số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh linh kiện điện tử phần mềm, bất động sản	68,68%	68,68%
Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	Số 18 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh phần mềm máy tính, dịch vụ cho thuê văn phòng	50,5%	50,5%

*Danh sách các công ty con kiểm soát gián tiếp:*

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Đầu tư Soratek (Công ty con của Công ty CP Elcom Plus)	Tầng 04, TT Uơm tợn & Đào tạo Công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xuất bán phần mềm	74,4%	74,4%

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông Elcom đã tăng tỷ lệ sở hữu của mình tại Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam từ 35,4% lên 50,5%. Theo đó, từ ngày 31/10/2023, Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam chính thức trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông Elcom.

**TUYÊN BỐ MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

- Thống kê chi tiết về công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, Phường Điro Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam	Khai thác quặng kim loại	42,97%	42,97%
Công ty CP Công nghệ VFT	Đường 72, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất, bán các hệ thống viễn thông và phát triển phần mềm	41,58%	41,58%

- Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Lắp đặt dịch vụ Viễn Thông
Văn phòng đại diện Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	Đại diện Công ty giao dịch với khách hàng

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**2. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****2.1 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mục kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mục kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1. CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biến quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong các hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh thích hợp để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi lập xuất báo cáo tài chính.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa được hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa được hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

**Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần số dư của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần số dư của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát thu tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phi khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ và các Công ty con trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty và các công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty và các công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.3 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP ngoại tệ mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP ngoại tệ mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP ngoại tệ mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh tức là được Công ty mua vào, bán ra để kiếm lời. Công ty đang nắm giữ các loại chứng khoán kinh doanh gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng... Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm mà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chia thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu cũ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi hoặc ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm trao đổi nếu tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi hoặc ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm trao đổi nếu tại ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý trên thị trường thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Trương hợp chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch hoặc đã niêm yết trên thị trường mà không có giá giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng hoặc tại ngày trích lập dự phòng, chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch thì việc xác định ước trích lập dự phòng tương tự như trường hợp đầu tư vào các đơn vị kinh tế khác.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự đầu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích hàng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết ước, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên, hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	03 - 08
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

### 3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phân ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính

### 3.10 GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

**Nguyên giá**

Là bất động sản là nhà cửa vật kiến trúc nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá mà không phải để:

- Sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc
- Bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhận có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm tăng bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các trọng điểm này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nhằm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán.

**3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các chủ thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí dự án Từ Liêm và chi phí dự án Khắc.

Chi phí dự án Từ Liêm là chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiên Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Thời gian thực hiện đến 31/12/2028.

Chi phí dự án Khắc là chi phí đo đạc, thiết kế... để thực hiện xây dựng trung tâm thương mại 18 Ngọc Khánh theo quy hoạch. Dự án đang được triển khai.

**3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thực tế phát sinh.

**3.13 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân Đội.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 3.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân Đội.

### 3.15 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuế tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế toán và các hợp đồng vay.

### 3.16 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 3.17 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khả năng tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Dự phòng phải trả của Công ty phân án): các khoản Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa.

*Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa*

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa bằng 5% trên giá trị công trình. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên danh giá của Ban Giám đốc liên quan đến các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cầu phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

**3.18 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

**3.19 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

Văng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và mệnh giá của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, hiến, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được Ủy ban chứng khoán chấp thuận.

**3.20 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ

*Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi dòng thời gian mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trung kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch; và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phát sinh với thời gian cho thuê.

### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được xác định và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## 3.21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3.22 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời có tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty cấu từ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sai cũng về thuế thu nhập doanh nghiệp này thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.23 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đề cử có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, giao dịch và số dư của các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	2.274.301.529	617.140.757
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.922.485.015	30.740.823.166
- Các khoản tương đương tiền	108.000.000.000	41.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>186.196.786.544</b>	<b>72.857.962.923</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>104.040.262.487</b>	<b>104.040.262.487</b>	<b>83.000.000.000</b>	<b>83.000.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	104.040.262.487	104.040.262.487	83.000.000.000	83.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	84.730.000.000	84.730.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thống Long	10.000.000.000	10.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	9.310.262.487	9.310.262.487	-	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>104.040.262.487</b>	<b>104.040.262.487</b>	<b>83.000.000.000</b>	<b>83.000.000.000</b>

**5.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Phần chia lãi/lỗ trong công ty liên kết VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Phần chia lãi/lỗ trong công ty liên kết VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
+ Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	17.360.740.000	(11.521.107.722)	5.839.632.278	17.360.740.000	(11.519.269.342)	5.841.470.658
+ Công ty CP Công nghệ VFT	20.535.913.966	10.571.917.770	31.107.831.736	9.617.863.966	10.571.917.770	20.189.781.736
+ Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	-	-	-	91.031.000.000	693.202.306	91.724.202.306
<b>Cộng</b>	<b>37.896.653.966</b>	<b>(949.189.952)</b>	<b>36.947.464.014</b>	<b>118.009.603.966</b>	<b>(254.149.266)</b>	<b>117.755.454.700</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	89.349.133.000	(5.457.134.639)	(*)	123.357.748.457	(6.237.065.261)	(*)
- Công ty CP Phát triển Đông Dương Xanh	28.590.000.000	(2.046.855.088)	(*)	28.590.000.000	(1.942.085.985)	(*)
- Công ty CP tư vấn HT Viễn thông	6.000.000.000	-	(*)	6.000.000.000	-	(*)
- Công ty CP Giải pháp CN truyền thông đa phương tiện Sáng kiến	-	-	(*)	2.148.349.500	-	(*)
+ Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	115.000.000	-	(*)	115.000.000	-	(*)
+ Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh	360.000.000	(360.000.000)	(*)	360.000.000	(360.000.000)	(*)
+ Công ty CP Trung Văn	26.985.200.000	(912.247.568)	(*)	26.985.200.000	(912.247.568)	(*)
+ Công ty CP Atani Holdings	14.734.933.000	(1.253.577.453)	(*)	14.734.933.000	(3.022.731.708)	(*)
+ Công ty CP ISK	4.674.000.000	(787.463.620)	(*)	-	-	(*)
+ Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư & PT Thăng Long Xanh (1)	-	-	(*)	37.771.500.000	-	(*)
+ Dự án Thanh Trì - Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì (2)	-	-	(*)	5.862.765.957	-	(*)
+ Công ty TNHH Luckybest Việt Nam	390.000.000	(96.990.910)	(*)	390.000.000	-	(*)
+ Dự án quản lý xe buýt - Công ty CP Transmedia	-	-	(*)	400.000.000	-	(*)
+ Công ty CP Viettronics Vinh Phúc (3)	7.500.000.000	-	(*)	-	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>89.349.133.000</b>	<b>(5.457.134.639)</b>	<b>(*)</b>	<b>123.357.748.457</b>	<b>(6.237.065.261)</b>	<b>(*)</b>

Ghi chú: Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

#### 5.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)

(1) Đây là khoản góp vốn hợp tác đầu tư để thực hiện "Dự án xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư tại ô đất C13/DD2 (nay là ô đất H1/ODK2)" thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2014/HĐHTĐT/ELC-TLX ngày 20/06/2014 ký với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh. Theo biên bản thỏa thuận số 301222/BBT/ELCOM-TLX ngày 30/12/2022 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh, thời gian hợp tác đầu tư tiếp tục từ ngày 31/12/2022 đến ngày 31/12/2028.

Vào ngày 09/01/2024, liên danh Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh đã có văn bản số 13/TT về việc đề nghị UBND thành phố Hà Nội cho phép nhà đầu tư được điều chỉnh mục tiêu "xã hội hóa đầu tư xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư" sang mục tiêu "đầu tư xây dựng nhà ở xã hội" tại ô đất H1/ODK2, phường Trần Phú, quận Hoàng Mai theo hình thức nhận chuyển nhượng, nhận vốn góp bằng tiền sử dụng đất, mua tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở công gia tăng của người dân.

Ngày 16/01/2024, Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã có văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, theo đó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội - Tổ trưởng Tổ công tác đặc biệt của UBND thành phố đã có ý kiến chỉ đạo giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở, ngành Thành phố liên quan kiểm tra, rà soát, xem xét nội dung đề xuất, kiến nghị của liên danh Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh. Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom nhận định rằng dự án có khả năng triển khai thực hiện, đồng thời khoản hợp tác đầu tư không bị tổn thất. Năm 2023, Công ty đã thực hiện điều chỉnh khoản góp vốn này sang sang khoản mục phải thu dài hạn khác (trình bày tại thuyết minh số 5. Phải thu khác) cho phù hợp hơn về bản chất.

(2) Đây là khoản hợp tác đầu tư số 01/2014/HĐHT/ELCOM-BĐSTHANHTRIET ngày 11/12/2014 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì để thực hiện "Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội" giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

Theo nghị quyết số 01-12/2022/BB-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom ngày 21/12/2022, Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom thông qua thoái 100% vốn góp của Công ty tại "Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội" giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngân hàng</b>	<b>773.365.334.735</b>	<b>64.567.812.796</b>	<b>429.608.842.347</b>	<b>34.959.606.563</b>
- Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	53.632.715.176	-	58.132.715.176	-
- Công ty CP N.D.C	56.223.631.956	-	80.727.070.580	-
- Tập đoàn viễn thông Quân đội Viettel	165.889.012.218	17.846.327.583	74.176.690.322	17.846.327.583
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net)	15.534.200.000	15.534.200.000	15.534.200.000	4.660.260.000
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Thép Nam. Phát	158.229.185.514	-	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú Hưng Long	40.092.822.644	-	-	-
- Các đối tượng khác	283.855.767.227	31.187.285.213	251.038.166.269	12.453.018.980
<b>Cộng</b>	<b>773.365.334.735</b>	<b>64.567.812.796</b>	<b>429.608.842.347</b>	<b>34.959.606.563</b>

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 41.3*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dư phòng VND	Giá trị VND	Dư phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>24.936.143.053</b>	<b>-</b>	<b>89.080.199.692</b>	<b>-</b>
- Nguyễn Thị Lệ Thủy (1)	-	-	5.980.000.000	-
- Ngô Ngọc Hà (1)	-	-	2.990.000.000	-
- Trần Hùng Giang (1)	-	-	4.030.000.000	-
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật DELTATECH	2.540.872.250	-	2.840.872.250	-
- Các đối tượng khác	22.395.270.803	-	73.239.327.442	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyễn Thị Lệ Thủy (1)	5.980.000.000	-	-	-
- Ngô Ngọc Hà (1)	2.990.000.000	-	-	-
- Trần Hùng Giang (1)	4.030.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>37.936.143.053</b>	<b>-</b>	<b>89.080.199.692</b>	<b>-</b>

(1) Đây là khoản ứng trước cho các cá nhân là chủ sở hữu của các lô đất thuộc "Dự án xây dựng khu dịch vụ của hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội". Theo biên bản thỏa thuận hợp tác số 31/222/BHTT-ELCOM ngày 31/12/2022, các bên thống nhất thời gian hợp tác tiếp tục từ ngày 31/12/2022 đến ngày 31/12/2028. Sau thời gian nêu trên, nếu dự án không được triển khai vì bất kỳ lý do gì thì các bên cùng nhau thống nhất phương án để chuyển đổi mục đích dự án trên tinh thần hợp tác giữa các bên và nếu không có phương án thay thế, các cá nhân trên phải luân lại vô điều kiện phần ứng theo biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 25/10/2008.

Vào ngày 09/01/2024, Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom đã có văn bản số 16/TT về việc đề nghị UBND thành phố Hà Nội xem xét, chấp thuận đề xuất nghiên cứu thực hiện đầu tư theo hình thức tự thỏa thuận, chuyển nhượng Quyền sử dụng đất để thực hiện "Dự án xây dựng khu dịch vụ của hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội" theo hình thức đầu tư trực tiếp, sử dụng 100% vốn đầu tư trong nước bao gồm vốn của Doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện dự án theo hình thức nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn quyền sử dụng đất.

Ngày 12/01/2024, Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã có văn bản số 533/VP-TNMT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, theo đó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội - Tổ trưởng Tổ công tác đặc biệt của UBND thành phố đã có ý kiến chỉ đạo giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, hướng dẫn Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom thực hiện theo quy định. Đến thời điểm lập báo cáo này, các kiến nghị của Công ty vẫn đang được xem xét.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

## 8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	6.000.000.000	-	5.732.000.000	-
- Công ty CP Tân Phát (1)	6.000.000.000	-	-	-
- Công ty CP Hạ tầng Đông Á	-	-	5.732.000.000	-
b) Dài hạn	2.900.000.000	-	6.000.000.000	-
- Công ty CP Tân Phát (1)	-	-	6.000.000.000	-
- Cho vay cá nhân (2)	2.900.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.900.000.000</b>	<b>-</b>	<b>11.732.000.000</b>	<b>-</b>

(1) Theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2022/VAYVON ngày 10/06/2022 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty CP Tân Phát. Thời gian cho vay tối đa 2 năm, lãi suất cho vay cố định 5,5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

(2) Theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2023-ELC-Thanh Nhân ngày 18/12/2023, thời gian cho vay là 2 năm, lãi suất cho vay cố định 7%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Đến thời điểm lập báo cáo này, khoản tiền cho vay đã được thu hồi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là hệ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>75.979.576.065</b>	<b>6.298.345.048</b>	<b>51.921.358.247</b>	<b>6.261.845.048</b>
- Tiền ứng	11.423.434.170	-	10.625.299.188	-
- Kỳ cược, kỳ quỹ ngắn hạn	28.799.450.631	-	26.704.745.166	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.955.078.696	-	1.842.395.555	-
- Phải thu khác	30.801.612.568	6.298.345.048	12.748.918.338	6.261.845.048
+ Ông Lại Hữu Thành (1)	9.500.000.000	-	-	-
+ Ông Hà Quốc Vương (1)	8.826.000.000	-	-	-
+ Nguyễn Phương Hải (CMT 011486928 ngày 11/08/2009)	1.005.750.000	1.035.750.000	1.005.750.000	1.005.750.000
+ Công ty CP CN Vật liệu mới Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279	3.539.885.279	3.539.885.279
+ Công ty CP CN vật liệu mới (ELCOM Industry)	1.716.209.769	1.716.209.769	1.716.209.769	1.716.209.769
- Công ty CP đầu tư thương mại Bắc Hà (2)	4.000.000.000	-	4.500.000.000	-
- Các đối tượng khác	2.213.767.520	36.500.000	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>47.214.765.957</b>	<b>-</b>	<b>52.500.000</b>	<b>-</b>
- Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xuân (3)	37.771.500.000	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Đẽ: động sản Thanh Trì (4)	5.862.765.957	-	-	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Tâm Mỹ An	3.528.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	52.500.000	-	52.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>123.194.342.022</b>	<b>6.298.345.048</b>	<b>51.973.858.247</b>	<b>6.261.845.048</b>

c) Phải thu của khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 41.3

(1) Là khoản phải thu phát sinh từ việc thoái vốn Công ty Cổ phần ISK.

(2) Là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà liên quan đến khoản góp vốn đầu tư vào một dự án bất động sản trong năm 2007. Trong năm 2023, công ty đã thu được số tiền là 500.000.000 VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, khoản tiền phải thu này đã được Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà hoàn trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

(3) (4) Công ty đã điều chỉnh khoản hợp tác đầu tư đang được ghi nhận trên tài khoản 228 - Đầu tư vào đơn vị khác về tài khoản 138 - Phải thu khác theo đúng quy định hiện hành. Chi tiết nội dung số dư xem tại thuyết minh 5.3.

**10. NỢ XẤU**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty CP Thủy sản N.G Việt Nam	12.943.377.077	-	12.943.377.077	12.943.377.077	5.260.843.526	7.682.533.551
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net)	15.534.200.000	-	15.534.200.000	15.534.200.000	10.873.940.000	4.660.260.000
- Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	4.137.656.058	-	4.137.656.058	4.137.656.058	-	4.137.656.058
- Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới	4.111.247.702	-	4.111.247.702	4.111.247.702	-	4.111.247.702
- Tập đoàn Viễn thông Quân đội - Viettel -	17.846.327.583	-	17.846.327.583	17.846.327.583	-	17.846.327.583
- Các đối tượng khác	20.778.548.445	4.485.199.021	16.293.349.424	2.783.426.717	-	2.783.426.717
<b>Cộng</b>	<b>75.351.356.865</b>	<b>4.485.199.021</b>	<b>70.866.157.844</b>	<b>57.356.235.137</b>	<b>16.134.783.526</b>	<b>41.221.451.611</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	2.532.000	-	2.532.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.787.694.033	-	53.965.020.390	-
Thành phẩm	11.945.865.870	-	11.945.865.870	-
Hàng bán	59.095.833.369	-	58.016.396.449	-
<b>Cộng</b>	<b>108.831.975.292</b>	<b>-</b>	<b>123.929.814.709</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	1.568.938.941	246.601.885
- Dự án Phúc Diễn (*)	246.601.885	246.601.885
- Dự án khác	1.322.337.056	-
Mua sắm Tài sản cố định	-	836.363.636
- Mua xe ô tô Mitsubishi	-	836.363.636
<b>Cộng</b>	<b>1.568.938.941</b>	<b>1.082.965.521</b>

(\*) Đây là chi phí xây dựng thực hiện "dự án xây dựng khu dịch vụ cửa hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội". Chi tiết thông tin dự án xem tại thuyết minh số 7.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
a) Ngân hàng	328.864.512	566.663.541
- Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và chi phí khác	328.864.512	566.663.541
b) Dài hạn	322.916.698.433	6.453.124.855
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.162.695.336	4.249.330.925
- Giá trị lại thể đầu tư vào công ty con	315.653.891.579	-
- Các khoản khác	2.102.111.518	2.203.793.930
<b>Cộng</b>	<b>323.247.562.945</b>	<b>7.019.788.396</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các tài liệu minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2023	54.545.454.545	62.287.369.586	14.426.798.545	14.801.297.834	4.132.564.400	150.193.474.910
- Mua trong năm	-	-	4.746.771.799	14.267.216.455	-	19.013.988.254
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.828.849.367)	-	(585.921.018)	(4.414.770.385)
- Tăng do đầu tư vào công ty con	2.713.565.000	-	2.086.292.727	-	-	4.799.857.727
31/12/2023	57.259.019.545	62.287.369.586	17.431.003.704	29.068.514.289	3.546.643.382	169.592.550.506
<b>HAO MÔN LŨY KẾ</b>						
01/01/2023	(2.181.818.184)	(60.637.766.784)	(7.201.876.275)	(11.959.013.274)	(2.484.011.808)	(84.464.486.325)
- Khấu hao trong năm	(2.250.036.840)	(42.902.800)	(2.171.061.437)	(1.764.324.350)	(345.277.896)	(6.573.603.363)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	3.670.097.417	-	179.031.424	3.849.128.841
- Tăng do đầu tư vào công ty con	(2.059.620.367)	-	(863.743.202)	-	-	(2.922.863.569)
31/12/2023	(6.491.475.391)	(60.680.669.584)	(6.566.093.497)	(13.723.337.664)	(2.650.258.280)	(90.111.824.416)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2023	52.363.636.361	1.649.602.802	7.224.912.270	2.842.284.560	1.648.552.592	65.728.988.585
31/12/2023	50.767.544.154	1.606.700.002	10.864.920.207	15.345.176.625	896.385.102	79.480.726.090

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 85.304.401.936 VND (tại ngày 01/01/2023 là 83.667.741.935)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuật ngữ này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm mới vi tính VNĐ	TSCĐ vô hình khác VNĐ	Cộng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2023	9.517.759.684	744.439.881	10.262.199.565
- Mua trong năm	7.447.688.508	-	7.447.688.508
- Thanh lý, nhượng bán	(843.933.736)	-	(843.933.736)
31/12/2023	16.121.514.456	744.439.881	16.865.954.337
<b>HẠO MÓN LŨY KẾ</b>			
01/01/2023	(6.332.702.038)	(48.061.178)	(6.380.763.213)
- Khấu hao trong năm	(849.192.185)	-	(849.192.185)
- Thanh lý, nhượng bán	843.933.736	-	843.933.736
31/12/2023	(6.337.960.484)	(48.061.178)	(6.386.021.662)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2023	3.185.057.649	696.378.703	3.881.436.352
31/12/2023	9.783.553.972	696.378.703	10.479.932.675

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 9.344.499.881 VNĐ (tại ngày 01/01/2023 là 8.934.639.881 VNĐ)

**16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa vật kiến trúc VNĐ	Cộng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2023	6.744.124.331	6.744.124.331
- Tăng do hợp nhất	11.427.468.023	11.427.468.023
31/12/2023	18.171.592.354	18.171.592.354
<b>HẠO MÓN LŨY KẾ</b>		
01/01/2023	(1.175.762.696)	(1.175.762.696)
- Tăng do hợp nhất	(8.575.186.896)	(8.575.186.896)
31/12/2023	(9.750.949.592)	(9.750.949.592)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2023	5.568.361.635	5.568.361.635
31/12/2023	8.420.642.762	8.420.642.762

- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 3.129.237.304 VNĐ (tại ngày 01/01/2023 là 3.129.237.304 VNĐ)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư: Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẬP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	474.894.502.331	474.894.502.331	152.545.358.544	152.545.358.544
- Ciens Communications Inc	180.456.183.108	180.456.183.108	66.312.038.876	66.312.038.876
- TWS International Trading Pte Ltd	34.734.128.000	34.734.128.000	33.746.394.000	33.746.394.000
- Công ty TNHH Kết cấu thép 568	70.238.790.846	70.238.790.846	-	-
- Công ty CP Thép Kỳ Nam	32.988.973.233	32.988.973.233	-	-
- Công ty TNHH BST	33.198.509.703	33.198.509.703	-	-
- Comverse Network Ltd	-	-	11.081.696.520	11.081.696.520
- Các đối tượng khác	123.277.917.441	123.277.917.441	41.405.229.148	41.405.229.148
<b>Cộng</b>	<b>474.894.502.331</b>	<b>474.894.502.331</b>	<b>152.545.358.544</b>	<b>152.545.358.544</b>

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	20.148.249.408	20.148.249.408	15.031.379.527	15.031.379.527
- BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Yên Bái	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
- Trung tâm tin học - Bộ KH & đầu tư	-	-	8.758.200.000	8.758.200.000
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng tỉnh Hà Nam	3.689.319.000	3.689.319.000	-	-
- Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	2.600.000.000	2.600.000.000	-	-
- Công ty CP Mopha	2.320.725.000	2.320.725.000	2.320.725.000	2.320.725.000
- Các đối tượng khác	5.538.205.408	5.538.205.408	3.952.454.527	3.952.454.527
<b>Cộng</b>	<b>20.148.249.408</b>	<b>20.148.249.408</b>	<b>15.031.379.527</b>	<b>15.031.379.527</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	Điều chỉnh do hợp nhất	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>					
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.383.071.014	11.762.577.087	4.834.925.481	111.393.515	9.422.116.135
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	27.071.960.628	27.071.960.628	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.916.532.903	2.916.532.903	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.914.726.521	9.435.308.669	4.145.190.273	(13.071.066)	7.191.773.851
- Thuế thu nhập cá nhân	518.047.997	2.783.398.098	2.949.261.424	21.134.937	403.319.608
- Thuế nhà thầu	246.642.506	2.031.252.177	1.037.444.737	-	1.240.449.946
- Các loại thuế khác	114.713.784	6.211.317	7.864.504	-	113.060.597
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	17.900.000	17.900.000	-	-
	<b>5.207.201.822</b>	<b>56.024.140.879</b>	<b>42.981.079.950</b>	<b>119.457.386</b>	<b>18.370.720.137</b>

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	Điều chỉnh do hợp nhất	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>					
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	-	777.778.486	777.778.486
	-	-	-	<b>777.778.486</b>	<b>777.778.486</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất)

## 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	42.456.036.515	42.456.036.515	164.498.423.703	142.293.587.188	20.251.200.000	20.251.200.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long (.)	42.456.036.515	42.456.036.515	144.498.423.703	122.293.587.188	20.251.200.000	20.251.200.000
Vay cá nhân	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>42.456.036.515</b>	<b>42.456.036.515</b>	<b>164.498.423.703</b>	<b>142.293.587.188</b>	<b>20.251.200.000</b>	<b>20.251.200.000</b>

(1) Hợp đồng vay số 166008.23.054.27272.TD ngày 11/10/2023 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom. Hạn mức cấp tín dụng: 350.000.000.000 đồng trong đó:

- Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 đồng
- Hạn mức bảo lãnh thanh toán: 50.000.000.000 đồng
- Hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là: 250.000.000.000 đồng
- Hạn mức bảo lãnh LC là: 50.000.000.000 đồng
- Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng từ ngày giao kết hợp đồng ngày đến ngày 09/10/2024
- Mục đích cấp tín dụng: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động cung cấp thiết bị, phần mềm và các dịch vụ đi kèm trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao của khách hàng.
- Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay cố định; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: chi tiết tại từng lần giải ngân, nhận nợ và thỏa thuận chung

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỢP NHẬP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>714.862.703</b>	<b>3.883.988.415</b>
- Trích trước chi phí thực hiện dự án	527.345.703	3.689.073.746
- Các khoản trích trước khác	187.517.000	194.914.669
<b>Cộng</b>	<b>714.862.703</b>	<b>3.883.988.415</b>

**22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.033.264.089</b>	<b>1.314.471.982</b>
- Doanh thu cho thuê văn phòng	1.903.215.662	1.314.471.982
- Các khoản khác	4.130.048.427	-
<b>Cộng</b>	<b>6.033.264.089</b>	<b>1.314.471.982</b>

**23. PHẢI TRẢ KHIÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.840.328.424</b>	<b>11.135.254.015</b>
- Kinh phí công đoàn	2.094.611.979	1.802.211.079
- Cổ tức phải trả	730.339.858	730.339.858
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	823.764.713	823.764.713
- Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	-	6.930.520.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.191.611.874	848.418.365
<b>b) Dài hạn</b>	<b>9.881.829.700</b>	<b>2.591.698.900</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.931.309.700	2.591.698.900
- Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	6.930.520.000	-
<b>Cộng</b>	<b>14.722.158.124</b>	<b>13.726.952.915</b>

(\*) Là khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty CP Công nghệ mạng Đông Đô theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐ/ELCOM-DONGDO ngày 24/03/2021 với số tiền là 6.930.520.000 VND. Mục đích của việc hợp tác đầu tư là mua phần vốn góp của Công ty CP Công nghệ VET.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	-
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	66.565.854.600	-
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	66.565.854.600	-

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh khi Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom đã tăng tỷ lệ sở hữu của mình tại Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam từ 35,4% lên 50,5% và Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom điều chỉnh thuế TNDN hoãn lại phải trả khi loại trừ khoản dự phòng đầu tư vào công ty con.

**25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	2.295.434.584	2.639.081.476
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	2.295.434.584	2.639.081.476
<b>b) Dài hạn</b>	7.932.484.993	6.451.085.823
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	7.932.484.993	6.451.085.823
<b>Cộng</b>	<b>10.227.919.577</b>	<b>9.090.167.299</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NIỆT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU****26.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khuôn mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	509.282.430.000	86.677.010.000	(1.349.334.820)	41.410.255.576	5.200.000.000	213.858.698.235	13.306.565.331	868.385.624.322
- Tăng vốn trong năm trước	73.506.000.300	-	-	-	-	(76.389.470.000)	-	2.116.530.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	31.307.103.517	6.369.549.410	37.676.652.927
- Tăng khác	-	82.108.536	-	-	-	-	6.110.000.000	6.192.108.536
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(1.749.334.820)	1.349.334.820	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(2.400.000.000)	-	(2.400.000.000)
+ Trích quỹ KGPL	-	-	-	-	-	(2.400.000.000)	-	(2.400.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(227.869.960)	(227.869.960)
31/12/2022	587.788.430.000	85.409.783.716	-	41.410.255.576	5.200.000.000	166.376.331.752	25.254.244.781	911.439.045.825
01/01/2023	587.788.430.000	85.409.783.716	-	41.410.255.576	5.200.000.000	166.376.331.752	25.254.244.781	911.439.045.825
- Tăng vốn trong năm nay (1)	235.112.340.000	(85.409.783.716)	-	(31.000.000.000)	-	(118.702.536.284)	1.500.000.000	1.500.000.000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	77.651.944.752	6.668.891.299	84.320.836.052
- Phân phối lợi nhuận (2)	-	-	-	-	-	(2.200.000.000)	(1.646.594.504)	(3.846.594.504)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.200.000.000)	(100.000.000)	(2.300.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(1.546.594.504)	(1.546.594.504)
- Điều chỉnh khi thoái vốn công ty con	-	-	-	-	-	290.455.637	(7.281.591.395)	(6.991.135.758)
- Điều chỉnh do đầu tư hợp tác vào công ty con	-	-	-	-	-	(22.746.000)	167.473.525.118	167.450.779.118
- Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(768)	(1.716.079.860)	(1.716.080.648)
31/12/2023	822.900.770.000	-	-	10.410.255.576	5.200.000.000	123.393.429.070	190.252.479.439	1.152.156.934.085

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****26.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

(1) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/10/2023, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 02-11/2023/NQ-HĐQT ngày 02/11/2023 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền 100:40 (một cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 40 cổ phiếu mới). Số cổ phiếu dự kiến được phát hành thêm là 23.511.537 cổ phiếu. Ngày kết thúc đợt phát hành là ngày 07/12/2023.

Nghị quyết số 02-12/2023/NQ-HĐQT ngày 13/12/2023 của Hội đồng quản trị đã thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, tổng số cổ phiếu được phát hành thêm là 23.511.234 cổ phiếu.

(2) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023

**26.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Ông Phan Chiết Thắng	65.869.170.000	55.049.410.000
- Ông Trần Hùng Giang	48.113.800.000	34.367.010.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	47.460.570.000	34.126.410.000
- Cổ đông khác	661.457.230.000	464.245.600.000
<b>Cộng</b>	<b>822.900.770.000</b>	<b>587.788.430.000</b>

**26.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỐ TỨC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	587.788.430.000	509.282.430.000
+ Vốn góp tăng trong năm	235.112.340.000	78.506.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	822.900.770.000	587.788.430.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.546.504.504	-

**26.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2023	01/01/2023
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	82.290.077	58.778.843
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	82.290.077	58.778.843
- Cổ phiếu phổ thông	82.290.077	58.778.843
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.290.077	58.778.843
- Cổ phiếu phổ thông	82.290.077	58.778.843
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2023	01/01/2023
<i>a) Ngoại tệ các loại:</i>		
Dollar Mỹ (USD)	51.999	78.501,11
<i>b) Nợ khó đòi đã xử lý:</i>		
Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	18.501.213.727	18.307.777.778

**28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023 VNĐ	Năm 2022 VNĐ
<b>a) Doanh thu</b>	<b>980.089.882.652</b>	<b>863.331.702.038</b>
- Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	70.560.086.005	43.585.251.850
- Doanh thu bán hàng hóa	807.021.055.030	740.563.710.869
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	102.508.741.617	79.182.739.319
<b>Cộng</b>	<b>980.089.882.652</b>	<b>863.331.702.038</b>

**b) Doanh thu với các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 41.5

**29. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2023 VNĐ	Năm 2022 VNĐ
Giảm giá hàng bán	240.000	48.264.438
<b>Cộng</b>	<b>240.000</b>	<b>48.264.438</b>

**30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023 VNĐ	Năm 2022 VNĐ
- Giá vốn bán thành phẩm phần mềm	10.485.545.464	7.526.327.854
- Giá vốn bán hàng hóa	733.275.937.883	681.234.627.904
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	42.596.473.687	34.030.251.658
<b>Cộng</b>	<b>786.357.957.034</b>	<b>722.791.207.416</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lợi tiền gửi, tiền cho vay	12.053.171.626	42.682.299.846
- Lợi bán các khoản đầu tư	2.711.686.927	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	802.371.125	74.240.000
- Chứng khoán kinh doanh	-	39.440.054
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.325.393.663	5.123.706.537
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	167.118.966
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	34.300.972.483	-
<b>Cộng</b>	<b>53.193.595.824</b>	<b>48.036.805.403</b>

**32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí lãi vay	3.715.807.784	38.307.770.019
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.428.839.773	614.077.435
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	772.179.766	-
- Dự phòng tổn thất đầu tư	(1.072.072.622)	(342.150.998)
- Chi phí tài chính khác	199.654	17.377.368
<b>Cộng</b>	<b>8.845.254.355</b>	<b>38.592.073.824</b>

**33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>92.865.234.126</b>	<b>57.631.718.055</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	40.617.871.871	32.695.874.277
- Chi phí đồ dùng văn phòng	4.195.503.654	-
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	4.937.967.920	2.550.306.561
- Chi phí dự phòng	28.757.974.501	6.555.028.454
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.720.584.545	9.054.285.368
- Chi phí bằng tiền khác	5.635.331.635	6.776.223.395
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>46.289.273.562</b>	<b>44.995.293.772</b>
- Chi phí nhân viên	10.114.837.252	29.279.310.541
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.272.663.727	1.188.655.506
- Chi phí dự phòng bảo hành	2.843.229.375	588.139.028
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.271.577.330	12.845.796.673
- Chi phí bằng tiền khác	766.963.878	1.093.402.024
<b>Cộng</b>	<b>139.154.507.688</b>	<b>102.627.011.827</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**34. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	796.521.271	266.327.863
- Các khoản khác	183.741.487	677.171.345
	<b>980.262.758</b>	<b>943.499.208</b>

**35. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí chuyển nhượng BĐS	-	651.745.195
- Các khoản chi phí khác	1.226.623.095	1.204.284.224
	<b>1.226.623.095</b>	<b>1.856.029.419</b>

**36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, hàng hoá	223.685.918.701	276.952.852.269
- Chi phí nhân công	73.615.694.090	68.146.160.685
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.422.795.548	6.201.226.351
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.871.887.651	64.694.851.187
- Chi phí bảo hành, dự phòng phải thu khó đòi	31.601.203.876	6.593.027.482
- Chi phí bằng tiền khác	27.153.939.655	25.123.360.949
<b>Cộng</b>	<b>424.351.439.521</b>	<b>447.711.478.923</b>

**37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Công ty CP Công nghệ - Viện thông Floora	8.299.359.089	8.124.103.069
- Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	-	-
- Công ty CP Elcom Plus	47.681.437	85.894.885
- Công ty CP Elcom Prime	777.098.786	590.649.385
- Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	109.098.659	78.876.607
- Công ty TNHH VTS Hải Phòng	201.543.966	215.587.138
- Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.434.781.937</b>	<b>9.095.111.084</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**38.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	77.651.944.754	31.307.103.517
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	59.616.229	51.751.016
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.303	605

**38.2 LỢI NHUẬN THUẬN THUỘC VỀ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận thuần trong năm	77.651.944.754	31.307.103.517

**38.3 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN ĐANG LƯU HÀNH**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	58.778.843	50.928.243
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	23.511.234	7.850.600
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành	59.616.229	51.751.016

**39. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

### 40. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực bán thành phẩm phần mềm: Bán các sản phẩm phần mềm.
- Lĩnh vực bán thép: Kinh doanh buôn bán thép.
- Lĩnh vực bán hàng hóa: Bán các thiết bị phục vụ dự án.
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ: Dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ khác

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Các hoạt động kinh doanh ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam của Công ty chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Tổng tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**40. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

	<u>Bán phần phần mềm</u>	<u>Bán tiếp</u>	<u>Bán hàng hóa</u>	<u>Cung cấp dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm 2023</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ từ bên ngoài	70.560.086.005	250.215.374.429	556.805.440.601	102.508.741.617	980.089.642.652
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>70.560.086.005</b>	<b>250.215.374.429</b>	<b>556.805.440.601</b>	<b>102.508.741.617</b>	<b>980.089.642.652</b>
Chi phí bộ phận	(10.485.545.464)	(244.023.773.064)	(489.252.214.819)	(47.596.473.687)	(786.357.957.034)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	60.074.540.541	6.191.651.365	67.553.225.782	55.912.267.930	193.771.685.618
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(139.154.507.688)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					54.577.177.930
Doanh thu hoạt động tài chính					53.193.595.824
Chi phí tài chính					(8.845.254.155)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					(1.785.833.426)
Thu nhập khác					980.262.758
Chi phí khác					(1.226.633.095)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(9.434.781.937)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(3.137.707.645)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>84.320.836.052</b>
<b>Tài sản không phân bổ</b>					<b>1.821.114.066.062</b>
<b>Nợ phải trả không phân bổ</b>					<b>668.957.131.977</b>
<b>Tổng chi phí mua TSCĐ</b>					<b>12.321.482.463</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**40. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

	<u>Thành phẩm, phần mềm</u>	<u>Bán thép</u>	<u>Bán hàng hóa</u>	<u>Cung cấp dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm 2022</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	41.585.251.850	290.447.077.001	450.068.369.430	79.182.739.319	861.283.437.600
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>41.585.251.850</i>	<i>290.447.077.001</i>	<i>450.068.369.430</i>	<i>79.182.739.319</i>	<i>861.283.437.600</i>
Cũ trừ bộ phận	(7.526.327.854)	(281.987.236.936)	(395.247.390.968)	(34.030.251.658)	(172.791.207.416)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	36.058.923.996	8.459.840.065	50.820.978.462	45.152.487.661	140.492.230.184
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(102.627.011.827)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					37.865.218.357
Doanh thu hoạt động tài chính					48.086.805.403
Chi phí tài chính					(38.592.073.824)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					75.651.559
Thu nhập khác					943.499.208
Chi phí khác					(1.856.029.419)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(9.093.111.084)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(55.317.273)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>					<i>17.172.652.927</i>
<i>Tài sản không phân bổ</i>					<i>1.144.875.781.365</i>
<i>Nợ phải trả không phân bổ</i>					<i>233.436.735.540</i>
<i>Tổng chi phí mua TSCP</i>					<i>5.341.392.727</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***4). THÔNG TIN KHÁC****4.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty CP Công nghệ VFT	Công ty liên kết
- Công ty CP Arani Holdings	Cùng thành viên HĐQT
- Công ty NPT Solutions INC	Ông Phan Đức Trung - GD Công ty INC là con trai của Chủ tịch HĐQT
- Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC	Ngô Trung Hiếu TGD Công ty - em trai của Phó TGD Ngô Ngọc Hà
- Công ty CP đầu tư Thương mại & phát triển Dịch vụ Việt Nam	Ông Nguyễn Văn Hòa là đại diện theo Pháp luật của Công ty CP đầu tư TM & PT Dịch vụ Việt Nam và là Phó Tổng Giám đốc của Công ty CP Công nghệ - Viễn thông ELCOM
- Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT
- Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Vợ Ông Phan Chiến Thắng - Chủ tịch HĐQT

**4.1.2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty cổ Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

<b>Công ty CP Công nghệ VFT</b>	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
- Mua hàng hóa, dịch vụ	132.188.980	16.500.000
- Giá trị DV thuế kho chưa có thuế GTGT	120.171.800	15.000.000
- Thuế GTGT hàng hóa mua vào	12.017.180	1.500.000
- Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	137.188.980	16.500.000
<b>Công ty CP Arani Holdings</b>	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
- Lãi chậm thanh toán	16.055.400	364.471.229
- Nhận tiền lãi chậm thanh toán	39.598.060	341.018.569
- Thu tiền cho thuê văn phòng	2.100.437.591	4.200.000.000
<b>Công ty NPT Solutions INC</b>	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
- Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua trong kỳ	1.811.812.500	2.419.725.600
- Thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ	1.805.625.000	2.414.260.350
<b>Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC</b>	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
- Mua hàng hóa, dịch vụ	471.610.031	284.522.610
+ Giá trị DV thuế Server, DV cước Cloud chưa có thuế GTGT	428.736.392	258.656.916
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	42.873.539	25.365.692
- Thanh toán tiền dịch vụ	671.610.031	259.223.188

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các tin tức minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**41. THÔNG TIN KHÁC**

**41.2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Công ty CP đầu tư thương mại & PT dịch vụ Việt Nam	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	217.800.000	108.900.000
+ Giá trị thuế xe ô tô chưa có thuế GTGT	198.000.000	99.000.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	19.800.000	9.900.000
- Thanh toán tiền dịch vụ	217.800.000	108.900.000

**41.3. SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	31/12/2023	01/01/2023
<b>Phải thu của khách hàng</b>		
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	597.770.779	597.770.779
Công ty CP Atani Holdings	-	2.100.437.591
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Ông Trần Hùng Giang	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	5.980.000.000	5.980.000.000
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279

**41.4. THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN QUẢN LÝ CHỨC CHỐT**

Năm 2023	Chức vụ	Tổng thu nhập VND
<b>HĐQT và Ban Giám đốc</b>		
- Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	285.500.000
- Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	177.205.000
- Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	177.205.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	177.205.000
- Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	446.973.070
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	120.000.000
- Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên HĐQT	120.000.000
- Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	455.673.000
- Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	461.227.273
<b>Ban Kiểm soát</b>		
- Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng ban	334.900.000
- Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	328.021.000
- Bà Hoàng Thị Phương Thủy	Thành viên	36.000.000
<b>Kế toán trưởng</b>		
- Bà Đậu Thị Lý	Kế toán trưởng (bỏ nhiệm từ 19/05/2023)	268.122.727
- Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng (mãn nhiệm từ 19/05/2023)	227.640.000
<b>Cộng</b>		<b>3.615.672.070</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là hệ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**41. THÔNG TIN KHÁC**

**41.4. THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN QUẢN LÝ CHỦ CHỐT (TIẾP)**

Năm 2022	Chức vụ	Tổng thu nhập VND
<b>HĐQT và Ban Giám đốc</b>		
- Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	222.500.000
- Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	144.500.000
- Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	144.500.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	144.500.000
- Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	356.900.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	120.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	40.000.000
- Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên HĐQT	80.000.000
- Ông Phạm Minh Thống	Tổng Giám đốc	389.500.000
- Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	
<b>Ban Kiểm soát</b>		
- Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng ban	315.820.000
- Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	304.757.600
- Bà Hoàng Thị Phương Thủy	Thành viên	16.000.000
<b>Kế toán trưởng</b>		
- Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	556.008.000
<b>Cộng</b>		<b>2.864.845.600</b>

**42. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu: **Chu Hồng Hạnh**  
Kế toán trưởng: **Đậu Thị Lý**  
Tổng Giám đốc: **Phạm Minh Thống**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 13716/2024/STCS  
Ngày: 17-12-2024

TUỔI CHỦ TỊCH  
CÔNG CHỨC TÀI PHÁP - HỘ TỊCH  
**Nguyễn Thị Thùy Nhung**





**DOANH NGHIỆP:**

Công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM

Địa chỉ: Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

Mã số thuế: 0101435127

Điện thoại: 043 8359 359

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày 27 tháng 1 năm 2024

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **BÁO CÁO RIÊNG QUÝ 4/2024**

**Gồm các biểu:**

1. Bảng cân đối Kế toán
2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Phan Liên Thành*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>4</b>	<b>2.061.422.847.843</b>	<b>1.097.908.049.619</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		263.626.546.843	169.306.868.542
Tồn	111		170.626.546.843	68.306.868.542
Các khoản tương đương tiền	112		93.000.000.000	101.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	124.560.000.000	54.310.262.487
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		124.560.000.000	54.310.262.487
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		603.657.574.995	773.534.952.668
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	566.700.266.303	741.200.456.107
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	28.807.738.049	24.733.438.805
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	28.862.800.000	6.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	62.791.078.513	70.194.678.518
Dư phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(83.504.307.870)	(68.593.621.762)
Hàng tồn kho	140	11	68.602.415.692	99.692.109.923
Hàng tồn kho	141		68.602.415.692	99.692.109.923
Tài sản ngắn hạn khác	150		976.310.313	1.063.856.899
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	202.824.125	291.685.008
Thuế GTGT được khấu trừ	152		773.486.188	771.971.994
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>577.047.711.989</b>	<b>391.752.869.194</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		32.245.289.957	50.534.265.957
Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	13.000.000.000	13.000.000.000
Phải thu cho vay dài hạn	215	8	-	2.900.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	19.245.289.957	43.634.265.957
Tài sản cố định	220		47.932.961.368	33.764.978.865
Tài sản cố định hữu hình	221	12	33.723.033.594	25.920.495.146
- Nguyên giá	222		63.783.873.435	115.121.191.366
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.060.839.841)	(89.200.996.120)
Tài sản cố định vô hình	227	13	14.209.927.774	7.844.483.419
- Nguyên giá	228		20.718.668.986	17.453.188.389
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.508.741.212)	(9.607.704.970)
Bất động sản đầu tư	230	14	5.568.361.635	5.568.361.635
- Nguyên giá	231		6.744.124.331	6.744.124.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.175.762.696)	(1.175.762.696)
Từ sửa đổi tăng dài hạn	240	15	213.958.271.785	246.601.885
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		213.958.271.785	246.601.885

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	174.337.660.930	286.309.334.815
Đầu tư vào công ty con	251		200.407.125.000	200.407.125.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		26.978.603.966	26.978.603.966
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		69.183.000.000	81.459.133.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.231.068.036)	(22.535.525.151)
Tài sản dài hạn khác	260		3.005.166.314	6.329.324.037
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	3.005.166.314	6.329.324.037
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.638.470.859.832</b>	<b>1.489.660.918.813</b>
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>MŨY PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>665.477.597.431</b>	<b>594.065.009.494</b>
Nợ ngắn hạn	310		639.966.804.190	576.694.713.801
Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	17	441.124.532.213	476.708.216.168
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	115.370.919.150	17.778.912.380
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	19	27.108.028.132	17.220.092.661
Phải trả người lao động	314		4.428.527.869	6.620.892.627
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	5.856.049.033	707.345.703
Đơn vị tài chính thực hiện ngắn hạn	318	22	1.122.023.667	5.392.794.298
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	3.880.183.688	4.407.771.052
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	36.072.675.525	42.456.036.515
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	1.635.651.757	2.295.434.584
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.368.213.156	3.107.301.813
Nợ dài hạn	330		35.510.793.241	17.370.394.693
Phải trả dài hạn khác	337	23	7.120.257.973	9.437.809.700
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	18.381.515.268	7.932.484.993
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>972.992.962.401</b>	<b>895.595.910.319</b>
Vốn chủ sở hữu	410	25	972.091.962.401	895.595.910.319
Vốn góp của chủ sở hữu	411		832.900.770.000	822.900.770.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.410.255.576	10.410.255.576
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.200.000.000	5.200.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		124.481.936.825	57.084.884.743
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		53.584.884.743	31.427.104.962
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		70.897.052.082	25.657.779.781
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.638.470.859.832</b>	<b>1.489.660.918.813</b>

Người lập biểu

  
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

  
Đậu Thị Lý

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc

  
Phạm Minh Thống



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy,  
Hà Nội

MÃ SỐ B02-DN  
Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014  
của Bộ tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Quý 4/2024**

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			VND	VND	đến 31/12/2024	đến 31/12/2023
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	27	344.027.506.666	507.832.299.089	730.266.549.948	925.023.399.791
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10		344.027.506.666	507.832.299.089	730.266.549.948	925.023.399.791
Giá vốn hàng bán	11	28	232.253.623.102	448.547.968.716	339.007.492.130	771.772.593.370
Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	20		111.773.883.564	59.284.330.373	191.259.057.818	153.250.806.421
Chi phí hoạt động tài chính	21	29	8.640.350.381	6.992.640.320	29.879.860.380	24.594.224.693
Chi phí tài chính	22	30	2.264.546.512	4.322.063.097	12.766.651.510	10.146.581.634
Trong đó: chi phí lãi vay	23		722.918.132	2.122.124.255	2.684.155.706	4.335.433.867
Chi phí bán hàng	25	33	10.249.492.560	16.348.860.122	42.948.025.493	42.774.629.561
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	31.217.008.230	40.046.441.392	74.060.278.461	90.571.986.872
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		76.683.186.643	5.559.606.082	91.363.962.934	34.051.828.047
Thu nhập khác	31	31	2.151.326.528	823.736.429	2.283.692.748	975.834.890
Chi phí khác	32	32	14.111.694	902.904.187	5.196.909.171	1.070.524.067
Lợi nhuận khác	40		2.137.214.834	(79.117.758)	(2.913.216.423)	(94.689.177)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		76.683.186.643	5.480.488.324	88.450.746.511	33.957.138.870
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	15.586.241.063	1.387.033.941	17.553.694.229	8.299.359.089
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
Lợi nhuận sau thuế của nhập doanh nghiệp	60		63.234.160.414	4.093.454.383	70.897.052.282	25.657.779.781

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

  
Chu Hồng Hạnh

  
Đào Thị Lý



  
Phạm Minh Thông



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2024 đến 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Từ 01/01/2024 đến	Đến 31/12/2023
			31/12/2024	31/12/2023
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền thuần cả hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		28.458.746.311	33.997.438.870
<b>Điều chỉnh các tác động</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		8.521.435.237	3.906.697.192
Các khoản dự phòng	03		24.395.496.441	27.439.939.900
(Lãi)/lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do biến giá trị các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		199.850.272	1.493.150.523
(Lãi)/lãi từ hoạt động đầu tư	05		(20.737.117.109)	(12.276.027.133)
Chi phí lãi vay	06		2.984.155.786	4.335.433.867
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>97.794.866.898</b>	<b>59.845.479.219</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		207.807.165.174	(287.750.436.819)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.485.774.171	(227.402.298)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phân trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(158.846.797.601)	140.048.775.375
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.413.218.606	(1.273.108.965)
Tăng, giảm chi phí hoãn thuế doanh thu	13			
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.912.766.148)	(3.095.319.376)
Tiền thu chiếp doanh nghiệp đã nộp	15		(6.706.044.293)	(3.028.842.015)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.239.048.657)	(4.029.808.846)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>145.436.478.452</b>	<b>99.259.449.375</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(27.348.102.426)	(11.341.329.398)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		249.890.690	1.063.750.000
Tiền chi cho vay, cho các công ty mẹ của đơn vị khác	23		(155.356.590.000)	(97.700.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, tiền trả công cụ nợ của đơn vị khác	24		48.813.700.000	101.800.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.458.800.000)	(12.500.000.000)
Tiền thu bởi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		65.807.360.000	2.670.000.000
Tiền thu lại cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.358.450.916	7.954.574.824
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(54.714.891.519)</b>	<b>(1.052.994.574)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		10.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		184.296.678.442	164.491.423.703
Tiền trả nợ gốc vay	34		(190.600.009.432)	(152.941.587.188)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.622.370)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2,387,876,640</b>	<b>11,559,836,515</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>94,389,363,622</b>	<b>109,762,799,316</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	149,386,868,542	59,547,830,416
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(10,324,679)	(4,252,190)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	4	<b>163,626,846,843</b>	<b>169,306,646,542</b>

Người lập  
  
 Chu Hồng Lượng

Kế toán trưởng  
  
 Phạm Minh Thắng

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025  
  
 Phạm Minh Thắng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Quý 4/2024)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCON là một công ty sở hữu được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0191435177 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 07 năm 2023 và các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, vốn lần đầu thành lập vốn là 100 triệu VND do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/05/2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Elcon, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.  
Vốn điều lệ theo đăng ký doanh nghiệp thay đổi (lần thứ 3) ngày 12/05/2024 của Công ty là 332.900.770.000 (Tạinăm tài chính năm tài chính, chữ in hoa, tỷ lệ phần trăm nghìn đồng chẵn), tương đương 332.900.770 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty có mã giao dịch là ELC và được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Tổng số thành viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 105 người (tại ngày 31/12/2023 là 207 người).

#### 1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2024 như sau:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyên gia công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dịch vụ công nghệ của;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Đặc vụ thông tin giá trị với phần mềm, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phố và các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

#### 1.3 CHU KỶ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty có các công ty con, công ty liên kết và đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Đánh dấu các công ty con liên kết trực tiếp

Yên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcon	Tòa nhà Elcon, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ của	100%	100%
Công ty Cổ phần Dataova Việt Nam	Tòa nhà Elcon, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng	93%	93%
Công ty CP Elcom Prime	Tầng 6, tòa nhà Powerco, 231-233 Lê Thánh Tông P. Bưởi Ngã, Q.1, TP.HCM	Xuất bản phần mềm, sản xuất các kiện theo tư	70%	70%
Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	Tầng 6, Số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP Hà Nội	Sản xuất kinh doanh thiết bị điện tử và phần mềm. Bảo dưỡng sản	68,68%	68,68%
Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	Số 18 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP Hà Nội	Sản xuất kinh doanh phần mềm máy tính, dịch vụ cho thuê văn phòng	50,5%	50,5%

**Đanh sách các công ty con kiểm soát gián tiếp:**

Tên công ty con gián tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP đầu tư Secret (là công ty con của Công ty Cổ phần Datamora Việt Nam)	Tầng 04, TT Uơm tạo & Đào tạo công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, xã Thạch Liệp, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội	Viễn học phần mềm	33,35%	33,35%

**Đanh sách các công ty liên doanh, liên kết:**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, phường Đình Xá, TP Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Khai thác quảng cáo trực tuyến	42,97%	42,97%
Công ty CP Công nghệ VFT	Đường 72, phường Dương Nội, quận Hà Đông, TP Hà Nội	Sản xuất, bán các bộ thông viễn thông và phát triển phần mềm	34%	34%

**Đanh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:**

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Cơ sở kinh doanh Hà Nội Chi Minh	TP. Hồ Chí Minh	Lắp đặt dịch vụ Viễn thông
Văn phòng đại diện Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	Đại diện Công ty giao dịch với khách hàng

**1.0 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Để cho phù hợp kèm theo những nhu cầu phát sinh kinh tế tại chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các quốc gia ngoài Việt Nam.

**2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THIỂ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc đơn vị đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

**2.3 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

**2.4 ĐƠN VỊ TIỀN YẾ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ vi đang trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) và việc thu, chi của đơn vị được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích.

**3.2 HỒCH SÁNH KẾ TOÁN**

Viết lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những dự tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản theo từng tài khoản lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả như đúng khi doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 NGOẠI TỆ**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đã tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục liên hệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mua tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính;

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là Tài Sản là Tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mua tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mua tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có biến rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự tính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi nhận trả vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập dựa cơ sở dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

*Đầu tư của Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm đến lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

*Đầu tư nắm công ty liên hệ*

Công ty liên hệ là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên liên hệ và nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận hợp đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được loại toàn phần giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu từng nhận, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty được làm trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có cổ phần nắm giữ trực tiếp thì trường hợp giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định thấp hơn, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị dự tưởng của cổ phiếu





Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bình ước thấp của tổng tổn kho trong kỳ sản xuất, kết doanh bình thường trừ chi phí ước tính về hoàn thành và chi phí ước tính chi phí thiệt hại tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị ước tính hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Vào ngày 31/12/2024, Công ty không có hàng tồn kho của tích lũy dự phòng giảm giá.

### 3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định (như chi phí mua sắm và vận chuyển, lắp đặt, chi phí phát sinh sau khi nhận hàng như chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sẽ được tài sản đó). Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lợi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	05-10
- Phương tiện vận tải, máy móc	05-10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	01-05

### 3.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phân bổ vào hàng năm dựa trên các chỉ tiêu nguyên giá, loại hình lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định (như chi phí mua sắm, vận chuyển, lắp đặt, chi phí phát sinh sau khi nhận hàng như chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế do sẽ được tài sản đó).

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lợi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính.

#### Chi phí phát sinh sau

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vận hành. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra (như chi phí mua sắm, vận chuyển, lắp đặt, chi phí phát sinh sau khi nhận hàng như chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế do sẽ được tài sản đó).

### 3.11 GIẢI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

#### Nguyên giá

Là tổng giá trị của vật kiến trúc mua sắm, lắp đặt, chi phí vận chuyển, lắp đặt, chi phí phát sinh sau khi nhận hàng như chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế do sẽ được tài sản đó.

- Sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý, hoặc

- Dùng trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản chi ra để tạo ra bất động sản đầu tư (như chi phí mua sắm, vận chuyển, lắp đặt, chi phí phát sinh sau khi nhận hàng như chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế do sẽ được tài sản đó).

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phải chờ sau khi nhận hàng mới được ghi nhận là chi phí phát sinh sau khi nhận hàng như chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế do sẽ được tài sản đó.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và không giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty định giá giảm nguyên giá bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán.

### 3.12 CHI PHÍ XÂY DỰNG HỮU QUẢN

Các phí xây dựng cơ bản dự định bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng (tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, nguồn cung cấp, chi phí trả vay có liên quan trong quá trình đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản này.

Các phí xây dựng cơ bản dự định của Công ty là chi phí dự án Tài Liệu. Đây là chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng chi tiết, thuê thiết kế hợp nhất ở số tầng tại khu vực KĐT Mã, số Phố Cầu, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Thời gian thực hiện đến 31/12/2024.

**3.12. CHI PHÍ TRẢ THUỐC**

Chi phí trả thuốc bao gồm các chi phí trực tiếp phát sinh tương có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả thuốc bao gồm: công cụ, dụng cụ đã quá hạn sử dụng phải bỏ, chi phí mua thuốc, chi phí thuốc hóa trị các nhóm chi phí trị thuốc khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng.

Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và các khoản chi phí trả thuốc khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thực tế phát sinh.

**3.13. PHỤ PHAI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHAI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả tương ứng tại liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Các chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả và chi phí phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả hàng tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
  - Chi phí phải trả phân loại các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ số, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
  - Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Kỳ phải trả có thể ngắn hạn được Công ty định giá lại theo tỷ giá bán của Ngân hàng TMCP Quốc Tế.

**3.14. VAY VÀ NỢ THUẾ VÀI CHÍNH**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các hồ sơ và các hợp đồng vay.

**3.15. LỢI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn trả theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất đường sắt cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc hoạt động được cộng vào nguyên giá tài sản cần đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian kỳ vọng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong dự án đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản cố định thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cụ thể hoặc sản xuất tại sản phẩm. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi phát bình quân gia quyền của các khoản vay tham gia trong năm ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích kinh doanh một tài sản cụ thể.

**3.16. DỰ PHÒNG PHAI TRẢ**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý (nghĩa vụ pháp lý được nghĩa vụ stem dari) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc đánh giá toán nghĩa vụ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút và những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ này có thể được một hoặc nhiều công ty.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải trả trong tương lai để thành một nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phân bổ những giảm giá trên dự tương biến tại về giá trị thời gian còn lại và những rủi ro của tài sản khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng phải trả của Công ty phân bổ các khoản Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa.

Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập dựa trên dự báo, tương ứng có căn cứ báo hành.

Mức tích lũy dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa bằng 5% trên giá trị hợp đồng quy định điều kiện bắt buộc bảo hành. Tỷ lệ này được xác định dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc liên quan đến các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ giá quyền của thị trường hiện tại có thể xảy ra với các mức xuất tương ứng. Tổng giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa của phân tích lập tại ngày kết thúc số lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

**3.17. DOANH THU CHỮA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về chi phí sửa chữa Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo như hợp đồng quy định trên hợp đồng thuê tại sân.

**3.18. VỐN CHỮ SỔ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn được kê kê góp của các cổ đông được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

Thường dự vốn có phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và của phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí thực hiện liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành có phần quỹ được ghi giảm thặng dư vốn có phần.

Vốn kinh doanh chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, được giữ lại tái sản và giá trị của họ được ghi nhận tại cuối năm tài chính được lập, trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lợi hoặc lỗ) sau hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDH của năm này và các khoản điều chỉnh đã áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được của nước đến các khoản mục ghi trên sẽ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến lương tiền và chi năng chi trả có tác dụng khi đó đánh giá lại tài sản tương tự góp vốn, lãi do đánh giá tạo các khoản mục tiếp tế, các công cụ tài chính là các khoản mục phải tính về khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận.

**3.19. CHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kích hoạt hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa hoàn toàn hoặc một phần để lấy hàng mới, dịch vụ);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Các định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trung kỳ hoặc kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Các định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để nhận thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản bất động

Doanh thu cho thuê tài sản bất động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước định và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.



Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng. Lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế hàng kỳ.

Cả lãi và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI MỘT NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện bằng giá trị dương và thuế phải trả bằng giá trị âm.

Số thuế hiện kỳ phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được tính bằng trừ đi chi phí kết quả hoạt động kinh doanh và không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được miễn trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất cố định lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty dựa trên các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định của công ty về thuế thu nhập doanh nghiệp này thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

### 3.21 LIÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc như quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định các doanh nghiệp Bao gồm tất cả các ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên một thiết trong gia đình của các cá nhân này.

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ dựa trên thực tiễn của các quan hệ đó. Thon đh, giao dịch và số dư của các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN THƯƠNG NGƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.217.476.796	1.389.909.579
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	169.409.070.047	67.416.958.953
Các khoản tương đương tiền (*)	93.000.000.000	101.000.000.000
<b>CỘNG</b>	<b>263.626.546.843</b>	<b>169.346.868.542</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất 4,75%/năm.

### 5. CÁC KHOẢN ĐÀI TƯ TÀI CHÍNH

#### 5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 01 năm 2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tổng cộng	124.560.000.000	124.560.000.000	54.310.262.487	54.310.262.487
Ngày sáng TMCP Sài Gòn-Hà Nội (SHIB)	39.560.000.000	39.560.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000

Nguồn hàng TÀI CHÍNH QUỐC DỘI - CN Thăng Long (MIB)	35.000.000.000	35.000.000.000	10.010.000.000	10.000.000.000
Nguồn hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BIDV)			5.310.262.487	5.310.262.487
Khí khác				
<b>CỘNG</b>	<b>124.568.000.000</b>	<b>124.568.000.000</b>	<b>54.310.262.487</b>	<b>54.310.262.487</b>

(\*) Báo gồm khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 4,7%/năm đến 5,2%/năm

**5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 01 tháng 01 năm 2024	
	Giá gốc VNĐ	Độ phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Độ phòng VNĐ
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>210.487.125.000</b>	<b>(16.923.806.123)</b>	<b>210.487.125.000</b>	<b>(16.754.176.754)</b>
Công ty TNHH GP phần mềm ELOOM	10.000.000.000	(16.923.806.123)	10.000.000.000	(16.754.176.754)
Công ty CP Technova Việt Nam	13.681.125.000		13.681.125.000	
Công ty CP ELCOMPRIME	7.000.000.000		7.000.000.000	
Cty CP lập đơn hàng nội địa Nội	13.400.000.000		13.400.000.000	
Công ty CP máy tính & truyền thông VN	136.326.000.000		136.326.000.000	
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>26.978.603.966</b>	<b>(421.186.758)</b>	<b>26.978.603.966</b>	<b>(421.110.660)</b>
Công ty CP Công nghệ VLM Đắc Kần	17.360.740.000	(421.186.251)	17.360.710.000	(421.110.660)
Cty CP Viễn thông VFT	9.617.863.966		9.617.863.966	
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>40.183.000.000</b>	<b>(4.846.531.653)</b>	<b>41.459.153.000</b>	<b>(5.360.143.729)</b>
Công ty CP IT Đông Dương Xanh	28.390.000.000	(2.059.044.831)	28.390.000.000	(2.046.855.088)
Công ty CP tư vấn HT Viễn thông			6.000.000.000	
Công ty CP Tài học Viễn thông Petrolimex	115.000.000		115.000.000	
Công ty CP ĐT & Phần mềm Thông Lạc Xanh	360.000.000	(360.000.000)	360.000.000	(360.000.000)
Công ty CP Tinnet Văn	26.985.200.000	(912.247.568)	26.985.200.000	(912.247.568)
Công ty CP Alami Holdings			14.734.933.000	(1.253.577.453)
Cty CP ISX	4.674.000.000	(1.555.662.256)	4.674.000.000	(387.463.620)
Cty CP quản lý hàng hóa thông minh (PSMART.,JSC)	8.158.800.000			
<b>CỘNG</b>	<b>296.568.728.966</b>	<b>(22.231.068.036)</b>	<b>308.844.867.966</b>	<b>(22.535.525.153)</b>

**5.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)**

Chi tiết hoạt động của công ty con, công ty liên kết trong năm 2024:

Tên công ty	Tỷ lệ mở lời	Tỷ lệ bồi nuôi	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính
<b>Công ty con</b>				
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Eloom	100%	100%	Tòa nhà Eloom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Sản xuất phần mềm nội địa, tin địa lý thông tin truyền thông ứng dụng.
Công ty Cổ phần Technova Việt Nam	91%	90%	Tòa nhà Eloom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giải trí giá rẻ
Công ty CP Eloom Prime	70%	70%	Tầng 6, tòa nhà Financo, 231-233 Lê Thành Tông P. Bắc Mỹ, Q.1, TP. HCM	Xuất bản phần mềm sản xuất hình kịch điện ảnh

Công ty CP đầu tư Seratek là công ty con của Công ty CP Datanova Việt Nam	88,35%	88,35%	Tầng 04, TT Ưu tạo & Đào tạo công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Hà Nội	Xuất bản phần mềm
Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	68,68%	68,68%	Tầng 6, 50 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP Hà Nội	Sản xuất kinh doanh hình thức điện tử phần mềm, Bất động sản
Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	50,5%	50,5%	Số 18 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP Hà Nội	Sản xuất kinh doanh phần mềm máy tính, dịch vụ cho thuê văn phòng
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	42,97%	42,97%	Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Khởi thác quảng cáo loại
Công ty CP Công nghệ VPT	34%	34%	Đường 72, phường Dương Nội, quận Hà Đông, TP. Hà Nội	Sản xuất, bán các hệ thống viễn thông và thiết bị phần mềm

Giải thích: Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để được minh trong báo cáo tài chính riêng tại vị chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn rõ cách tính giá trị hợp lý sẽ dùng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ có sẵn.

#### 4. PHẢI THU KHÁC HẰNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 01 năm 2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
6.1 Ngân hàng	566.300.266.303	77.242.462.822	741.200.456.147	42.331.776.714
TBCN Vốn bằng Gũ Visual	128.481.474.163	17.846.327.583	165.889.012.218	17.846.327.583
Công ty TNHH thu phí tự động VETC (*)	44.632.715.176	-	53.632.715.176	-
Tổng Công ty liên kết trong VPT Net	15.534.200.000	15.534.200.000	15.534.200.000	15.534.200.000
Công ty CP N D C	0	-	56.223.631.936	-
Công ty CP TM & DV liên Nam Phát	-	-	158.229.185.514	-
Công ty TNHH SX-TM-DV Phú Hưng Long	-	-	40.002.822.644	-
Công ty CP BT Phúc Thành Hưng	51.447.342.504	-	-	-
Công ty CP tập đoàn TM Hà Nội	30.122.716.292	-	32.965.940.925	-
INTERLABS PTE.LTD	96.178.000.000	-	-	-
Các tài khoản khác	220.307.868.168	43.861.925.229	217.722.947.624	28.954.249.131
<b>CỘNG</b>	<b>866.300.266.303</b>	<b>77.242.462.822</b>	<b>741.200.456.147</b>	<b>42.331.776.714</b>

6.2 Phải thu khác hàng từ các liên quan: *Chỉ thể trình bày tại thuyết minh số 20*

(\*) Tại ngày 31/12/2024, trong lòng số dư nợ của Công ty TNHH thu phí tự động VETC có 44.632.715.176 đồng đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, khách hàng này quá hạn này đã được điều chỉnh theo Quyết định Công nhận sự kiện thuộc các chương sự số 83/2023/QĐ-CT-KĐTM ngày 19/09/2023 và hai bên có cam kết tự thanh toán từ tháng 10/2023 đến tháng 9/2026. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này Công ty TNHH thu phí tự động VETC vẫn đang thanh toán theo đúng kế hoạch cam kết.

#### 5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 01 năm 2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
7.1 Ngân hàng	20.887.136.049	-	24.733.438.895	-
Công ty CP DV Bưu chính DELTATECH	40.272.250	-	2.540.872.240	-
Trả trước cho người bán khác	28.766.865.797	-	22.191.566.555	-
7.2 Đối tác	13.990.000.000	-	13.990.000.000	-
Ông Trần Hưng Giang (1)	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Ông Ngô Ngọc Hải (1)	2.990.000.000	-	2.990.000.000	-
Hà Nguyễn Thị Lệ Thủy (1)	5.990.000.000	-	5.990.000.000	-
<b>CỘNG</b>	<b>41.807.738.849</b>	<b>-</b>	<b>37.733.438.895</b>	<b>-</b>

**7.3 Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 33.3**

(1) Đây là khoản ứng trước cho các cá nhân là chủ sở hữu của các tổ chức thuộc "Đơn vị xây dựng lắp đặt" của Công ty Cổ phần Điện và viễn thông Miền Bắc, qua Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Theo biên bản họp Ban chấp hành ngày 31/12/2021 - 01/01/2022, các bên thống nhất thời gian hợp tác tiếp tục từ ngày 31/12/2022 đến ngày 31/12/2023. Sau thời gian nêu trên, các cá nhân không được phép khai vì bất kỳ lý do gì thì các bên cũng đều thống nhất phương án để chuyển đổi mục đích dự án trên tiếp tục hợp tác giữa các bên và nên không có phương án thay thế, các cá nhân trên phải hoàn lại vô điều kiện phần tạm ứng theo biên bản chấp thuận hợp tác đầu tư ngày 25/10/2008.

Vào ngày 09/01/2024, Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Ecom đã có văn bản số 16/TTr về việc đề nghị UBND thành phố Hà Nội xem xét, cấp phép để xuất nghiệm cầu được thực hiện đầu tư theo hình thức tự thỏa thuận, chuyển nhượng Quyền sử dụng đất để thực hiện "Dự án xây dựng khu dịch vụ công cộng liên quan phát và sửa chữa tại phường Đức Điện, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội" theo hình thức đầu tư mục đích, sử dụng 100% vốn đầu tư trong nước bao gồm vốn của Doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp đồng hợp pháp khác để thực hiện dự án theo hình thức thỏa thuận chuyển nhượng, nhận góp vốn quyền sử dụng đất.

Ngày 13/01/2024, Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã có văn bản số 533/VP-TBNĐT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo đề Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội - Tổ trưởng Tổ công tác đặc biệt của UBND thành phố đã có ý kiến chỉ đạo giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, hướng dẫn Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Ecom thực hiện đầu tư quy định. Đến thời điểm lập báo cáo này, các khoản của Công ty vẫn đang được xem xét.

**8. PHẢI TRÚ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 01 tháng 01 năm 2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>9.1 Ngân hạn</b>	<b>23.562.840.000</b>	<b>-</b>	<b>6.900.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty CP Tân Phát (1)	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Công ty CP Thương Mại Đại Cát (2)	5.862.830.000	-	-	-
Trần Phương Đông (3)	17.000.030.000	-	-	-
<b>9.2 Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>2.990.000.000</b>	<b>-</b>
Cho vay khác	0	-	2.500.000.000	-
<b>CỘNG</b>	<b>23.562.840.000</b>	<b>-</b>	<b>9.890.000.000</b>	<b>-</b>

(1) Theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2022/VAY VON ngày 10/06/2022 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Ecom và Công ty CP Tân Phát. Thời gian cho vay tối đa 2 năm và phụ lục vay số 01 ngày 10/06/2024 ghi hạn thanh toán vay từ 11/06/2024 đến 31/12/2024, lãi suất cho vay cố định 5,5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Ngày 14/01/2025, Công ty đã nhận đủ tiền gửi và trả vay.

(2) Theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2024/ELC-DAMCAT ngày 10/09/2024 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Ecom và Công ty CP Thương mại Đại Cát. Thời gian cho vay là 9 tháng, lãi suất cho vay cố định 5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

(3) Theo hợp đồng cho vay vốn số 01/HV/2024-ELC-TYD ngày 01/10/2024 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Ecom và ông Trần Phương Đông. Thời gian cho vay là 7 tháng, lãi suất cho vay cố định 5,5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

**9. CÁC KHOẢN PHẢI TRÚ KHÁC**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 01 tháng 01 năm 2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>9.1 Ngân hạn</b>	<b>42.793.078.513</b>	<b>6.261.845.048</b>	<b>70.194.678.513</b>	<b>6.261.845.048</b>
Tạm ứng cho nhân viên	7.864.145.441	-	6.961.821.170	-
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	25.135.552.487	-	28.798.206.471	-
Huấn luyện là đại cho TGMH có hạn	2.023.943.056	-	4.547.134.056	-
Phải thu khác	16.817.437.529	6.261.845.048	29.287.316.819	6.261.845.048
+ Lợi Hòa Thanh	0	-	0.307.001.000	-
+ Hà Quốc Phương (1)	6.943.400.000	-	8.826.000.000	-
+ Nguyễn Phương Hải (CMT 011486928 ngày 11/06/2004)	1.005.750.000	1.005.750.000	1.405.750.000	1.005.750.000
+ Công ty CP Công nghệ Phát Hạng mới	1.716.209.769	1.716.209.769	1.716.209.769	1.716.209.769
+ Công ty CP Công nghệ Việt Hạng mới Bắc Kạn	1.539.885.279	1.539.885.279	3.539.885.279	3.539.885.279
+ Công ty CP Đầu tư TM Bắc Hà	0	-	0.000.000.000	-
+ Các đối tượng khác	1.612.192.481	-	1.299.671.771	-



9.2	<b>Dài hạn</b>	10,245,359,957	-	43,634,265,957	-
	Dư án Tài trợ - Công ty CP Đầu tư & PT Thăng Long Xanh (2)	13,276,500,000	-	37,771,500,000	-
	Công ty CP Đầu tư BĐS Thanh Trì (3)	5,862,763,957	-	5,862,763,957	-
	Phân (thu) đại lý khác	106,024,000	-	-	-
	<b>CỘNG</b>	<b>18,936,168,470</b>	<b>6,261,845,048</b>	<b>133,821,944,475</b>	<b>6,261,845,048</b>

9.3 Phải thu khác là các bên liên quan: Cầu nối minh bạch tại thuyết minh số 38.3  
 (1) Là khoản phải thu phát sinh từ việc báo cáo vốn Công ty Cổ phần ISK.

(2) Đây là khoản góp vốn hợp tác đầu tư để thực hiện "Dự án xây dựng nhà ở hỗn hợp tại địa chỉ C13/007 (nay là ô đất HƯNG ĐỨC) thuộc phường Trần Phú quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐ/ELC-TLX ngày 20/06/2011 ký với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh, Công ty CP Công nghệ Viễn - thông Elcom và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh ty Bị cáo (quản lý hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 12/12/2024. Thời điểm 31/12/2024, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh đã hoàn trả số tiền, 24.495.000.000 đồng và cam kết hoàn trả số vốn lại (nhóm nhà ở vào tháng 06/2025).

(3) Đây là khoản hợp tác đầu tư số 01/2014/HĐHTĐ/ELCOM-BĐTHANH.ĐĐT ngày 1/12/2014 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì để thực hiện "Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và cảnh quan khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội" giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

Theo nghị quyết số 01-12/2012/NB-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom ngày 21/12/2022, Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom thông qua thoái 100% vốn góp của Công ty tại "Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và cảnh quan khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội" giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

10. MŨY SẴU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 01 tháng 01 năm 2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	4.137.656.058	4.137.656.058	4.137.656.058	4.137.656.058
Công ty CP Công nghệ Việt Tiến	4.111.247.702	4.111.247.702	4.111.247.702	4.111.247.702
Tập đoàn Viễn thông Quân Vicoel - 1E002/2012	17.846.327.583	17.846.327.583	17.846.327.583	17.846.327.583
Công ty CP Thủy sản LG Việt Nam	12.943.377.077	12.943.377.077	12.943.377.077	12.943.377.077
Tổng Công ty IT (quy)VNPT NET	15.534.200.000	15.534.200.000	15.534.200.000	15.534.200.000
Dư nợ ngân hàng	34.739.855.179	28.931.499.450	14.820.815.342	14.020.813.342
<b>CỘNG</b>	<b>89.312.663.599</b>	<b>83.504.107.870</b>	<b>68.593.621.762</b>	<b>68.593.621.762</b>

11. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 01 tháng 01 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	46.419.310.042	-	36.825.330.386	-
Thành phẩm	1.411.804.380	-	4.162.865.769	-
Hàng hoá	11.751.241.064	-	59.503.907.752	-
<b>CỘNG</b>	<b>69.642.415,692</b>	<b>-</b>	<b>100,492,104,923</b>	<b>-</b>

12. TÀI SẢN ĐANG ĐÁI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VNĐ	VNĐ
Dự án Phúc Điền (1)	246.601.885	246.601.885
Dự án THT (2)	213.671.609.500	
Mua sắm TSCĐ	40.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>213.958.271.385</b>	<b>246.601.885</b>

(1) Đây là chi phí xây dựng thực hiện dự án xây dựng khu dịch vụ chăm sóc giới thiệu sản phẩm và tiêu thụ tại phường Phúc Điền, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội". Chi tiết thông tin dự án xem tại thuyết minh số 7.

(2) Đây là giá trị nhận chuyển nhượng một phần Dự án khu trung tâm khu đô thị Tây Hồ Tây Bắc Hợp đồng chuyển nhượng một phần Dự án số 07/2024/THT-ELCOM-MBMMTC-NICCI ký giữa Công ty TNHH phát triển THT với Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Ecom và Công ty CP Đầu tư và Phát triển MBM.

13. CHI PHÍ VÀ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VNĐ	VNĐ
13.1 Ngân hàng	202.824.125	291.885.000
Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và chi phí khác	202.824.125	291.885.000
13.2 OMA hợp	3.905.166.314	6.324.334.037
Công cụ dụng cụ cuối cùng	1.105.776.006	4.214.350.021
Chi phí dài hạn khác chờ phân bổ	901.339.368	1.094.965.016
<b>CỘNG</b>	<b>3.207.990.439</b>	<b>6.611.209.045</b>

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, máy cày dân	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2024	66.739.686.839	15.160.105.799	29.636.245.851	3.585.450.077	115.121.491.566
Số tăng trong kỳ	-	4.470.829.818	11.727.444.671	-	16.198.274.489
- Mua sắm mới	-	4.470.829.818	11.727.444.671	-	16.198.274.489
- Đưa tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	(65.361.292.620)	(2.035.820.000)	(138.780.000)	-	(67.535.892.620)
- Thanh lý, nhượng bán	(65.361.292.620)	(2.035.820.000)	(138.780.000)	-	(67.535.892.620)
31/12/2024	1.378.394.219	17.595.115.617	41.224.913.522	3.585.450.077	63.783.873.435
<b>Trang đời</b>					
Đã khấu hao hết	462.207.566	1.438.901.909	12.735.250.878	1.071.186.673	17.697.550.006
<b>GIÁ TRỊ HẠO MÓN LŨY KẾ</b>					
01/01/2024	(66.739.686.839)	(6.172.781.324)	(13.641.839.821)	(2.646.688.132)	(89.200.996.120)
Số tăng trong kỳ	-	(2.219.014.000)	(4.622.711.631)	(296.451.144)	(7.138.176.775)
- Trích khấu hao	-	(2.219.014.000)	(4.622.711.631)	(296.451.144)	(7.138.176.775)
Số giảm trong kỳ	65.361.292.620	882.345.434	34.695.000	-	66.278.333.054
- Thanh lý, nhượng bán	65.361.292.620	882.345.434	34.695.000	-	66.278.333.054
31/12/2024	(1.378.394.219)	(7.509.449.894)	(18.339.856.452)	(2.943.139.276)	(50.068.839.841)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2024	-	8.987.324.471	15.994.409.030	938.761.945	25.920.495.446
31/12/2024	-	10.085.665.723	22.995.057.070	642.310.301	33.723.033.894

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2024: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2024: 17.697.550.006 VND (tại ngày 01/01/2024 là 85.103.901.936 VND).

**15. TÀI SẢN CÓ DỊM VÀ HÌNH**

	Phân môn máy tính VNĐ	Cộng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2024	17.452.188.389	17.452.188.389
Số tăng trong năm	7.746.480.597	7.746.480.597
Kiểm toán nội	7.746.480.597	7.746.480.597
Số giảm trong kỳ	(4.480.000.000)	(4.480.000.000)
Tính lý, chuyển	(4.480.000.000)	(4.480.000.000)
31/12/2024	20.718.668.986	20.718.668.986
<b>GIÁ TRỊ HẠO MÔN LUY KẾ</b>		
01/01/2024	(9.607.784.978)	(9.607.784.978)
Số tăng trong năm	(1.381.036.242)	(1.381.036.242)
Kiểm toán nội	(1.381.036.242)	(1.381.036.242)
Số giảm trong kỳ	4.480.000.000	4.480.000.000
Tính lý, chuyển	4.480.000.000	4.480.000.000
31/12/2024	(6.508.741.212)	(6.508.741.212)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2024	7.844.403.411	7.844.403.411
31/12/2024	14.209.927.774	14.209.927.774

- Nguyên giá TSCĐ và khấu hao lũy kế tương còn sử dụng tại ngày 31/12/2024: 4.864.099.881 VNĐ (tq: ngày 01/01/2024 là 4.344.499.881 VNĐ)

**16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà con, vật kiến trúc VNĐ	Cộng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2024	6.744.124.331	6.744.124.331
Số tăng trong năm	-	-
31/12/2024	6.744.124.331	6.744.124.331
<b>GIÁ TRỊ HẠO MÔN LUY KẾ</b>		
01/01/2024	(1.175.762.696)	(1.175.762.696)
Số tăng trong năm	-	-
31/12/2024	(1.175.762.696)	(1.175.762.696)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2024	5.568.361.635	5.568.361.635
31/12/2024	5.568.361.635	5.568.361.635

- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 3.129.237.104 VNĐ (tại ngày 01/01/2024 là 3.129.237.104 VNĐ)

Thư quyết định số 01-01/2020/QĐ-ELCOM ngày 02/01/2020 của Tổng Giám đốc Công ty CP Công nghệ - Viễn Thông Ecom, Công ty đã chuyển đổi mục đích sử dụng tài sản và bất động sản nhà có hình thành bất động sản đầu tư cho kinh doanh.

**17. NHÀ HÀ NGƯỜI ĐẠY**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 01 tháng 01 năm 2024	
	Giá trị VNĐ	Số dư có khi năng trừ nợ VNĐ	Giá trị VNĐ	Số dư có khi năng trừ nợ VNĐ
<b>17.1 Ngân hàng</b>	441.124.532.213	441.124.532.213	476.788.216.166	476.788.216.166
Cicra Communications Inc	74.309.721.621	74.309.721.621	180.456.183.108	180.456.183.108
TWIS International (ending Pte Ltd	36.313.081.200	36.313.081.200	34.734.128.000	34.734.128.000
Công ty TNHH Kỹ thuật Việt 368	0	0	70.238.790.846	70.238.790.846
Công ty CP thép Kỹ Thuật	0	0	32.988.973.233	32.988.973.233



Công ty TNHH HTS	0	0	33.198.509.703	33.198.509.703
ThiSua Capnet HuiSung Ltd	86.043.707.928	86.043.707.928		
Công ty TNHH phía Bắc THT	191.343.202.600	191.343.202.600		
Các đối tượng khác	53.114.818.864	53.114.818.864	125.091.631.278	125.091.631.278
17.2 Đại lý	-	0	-	-
<b>CỘNG</b>	<b>441.124.532.273</b>	<b>441.124.532.273</b>	<b>476.708.216.168</b>	<b>476.708.216.168</b>

17.3 Phải trả người bán là các Bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 18.3

18. NGUỒN MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 01 tháng 01 năm 2024	
	Giá trị	Số dư có khi những trả nợ	Giá trị	Số dư có khi những trả nợ
	VND	VND	VND	VND
18.1 Ngân hàng	115.370.919.150	115.370.919.150	17.778.912.380	17.778.912.380
BỘI ĐÁI XTĐ các CTGT HuiSung BAI	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ban QLĐA đầu tư xây dựng tỉnh Hà Nam	3.689.319.000	3.689.319.000	3.689.319.000	3.689.319.000
Sở GT và tư vấn Bình Dương	4.931.901.200	4.931.901.200		0
Công ty CP YNK & XD Việt Nam	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty CP Khepha	2.320.725.000	2.320.725.000	2.320.725.000	2.320.725.000
Công an tỉnh Phú Thọ	94.910.588.180	94.910.588.180		0
Các đối tượng khác	918.385.770	918.385.770	3.168.868.280	3.168.868.280
18.2 Đại lý	-	-	-	-
<b>CỘNG</b>	<b>115.370.919.150</b>	<b>115.370.919.150</b>	<b>17.778.912.380</b>	<b>17.778.912.380</b>

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NỘI NƯỚC

	Số dư đầu kỳ (01/01/2024)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ (31/12/2024)
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	9.099.739.713	11.876.420.447	13.115.916.083	7.859.244.077
Thuế GTGT được nhập khẩu	-	15.265.198.765	15.265.198.765	0
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	2.670.155.700	2.670.155.700	0
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (Thuế thu nhập cá nhân)	6.644.592.348	17.553.694.230	6.746.044.291	17.452.242.287
Thuế Thu nhập cá nhân	122.160.857	2.443.393.211	2.394.396.992	171.156.276
Thuế nhà thầu nước ngoài	1.240.449.846	4.393.544.785	4.098.669.836	1.535.324.895
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	113.060.597	6.000.000	6.000.000	113.060.597
<b>CỘNG</b>	<b>17.220.002.661</b>	<b>34.204.007.138</b>	<b>44.316.581.667</b>	<b>27.108.018.132</b>

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số dư đầu kỳ (01/01/2024)	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ (31/12/2024)
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long (1)	42.456.036.515	160.111.955.521	169.100.941.071	33.467.050.965
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh (2)	-	24.184.722.921	21.579.090.341	2.605.624.580
<b>CỘNG</b>	<b>42.456.036.515</b>	<b>184.296.678.442</b>	<b>190.680.031.412</b>	<b>36.072.675.545</b>

(1) Hợp đồng vay số 223187.24.054.27172.TD ngày 28/09/2024 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Ecom. Hạn mức cấp tín dụng: 600.000.000.000 đồng trong đó:

Hạn mức cho vay: 200.000.000.000 đồng;

Hạn mức bảo lãnh thanh toán: 50.000.000.000 đồng;

Hạn mức bảo lãnh ngoài báo Nợ: thanh toán 12.400.000.000.000 đồng;

Hạn mức bảo lãnh L.C là: 100.000.000.000 đồng;

Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng từ ngày giao kết hợp đồng ngày đến ngày 15/06/2025.

Mục đích cấp tín dụng: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động cung cấp thiết bị, phần mềm và các dịch vụ di động trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, năng lượng công nghệ cao và hoạt động kinh doanh đồng hành của khách hàng;

Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc từ quá hạn; lãi suất áp dụng đối với bị chậm trả chi tiết tại bảng báo gửi ngân, nhậm nợ và thỏa thuận chung.

(2) Hợp đồng vay số 01/24/02024/001/HTD ngày 10/01/2024 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành và Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Ecom.

Hạn mức cấp tín dụng thường xuyên (bao gồm cho vay ngắn hạn, phát hành bảo lãnh, nợ LC): 00.000.000.000 đồng trong đó:

Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng từ ngày giao kết hợp đồng ngày đến ngày 29/01/2025;

Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phát hành bảo lãnh, nợ LC phục vụ cho hoạt động kinh doanh;

Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc từ quá hạn; lãi suất áp dụng đối với bị chậm trả chi tiết tại bảng báo gửi ngân, nhậm nợ và thỏa thuận chung.

21. CHỈ MỤC PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
21.1 Ngân hàng	5.856.049.033	707.345.703
Trích nước chủ ghi thực hiện dự án	5.806.860.817	527.345.703
Các khoản trích nước khác	47.188.216	100.000.000
21.2 Dài hạn	-	-
<b>CỘNG</b>	<b>5.856.049.033</b>	<b>707.345.703</b>

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
22.1 Ngân hàng	1.112.023.667	5.102.764.298
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	253.507.132	1.782.794.298
Các khoản khác	206.516.493	3.688.069.000
22.2 Dài hạn	-	-
<b>CỘNG</b>	<b>1.112.023.667</b>	<b>5.392.794.298</b>

23. PHẢI TRẢ KHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
23.1 Ngân hàng	3.886.483.680	4.407.777.052
Kinh phí công đoàn	1.781.352.157	1.813.847.312
Phải trả tiền lương kỳ quỹ, kỳ trước ngân hàng	823.764.783	823.764.713
Phải trả cổ tức cho cổ đông	700.717.528	730.339.858
Phải trả bằng chứng từ tạo hình	66.430.904	108.767.190
Phải trả, phải nộp khác	507.568.386	541.817.669
23.2 Dài hạn	1.119.257.973	9.437.889.700
Các khoản thế chấp, kỳ quỹ, kỳ trước	198.737.973	2.507.289.700
Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	6.930.520.000	6.930.520.000
<b>CỘNG</b>	<b>11.009.441.661</b>	<b>13.845.586.752</b>

(\*) Khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty CP Công nghệ mạng Đông Đô theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐV/ELCOM-DONGDO ngày 24/03/2021 với số tiền: 6.930.520.000 VND. Mục đích của việc hợp tác đầu tư là mua phần vốn góp của Công ty CP Công nghệ VFT

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
24.1 NGẮN HẠN	1.635.651.757	2.295.414.584
Dự phòng bảo lãnh sản phẩm băng đĩa	1.635.651.757	2.295.414.584
24.2 DÀI HẠN	18.381.535.268	7.932.484.993
Dự phòng bảo lãnh sản phẩm băng đĩa CÔNG	18.381.535.268	7.932.484.993
	<u>20.017.187.025</u>	<u>10.227.919.577</u>

Handwritten signature or mark on the right margin.

**15 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Thặng dư vào cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
01/01/2023	587.788.430.000	85.409.783.716	-	41.410.255.574	5.200.000.000	151.929.663.246	871.738.138.536
Tăng vốn trong kỳ	235.112.540.000	(85.409.783.716)	-	(31.000.000.000)	-	(118.702.556.284)	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	25.657.779.781	25.657.779.781
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
31/12/2023	822.900.770.000	-	-	10.410.255.574	5.200.000.000	57.054.584.743	895.595.910.319
01/01/2024	822.900.770.000	-	-	10.410.255.574	5.200.000.000	57.054.584.743	895.595.910.319
Tăng vốn trong kỳ (1)	10.000.000.000	-	-	-	-	-	10.000.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	70.897.052.082	70.897.052.082
Phân phối lợi nhuận (2)	-	-	-	-	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
31/12/2024	832.900.770.000	-	-	10.410.255.574	5.200.000.000	120.451.936.825	972.992.962.401

(1) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 02-01/2024/NQ-HĐQT ngày 18/01/2024 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động. Số lượng cổ phiếu phát hành là 1.000.000 cổ phiếu.

(2) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo nghị quyết Đại hội cổ đông số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024





**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VNĐ	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.653.757.598	1.434.440.687
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	624.025.065
Cổ tức, lợi nhuận được chia	688.490.600	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.861.032.917	2.683.897.161
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	2.437.369.864	2.250.282.387
<b>CỘNG</b>	<b>8.640.350.381</b>	<b>6.992.640.320</b>

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VNĐ	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VNĐ
Lãi tiền vay	722.913.133	2.122.124.251
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	525.661.790	1.337.630.240
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	199.850.231	1.457.150.523
Chi phí giảm giá các khoản đầu tư	316.116.358	11.070.842.529
<b>CỘNG</b>	<b>2.764.541.512</b>	<b>4.327.067.093</b>

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VNĐ	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VNĐ
Chi phí nhân viên	6.332.533.064	7.203.495.973
Chi phí khấu hao TSCĐ	274.340.827	220.383.224
Chi phí chi phòng báo lương	1.208.444.963	5.388.404.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.161.040.320	2.594.139.606
Chi phí bằng tiền khác	273.133.376	442.426.571
<b>CỘNG</b>	<b>10.249.492.560</b>	<b>16.348.840.122</b>

**32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VNĐ	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	7.340.405.283	9.075.254.748
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.127.642.239	2.184.137.553
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.294.318.819	930.278.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.426.998.155	5.314.802.416
Chi phí chi phòng phát hành khó đòi	14.455.756.897	24.158.490.151
Chi phí bằng tiền khác	572.287.236	4.383.597.912
<b>CỘNG</b>	<b>21.217.006.239</b>	<b>40.046.641.292</b>

**33. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VNĐ	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VNĐ
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	9.090.909	668.520.370
Thu nhập khác	2.142.235.619	155.265.653
<b>CỘNG</b>	<b>2.151.326.528</b>	<b>823.786.023</b>

34. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
Chi phí khác	14.111.694	902.904.187
<b>CỘNG</b>	<b>14.111.694</b>	<b>902.904.187</b>

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC, hàng hóa	38.866.979.059	90.920.184.726
Chi phí nhân công	14.137.125.661	16.682.226.270
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.568.659.646	1.161.661.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.619.881.478	21.929.179.987
Chi phí vận chuyển, bốc xếp, phân phối, kho bãi	15.664.201.476	27.046.834.896
Chi phí bán hàng khác	3.975.194.526	4.919.021.056
<b>CỘNG</b>	<b>98.861.042.046</b>	<b>162.659.168.772</b>

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78.928.481.477	5.488.483.324
Các khoản điều chỉnh tăng	439.418.353	2.191.222.482
- Các khoản giảm	-	-
- Khoản thu TSCĐ vượt định mức	89.407.114	59.273.334
- Các khoản chi phí không hợp lệ	350.011.239	1.996.042.722
- Lợi chênh lệch tỷ giá chưa được luận năm trước	-	136.936.346
- Lợi và doanh thu chênh lệch tỷ giá các khoản phải thu, kỳ quỹ, tiền gửi	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.431.729.963)	(737.541.024)
- Thuế nhập khẩu thuế từ các khoản đầu tư	(681.150.000)	(624.025.085)
- Lợi chênh lệch tỷ giá của các khoản phải thu, kỳ quỹ, tiền gửi	(741.579.963)	(113.515.940)
Thu nhập chịu thuế trong năm	77.936.169.867	6.935.169.781
Chi phí thuế TNDN hiện hành (loại trừ SXKD được thường)	15.565.421.973	1.387.033.941
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo BB quyết toán thuế theo DĐT tự luận các lĩnh vực của DN bỏ qua chế độ	20.819.090	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>15.586.241.063</b>	<b>1.387.033.941</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	1.866.828.314	6.237.553.407
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(20.819.090)	(1.000.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<b>17.432.242.287</b>	<b>6.644.592.348</b>

36. LỢI TRƯỚC CHI PHÍ THUẾ

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 50 - Lợi nhuận chi phí thuế (trường hợp Công ty phải lập cơ Báo cáo tài chính tổng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chi minh bày riêng về lợi cơ báo cáo cơ phần trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

## 32. BẢO CẢM BỘ PHẦN

### 32.1 Thông tin về bảo cầm tài chính bộ phận

Bộ phận được bảo cầm là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, việc nhận các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác doanh nghiệp. Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận bảo cầm chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận phụ có thể yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp (kể cả các đơn vị) hoặc đơn vị hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, việc nhận các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác doanh nghiệp. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực bán thành phẩm phần mềm: Bán các sản phẩm phần mềm.
- Lĩnh vực bán hàng hóa: Nhận các thiết bị phục vụ dự án.
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ: Dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp (kể cả các đơn vị) hoặc đơn vị hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác doanh nghiệp các môi trường kinh tế khác. Các hoạt động kinh doanh ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam của Công ty chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó Công ty không áp dụng báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản bộ phận và các tài sản dài hạn khác và các giữ lại các khoản chi phí liên không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:



37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

37.2 Báo cáo bộ phận

Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024

	Thành phẩm bán năm	Hàng hóa	Dịch vụ	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	14.714.389.620	300.337.126.381	28.975.990.665	344.027.506.666
<b>Tổng doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>14.714.389.620</b>	<b>300.337.126.381</b>	<b>28.975.990.665</b>	<b>344.027.506.666</b>
Chi phí bộ phận	(1.000.000.000)	(214.951.036.174)	(16.302.586.928)	(232.253.623.102)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	13.714.389.620	85.386.090.207	12.673.403.737	11.773.883.564
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(41.466.500.790)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				70.307.382.774
Doanh thu hoạt động tài chính				8.640.350.381
Chi phí tài chính				(2.264.546.512)
Thu nhập khác				2.151.326.528
Chi phí khác				(14.111.694)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(15.586.241.063)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>63.234.160.414</b>
Tài sản không phân bổ				1.638.470.559.832
Nợ phải trả không phân bổ				665.477.597.431
<b>Tổng chi phí mua TSCĐ</b>				<b>27.348.102.426</b>

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

37.2 Báo cáo bộ phận (tiếp)

Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023

	Thành phẩm phần mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	12.824.740.000	461.369.355.215	33.638.203.874	507.832.299.089
Tổng doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.824.740.000	461.369.355.215	33.638.203.874	507.832.299.089
Chi phí bộ phận	(9.944.576.763)	(426.631.959.117)	(11.971.132.336)	(448.547.968.716)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.879.863.237	34.737.396.098	21.667.071.038	59.284.330.373
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(56.395.201.514)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				2.889.028.859
Doanh thu hoạt động tài chính				6.992.640.320
Chi phí tài chính				(4.322.063.057)
Thu nhập khác				823.786.429
Chi phí khác				(902.904.187)
Chi phí thuế từ nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.387.033.941)
Chi phí thuế từ nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				4.093.454.383
Tài sản không phân bổ				1.489.660.918.813
Nợ phải trả không phân bổ				594.065.008.494
Tổng chi phí mua TSCĐ				11.341.319.398

3B. THÔNG TIN KHÁC

3B.1 Thông tin các bên liên quan

Tên bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM	Công ty con
Công ty CP DataNova Việt Nam	Công ty con
Công ty CP Điện tử Samsung	Công ty con của Công ty CP DataNova Việt Nam
Công ty CP EUCOM (PHUMÉ)	Công ty con
Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	Công ty con
Công ty CP máy ảnh truyền hình Việt Nam	Công ty con
Công ty CP Công nghệ VFT	Công ty liên kết
Công ty CP Awan Holdings	Công đồng viên HĐQT
Công ty NPI Solutions INC	Phan Đức Trung - Ông Công ty TNHH giải pháp phần mềm của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Mã ứng Viên thông CMC	Ngô Trọng Hiếu TGĐ Công ty - con em của Phó TGĐ Ngô Ngọc Hòa
Công ty CP đầu tư thương mại & phát triển Dịch vụ Việt Nam	Ông Nguyễn Văn Hòa là đại diện theo Pháp luật của Công ty CP đầu tư TM & PT Dịch vụ Việt Nam và là Phó Tổng Giám đốc của Công ty CP Công nghệ - Viên thông
Ông Trần Hưng Giang	Thành viên HĐQT
Ông Ngô Ngọc Hòa	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Lê Thủy	Vợ Ông Phan Chiến Thắng - Chủ tịch HĐQT

3B.2 Các dịch vụ các bên liên quan

Công ty CP DataNova Việt Nam	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	2.236.416.134	1.532.851.000
+ Giá trị hàng hóa mua có thuế GTGT	2.236.406.940	1.338.850.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	9.194	1.000
- Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	2.236.216.134	
- Bù trừ công nợ	8.130.000	
- Mua hàng hóa, dịch vụ	105.666	
+ Giá trị dịch vụ chuyển có thuế GTGT	96.000	
+ Thuế GTGT hàng hóa bán ra	9.666	
<b>Công ty CP Tập đoàn TM Hà Nội</b>	<b>Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024</b>	<b>Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023</b>
	VND	VND
- Chi phí ELCOM mua dịch vụ	3.407.540.400	3.407.540.400
+ Giá trị dịch vụ chuyển có thuế GTGT	3.097.764.000	3.097.764.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	309.776.400	309.776.400
- Thanh toán tiền mua dịch vụ	200.000.000	200.000.000
- Bù trừ công nợ phải trả và phải thu	700.170.534	927.256.000
- Doanh thu từ bán các sản phẩm ELCOM được nhận	2.437.367.860	2.250.282.187
- Bù trừ công nợ phải trả và phải thu khác	2.437.369.866	2.250.282.187
<b>Công ty CP Công nghệ VFT</b>	<b>Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024</b>	<b>Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023</b>
	VND	VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	33.026.400	33.044.000
+ Giá trị dịch vụ chuyển có thuế GTGT	30.024.000	30.040.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	3.002.400	2.994.000

- Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ Công ty NIT Solutions INC	33.026.400	33.044.000
	<b>Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND</b>	<b>Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND</b>
- Gửi đi bằng bưu, dịch vụ bưu trong kỳ	957.750.000	916.875.000
- Thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ	955.317.500	916.875.000
<b>Công ty CP Tập đoàn Viễn thông CNTT</b>	<b>Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND</b>	<b>Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND</b>
- Mua hàng hóa, dịch vụ	32.560.000	181.236.000
+ Giá trị DV thuê Server, DV dịch Cloud chưa có thuế GTGT	29.600.000	164.780.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	2.960.000	16.476.000
- Thanh toán tiền dịch vụ	24.962.000	181.236.000
<b>Công ty CP đầu tư thương mại &amp; FT dịch vụ Việt Nam</b>	<b>Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND</b>	<b>Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND</b>
- Mua hàng hóa, dịch vụ	53.460.000	54.450.000
+ Giá trị thuế xe ô tô chưa có thuế GTGT	49.500.000	49.500.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	3.960.000	4.950.000
- Thanh toán tiền dịch vụ	53.460.000	54.450.000
<b>38.3 Số dư các khoản tiền nợ</b>	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>31/12/2023 VND</b>
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>31.421.034.641</b>	<b>15.972.168.940</b>
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	597.720.729	597.320.729
Công ty Cổ phần Thương mại Hà Nội	30.122.716.292	22.965.940.925
Công ty Cổ phần Dataova Việt Nam	700.547.570	1.408.557.186
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>16.090.000.000</b>	<b>13.800.000.000</b>
Ông Trần Hùng Giang	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà	2.090.000.000	2.090.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	5.960.000.000	5.950.000.000
Công ty Cổ phần Dataova Việt Nam	3.000.000.000	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>3.539.685.279</b>	<b>3.539.685.279</b>
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	3.539.685.279	3.539.685.279
<b>Phải trả người bán</b>	<b>127.422.566</b>	<b>499.695.199</b>
Công ty TNHH GI* phần mềm Ecom	127.422.566	127.422.566
Công ty CP máy tính & truyền thông VN	-	422.272.333



**38.4 Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Chiến vụ	Từ 01/01/2024 đến	
	31/12/2024	VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		3.713.818.799
+ HĐQT và Ban Giám đốc		2.576.081.799
Ông Phạm Thiên Trường	Chủ tịch HĐQT	239.452.000
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Phó Chủ tịch HĐQT	152.063.000
Ông Trần Hùng Cường	TV HĐQT	152.063.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	TV HĐQT	151.839.000
Ông Ngô Ngọc Hà	TV HĐQT, Phó TGD	296.047.930
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	TV HĐQT	120.000.000
Ông Đỗ Mạnh Tiến	TV HĐQT	120.000.000
Ông Phạm Mạnh Trường	Tổng Giám đốc	399.626.000
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó TGD	238.244.000
Bà Đặng Thị Thanh Minh	GD Tài chính	106.746.860
+ Ban Kiểm soát		656.887.000
Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng ban kiểm soát	313.493.000
Bà Vũ Ngân Hà	Thành viên BKS	309.594.000
Bà Hoàng Thị Phương Thủy	Thành viên BKS	36.800.000
+ Kế toán trưởng		498.450.800
Bà Diệu Thị Lý	Kế toán trưởng	498.450.800
Cộng		3.713.818.799

**39. SỔ TÀI VỤ SỬ DỤNG**

Sổ làm cơ sở lập sổ hiệu trên đây căn cứ chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán UTY

Người lập  
  
 Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng  
  
 Diệu Thị Lý

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025  
 Tổng Giám đốc  
  
 Phạm Minh Thống



**DOANH NGHIỆP:**

**Công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM**

**Địa chỉ: Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội**

**Mã số thuế: 0101435127**

**Điện thoại: 043 8359 359**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày 27 tháng 1 năm 2025

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **BÁO CÁO HỢP NHẤT QUÝ 4/2024**

**Gồm các biểu:**

1. Bảng cân đối Kế toán
2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Phan Chiến Thắng*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tới ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.184.524.982.647</b>	<b>1.214.117.529.930</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	296.629.549.281	186.196.786.544
Tiền	111		187.129.549.281	78.196.786.544
Các khoản tương đương tiền	112		109.500.000.000	108.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		145.418.782.600	104.624.407.487
Chứng khoán kinh doanh	121		749.959.368	723.320.938
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(221.176.768)	(143.175.938)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1	144.890.000.000	104.040.262.487
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		661.842.022.220	809.414.896.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	627.626.911.601	773.365.334.735
Trợ trước cho người bán ngắn hạn	132	7	26.472.717.399	24.936.143.053
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	28.862.800.000	6.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	65.594.394.259	75.979.576.065
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(86.714.801.039)	(70.866.157.844)
Hàng tồn kho	140	11	77.541.442.346	108.831.975.292
Hàng tồn kho	141		77.541.442.346	108.831.975.292
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.093.186.200	5.093.464.598
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	308.592.841	328.864.512
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.784.424.172	3.946.821.600
Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	19	169.187	777.278.436
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>807.314.658.040</b>	<b>606.996.536.132</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		62.785.789.957	63.114.765.957
Trợ trước cho người bán dài hạn	212		13.000.000.000	13.000.000.000
Phải thu cho vay dài hạn	213	8	-	2.900.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	49.785.789.957	47.214.765.957
Tài sản cố định	220		100.412.542.912	89.960.688.765
Tài sản cố định hữu hình	221	14	84.394.490.978	79.480.724.050
- Nguyên giá	222		118.254.932.375	169.592.550.506
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.860.441.397)	(50.111.824.416)
Tài sản cố định vô hình	227	15	16.218.051.934	10.479.932.675
- Nguyên giá	228		20.132.434.934	16.865.954.337
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.914.383.000)	(6.386.021.662)
Đầu động sản đầu tư	230	16	7.963.544.042	8.420.442.762
- Nguyên giá	231		18.171.592.354	18.171.592.354
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.208.048.312)	(9.750.949.592)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	216.211.864.296	1.568.938.941
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		216.211.864.296	1.568.938.941

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
Đầu tư dài hạn	250	5	108.743.512.767	120.839.462.375
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		36.947.468.423	36.947.464.014
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		77.073.000.000	89.349.133.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.276.933.655)	(5.457.134.639)
Tài sản dài hạn khác	260		310.997.484.066	320.092.067.332
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	310.879.352.441	322.918.692.433
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		118.051.626	173.363.899
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.991.839.640.688</b>	<b>1.821.114.066.062</b>
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>NGOẠI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>741.300.427.281</b>	<b>648.957.131.977</b>
Nợ ngắn hạn	310		651.306.340.723	504.576.962.684
Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	17	443.447.980.646	474.894.502.331
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	117.645.831.417	20.148.249.408
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	19	27.887.989.132	10.370.720.137
Phải trả người lao động	314		7.122.094.916	9.697.835.428
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	5.862.619.033	714.862.703
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	1.669.579.388	6.033.264.089
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	4.800.324.501	4.840.328.424
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	36.072.675.525	42.436.036.515
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	1.635.651.757	2.295.434.584
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.161.402.408	5.125.729.065
Nợ dài hạn	330		89.994.278.558	81.380.169.293
Phải trả dài hạn khác	337	23	7.129.257.973	9.881.329.700
Tài thuế TNDN hoãn lại phải trả	341	24	64.483.485.317	66.565.854.600
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	12.381.535.268	7.932.484.993
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.250.539.013.407</b>	<b>1.152.156.934.085</b>
Vốn chủ sở hữu	410	26	1.250.539.013.407	1.152.156.934.085
Vốn góp của chủ sở hữu	411		832.900.770.000	822.900.770.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.410.255.576	10.410.255.576
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.200.000.000	5.200.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		209.573.900.414	123.393.429.070
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		119.893.429.068	45.741.484.317
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		89.680.471.346	77.651.944.753
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		192.454.087.417	100.252.470.434
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.991.839.640.688</b>	<b>1.821.114.066.062</b>

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Người lập báo

  
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

  
Đâu Thị Lý

  
Tổng Giám đốc  
Phạm Minh Thắng



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### Quý 4/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	372.520.507.119	522.718.211.991	800.145.221.381	900.089.882.652
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	-	-	-	240.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		372.520.507.119	522.718.211.991	800.145.221.381	900.089.642.652
Giá vốn hàng bán	11	30	236.948.100.346	450.638.079.693	554.103.621.588	786.357.957.034
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		135.572.406.773	72.080.132.298	246.041.599.793	193.731.685.618
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	9.618.726.962	39.712.798.551	24.383.142.515	53.193.595.824
Chi phí tài chính	22	32	4.625.146.720	2.840.424.787	13.029.480.489	8.845.254.355
Trong đó: chi phí lãi vay	23		722.918.132	1.819.312.638	3.038.829.759	3.715.807.784
Phân lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		4.408	(1.956.845.430)	4.408	(1.785.833.428)
Chi phí bán hàng	25	33	12.426.139.542	18.075.822.996	49.078.056.131	46.289.273.562
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	36.800.661.317	43.460.126.320	88.557.070.474	92.865.234.126
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		91.339.190.564	45.459.711.316	119.760.139.622	97.139.685.871
Thu nhập khác	31	34	2.151.377.168	823.826.429	2.368.974.224	980.262.758
Chi phí khác	32	35	68.897.323	987.389.797	5.253.433.926	1.226.623.095
Lợi nhuận khác	40		2.082.479.845	(163.563.368)	(2.884.459.702)	(246.360.337)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		93.421.670.409	45.296.147.948	116.875.679.920	96.893.325.634
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	15.534.610.369	1.483.145.077	17.754.652.605	9.434.781.937
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(448.944.243)	3.096.219.690	(2.027.052.010)	3.137.707.645
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		78.336.004.283	40.716.783.181	101.148.079.325	84.320.836.052
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		75.895.226.806	39.442.403.878	96.430.471.346	77.651.944.753
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.440.778.177	1.274.379.303	4.717.607.979	6.668.891.299
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	911	662	1.158	1.303
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	39	911	662	1.158	1.303

Người lập



Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Đặng Thị Lý



Phạm Minh Thắng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp giá tiếp)  
 Cho kỳ báo cáo từ 01/01/2024 đến 31/12/2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		116.875.679.929	96.893.328.634
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		12.494.632.312	7.422.795.548
Các khoản dự phòng	03		25.704.463.448	29.718.385.889
(Lãi)/ổ chiết khấu tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.510.126.260)	772.479.766
(Lãi)/ổ từ hoạt động đầu tư	05		(17.856.860.251)	(47.678.165.733)
Chi phí lãi vay	06		3.038.829.759	3.715.807.784
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		127.786.618.929	98.836.638.888
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.577.121.333)	(314.897.710.150)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.386.812.486	931.322.962
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		86.466.317.458	331.247.812.734
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12.114.934.936	(573.882.970)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.967.440.121)	(3.715.807.784)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.405.573.679)	(3.937.078.606)
Tiền chi khác của hoạt động kinh doanh	17		(3.584.326.657)	(4.057.159.443)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		106.113.384.889	95.834.125.431
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(28.279.357.881)	(12.321.482.463)
Tiền chi để thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		249.800.000	1.063.750.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(205.647.500.000)	(200.718.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		128.484.700.000	224.133.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(16.788.800.000)	(21.000.000.000)
Tiền thu lãi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		65.807.360.000	2.670.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.748.870.779	12.153.484.121
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(42.384.927.582)	5.988.751.658
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		10.000.000.000	1.500.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		192.295.678.442	164.498.423.703
Tiền trả nợ gốc vay	34		(198.640.039.432)	(152.394.387.188)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.005.622.330)	(1.546.304.384)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.671.016.680	11.610.732.811
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		110.419.473.267	113.325.209.100
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	186.196.786.544	72.857.962.923
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		13.289.470	13.614.521
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	299.629.549.381	186.196.786.544

Người lập  
  
 Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng  
  
 Phạm Minh Thắng

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2025  
 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM  
 Tổng Giám đốc  


## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 4/2024

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOẠN KINH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2003 và các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 31 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15/05/2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 31 ngày 15/05/2024 của Công ty là: 832.900.770.000 (Tám trăm ba mươi hai tỷ, chín trăm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn), trong đó có 83.290.077 cổ phiếu, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty có mã giao dịch là ELC và được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 261 người (tại ngày 31/12/2023 là 236 người).

#### 1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

#### 1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2024 bao gồm:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyên gia công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

#### 1.4 CHU KỶ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY

Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 như sau:

Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.	100%	100%
Công ty Cổ phần DataNova Việt Nam	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giải trí gia đình	93%	93%
Công ty CP Elcom Prime	Tầng 6, tòa nhà Finexco, 231-233 Lê Thành Tông P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	Xuất bản phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử	70%	70%
Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	Tầng 6, Số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP Hà Nội	Sản xuất kinh doanh linh kiện điện tử phần mềm, Bất động sản	68,68%	68,68%
Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	Số 18 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP Hà Nội	Sản xuất kinh doanh phần mềm máy tính, dịch vụ cho thuê văn phòng	30,5%	30,5%



**Danh sách các công ty con kiểm soát gián tiếp:**

Tên công ty con gián tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP đầu tư Smartek (là công ty con của Công ty Cổ phần Datawave Việt Nam)	Tầng 04, TT Ươm tạo & Đào tạo công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, xã Thạch Hóa, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Xuất bản phần mềm	88,35%	88,35%

- Thông tin chi tiết về công ty liên doanh, nên kết quan trọng được phân tích trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 như sau:

**Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Khai thác quặng kim loại	42,97%	42,97%
Công ty CP Công nghệ VFT	Đường 72, phường Dương Nội, quận Hà Đống, TP Hà Nội	Sản xuất, bán các hệ thống viễn thông và phát triển phần mềm	41,58%	41,58%

- Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Lắp đặt dịch vụ Viễn thông
Văn phòng đại diện Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	Đại diện Công ty giao dịch với khách hàng

**1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

**2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khi các đại lý quyền kiểm soát có liên đến quyền biểu quyết tiềm năng phải sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng đồ hợp nhất được lập theo cùng kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong các hoạt động tương tự. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh thích hợp để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng lập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản tài nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi có phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị của lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đã hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận mua được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phạm vi lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ và các Công ty con trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty và các công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lỗ, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty và các công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản (xem tăng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định dự ra.

### 3.3. NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

### 3.4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3.5. CÁC KHOẢN ĐÀU TƯ TẠI CHỖ

*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh tức là được Công ty mua vào, bán ra để kiếm lời. Công ty đang nắm giữ các loại chứng khoán kinh doanh gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng... Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm bắt đầu từ có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu thì được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Cổ phiếu bán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi hoặc ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm trao đổi nếu tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi hoặc ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm trao đổi nếu tại ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá thị trường tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý trên thị trường thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Trường hợp chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch hoặc đã niêm yết trên thị trường mà không có giá giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng hoặc tại ngày trích lập dự phòng, chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch thì việc xác định mức trích lập dự phòng tương tự như trường hợp dồn tụ vào các đơn vị kinh tế khác.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tiền phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bất hoặc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Theo nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số còn lại được xác định một cách đáng tin cậy thì khoản đầu tư phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập lại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu miễn yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị tương của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bên cạnh kết hợp đúng hoặc chưa kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không liên đến việc quá hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã mất vào tình trạng phá sản hoặc đang hạn thu tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được khởi kiện khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá tiếp liệu giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Thanh phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.



Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kế kho thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân giá quyền.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

### 3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khu tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	03-08
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

### 3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính

### 3.10 CHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN BẢO TƯ

Nguyên giá

Là bất động sản là nhà cửa vật kiến trúc nhằm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá mà không phải để:

- Sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc

- Bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn nước hoạt động được đánh giá ban đầu và được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán.

### 3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG ĐỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản đồ đang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng lại thời điểm kiểm soát tập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí tài trợ có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài

Chi phí xây dựng cơ bản đồ đang của Công ty là chi phí dự án Tờ Liền và chi phí dự án khác.



Chi phí dự án Tư Liệu là chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhỏ ở đề bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Thời gian thực hiện đến 31/12/2028.

Chi phí dự án khác là chi phí đo đạc, thiết kế .... để thực hiện xây dựng trung tâm thương mại 18 Ngọc Khánh theo quy hoạch. Dự án đang được triển khai.

### 3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất đúng chế phẩm bổ, chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ. Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thực tế phát sinh.

### 3.13 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai hiện qua đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân Đội.

### 3.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân Đội.

### 3.15 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuế tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay.

### 3.16 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 3.17 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng phải trả của Công ty phản ánh các khoản Dự phòng bảo hành sản phẩm bằng hóa.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa bằng 5% trên giá trị hợp đồng quy định điều kiện bất trước bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc liên quan đến các dữ liệu và chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ giá quyền của tất cả các hiệu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa của phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

### 3.18 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán và cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

### 3.19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được định, biểu, tái tự sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các lợi nhuận này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hóa tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi số do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến lương tiền và khả năng chi trả có vẻ như là do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được Ủy ban chứng khoán chấp thuận.

### 3.20 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định lượng đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có thể rằng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhân các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo lãi kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền có cổ hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**3.21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

**3.22 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) theo luật thuế giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất cố định áp dụng tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào cáo quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sâu rộng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.23 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là bên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:



• Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết

• Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp điều quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mặc thiết trong gia đình của các cá nhân này

• Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền điều quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chủ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, giao dịch và số dư của các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	2.048.759.214	2.274.301.529
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	185.080.790.067	75.922.481.015
Các khoản tương đương tiền (*)	109.500.000.000	108.000.000.000
<b>CỘNG</b>	<b>296.629.549.281</b>	<b>186.196.786.544</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 3,4%/năm đến 4,8%/năm.

#### 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

##### 5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	144.890.000.000	144.890.000.000	104.040.262.487	104.040.262.487
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB)	43.590.000.000	43.590.000.000	84.730.000.000	84.730.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long (MB)	97.000.000.000	97.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BIDV)	-	-	9.310.262.487	9.310.262.487
Ngân hàng TMCP Nam Á (Nam Á Bank)	4.300.000.000	4.300.000.000	-	-
<b>Đã hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>CỘNG</b>	<b>144.890.000.000</b>	<b>144.890.000.000</b>	<b>104.040.262.487</b>	<b>104.040.262.487</b>

(\*) Bao gồm khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 3,5%/năm đến 5,7%/năm

##### 5.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Phần lãi/lỗ trong Công ty liên kết VND	Giá trị theo phương pháp VCSH VND	Giá gốc VND	Phần lãi/lỗ trong Công ty liên kết VND	Giá trị theo phương pháp VCSH VND
Công ty CP Công nghệ	17.360.740.000	(11.521.100.314)	5.839.636.686	17.360.740.000	(11.521.107.722)	5.839.632.278
VLM Bảo Kim	20.535.913.966	10.571.917.770	31.107.831.736	20.535.913.966	10.571.917.770	31.107.831.736
Cty CP Viễn thông VPT	37.896.653.966	(949.186.544)	36.947.468.422	37.896.653.966	(949.189.952)	36.947.464.014
<b>CỘNG</b>	<b>75.793.307.932</b>	<b>(11.899.369.088)</b>	<b>63.894.038.844</b>	<b>75.793.307.932</b>	<b>(12.940.215.444)</b>	<b>62.853.092.488</b>



5.3 Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP PT Đông Dương Xanh	28.590.000.000	(2.059.044.831)	28.590.000.000	(2.046.855.088)
Công ty CP tư vấn HT Viễn thông	-	-	6.000.000.000	-
Công ty CP Tin học Viễn thông Petroinax	115.000.000	-	115.000.000	-
Công ty CP ĐT & Phát triển Thông Loug Xanh	360.000.000	(360.000.000)	360.000.000	(360.000.000)
Công ty CP Trung Văn	26.985.200.000	(912.247.568)	26.985.200.000	(912.247.568)
Công ty CP Atani Holdings	-	-	14.734.933.000	(1.253.577.453)
Cty CP JSK	4.674.000.000	(1.355.663.256)	4.674.000.000	(787.463.620)
Cty CP quản lý năng lượng thông minh (PSMART.,JSC)	8.458.800.000	-	-	-
Công ty TNHH Luckybest Việt Nam	390.000.000	(390.000.000)	390.000.000	(96.990.910)
Công ty CP Vietronics Vĩnh Phúc	7.500.000.000	-	7.500.000.000	-
<b>CỘNG</b>	<b>77.073.000.000</b>	<b>(5.276.955.655)</b>	<b>89.349.133.000</b>	<b>(5.457.134.639)</b>

Giải thích: Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
6.1 Ngân hàng	627.624.911.601	80.416.468.991	773.365.334.735	64.567.812.796
TĐCN Viễn thông QĐ Viettel	128.481.424.163	17.846.327.583	165.889.012.218	17.846.327.583
Công ty TNHH thu phí tự động VETC (*)	44.632.715.176	-	53.632.715.176	-
Tổng Công ty Hạ tầng mạng VNPT Net	15.534.200.000	15.534.200.000	15.534.200.000	15.534.200.000
Công ty CP N.D.C	0	-	56.223.631.956	-
Công ty CP TM & DV thép Nam Phát	-	-	158.229.185.514	-
Công ty TNHH SX-TM-DV Phú Hưng Loug	-	-	40.002.822.644	-
Công ty CP ĐT Phúc Thành Hưng	31.447.342.504	-	-	-
INTERLABS PTE.LTD	96.178.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	311.353.229.753	47.035.928.408	283.853.767.227	31.187.285.213
<b>CỘNG</b>	<b>627.624.911.601</b>	<b>80.416.468.991</b>	<b>773.365.334.735</b>	<b>64.567.812.796</b>

6.2 Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 41.5

(\*) Tại ngày 31/12/2024, trong lòng số dư đối với Công ty TNHH thu phí tự động VETC có 44.632.715.176 đồng đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, khoản công nợ quá hạn này đã được thỏa thuận theo Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 83/2023/QĐST-KDTM ngày 10/09/2023 và hai bên có cam kết lập lệnh thanh toán từ tháng 10/2023 đến tháng 9/2026. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty TNHH thu phí tự động VETC vẫn đang thanh toán theo đúng lộ trình cam kết.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
7.1 Ngân hàng	26.472.717.399	-	24.936.143.053	-
Công ty CP DV kỹ thuật DELTATECH	40.872.250	-	2.540.872.250	-
Trả trước cho người bán khác	26.431.845.149	-	22.395.270.803	-

7.2	Danh bạ	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
	Ông Trần Hùng Giang (1)	4.030.000.000	-	4.030.000.000	-
	Ông Ngô Ngọc Hà (1)	2.990.000.000	-	2.990.000.000	-
	Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (1)	5.980.000.000	-	5.980.000.000	-
	<b>CỘNG</b>	<b>39.471.717.399</b>	<b>-</b>	<b>39.936.143.053</b>	<b>-</b>

7.3. Trễ trước của người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 41.3

(1) Đây là khoản ứng trước cho các cá nhân là chủ sở hữu của các lô đất thuộc "Dự án xây dựng khu dịch vụ của hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, (thành phố Hà Nội)". Theo biên bản thỏa thuận hợp tác số 31/222/BBT-ELCOM ngày 31/12/2022, các bên đồng nhất thời gian hợp tác tiếp tục từ ngày 31/12/2022 đến ngày 31/12/2028. Sau thời gian nêu trên, nếu dự án không được triển khai vì bất kỳ lý do gì thì các bên cùng nhau thông nhất phương án để chuyển đổi mục đích dự án trên (tính toán hợp các giữa các bên và nếu không có phương án thay thế, các cá nhân trên phải hoàn lại vô điều kiện phần ứng theo biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 25/10/2008.

Vào ngày 09/01/2024, Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom đã có văn bản số 16/TZ về việc đề nghị UBND thành phố Hà Nội xem xét, cấp thuận để xuất nghiên cứu thực hiện đầu tư theo hình thức tự thỏa thuận, chuyển nhượng Quyền sử dụng đất để thực hiện "Dự án xây dựng khu dịch vụ của hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, (thành phố Hà Nội)" theo hình thức đầu tư trực tiếp, sử dụng 100% vốn đầu tư trong nước bao gồm vốn của Doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện dự án theo hình thức nhận chuyển nhượng, nhằm góp vốn quyền sử dụng đất.

Ngày 12/01/2024, Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã có văn bản số 533/VP-TNMT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, theo đó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội - Tổ trưởng Tổ công tác đặc biệt của UBND thành phố đã có ý kiến chỉ đạo giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, hướng dẫn Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom thực hiện theo quy định. Đến thời điểm lập báo cáo này, các kiến nghị của Công ty vẫn đang được xem xét.

8. PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
8.1 Ngân hàng	28.962.890.000	-	6.000.000.000	-
Công ty CP Tân Phúc (1)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty CP Thương Mại Đại Cầm (2)	5.862.800.000	-	-	-
Trần Phương Đông (3)	17.000.000.000	-	-	-
8.2 Danh bạ	0	-	2.900.000.000	-
Cho vay khác	0	-	2.900.000.000	-
<b>CỘNG</b>	<b>28.962.890.000</b>	<b>-</b>	<b>8.900.000.000</b>	<b>-</b>

(1) Theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2022/VAYVON ngày 10/06/2022 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty CP Tân Phúc. Thời gian cho vay tối đa 2 năm và phụ lục vay số 01 ngày 10/06/2024 gia hạn thêm thời hạn vay từ 11/06/2024 đến 31/12/2024, lãi suất cho vay cố định 5,5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Ngày 14/01/2025, Công ty đã nhận đủ tiền gốc và lãi vay.

(2) Theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2024/ELC-DAICAT ngày 10/09/2024 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty CP Thương mại Đại Cầm. Thời gian cho vay là 9 tháng, lãi suất cho vay cố định 5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

(3) Theo hợp đồng cho vay vốn số 01/10/2024-ELC-TPD ngày 01/10/2024 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và ông Trần Phương Đông. Thời gian cho vay là 7 tháng, lãi suất cho vay cố định 5,5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
9.1 Ngân hàng	68.594.394.259	6.298.345.048	75.979.576.065	6.298.345.048
Tạm ứng cho nhân viên	9.566.253.441	-	11.423.434.170	-
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	35.196.796.647	-	28.799.450.631	-
Phải thu lãi dự thu TGNH có kỳ hạn	3.122.189.199	-	4.955.078.696	-
Phải thu khác	17.709.149.972	6.298.345.048	30.801.612.568	6.298.345.048

	+ Lợi Hòa Thành	0	-	9.500.000.000	-
	+ Hà Quốc Dương (1)	6.943.400.000	-	8.826.000.000	-
	+ Nguyễn Phương Hải (CMT 011486928 ngày 11/08/2009)	1.003.750.000	1.003.750.000	1.003.750.000	1.003.750.000
	+ Công ty CP Công nghệ Vật liệu môi	1.716.209.769	1.716.209.769	1.716.209.769	1.716.209.769
	+ Công ty CP Công nghệ Vật liệu môi Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279	3.539.885.279	3.539.885.279
	+ Công ty CP Đầu tư TM Bắc Hà	0	-	4.000.000.000	-
	+ Các đối tượng khác	4.503.904.924	36.500.000	2.213.767.520	36.500.000
9.2	Dài hạn	49.785.789.987	-	47.214.765.957	-
	Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư & PT Thăng Long Xanh (2)	13.276.500.000	-	37.771.500.000	-
	Công ty CP Đầu tư BĐS Thanh Trì (3)	5.862.765.957	+	5.862.765.957	-
	Công ty TNHH Dược phẩm Tâm Mỹ An	3.528.000.000	-	3.528.000.000	-
	Công ty CP Đầu tư và phát triển MBH	25.000.000.000	-	-	-
	Phải thu dài hạn khác	2.113.524.000	-	52.500.000	-
	<b>CỘNG</b>	<b>115.388.184.216</b>	<b>6.298.345.048</b>	<b>123.194.342.022</b>	<b>6.298.345.048</b>

**9.3 Phải thu khác là của các bên liên quan: Chi tiết minh bày tại thuyết minh số 41.3**

(1) Là khoản phải thu phát sinh từ việc thoái vốn Công ty Cổ phần ISK.

(2) Đây là khoản góp vốn hợp tác đầu tư để thực hiện "Dự án xây dựng nhà ở hỗn hợp lõi định cư tại ô đất C13/DD2 (hay là ô đất H1/ODK2)" thuộc phường Trần Phú quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2017/HĐHTĐT/ELC-TLX ngày 20/06/2017 ký với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh, Công ty CP Công nghệ Viễn - thông Ecom và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh ký Biên bản thành lý hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 12/12/2024. Tính đến 31/12/2024, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh đã hoàn trả số tiền: 24.495.000.000 đồng và cam kết hoàn trả số còn lại chậm nhất vào tháng 06/2025.

(3) Đây là khoản hợp tác đầu tư số 01/2014/HTĐT/ELCOM-BESTHANHLIET ngày 11/12/2014 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Ecom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì để thực hiện "Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây cảnh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội" giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Ecom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

Theo nghị quyết số 01-12/2022/BB-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Ecom ngày 21/12/2022, Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Ecom thông qua thoái 100% vốn góp của Công ty tại "Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây cảnh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội" giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Ecom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

**10. NỢ XẤU**

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	4.137.656.058	4.137.656.058	4.137.656.058	4.137.656.058
Công ty CP Công nghệ Vật liệu môi	4.111.247.702	4.111.247.702	4.111.247.702	4.111.247.702
Tập đoàn Viễn thông QĐ/Viettel - HD02/2012	17.846.327.583	17.846.327.583	17.846.327.583	17.846.327.583
Công ty CP Thủy sản N.G Việt Nam	12.943.377.077	12.943.377.077	12.943.377.077	12.943.377.077
Tổng Công ty HT mang/VNPT NET	15.534.200.000	15.534.200.000	15.534.200.000	15.534.200.000
Đối tượng khác	39.507.965.554	32.141.992.619	20.778.548.445	16.293.349.424
<b>CỘNG</b>	<b>94.088.773.974</b>	<b>86.714.881.839</b>	<b>75.351.356.345</b>	<b>78.866.157.844</b>

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	2.532.000	-	2.532.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	50.082.816.293	-	37.787.694.033	-
Thành phẩm	9.194.864.671	-	11.495.865.870	-
Hàng hóa	18.261.229.382	-	59.095.883.339	-
<b>CỘNG</b>	<b>77.541.443.246</b>	<b>-</b>	<b>100.381.975.292</b>	<b>-</b>

12. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự án Phúc Điền (1)	246.601.883	246.601.883
Dự án THT (2)	213.671.669.900	-
Dự án khác	2.293.592.511	1.322.337.056
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>216.211.864.294</b>	<b>1.568.938.941</b>

(1) Đây là chi phí xây dựng thực hiện Dự án xây dựng khu dịch vụ của hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Điền, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Chi tiết thông tin dự án xem tại Phụ lục số 7.

(2) Đây là giá trị nhận chuyển nhượng một phần Dự án Khu trong tâm khu đô thị Tây Hồ Tây theo Hợp đồng chuyển nhượng nội phần Dự án số: 07/2024/THT-ELOCOM-MBH/PTC-HICC1 ký giữa Công ty TNHH phát triển THT với Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Ecom và Công ty CP Đầu tư và Phát triển MBH.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
13.1 Ngân hàng	308.592.841	328.864.512
Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và chi phí khác	308.592.841	328.864.512
13.2 Tài sản	310.879.352.441	322.919.698.433
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.901.648.865	5.162.695.336
Giá trị lợi thế đầu tư vào công ty con	305.973.314.208	315.657.391.579
Các khoản khác	904.389.368	2.102.111.518
<b>CỘNG</b>	<b>311.187.945.282</b>	<b>323.247.562.945</b>



14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU KINH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, tuyến đường VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÀ</b>						
01/01/2024	57.259.019.345	62.287.369.586	17.431.003.704	29.068.514.289	3.545.643.382	169.592.550.506
Số tăng trong kỳ	(6.594.809.695)	4.580.164.525	5.878.933.731	12.295.179.233	38.806.695	16.198.274.489
- Mua sắm mới	-	-	4.470.829.818	11.727.444.671	-	16.198.274.489
- Phân loại lại	(6.594.809.695)	4.580.164.525	1.408.103.913	567.734.562	38.806.695	-
Số giảm trong kỳ	-	(65.361.292.620)	(2.035.820.000)	(138.780.000)	-	(67.535.892.620)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(65.361.292.620)	(2.035.820.000)	(138.780.000)	-	(67.535.892.620)
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
<b>31/12/2024</b>	<b>50.664.209.650</b>	<b>1.506.248.491</b>	<b>21.274.117.435</b>	<b>41.234.913.522</b>	<b>3.985.450.077</b>	<b>118.254.932.375</b>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	-	662.707.516	3.438.904.909	12.725.250.878	1.071.186.673	17.898.050.006
<b>KHOẢN LŨY KẾ</b>						
01/01/2024	(6.491.475.391)	(60.690.669.584)	(6.566.083.497)	(13.723.337.664)	(2.650.258.280)	(90.111.824.416)
Số tăng trong kỳ	5.233.363.250	(6.120.810.197)	(4.305.608.394)	(4.541.213.788)	(292.880.996)	(10.026.950.035)
- Trích khấu hao	(2.250.136.843)	(25.569.456)	(2.832.080.961)	(4.622.711.631)	(296.451.144)	(10.026.950.035)
- Phân loại lại	7.483.700.093	(6.095.240.651)	(1.473.527.433)	81.497.843	3.570.148	-
Số giảm trong kỳ	-	65.361.292.620	882.345.434	34.695.000	-	66.278.333.054
- Thanh lý, nhượng bán	-	65.361.292.620	882.345.434	34.695.000	-	66.278.333.054
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
<b>31/12/2024</b>	<b>(1.257.912.141)</b>	<b>(1.448.187.871)</b>	<b>(9.389.346.457)</b>	<b>(18.229.856.452)</b>	<b>(2.943.139.276)</b>	<b>(33.360.441.397)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2024	50.767.544.154	1.606.700.002	10.864.920.207	15.345.176.625	896.385.102	79.480.726.090
31/12/2024	49.406.297.789	66.054.420	11.284.778.978	22.995.057.070	641.310.801	84.394.490.978

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2024: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ khấu trừ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2024: 17.898.050.006 VND (tại ngày 01/01/2024 là: 85.304.401.936 VND)

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính, DV GTGT VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2024	16.121.514.456	744.439.881	16.865.954.337
Số tăng trong năm	7.746.480.597	.	7.746.480.597
Mua sắm mới	7.746.480.597	.	7.746.480.597
Số giảm trong năm	(4.480.000.000)	.	(4.480.000.000)
Thanh lý, nhượng bán	(4.480.000.000)	.	(4.480.000.000)
31/12/2024	<u>19.387.995.053</u>	<u>744.439.881</u>	<u>20.132.434.934</u>
Trong đó			
Dữ liệu AnsoNet	4.864.499.881	.	4.864.499.881
<b>HAO MÓN LŨY KẾ</b>			
01/01/2024	(6.337.960.484)	(48.061.178)	(6.386.021.662)
Khấu hao trong năm	(2.008.361.338)	.	(2.008.361.338)
Số giảm trong năm	4.480.000.000	.	4.480.000.000
Thanh lý	4.480.000.000	.	4.480.000.000
31/12/2024	<u>(3.866.321.822)</u>	<u>(48.061.178)</u>	<u>(3.914.383.000)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2024	9.783.553.972	696.378.703	10.479.932.675
31/12/2024	<u>15.521.673.231</u>	<u>696.378.703</u>	<u>16.218.051.934</u>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2024: 4.864.499.881 VND (tại ngày 01/01/2024 là 9.344.499.881 VND)

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2024	18.171.592.354	18.171.592.354
Số tăng trong năm	.	.
31/12/2024	<u>18.171.592.354</u>	<u>18.171.592.354</u>
<b>HAO MÓN LŨY KẾ</b>		
01/01/2024	(9.750.949.592)	(9.750.949.592)
Số tăng trong năm	(437.098.720)	(437.098.720)
31/12/2024	<u>(10.208.048.312)</u>	<u>(10.208.048.312)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2024	8.420.642.762	8.420.642.762
31/12/2024	<u>7.963.544.042</u>	<u>7.963.544.042</u>

- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đang để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 3.129.237.304 VND (tại ngày 01/01/2024 là 3.129.237.304 VND)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 còn được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được trình bày trên Bảng cân đối kế toán báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số dư có khả năng trả nợ	Giá trị	Số dư có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
17.1 Ngân hàng	443.447.988.646	443.447.988.646	474.894.582.331	474.894.582.331
Ciena Communications Inc	74.309.721.621	74.309.721.621	180.456.183.108	180.456.183.108
TWS International Trading Pte Ltd	36.313.081.200	36.313.081.200	34.734.128.000	34.734.128.000
Công ty TNHH Kết cấu thép 368	-	-	70.238.790.846	70.238.790.846
Công ty CP thép Kỹ Hòa	-	-	32.988.973.233	32.988.973.233
Công ty TNHH BTS	-	-	33.198.509.703	33.198.509.703
Hudson Capital Holding Ltd	86.043.707.928	86.043.707.928	-	-
Công ty TNHH phát triển THH	191.343.202.600	191.343.202.600	-	-
Các đối tượng khác	55.438.267.297	55.438.267.297	123.277.917.441	123.277.917.441
17.2 Dài hạn	-	-	-	-
<b>CỘNG</b>	<b>443.447.988.646</b>	<b>443.447.988.646</b>	<b>474.894.582.331</b>	<b>474.894.582.331</b>

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số dư có khả năng trả nợ	Giá trị	Số dư có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
18.1 Ngân hàng	117.645.831.417	117.645.831.417	20.148.249.408	20.148.249.408
BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Yên Bái	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Hà Nam	3.689.319.000	3.689.319.000	3.689.319.000	3.689.319.000
Sở GT vận tải tỉnh Bình Dương	4.931.901.200	4.931.901.200	-	-
Công ty CP XNK & KD Việt Nam	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty CP Mopha	2.320.725.000	2.320.725.000	2.320.725.000	2.320.725.000
Công an tỉnh Phú Thọ	94.910.588.180	94.910.588.180	-	-
Các đối tượng khác	3.193.298.037	3.193.298.037	5.538.205.408	5.538.205.408
18.2 Dài hạn	-	-	-	-
<b>CỘNG</b>	<b>117.645.831.417</b>	<b>117.645.831.417</b>	<b>20.148.249.408</b>	<b>20.148.249.408</b>

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	8.067.455.163	9.422.116.135
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	17.541.021.965	7.191.773.851
Thuế Tiêu nhập cá nhân	629.126.512	403.319.608
Thuế TNĐN nộp bù nhà thầu nước ngoài	1.537.324.895	1.240.449.946
Các loại thuế khác	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	113.060.597	113.000.597
<b>CỘNG</b>	<b>27.887.969.132</b>	<b>18.370.720.137</b>

19.1 Thuế và các khoản phải nộp

	Số dư đầu kỳ (01/01/2024)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ (31/12/2024)
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	9.422.116.135	11.041.409.010	14.396.069.982	8.067.455.163
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	13.265.198.765	13.265.198.765	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	2.670.155.700	2.670.155.700	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 33)	7.191.773.851	17.754.821.793	7.405.573.679	17.541.021.965
Thuế Thu nhập cá nhân	403.319.608	3.965.698.512	3.730.891.608	629.126.512

Thuế nhà thầu nước ngoài	1.240.449.946	4.395.544.785	4.098.669.836	1.537.324.895
Các loại thuế khác		6.679.485.408	6.679.485.408	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	113.060.597	1.739.050	1.739.050	113.060.597
<b>CỘNG</b>	<b>1.353.510.543</b>	<b>10.774.069.243</b>	<b>10.779.894.294</b>	<b>1.650.385.492</b>
<b>19.2 Thuế và các khoản phải thu</b>	<b>Số dư đầu kỳ (01/01/2024)</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã nộp trong kỳ</b>	<b>Số dư cuối kỳ (31/12/2024)</b>
	VND	VND	VND	VND
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	777.778.486	780.484.502	2.875.203	169.187
<b>CỘNG</b>	<b>777.778.486</b>	<b>780.484.502</b>	<b>2.875.203</b>	<b>169.187</b>
<b>20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH</b>	<b>Số dư đầu kỳ (01/01/2024)</b>	<b>Số tăng trong kỳ</b>	<b>Số giảm trong kỳ</b>	<b>Số dư cuối kỳ (31/12/2024)</b>
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long (1)	42.456.036.515	160.111.955.521	169.100.941.071	33.467.050.965
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (2)	-	24.134.722.921	21.579.096.361	2.605.624.560
<b>CỘNG</b>	<b>42.456.036.515</b>	<b>184.246.678.442</b>	<b>190.680.037.432</b>	<b>36.072.675.525</b>

(1) Hợp đồng vay số 223/87.24.054.27172.TD ngày 28/06/2024 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Ecom. Hạn mức cấp tín dụng: 600.000.000.000 đồng trong đó:

Hạn mức cho vay: 200.000.000.000 đồng;

Hạn mức bảo lãnh thanh toán: 50.000.000.000 đồng;

Hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là: 400.000.000.000 đồng;

Hạn mức bảo lãnh LC là: 100.000.000.000 đồng;

Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng từ ngày giao kết hợp đồng ngày đến ngày 15/06/2025;

công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao và hoạt động kinh doanh nông sản của khách hàng;

Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; chi tiết tại từng lần giải ngân, nhận nợ và thỏa thuận chung.

(2) Hợp đồng vay số 01/244247448/HDTD ngày 30/01/2024 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành và Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Ecom.

Hạn mức cấp tín dụng thường xuyên (bao gồm cho vay ngắn hạn, phải hành bảo lãnh, mở LC): 60.000.000.000 đồng trong đó:

Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng từ ngày giao kết hợp đồng ngày đến ngày 29/01/2025;

Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phải hành bảo lãnh, mở LC phục vụ cho hoạt động kinh doanh;

Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; chi tiết tại từng lần giải ngân, nhận nợ và thỏa thuận chung.

## 21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
21.1 Ngân hàng	5.862.619.033	714.862.703
Trích nước chi phí thực hiện dự án	5.808.860.817	527.345.703
Các khoản trích trước khác	33.758.216	187.517.000
21.2 Dài hạn	-	-
<b>CỘNG</b>	<b>5.862.619.033</b>	<b>714.862.703</b>



22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN		31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
22.1	Ngân hạn	1.669.579.388	6.893.264.889
	Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	449.427.172	1.903.213.662
	Các khoản khác	1.220.152.216	4.130.048.427
22.2	Đài hạn	-	-
	CỘNG	<u>1.669.579.388</u>	<u>6.893.264.889</u>
23. PHẢI TRẢ KHÁC		31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
23.1	Ngân hạn	4.880.524.501	4.848.328.424
	Kinh phí công đoàn	2.067.637.814	2.094.611.979
	Phải trả đến nhận kỳ quỹ, kỳ cước ngân hàng	823.764.713	823.764.713
	Phải trả có tức cho cổ đông	740.717.329	730.339.858
	Phải trả, phải nộp khác	1.168.404.446	1.191.611.874
23.2	Đài hạn	7.129.257.973	9.888.329.700
	Các khoản thế chấp, kỳ quỹ, kỳ cước	198.737.973	2.951.309.700
	Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	6.930.520.000	6.930.520.000
	CỘNG	<u>11.919.782.474</u>	<u>14.722.158.124</u>
(*) Khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty CP Công nghệ trong Đông Đô theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐ/ELCOM-DONCDO ngày 24/03/2021 với số tiền: 6.930.520.000 VND. Mục đích của việc hợp tác đầu tư là mua phần vốn góp của Công ty CP Công nghệ VFT			
24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ		31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại phải trả		
	- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoàn lại phải trả	20%	20%
	- Thuế thu nhập hoàn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	64.483.485.317	66.565.854.600
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại phải trả	64.483.485.317	66.565.854.600
25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ		31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
25.1	NGÂN HẠN	1.635.651.757	2.295.434.584
	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	1.635.651.757	2.295.434.584
25.2	ĐÀI HẠN	18.381.595.248	7.932.484.993
	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	18.381.535.268	7.932.484.993
	CỘNG	<u>28.017.187.005</u>	<u>18.227.919.577</u>

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	597.780.430.000	85.409.783.716	41.410.255.576	5.200.000.000	166.376.331.752	25.254.244.781	911.439.045.825
Tăng vốn trong kỳ	235.112.340.000	(85.409.783.716)	(31.000.000.000)	-	(118.702.556.284)	1.500.000.000	1.500.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	77.651.944.753	6.668.391.299	84.320.336.052
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(2.200.000.000)	(1.646.504.504)	(3.846.504.504)
Trích quỹ theo thường, phúc lợi	-	-	-	-	(2.200.000.000)	(100.000.000)	(2.300.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.546.504.504)	(1.546.504.504)
Điều chỉnh do thoái vốn Công ty con	-	-	-	-	290.455.637	(7.281.597.395)	(6.991.141.758)
Điều chỉnh do đầu tư thêm vào công ty con	-	-	-	-	(22.746.000)	167.473.525.118	167.450.779.118
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(788)	(1.716.079.860)	(1.716.080.648)
31/12/2023	822.908.770.000	-	10.410.255.576	5.200.000.000	123.393.429.070	190.252.479.439	1.152.156.934.885
01/01/2024	822.908.770.000	-	10.410.255.576	5.200.000.000	123.393.429.070	190.252.479.439	1.152.156.934.885
Tăng vốn trong kỳ (1)	10.000.000.000	-	-	-	-	-	10.000.000.000
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	96.430.471.346	4.717.607.979	101.148.079.325
Phân phối lợi nhuận (2)	-	-	-	-	(3.500.000.000)	(1.016.000.000)	(4.516.000.000)
+ Trích quỹ theo thường, phúc lợi	-	-	-	-	(3.500.000.000)	-	(3.500.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.016.000.000)	(1.016.000.000)
Điều chỉnh do đầu tư thêm vào Công ty con	-	-	-	-	(6.750.000.000)	(1.500.000.000)	(8.250.000.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(2)	(1)	(3)
31/12/2024	832.908.770.000	-	10.410.255.576	5.200.000.000	209.573.900.414	192.454.087.437	1.250.539.013.407

(1) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 26/04/2023, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 02-01/2024/NQ-HĐQT ngày 18/01/2024 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động. Số lượng cổ phiếu phát hành là 1.000.000 cổ phiếu.

(2) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 02/2024/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024. Smartek và Datanova tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024

26.2 Chi tiết về góp của chủ sở hữu

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Ông Phan Chiến Thắng	65.869.170.000	65.869.170.000
- Ông Trần Hùng Giang	48.113.800.000	48.113.800.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	46.986.570.000	47.460.570.000
- Cổ đông khác	671.931.230.000	661.457.230.000
- <b>Vốn góp cuối kỳ</b>	<b>832.900.770.000</b>	<b>822.900.770.000</b>

26.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia cổ tức

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	822.900.770.000	567.788.430.000
- Vốn góp tăng trung kỳ	10.000.000.000	235.312.340.000
- Giảm vốn trung kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	832.900.770.000	822.900.770.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	976.000.000	

26.4 Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83.290.077	82.290.077
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	83.290.077	82.290.077
- Cổ phiếu phổ thông	83.290.077	82.290.077
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.290.077	82.290.077
- Cổ phiếu phổ thông	83.290.077	82.290.077
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND/CP	10.000	10.000

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
27.1 Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	100.654,99	51.999,00
27.2 Nợ kho đổi đã xử lý	18.501.213.727	18.501.213.727
Nợ kho đổi đã xử lý (VND)	18.501.213.727	18.501.213.727

28. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	37.819.860.060	23.822.571.170
Doanh thu bán hàng hóa	301.952.507.745	463.081.105.215
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.748.139.314	35.814.335.606
<b>CỘNG</b>	<b>372.520.507.119</b>	<b>522.718.012.991</b>

Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 41.7

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND
Giá vốn bán thành phẩm phần mềm	1.146.300.411	7.297.846.073
Giá vốn bán hàng hóa	216.125.816.174	427.757.626.208
Giá vốn cung cấp dịch vụ	19.675.433.761	15.582.607.412
<b>CỘNG</b>	<b>136.940.100.146</b>	<b>458.438.079.693</b>

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.952.021.199	2.113.131.330
Cổ tức, lợi nhuận được chia	715.540.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	265.000	34.856.003.778
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.184.244.247	2.742.763.443
Lãi chênh lệch tỷ giá định giá cuối kỳ	1.766.656.516	-
<b>CỘNG</b>	<b>9.618.726.962</b>	<b>29.712.798.551</b>

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND
Chi phí lãi vay	722.918.132	1.819.312.636
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.034.664.891	1.817.630.848
Lỗ chênh lệch tỷ giá định giá cuối kỳ	-	772.379.766
Dự phòng các khoản đầu tư	667.513.145	(1.569.048.242)
Chi phí tài chính khác	50.552	49.777
<b>CỘNG</b>	<b>4.625.146.720</b>	<b>2.890.424.787</b>

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND
Chi phí nhân viên	7.898.738.649	5.234.606.526
Chi phí khấu hao TSCĐ	380.111.725	288.771.634
Chi phí dự phòng bán hàng	1.210.840.555	5.888.404.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.420.546.819	2.736.027.133
Chi phí bằng tiền khác	515.901.794	907.952.936
<b>CỘNG</b>	<b>12.426.839.542</b>	<b>18.075.822.996</b>

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.650.792.936	13.055.105.211
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.192.061.971	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.042.377.856	1.005.289.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.426.361.617	4.465.655.281
Chi phí dự phòng phát sinh khó đòi	15.469.844.014	21.198.490.151
Chi phí bằng tiền khác	1.019.182.923	3.775.586.670
<b>CỘNG</b>	<b>36.998.663.317</b>	<b>43.460.126.320</b>



34. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	9.090.909	668.520.776
Các khoản khác	2.142.286.259	155.305.653
<b>CỘNG</b>	<b>2.151.377.168</b>	<b>823.826.429</b>

35. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND
Phạt vi phạm hợp đồng	-	-
Các khoản chi phí khác	68.897.323	987.389.797
<b>CỘNG</b>	<b>68.897.323</b>	<b>987.389.797</b>

**GIÁ TRỊ THUẬN**

**2.082.479.845** **(163.563.368)**

36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC, hàng hoá	40.035.042.225	88.616.206.186
Chi phí nhân công	20.160.549.315	21.919.656.505
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.447.684.235	2.602.013.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.615.720.087	19.111.001.153
Chi phí dự phòng báo lãi/nhì, phải thu khó đòi	16.678.288.997	27.046.894.896
Chi phí bằng tiền khác	9.454.820.998	10.334.588.405
<b>CỘNG</b>	<b>109.392.185.857</b>	<b>169.630.361.102</b>

1/1 5.8.23 104



**37. CHI PHÍ THUÊ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BIÊN HÀNH**

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND
Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom	15.586.241.063	1.387.033.941
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	-	-
Công ty CP Datanova Việt Nam	24.135.118	47.621.437
Công ty CP Elcom Prime	(75.596.625)	(126.307.483)
Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	(169.187)	22.536.457
Công ty TNHH VTS Hải Phòng		98.713.384
Công ty CP máy tính và truyền thông VN CỘNG	<u>15.534.610.369</u>	<u>1.483.144.877</u>

**38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**38.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	75.895.226.006	39.442.403.878
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	83.290.077	59.616.229
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	<u>911</u>	<u>662</u>

**38.2. Lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	75.895.226.006	39.442.403.878

**38.3. Số cổ phiếu bình quân đang lưu hành**

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	83.290.077	59.616.229
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm		
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành	<u>83.290.077</u>	<u>59.616.229</u>

**39. LÃI SUY GIÁM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

#### 4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực bán thành phẩm phần mềm: Bán các sản phẩm phần mềm.
- Lĩnh vực bán hàng hóa: Bán các thiết bị phục vụ dự án.
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ: Dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Các hoạt động kinh doanh ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam của Công ty chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**40. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh):

Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024

	Thành phẩm phần mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	37.819.860.060	301.952.507.745	32.748.139.314	372.520.507.119
<i>Tổng doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>37.819.860.060</i>	<i>301.952.507.745</i>	<i>32.748.139.314</i>	<i>372.520.507.119</i>
Chi phí bộ phận	(1.146.830.411)	(216.125.816.174)	(19.675.453.761)	(236.948.100.346)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	36.673.029.649	85.826.691.571	13.072.685.553	135.572.406.773
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(49.226.800.859)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				86.345.605.914
Doanh thu hoạt động tài chính				9.618.726.962
Chi phí tài chính				(4.625.146.710)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				4.408
Thu nhập khác				2.151.377.168
Chi phí khác				(68.897.323)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp liên hành				(15.534.610.369)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				448.944.243
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				<i>78.336.004.283</i>
<i>Tài sản không phân bổ</i>				<i>1.991.839.640.688</i>
<i>Nợ phải trả không phân bổ</i>				<i>741.300.627.281</i>
<i>Tổng chi phí mua TSCĐ</i>				<i>28.279.357.882</i>



40. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:  
Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023

	Thành phẩm phần mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	23.822.571.170	463.081.105.215	35.814.535.606	522.718.211.991
<b>Tổng doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>23.822.571.170</b>	<b>463.081.105.215</b>	<b>35.814.535.606</b>	<b>522.718.211.991</b>
Chi phí bộ phận	(7.297.846.073)	(427.757.626.208)	(15.582.607.412)	(450.638.079.693)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	16.524.725.097	35.323.479.007	20.231.928.194	72.080.132.298
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(61.535.949.316)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				10.544.182.982
Doanh thu hoạt động tài chính				39.712.798.551
Chi phí tài chính				(2.840.424.787)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				(1.956.845.430)
Thu nhập khác				823.826.429
Chi phí khác				(987.389.797)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.483.145.077)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(3.096.219.690)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>40.716.783.181</b>
Tài sản không phân bổ				1.822.114.066.862
Nợ phải trả không phân bổ				468.957.131.977
<b>Tổng chi phí mua TSCĐ</b>				<b>12.321.482.463</b>

#### 4. THÔNG TIN KHÁC

##### 4.1. Thông tin các bên liên quan

###### Bên liên quan

Công ty CP Công nghệ VFT  
 Công ty CP Antai Holdings  
 Công ty NPT Solutions INC  
 Công ty CP Hệ thống Viễn thông CMC  
 Công ty CP đầu tư thương mại & phát triển Dịch vụ Việt Nam  
 Ông Trần Hùng Giang  
 Ông Ngô Ngọc Hà  
 Bà Nguyễn Thị Lê Thủy

###### Bên quan hệ

Công ty liên kết  
 Công thành viên HĐQT  
 Phan Đức Trung - GE Công ty INC người có liên quan của Chủ tịch HĐQT  
 Ngô Trọng Hiếu TOĐ Công ty - em trai của Phó TGD Ông Nguyễn Văn Hòa là địa điểm theo Pháp luật của Công ty CP đầu tư TM & PT Dịch vụ Việt Nam và là Phó Tổng Giám Thành viên HĐQT  
 Thành viên HĐQT  
 Vợ Ông Phan Chiến Thắng - Chủ tịch HĐQT

##### 4.2. Giao dịch với các bên liên quan

###### Công ty CP Công nghệ VFT

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	33.026.400	33.044.000
+ Giá trị DV thuế tiêu thụ chưa có thuế GTGT	30.024.000	30.040.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	3.002.400	3.004.000
- Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	33.026.400	33.044.000

###### Công ty NPT Solutions INC

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND
- Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua trong kỳ	957.750.000	916.875.000
- Thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ	955.312.500	916.875.000

###### Công ty CP Hệ thống Viễn thông CMC

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	32.560.000	181.236.000
+ Giá trị DV thuế Server, DV dịch Cloud chưa có thuế GTGT	29.670.000	164.760.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	2.960.000	16.476.000
- Thanh toán tiền dịch vụ	24.952.666	181.236.000

###### Công ty CP đầu tư thương mại & PT dịch vụ Việt Nam

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	53.460.000	54.450.000
+ Giá trị thuế tiêu thụ chưa có thuế GTGT	49.500.000	49.500.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	3.960.000	4.950.000
- Thanh toán tiền dịch vụ	53.460.000	54.450.000

41.3 Số dư các bên liên quan

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>697.770.779</b>	<b>597.770.779</b>
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	597.770.779	597.770.779
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>13.000.000.000</b>
Ông Trần Hùng Giang	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	5.980.000.000	5.980.000.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>3.539.885.279</b>	<b>3.539.885.279</b>
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279

41.4 Tài sản của các thành viên quản lý chủ chốt

Chiếc vụ	Từ 01/01/2024 đến	
	31/12/2024	
	VND	
<b>Tài sản của các thành viên quản lý chủ chốt</b>	<b>3.713.818.790</b>	
<b>+ HĐQT và Ban Giám đốc</b>	<b>2.576.891.790</b>	
Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	239.452.000
Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	152.065.000
Ông Trần Hùng Giang	TV HĐQT	152.065.000
Ông Nguyễn Mạnh Hải	TV HĐQT	151.835.000
Ông Ngô Ngọc Hà	TV HĐQT, Phó TGĐ	396.047.930
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	TV HĐQT	120.000.000
Ông Đỗ Minh Tiên	TV HĐQT	120.000.000
Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	399.626.000
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó TGĐ	738.244.000
Bà Đặng Thị Thanh Minh	GD Tài chính	106.746.860
<b>+ Ban Kiểm soát</b>	<b>656.887.000</b>	
Bà Ngô Kiên Anh	Trưởng ban kiểm soát	313.893.000
Bà Vũ Ngọc Hà	Thành viên BKS	206.994.000
Bà Hoàng Thị Phương Thủy	Thành viên BKS	36.000.000
<b>+ Kế toán trưởng</b>	<b>480.850.000</b>	
Bà Đào Thị Lý	Kế toán trưởng	480.850.000
<b>Cộng</b>	<b>3.713.818.790</b>	

42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán URY

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
Chu Hồng Hạnh

  
Đào Thị Lý

  
Phạm Minh Thắng



# HỢP ĐỒNG CẤP TÍN DỤNG

Số: 168008.23.054.27172.TD

Ngày 11/10/2023, các Bên gồm:

## I. BÊN CẤP TÍN DỤNG

### NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

Đại diện: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) - Chi nhánh Thăng Long

GCN ĐKKD: 0100283873-006 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/04/2021

Địa chỉ: Số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02482558668 Fax: 02462606886 Email:

Do ông, bà: Nguyễn Thị Thanh Nga

Chức vụ: TRƯỞNG HUB VĂN PHÒNG là đại diện hợp pháp.

Ủy quyền: 398.6/UC-HS ngày 22.10.2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

(Sau đây gọi tắt là "MB")

## II. BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG

### Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELGOM

GCN ĐKKD/Quyết định thành lập/Mã số DN: 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 18/07/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 26/05/2023

Địa chỉ: Tòa nhà ELGOM, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: ..... Fax: (84-24)38355884 Email: .....

Do ông/bà: Phạm Minh Thăng

Chức vụ: Tổng Giám đốc là đại diện hợp pháp.

Ủy quyền: .....

(Sau đây gọi tắt là "Khách Hàng")

Căn cứ Thỏa thuận chung trong việc cấp và sử dụng tín dụng tại MB, số 102355.22.054.27172 TT.01 ngày 11 tháng 10 năm 2023 (sau đây gọi chung là "Thỏa thuận chung").

Các Bên đồng ý giao kết Hợp đồng cấp tín dụng với nội dung cụ thể như sau:

## ĐIỀU 1. NỘI DUNG CẤP TÍN DỤNG

### 1. HẠN MỨC TÍN DỤNG (HMTD)

- a. Giá trị hạn mức tín dụng: 350,000,000,000 VND (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tỷ đồng), trong đó:
  - Hạn mức cho vay là: 100,000,000,000 VND (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng)
  - Hạn mức bảo lãnh thanh toán là: 50,000,000,000 VND (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng)
  - Hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là: 200,000,000,000 VND (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi tỷ đồng)





- Hạn mức phát hành LC (không gồm LC xuất khẩu) là: 50,000,000,000 VND (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng)
- Giới hạn giá trị cấp tín dụng:  
Tổng giới hạn của các hạn mức (Hạn mức cho vay, Hạn mức bảo lãnh thanh toán, Hạn mức LC không gồm LC xuất khẩu): 100,000,000,000 VND (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng)  
• Hạn mức cho vay, BLTT, LC không có đầu ra cụ thể tối đa 20,000,000,000 VND (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng)
- Giá trị hạn mức tín dụng đã bao gồm số dư (các) Khoản tín dụng của Khách Hàng theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 34953.22.054.27172.TD ngày 02/08/2022 giao kết giữa MB và Khách Hàng.
- b. Mục đích cấp tín dụng: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động cung cấp thiết bị, phần mềm và các dịch vụ đi kèm trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao của Khách hàng
- c. Đồng tiền cấp tín dụng: VND hoặc ngoại tệ phù hợp quy định pháp luật.
- d. Thời hạn duy trì HMTD:  
Kể từ ngày giao kết Hợp đồng này đến ngày 09/10/2024.
- e. Thời điểm Khách Hàng phải sử dụng HMTD lần đầu không muộn hơn ngày 26/03/2024, trừ trường hợp MB có chấp thuận khác.
- f. Chi tiết các hình thức cấp tín dụng cụ thể theo quy định dưới đây.

## 2. HÌNH THỨC CẤP TÍN DỤNG CỤ THỂ

### CHO VAY THEO HẠN MỨC:

- a. Số tiền cho vay: chi tiết theo từng lần giải ngân và nhận nợ.
- b. Thời hạn cho vay trong thời hạn duy trì HMTD: Tối đa 06 tháng/khế ước đối với các phương án giải ngân không đầu ra cụ thể và tối đa 09 tháng/khế ước đối với các phương án có đầu ra cụ thể, chi tiết thời hạn cho vay theo từng lần giải ngân và nhận nợ.
- c. Lãi, phí:  
- Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả, chi tiết tại từng lần giải ngân, nhận nợ và Thỏa thuận chung.  
- Phí: Phí cam kết rút vốn = Tỷ lệ mức phí là 0,05% nhân (x) Giá trị Hạn mức cho vay hoặc Số tiền cho vay tại Hợp đồng Cấp tín dụng; Tối thiểu 2,000,000 VND (Bằng chữ: Hai triệu đồng); Thu 01 (một) lần tại thời điểm giải ngân đầu tiên của hợp đồng tín dụng.
- d. Giải ngân vốn cho vay và việc sử dụng phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay: chi tiết theo từng lần giải ngân và nhận nợ, Thỏa thuận chung và Hợp đồng này.
- e. Việc trả nợ gốc, lãi tiền vay, đồng tiền trả nợ và thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay; trả nợ trước hạn, cơ cấu lại thời hạn trả nợ; chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Khách Hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được MB chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ, hình thức và nội dung thông báo chuyển nợ quá hạn: chi tiết theo từng lần giải ngân và nhận nợ, Thỏa thuận chung và Hợp đồng này.
- f. Các trường hợp chậm dứt cho vay; thu nợ trước hạn; chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Khách Hàng không trả được nợ trước hạn khi MB chậm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn; hình

NHÌN CẢ CẢNH  
 BẢO THÌ C D C T F  
 CHANG  
 NƯỚC



thực và nội dung thông báo chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn; chi tiết theo từng lần giải ngân và nhận nợ, Thỏa thuận chung và Hợp đồng này.

- g. Xử lý nợ vay; phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại; quyền và trách nhiệm của các bên; trách nhiệm của Khách Hàng trong việc phối hợp với MB và cung cấp các tài liệu liên quan đến khoản vay để MB thực hiện thẩm định và quyết định cho vay, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của Khách Hàng; chi tiết theo từng lần giải ngân và nhận nợ, Thỏa thuận chung và Hợp đồng này.

**BẢO LÃNH:**

- a. Nghĩa vụ được bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh, loại bảo lãnh: theo từng cam kết bảo lãnh do MB phát hành trên cơ sở đề nghị của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- b. Số tiền bảo lãnh, đồng tiền bảo lãnh, thời hạn bảo lãnh: theo từng cam kết bảo lãnh do MB phát hành trên cơ sở đề nghị của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- c. Hình thức phát hành cam kết bảo lãnh: xác định theo từng lần đề nghị phát hành bảo lãnh của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- d. Phí: xác định theo từng lần đề nghị phát hành bảo lãnh của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- e. Kỳ quỹ: xác định theo từng lần đề nghị phát hành bảo lãnh của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- f. Thỏa thuận về bắt buộc nhận nợ trả thay, thời hạn hoàn trả nợ khi phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh: quy định chi tiết tại Thỏa thuận chung, Hợp đồng này và các văn bản khác (nếu có).
- g. Lãi suất áp dụng đối với số tiền trả thay và nghĩa vụ (Lãi suất cho vay bắt buộc): Lãi suất cho vay bắt buộc do MB xác định, bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn của MB đang áp dụng đối với khoản vay có thời hạn tương ứng của Khách hàng doanh nghiệp hoặc theo mức lãi suất nhận nợ bắt buộc theo quy định của MB từng thời kỳ phù hợp với quy định pháp luật (lưu ý theo mức nào cao hơn).
- h. Điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, các quy định pháp luật áp dụng: theo từng cam kết bảo lãnh do MB phát hành trên cơ sở đề nghị của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- i. Quyền và nghĩa vụ của các bên; giải quyết tranh chấp phát sinh và các nội dung khác: quy định chi tiết tại Thỏa thuận chung, Hợp đồng này và các văn bản khác (nếu có).

**PHÁT HÀNH THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT - LC):**

- a. Số tiền phát hành LC ("Giá trị LC phát hành"), đồng tiền phát hành LC: Theo từng thư tín dụng do MB phát hành trên cơ sở đề nghị của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- b. Thời hạn LC: theo từng thư tín dụng do MB phát hành trên cơ sở đề nghị của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- c. Phí: xác định theo từng lần đề nghị phát hành LC được MB chấp thuận.
- d. Kỳ quỹ: xác định theo từng lần đề nghị phát hành LC được MB chấp thuận.
- e. Thỏa thuận về bắt buộc nhận nợ trả thay, thời hạn hoàn trả nợ khi phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo LC: quy định chi tiết tại Thỏa thuận chung, Hợp đồng này và các văn bản khác (nếu có).
- f. Lãi suất áp dụng đối với số tiền trả thay và nghĩa vụ (Lãi suất cho vay bắt buộc): mức lãi suất cho vay bắt buộc do MB xác định, bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn của MB đang áp dụng đối với khoản vay có thời hạn tương ứng của Khách hàng doanh nghiệp hoặc theo mức lãi suất nhận nợ bắt buộc theo quy định của MB từng thời kỳ phù hợp quy định pháp luật (lưu ý theo mức nào cao hơn).
- g. Nguồn thanh toán: được xác định theo từng lần đề nghị phát hành LC. Khách Hàng có trách nhiệm tự cân đối nguồn ngoại tệ để thanh toán LC; trường hợp LC thanh toán bằng vốn tự có, Khách Hàng cam kết chuyển đủ số tiền thanh toán trong vòng 03 (ba) ngày làm việc trước ngày đến hạn thanh







#### ĐIỀU 4. CAM KẾT VÀ THỎA THUẬN KHÁC

- a. Khách Hàng cam kết, xác nhận các thông tin, hồ sơ, tài liệu cung cấp cho MB trực tiếp và/hoặc qua các ứng dụng BIZ, email, các phương tiện điện tử khác bằng chính tên tài khoản đăng nhập của Khách Hàng, người đại diện của Khách Hàng và/hoặc một trong các yếu tố xác thực (mật khẩu, OTP, D-OTP, yếu tố sinh trắc học, chữ ký điện tử của Khách Hàng...) hoặc yếu tố xác thực khác đã được Khách Hàng kiểm tra, kiểm soát là thật, đầy đủ, hợp pháp và có giá trị hiệu lực.
- b. Khách Hàng xác nhận trước khi giao kết Hợp đồng này. Khách Hàng đã được MB cung cấp đầy đủ thông tin về khoản cấp tín dụng, phương pháp tính lãi và mức lãi suất tính lãi; việc áp dụng lãi suất điều chỉnh, nguyên tắc và các yếu tố để xác định lãi suất điều chỉnh. Khách Hàng hiểu rõ, đồng ý thực hiện đúng toàn bộ nội dung của Hợp đồng.
- c. Các nội dung chưa được thỏa thuận tại Hợp đồng này được các bên thống nhất áp dụng theo Thỏa thuận chung, các văn bản có liên quan (nếu có) và quy định pháp luật.
- d. **Phạt vi phạm Hợp đồng:**
  - Trường hợp Khách Hàng đáp ứng điều kiện cấp tín dụng của MB nhưng không sử dụng vốn thì Khách Hàng phải chịu mức phạt vi phạm = Tỷ lệ mức phạt là 0,02% nhân (x) Giá trị Hạn mức tín dụng chưa sử dụng; Tối thiểu 500,000 VND (Bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng). Thu tại thời điểm thực hiện giải ngân cuối cùng hoặc tại thời điểm hết hạn giải ngân theo Hợp đồng cấp tín dụng tùy thời điểm nào đến trước.
  - Phạt vi phạm Hợp đồng khác: Khách Hàng đồng ý mức phạt là 8% giá trị nghĩa vụ bị vi phạm khi vi phạm các thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
  - Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán tiền phạt vi phạm Hợp đồng theo đúng quy định của MB.
- e. **Khách hàng cam kết:**
  - + Không thể chấp tại Tổ chức tín dụng khác: (1) Toàn bộ hàng tồn kho và/hoặc (2) toàn bộ khoản phải thu quyền đòi nợ và/hoặc (3) Hàng hóa, khoản phải thu quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB cấp tín dụng và hoặc đang thế chấp tại MB.
- f. **Các nội dung cam kết, thỏa thuận khác:**
  - Đối với phương án phát hành bảo lãnh cho nhà thầu liên danh: (I) Tất cả các thành viên trong liên danh chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền/nhận nợ bắt buộc giá trị MB đã thực hiện nghĩa vụ thay cho Liên danh; (II) Thành viên liên danh phải có trách nhiệm thay mặt Liên danh chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền/Nhận nợ bắt buộc với giá trị MB đã thực hiện nghĩa vụ thay cho Liên danh trong mọi trường hợp
  - Trường hợp Khách hàng vay vốn sử dụng hồ sơ chứng minh mục đích có hóa đơn điện tử, Khách hàng cam kết chỉ vay để thanh toán cho các hóa đơn duy nhất tại MB và trường hợp hủy hóa đơn, Khách hàng phải trả toàn món vay trước hạn tại MB. Khách hàng chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm cam kết.
  - Đối với phương án vay thanh toán quốc tế trả sau (TTR trả sau), MB chấp thuận giải ngân dựa trên invoice điện tử/invoice chỉ ký hoặc đóng dấu của đối tác khi Khách hàng thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) invoice được đóng dấu treo của Khách hàng, (ii) Khách hàng cung cấp tờ khai hải quan và các chứng từ khác theo quy định của MB từng thời kỳ. Đồng thời Khách hàng cam kết về tính chân thực của chứng từ, chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm cam kết.





- Khách hàng cam kết về toàn bộ các hồ sơ thanh toán quốc tế/ hồ sơ tín dụng/ hồ sơ tài sản bảo đảm đã và sẽ cung cấp cho MB:

+ (Các) Từ khai hải quan có chữ ký và đóng dấu xác nhận của Khách hàng được xuất trình cùng với hồ sơ thanh toán quốc tế/ hồ sơ cấp tín dụng/ hồ sơ tài sản bảo đảm (sau đây gọi là "Từ khai hải quan"): (i) Được in ra từ hệ thống hải quan điện tử của Tổng cục Hải quan Việt Nam; (ii) Có thực, chính xác, hợp pháp, hợp lệ.

+ Trị giá giao dịch cần thanh toán quốc tế/ hồ sơ tín dụng/ hồ sơ tài sản bảo đảm theo Từ khai hải quan do Khách hàng đề nghị cung cấp là đúng mục đích, phù hợp với quy định của Pháp luật và chưa được thanh toán/ chưa được cấp tín dụng/ chưa được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của Khách Hàng hoặc bên thứ ba tại bất kỳ tổ chức, cá nhân hay chi nhánh/ phòng giao dịch nào của MB.

- Trường hợp MB phát hành bảo lãnh dựa trên thông báo trúng thầu, biên bản thương thảo hợp đồng, Khách hàng cam kết:

+ Thực hiện thông báo cho MB và bổ sung Hợp đồng kinh tế cho MB ngay sau khi ký Hợp đồng kinh tế

+ Các hợp đồng, văn bản liên quan với đối tác quy định tại khoản thanh toán duy nhất của Khách Hàng mở tại MB

**ĐIỀU 5. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

- a. Hợp đồng cấp tín dụng này và Thỏa thuận chung tạo thành một thỏa thuận thống nhất giữa MB và Khách hàng trong việc cấp và sử dụng tín dụng. Các bên thống nhất và cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng và Thỏa thuận chung. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của Thỏa thuận chung với Hợp đồng cấp tín dụng về cùng một vấn đề thì sẽ ưu tiên áp dụng theo quy định của Hợp đồng cấp tín dụng.
- b. Các tài liệu, văn bản liên quan đến Hợp đồng này như: Phụ lục/ Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng, văn bản nhận nợ; đề nghị về việc phát hành bảo lãnh, phát hành thư tín dụng (LC), thông báo thu hồi nợ trước hạn, thông báo nhận nợ bắt buộc và các văn bản, tài liệu liên quan khác để thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng cấp tín dụng này.
- c. Hợp đồng được áp dụng, điều chỉnh theo quy định pháp luật Việt Nam và giải quyết tranh chấp tại cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam.
- d. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ghi lại phần điều Hợp đồng này và chỉ hết hiệu lực khi Khách Hàng đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với MB. Hợp đồng mặc nhiên được thanh lý tại thời điểm hết hiệu lực trừ trường hợp các bên thỏa thuận khác. Trường hợp nghĩa vụ của Khách Hàng với MB được phục hồi, thì Hợp đồng này được tiếp tục có hiệu lực cho đến khi nghĩa vụ được phục hồi thực hiện xong.

KHÁCH HÀNG ỦY  
**CHỈNG THỨC BẢN SƠ ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 20 chứng thực 13720.04  
 Ngày: 17-12-2024  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Phạm Minh Cường*

MB NR  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUẢN ĐỘI CHI NHÁNH THĂNG LONG**  
 ĐỒNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI  
**PHÒNG DỊCH VỤ**  
**TRƯỞNG HUB VẬN HÀNH**  
*Nguyễn Thị Thanh Nga*

**TRƯỞNG HUB VẬN HÀNH**  
**CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH**  
*Nguyễn Thị Thúy Nhung*



# HỢP ĐỒNG CẤP TÍN DỤNG

Số: 223187.24.054.27172.TD

Ngày 28/06/2024, các Bên gồm:

## I. BÊN CẤP TÍN DỤNG

### NGÂN HÀNG TMCP QUẢN ĐỘI

Đại diện: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quản đội (MB) - Chi nhánh Thăng Long

GCN ĐKKD: 0100283873-006 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03/08/2022

Địa chỉ: Số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02462559668 Fax: 02462596886 Email:

Do ông, bà: .....

Chức vụ: ..... là đại diện hợp pháp.

Ủy quyền: ..... của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quản đội

(Sau đây gọi tắt là "MB")

## II. BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom

GCN ĐKKD/Quyết định thành lập/Mã số DN: 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/07/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 15/06/2024

Địa chỉ: Tòa nhà ELCOM, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Do ông/bà: .....

Chức vụ: ..... là đại diện hợp pháp.

Ủy quyền: .....

(Sau đây gọi tắt là "Khách Hàng")

Căn cứ Thỏa thuận chung trong việc cấp và sử dụng tín dụng tại MB, số 102355.24.054.27172.TT ngày 29 tháng 05 năm 2024 (sau đây gọi chung là "Thỏa thuận chung").

Các bên đồng ý giao kết Hợp đồng cấp tín dụng với nội dung cụ thể như sau:

## ĐIỀU KIỆN NỘI DUNG CẤP TÍN DỤNG

### 1. HẠN MỨC TÍN DỤNG (HMTD)

- a. Giá trị hạn mức tín dụng: 600.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng), trong đó:
  - Hạn mức cho vay là: 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)
  - Hạn mức bảo lãnh thanh toán là: 50.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng)
  - Hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là: 400.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bốn trăm tỷ đồng)
  - Hạn mức phát hành LC (không gồm LC xuất khẩu) là: 100.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng)
  - Giới hạn giá trị cấp tín dụng:
    - Tổng giới hạn của các hạn mức bao gồm: Hạn mức cho vay + Hạn mức bảo lãnh thanh toán +



Hạn mức LC không gồm LC xuất khẩu: 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)

+ Tổng giới hạn chưa có đầu ra bao gồm: Hạn mức cho vay + Hạn mức bảo lãnh thanh toán + Hạn mức LC không gồm LC xuất khẩu không có đầu ra cụ thể tối đa 50.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng)

- Tổng giới hạn lĩnh vực: Giá trị hạn mức tài trợ cho mảng Nông sản tối đa 70.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng)

- Giá trị hạn mức tín dụng đã bao gồm số dư (các) Khoản tín dụng của Khách Hàng theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 166008.23.054.27172.TD ngày 11/10/2023 giao kết giữa MB và Khách Hàng.
- Mục đích cấp tín dụng: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động cung cấp thiết bị, phần mềm và các dịch vụ đi kèm trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao và hoạt động kinh doanh nông sản của Khách hàng.
- Đồng tiền cấp tín dụng: VND hoặc ngoại tệ phù hợp quy định pháp luật.
- Thời hạn duy trì HMTD:  
Kể từ ngày giao kết Hợp đồng này đến ngày 15/06/2025.
- Thời điểm Khách Hàng phải sử dụng HMTD lần đầu không muộn hơn ngày 15/12/2024, trừ trường hợp MB có chấp thuận khác.
- Chi tiết các hình thức cấp tín dụng cụ thể theo quy định dưới đây.

## 2. HÌNH THỨC CẤP TÍN DỤNG CỤ THỂ

### CHO VAY THEO HẠN MỨC

- Số tiền cho vay: chi tiết theo từng lần giải ngân và nhận nợ.
- Thời hạn cho vay trong thời hạn duy trì HMTD:  
Tối đa 9 tháng/KUNIN đối với các phương án có đầu ra cụ thể và tối đa 06 tháng/KUNIN đối với các phương án giải ngân không đầu ra cụ thể, chi tiết thời hạn cho vay theo từng lần giải ngân và nhận nợ.
- Lãi, phí:
  - Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với bị chậm trả; chi tiết tại từng lần giải ngân, nhận nợ và Thỏa thuận chung.
  - Phí: Phí cam kết rút vốn = Tỷ lệ mức phí là 0,05% nhân (x) Giá trị Hạn mức cho vay hoặc Số tiền cho vay tại Hợp đồng Cấp tín dụng; Tối thiểu 2.000.000 VND (Bằng chữ: Hai triệu đồng); Thu 01 (một) lần tại thời điểm giải ngân đầu tiên của hợp đồng tín dụng.
- Giải ngân vốn cho vay và việc sử dụng phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay: chi tiết theo từng lần giải ngân và nhận nợ, Thỏa thuận chung và Hợp đồng này.
- Việc trả nợ gốc, lãi tiền vay, đồng tiền trả nợ và thứ tự ưu tiên trả nợ gốc, lãi tiền vay; trả nợ trước hạn, cơ cấu lại thời hạn trả nợ; chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Khách Hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được MB chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ, hình thức và nội dung thông báo chuyển nợ quá hạn chi tiết theo từng lần giải ngân và nhận nợ, Thỏa thuận chung và Hợp đồng này.
- Các trường hợp chấm dứt cho vay; thu nợ trước hạn; chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Khách Hàng không trả được nợ trước hạn khi MB chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn; hình thức và nội dung thông báo chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn; chi tiết theo từng lần giải ngân và nhận nợ, Thỏa thuận chung và Hợp đồng này.
- Xử lý nợ vay; phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại; quyền và trách nhiệm của các bên; trách nhiệm của Khách Hàng trong việc phối hợp với MB và cung cấp các tài liệu liên quan đến khoản vay để MB thực hiện thẩm định và quyết định cho vay, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của



Khách Hàng: chỉ kết theo từng lần giải ngân và nhận nợ, Thỏa thuận chung và Hợp đồng này.

### BẢO LÃNH:

- Nghĩa vụ được bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh, loại bảo lãnh: theo từng cam kết bảo lãnh do MB phát hành trên cơ sở đề nghị của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- Số tiền bảo lãnh, đồng liên bảo lãnh, thời hạn bảo lãnh: theo từng cam kết bảo lãnh do MB phát hành trên cơ sở đề nghị của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- Hình thức phát hành cam kết bảo lãnh; xác định theo từng lần đề nghị phát hành bảo lãnh của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- Phí: xác định theo từng lần đề nghị phát hành bảo lãnh của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- Kỳ quỹ: xác định theo từng lần đề nghị phát hành bảo lãnh của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- Thỏa thuận về bắt buộc nhận nợ trả thay, thời hạn hoàn trả nợ khi phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh: quy định chi tiết tại Thỏa thuận chung, Hợp đồng này và các văn bản khác (nếu có).
- Lãi suất áp dụng đối với số tiền trả thay và nghĩa vụ (Lãi suất cho vay bất buộc): Lãi suất cho vay bất buộc do MB xác định, bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn của MB đang áp dụng đối với khoản vay có thời hạn tương ứng của Khách hàng doanh nghiệp hoặc theo mức lãi suất nhận nợ bất buộc theo quy định của MB từng thời kỳ phù hợp với quy định pháp luật (tùy theo mức nào cao hơn).
- Điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, các quy định pháp luật áp dụng: theo từng cam kết bảo lãnh do MB phát hành trên cơ sở đề nghị của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- Quyền và nghĩa vụ của các bên; giải quyết tranh chấp phát sinh và các nội dung khác: quy định chi tiết tại Thỏa thuận chung, Hợp đồng này và các văn bản khác (nếu có).

### PHÁT HÀNH THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT - "LC"):

- Số tiền phát hành LC ("Giá trị LC phát hành"), đồng liên phát hành LC: Theo từng thư tín dụng do MB phát hành trên cơ sở đề nghị của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- Thời hạn LC: theo từng thư tín dụng do MB phát hành trên cơ sở đề nghị của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- Phí: xác định theo từng lần đề nghị phát hành LC được MB chấp thuận.
- Kỳ quỹ: xác định theo từng lần đề nghị phát hành LC được MB chấp thuận.
- Thỏa thuận về bắt buộc nhận nợ trả thay, thời hạn hoàn trả nợ khi phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo LC: quy định chi tiết tại Thỏa thuận chung, Hợp đồng này và các văn bản khác (nếu có).
- Lãi suất áp dụng đối với số tiền trả thay và nghĩa vụ (Lãi suất cho vay bất buộc): mức lãi suất cho vay bất buộc do MB xác định, bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn của MB đang áp dụng đối với khoản vay có thời hạn tương ứng của Khách hàng doanh nghiệp hoặc theo mức lãi suất nhận nợ bất buộc theo quy định của MB từng thời kỳ phù hợp quy định pháp luật (tùy theo mức nào cao hơn).
- Nguồn thanh toán: được xác định theo từng lần đề nghị phát hành LC. Khách Hàng có trách nhiệm tự cân đối nguồn ngoại tệ để thanh toán LC; trường hợp LC thanh toán bằng vốn tự có, Khách Hàng cam kết chuyển đủ số tiền thanh toán trong vòng 03 (ba) ngày làm việc trước ngày đến hạn thanh toán quy định trong LC hoặc theo thông báo của MB.
- Quyền và nghĩa vụ của các bên; giải quyết tranh chấp phát sinh và các nội dung khác: quy định chi tiết tại Thỏa thuận chung, Hợp đồng này và các văn bản khác (nếu có).
- Áp dụng quy tắc, tập quán quốc tế: LC do MB phát hành, quyền và nghĩa vụ các bên và các quy định liên quan đến LC sẽ được điều chỉnh theo tập quán thương mại quốc tế phù hợp với đề nghị phát hành LC của Khách hàng được MB chấp thuận.

### ĐIỀU 2. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ

Các bên thống nhất việc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này như sau:

- Tài sản bảo đảm:





- Theo Danh mục tài sản bảo đảm tại Hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), chi tiết việc bảo đảm được quy định tại hợp đồng bảo đảm ký giữa MB và Bên bảo đảm.
  - Bảo lãnh của bên thứ ba và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác (nếu có).
  - Các tài sản theo quy định tại Thỏa thuận chung.
  - Các tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm khác theo thỏa thuận/cam kết của Bên bảo đảm với MB.
- b. MB được thuê bên thứ ba định giá hoặc tự định giá lại tài sản bảo đảm, đánh giá lại Bên bảo lãnh định kỳ hoặc đột xuất theo nghiệp vụ của MB. Chi phí, phí định giá lại tài sản bảo đảm, đánh giá lại bên bảo lãnh trong trường hợp bên thứ ba thực hiện do Khách Hàng chi trả.
- c. Duy trì giá trị tài sản bảo đảm/Biện pháp bảo đảm:
- Khách Hàng phải duy trì giá trị tài sản bảo đảm sao cho toàn bộ Dư nợ và số dư bảo lãnh, cam kết phát hành dưới hình thức thư tín dung chung từ được bảo đảm bằng tài sản tại mọi thời điểm luôn nhỏ hơn hoặc bằng (s) tổng giá trị ( $\Sigma$ ) của (Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa tương ứng với (từng) loại tài sản bảo đảm nhân với (x) giá trị của tài sản bảo đảm đó). Nếu không đảm bảo tỷ lệ này, Khách Hàng có trách nhiệm giảm bớt dư nợ hoặc bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm được MB chấp thuận theo thông báo của MB. Trường hợp Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm thì Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa theo thông báo của MB hoặc thỏa thuận giữa các bên.
  - Việc xác định Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính so với giá trị tài sản bảo đảm trên đây không áp dụng để xác định phạm vi, giá trị nghĩa vụ được bảo đảm. Việc xác định phạm vi, giá trị nghĩa vụ được bảo đảm theo quy định tại các Hợp đồng bảo đảm ký kết giữa MB và bên bảo đảm.
  - Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa được xác định bằng  $(=) \Sigma((\text{Dư nợ} + \text{Số dư bảo lãnh, cam kết phát hành dưới hình thức thư tín dung chung từ}) \text{ chia cho } (:) \text{ giá trị tài sản bảo đảm}) \times 100\%$

### ĐIỀU 3. QUẢN LÝ DOANH THU VÀ NGUỒN TRẢ NỢ

- a. Khách Hàng có nghĩa vụ quản lý và chuyển doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và phương án được MB cấp tín dụng về tài khoản của Khách Hàng mở tại MB trong suốt thời gian MB cấp tín dụng, đảm bảo:
- Khách Hàng cam kết chuyển doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh về tài khoản của Khách Hàng mở tại MB, đảm bảo:
    - + Đối với tài trợ theo hạn mức thường xuyên: Tổng doanh số tiền về chuyển khoản/Tổng doanh số giải ngân kỳ lên trước đạt tối thiểu 120%. Tần suất đánh giá: 3 tháng/lần. Kỳ đánh giá đầu tiên: 3 tháng tiếp theo kể từ tháng giải ngân đầu tiên.
    - + Đối với phương án tài trợ có đầu ra cụ thể: Đảm bảo chuyển 100% dòng tiền từ các phương án MB tài trợ, phát hành bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành) về tài khoản khách hàng mở tại MB. Tần suất đánh giá: 01 tháng/lần. Kỳ đánh giá đầu tiên: 01 tháng tiếp theo kể từ tháng giải ngân đầu tiên.
  - 100% tiền của phương án được MB cấp tín dụng về tài khoản của Khách Hàng tại MB.
- b. Khách Hàng đồng ý dùng toàn bộ doanh thu theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và các nguồn trả nợ khác để trả nợ cho MB.

### ĐIỀU 4. CAM KẾT VÀ THỎA THUẬN KHÁC

- a. Khách Hàng cam kết, xác nhận các thông tin, hồ sơ, tài liệu cung cấp cho MB trực tiếp và/hoặc qua các ứng dụng BIZ, email, các phương tiện điện tử khác bằng chính tên tài khoản đăng nhập của Khách Hàng, người đại diện của Khách Hàng và/hoặc một trong các yếu tố xác thực (mặt khẩu, OTP, D-OTP, yếu tố sinh trắc học, chữ ký điện tử của Khách Hàng và/hoặc người đại diện của Khách Hàng ...) hoặc yếu tố xác thực khác đã được Khách Hàng kiểm tra, kiểm soát là thật, đầy đủ, hợp pháp và có giá trị hiệu lực.
- b. Bằng việc giao kết Hợp đồng này, Khách Hàng xác nhận đã được MB cung cấp đầy đủ và hiểu rõ thông tin về khoản tín dụng, nội dung Hợp đồng cấp tín dụng, Thỏa thuận chung, tài suất, việc tính lãi

và trả lãi, bao gồm nhưng không giới hạn: phương pháp tính lãi, nguyên tắc tính lãi và các yếu tố xác định lãi suất, lãi suất điều chỉnh, lãi suất tham chiếu, thời điểm điều chỉnh lãi suất, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản tín dụng; việc ưu đãi lãi suất và việc thanh toán tiền lãi ưu đãi trong trường hợp Khách Hàng không đáp ứng điều kiện được ưu đãi lãi suất, các nội dung khác có liên quan. Khách Hàng tại đây đồng ý: (i) chủ động cập nhật, nhận thông tin Lãi suất tham chiếu công bố trên website của MB và/hoặc các hình thức, địa chỉ khác quy định tại Hợp đồng, Thỏa thuận chung, các văn bản liên quan khác (nếu có) và đồng ý Lãi suất tham chiếu này có giá trị ràng buộc, áp dụng để xác định lãi suất điều chỉnh đối với khoản tín dụng; (ii) tính lãi, trả nợ gốc và lãi cho MB theo đúng quy định tại Hợp đồng, Thỏa thuận chung, các văn bản liên quan khác (nếu có) và (iii) thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung khác của Hợp đồng, Thỏa thuận chung, các văn bản liên quan khác (nếu có).

c. Khách Hàng xác nhận và đảm bảo những người đại diện của Khách Hàng, người quản lý, sử dụng tài khoản truy cập (sau đây gọi chung là "người đại diện của Khách Hàng") đã được MB hướng dẫn và nhận biết đầy đủ về việc bảo mật, đảm bảo an toàn tài khoản truy cập, các thiết bị điện tử, phương tiện điện tử, các yếu tố xác thực và các yếu tố khác trong quá trình giao kết, thực hiện giao dịch điện tử, các rủi ro có thể phát sinh trong giao dịch điện tử và chủ động tìm hiểu, cập nhật các thủ đoạn và/hoặc rủi ro công nghệ khác, đồng thời thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro. Khách Hàng và người đại diện của Khách Hàng đồng ý: (i) không cung cấp, chia sẻ hoặc cho người khác sử dụng các thiết bị, tài khoản truy cập, các yếu tố xác thực và các thông tin khác; (ii) không cài đặt, không truy cập các phần mềm, ứng dụng, mã độc, các kết nối không an toàn hoặc chưa được xác thực; (iii) đọc và kiểm soát kỹ các nội dung trước khi giao kết trên các tài liệu, chứng từ để nghị) cấp tín dụng, giải ngân, nhận nợ và tài liệu, dữ liệu điện tử khác liên quan đến việc cấp tín dụng. Khách Hàng cam kết và đồng ý nhận nợ, trả nợ và chịu mọi trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào phát sinh kể cả trong trường hợp tài khoản truy cập, các thiết bị, các yếu tố xác thực và các thông tin khác của Khách Hàng và/hoặc người đại diện của Khách Hàng bị sử dụng bởi bên khác.

d. Trong trường hợp sau đây, MB được điều chỉnh tăng lãi suất (trường hợp áp dụng lãi suất cố định) hoặc điều chỉnh tăng biên độ lãi suất (trường hợp áp dụng lãi suất điều chỉnh): khoản tín dụng của Khách Hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ; hoặc lãi suất biên gửi VND loại lãi trả sau áp dụng đối với tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng do MB công bố cao hơn từ 10% trở lên so với thời điểm giải ngân hoặc thời điểm điều chỉnh lãi suất trước đó; hoặc khả năng trả nợ của Khách Hàng bị suy giảm hoặc có nguy cơ suy giảm theo đánh giá của MB; hoặc có thay đổi bất lợi liên quan đến tài sản bảo đảm hoặc biện pháp bảo đảm (như giá trị tài sản bảo đảm giảm sút, Khách Hàng hoặc Bên bảo đảm thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ mua bảo hiểm bắt buộc với tài sản bảo đảm, các trường hợp thay đổi bất lợi khác). MB sẽ thông báo cho Khách Hàng về trường hợp điều chỉnh, mức lãi suất điều chỉnh và/hoặc Biên độ lãi suất điều chỉnh theo một trong các phương thức thông báo tại Hợp đồng này, Thỏa thuận chung, các văn bản liên quan khác (nếu có). Trường hợp Khách Hàng không đồng ý việc điều chỉnh này, Khách Hàng có trách nhiệm phản hồi bằng văn bản cho MB trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo và Khách Hàng có quyền chấm dứt sử dụng khoản tín dụng, trả nợ trước hạn. Trong thời gian các bên chưa thống nhất mức lãi suất và/hoặc Biên độ lãi suất áp dụng là mức lãi suất điều chỉnh và/hoặc Biên độ lãi suất điều chỉnh mà MB đã thông báo đến Khách Hàng.

e. Các nội dung chưa được thỏa thuận tại Hợp đồng này được các bên thống nhất áp dụng theo Thỏa thuận chung, các văn bản có liên quan (nếu có) và quy định pháp luật.

f. Phạt vi phạm Hợp đồng:

- Trường hợp Khách Hàng đáp ứng điều kiện cấp tín dụng của MB nhưng không sử dụng vốn thì Khách Hàng phải chịu mức phạt vi phạm = Tỷ lệ mức phạt là 0,02% nhân (x) Giá trị Hạn mức tín dụng chưa sử dụng. Tối thiểu 500,000 VND (Năm trăm nghìn đồng); Thu tại thời điểm thực hiện giải ngân cuối cùng hoặc tại thời điểm hết hạn giải ngân theo Hợp đồng cấp tín dụng tùy thời điểm nào đến trước.





- Phạt vi phạm Hợp đồng khác: Khách Hàng đồng ý mức phạt là 0% giá trị nghĩa vụ bị vi phạm khi vi phạm các thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
  - Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán tiền phạt vi phạm Hợp đồng theo đúng quy định của MB.
- g. Các nội dung cam kết, thỏa thuận khác:
- Định kỳ chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Khách hàng cung cấp Báo cáo tài chính Quý và/hoặc các hồ sơ chi tiết cho MB.
  - Không thể chấp tại lộ chức tín dụng khác: (1) Toàn bộ hàng tồn kho và hoặc (2) Toàn bộ khoản phải thu/quyền đòi nợ và hoặc (3) Hàng hóa, khoản phải thu/quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB cấp tín dụng.
  - Trường hợp Khách hàng vay vốn sử dụng hồ sơ chứng minh mục đích có hóa đơn điện tử/hóa đơn tư in, Khách hàng cam kết chỉ vay một hóa đơn duy nhất tại MB. Trường hợp Khách hàng hủy hóa đơn, Khách hàng phải tái toán món vay trước hạn tại MB và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm cam kết.
  - Khách hàng cam kết về toàn bộ các hồ sơ thanh toán quốc tế/ hồ sơ tín dụng/ hồ sơ tài sản bảo đảm đã và sẽ cung cấp cho MB:
    - + (Các) Tờ khai hải quan có chữ ký và đóng dấu xác nhận của Khách hàng được xuất trình cùng với hồ sơ thanh toán quốc tế/ hồ sơ cấp tín dụng/ hồ sơ tài sản bảo đảm (sau đây gọi là "Tờ khai hải quan"): (i) Được in ra từ hệ thống hải quan điện tử của Tổng cục Hải quan Việt Nam; (ii) Có thực, chính xác, hợp pháp, hợp lệ.
    - + Trị giá giao dịch cần thanh toán quốc tế/ hồ sơ tín dụng/ hồ sơ tài sản bảo đảm theo Tờ khai hải quan do Khách hàng đề nghị cung cấp là đúng mục đích, phù hợp với quy định của Pháp luật và chưa được thanh toán/ chưa được cấp tín dụng/ chưa được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của Khách Hàng hoặc bên thứ ba tại bất kỳ tổ chức, cá nhân hay chi nhánh/phòng giao dịch nào của MB.
  - Trung trường hợp MB phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng/ bảo lãnh tam ứng trên cơ sở thông báo trúng thầu, biên bản thương thảo, Khách Hàng cam kết:
    - + Thực hiện thông báo cho MB và bổ sung Hợp đồng kinh tế cho MB ngay sau khi ký Hợp đồng kinh tế.
    - + Các hợp đồng, văn bản thỏa thuận với đối tác quy định tài khoản thanh toán duy nhất của Khách Hàng mở tại MB.
  - Trường hợp quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm của Khách Hàng mà Khách Hàng chưa cung cấp Báo cáo tài chính năm (Thuế/kiểm toán) cho MB thì Lãi suất cho vay (theo từng văn bản nhận nợ) bằng ( $\pi$ ) lãi suất cho vay đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng (+) 0,5%/năm (không phải năm phần trăm/năm), thời điểm điều chỉnh lãi suất là ngày thứ 3 của tháng thứ 06 kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm của Khách hàng.
  - Sau khi Khách Hàng hoàn thành việc cung cấp Báo cáo tài chính năm theo thỏa thuận Lãi suất cho vay (theo từng Văn bản nhận nợ) bằng ( $\pi$ ) mức lãi suất cho vay trong hạn (Lãi suất cho vay thông thường) hoặc lãi suất cho vay ưu đãi (nếu còn thời hạn ưu đãi lãi suất). Thời điểm điều chỉnh lãi suất là ngày thứ 03 kể từ ngày Khách Hàng hoàn thành việc cung cấp Báo cáo tài chính năm cho MB dựa trên Biên bản bàn giao.

#### ĐIỀU 5. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- a. Hợp đồng cấp tín dụng này và Thỏa thuận chung tạo thành một thỏa thuận thống nhất giữa MB và Khách hàng trong việc cấp và sử dụng tín dụng. Các bên thống nhất và cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng và Thỏa thuận chung. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của Thỏa thuận chung với Hợp đồng cấp tín dụng về cùng một vấn đề thì sẽ ưu tiên áp dụng theo quy định của Hợp đồng cấp tín dụng.
- b. Các tài liệu, văn bản liên quan đến Hợp đồng này như: Phụ lục/Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng,



- văn bản nhận nợ; đề nghị về việc phát hành bảo lãnh, phát hành thư (in dụng (LC); thông báo thu hồi nợ trước hạn, thông báo nhận nợ bắt buộc và các văn bản, tài liệu liên quan khác để thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng cấp tín dụng này.
- c. Hợp đồng được áp dụng, điều chỉnh theo quy định pháp luật Việt Nam và giải quyết tranh chấp tại cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam.
  - d. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ghi tại phần đầu Hợp đồng này và chỉ hết hiệu lực khi Khách Hàng đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với MB. Hợp đồng mặc nhiên được thanh lý tại thời điểm hết hiệu lực trừ trường hợp các bên thỏa thuận khác. Trường hợp nghĩa vụ của Khách Hàng với MB được phục hồi, thì Hợp đồng này được tiếp tục có hiệu lực cho đến khi nghĩa vụ được phục hồi thực hiện xong.



KHÁCH HÀNG

MB

*NV*

**CHÍNH THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thư: **137 19 04** ngày 17/12/2024

Ngày: **17-12-2024**



**TU. CHỦ TỊCH**

**CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH**

*Nguyễn Thị Thùy Nhung*

**PGĐ DỊCH VỤ  
TRƯỞNG HUB VĂN HÀNH**  
*Trần Xuân Cầu*





**DANH MỤC TÀI SẢN BẢO ĐẢM**

Căn cứ Điều 2 Hợp đồng cấp tín dụng, danh mục tài sản bảo đảm như sau:

STT	Loại tài sản	Đặc điểm	Tỷ lệ duy trì Nghĩa vụ Tài chính tối đa
1	Giấy tờ có giá	Hợp đồng liên gửi số 43697.21.054.27172.TG.DN giữa Khách Hàng và MB	100%
2	Giấy tờ có giá	Hợp đồng liên gửi số 50231.22.054.27172.TG.DN giữa Khách Hàng và MB	100%
3	Giấy tờ có giá	Hợp đồng liên gửi số 4546.23.054.27172.TG.DN giữa Khách hàng và MB	100%
4	Động sản	Xe ô tô Lexus GX460 Premium, biển kiểm soát 29A-112.05 thuộc sở hữu của Khách Hàng	70%
5	Động sản	Xe ô tô Mercedes-Benz-GLC 250 Biển kiểm soát 30E-364.86 thuộc sở hữu của Khách Hàng	70%
6	Động sản	1.097.418 Cổ phiếu mã ELC lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng Khoán SSI – chi nhánh Mỹ Đình	Theo quy định MB
7	Động sản	485.589 cổ phiếu ELC lưu ký tại Công ty Cổ phần chứng khoán ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam; 123.638 Cổ phiếu ELC lưu ký tại Công ty Cổ phần chứng khoán Kỹ Thương	Theo quy định MB
8	Động sản	1.097.419 Cổ phiếu mã ELC Lưu ký tại Công ty Cổ phần chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội	Theo quy định MB
9	Động sản	1.097.418 Cổ phiếu mã ELC Lưu ký tại Công ty Cổ phần chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội	Theo quy định MB
10	Động sản	1.097.418 Cổ phiếu mã ELC lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng Khoán SSI – chi nhánh Mỹ Đình	Theo quy định MB
11	Động sản	Quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng số 1511/2023/HĐKT/CAT-ELCOM-VNPT ngày 15/11/2023 giữa Liên danh Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM và Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông và Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Theo quy định MB từng thời kỳ
12	Động sản	Quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng số 03/VIETTEL-ELCOM/2023 ngày 17/11/2023 giữa Khách hàng và Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân Đội (Viettel Group)	Theo quy định MB từng thời kỳ



Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024

**THÔNG BÁO**

V/v: Xác nhận số dư

Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) - Chi nhánh Thăng Long xác nhận:

Tên Khách hàng: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELOOM

Số ĐKKD: 0101435127 đăng ký lần đầu ngày 18/07/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 15/05/2024 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Địa chỉ: Tòa nhà ELOOM, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Khách hàng đang có số dư nợ tại thời điểm hết ngày 10/10/2024 tại Ngân hàng chúng tôi như sau:

Số Hợp đồng tín dụng	Loại tiền	Mã khế ước	Giá trị đã giải ngân	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Giá trị dư nợ còn lại	Ghi chú
166008.23.054.27172.TD	VND	LD2416411053	7,000,000,000	12/06/2024	12/12/2024	7,000,000,000	Áp dụng lãi suất tại thời điểm giải ngân theo từng khế ước
223187.24.054.27172.TD	VND	LD2418067800	25,764,253,227	28/06/2024	28/12/2024	25,764,253,227	
223187.24.054.27172.TD	VND	LD2420020207	7,187,040,000	18/07/2024	18/01/2025	7,187,040,000	
223187.24.054.27172.TD	VND	LD2420750015	26,280,010,965	25/07/2024	25/01/2025	26,280,010,965	
			<b>66,231,304,192</b>			<b>66,231,304,192</b>	

CHỨNG NHẬN TỔNG BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 02/10/2024. Giấy xác nhận này thay thế cho Thông báo xác nhận số dư phát hành ngày 14/10/2024. Giấy xác nhận này không thay cho các cam kết của Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long về các nghĩa vụ của Khách hàng được xác nhận với Bên thứ ba.

Trần Trọng Thống báo!



CÔNG CHỨNG VIÊN Đ. TH. V. H. H.

Branch office  
NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI - CHI NHÁNH THĂNG LONG  
Số 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa  
Thành phố Hà Nội

Contact us  
Điện thoại: (024) 6255 8668  
Fax: (024) 6269 6886  
www.mbbank.com.vn

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI  
CHI NHÁNH THĂNG LONG



Tai Thị Duyên

# HỢP ĐỒNG MUA BÁN

**BẢN DỊCH  
TRANSLATION**

Số : JSC24008

Ngày: 25 tháng 01 năm 2024

## GIỮA

**BÊN BÁN : CÔNG TY TNHH ISG TECHNOLOGY PTE**

Địa chỉ : 114 Bedok Reservoir Road #10-142 Singapore 470114

Điện thoại : (65) 9697-8897 Fax: (65) 68443165

Đại diện bởi : Ông Alan Ho - Giám đốc

## VÀ

**BÊN MUA : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỆN THÔNG ELCOM**

Địa chỉ : Tòa nhà Elcom, Đường Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : +84-438 359 359 Fax: +84-438 355

Đại diện bởi : Ông Phạm Minh Thăng – Tổng Giám đốc

Hai bên đã đồng ý ký kết Hợp đồng này với các điều khoản và điều kiện như sau:

**Hàng hóa, Số lượng và Giá cả:**

STT	Mô tả	Số lượng	Đơn giá	Tổng giá trị
		(bộ)	(USD)	(USD)
1	VMS P20 RGB 64Hx384W	7	59,600	417,200.00
2	Hộp điều khiển cục bộ	7	375	2,625.00
3	LCS P10 RGB 128Hx128W	16	12,970	207,520.00
4	Hộp điều khiển cục bộ	8	260	2,080.00
5	VMS P10 RGB 64Hx384W	2	26,600	53,200.00
6	Hộp điều khiển cục bộ	2	280	560.00
<b>Tổng cộng (Exwork Taiwan / Incoterms 2020)</b>				<b>683,185.00</b>

**Tổng giá trị hợp đồng là 683,185.00 USD**

(Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi ba ngàn một trăm tám mươi lăm đô la Mỹ./.)

## 2. Chất lượng & Đóng gói:

- Chất lượng: Tất cả hàng hóa đều là hàng mới 100%, sản xuất vào năm 2023/2024, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Nếu hàng hóa không đạt chất lượng, Bên Mua có quyền hủy hoặc hoàn thành toán cho Bên Bán cho đến khi tất cả các thiệt hại được giải quyết.

Nhà sản xuất: Formolight

- Đóng gói: Tất cả hàng hóa được đóng gói theo tiêu chuẩn xuất khẩu của nhà sản xuất.
- Xuất xứ: Đài Loan

### 3. Điều khoản Giao hàng:

- Thời gian giao hàng: Giao hàng sẽ được tiến hành trong vòng 8-12 tuần sau khi hợp đồng được ký kết.
- Phương thức giao hàng: Bằng hàng hải
- Cảng xếp hàng: Bất kỳ cảng nào tại Đài Loan
- Cảng dỡ hàng: Cảng Hải Phòng/Cảng Cát Lái, Việt Nam
- Giao hàng từng phần: Được phép
- Chuyển tải: Được phép
- Thông tin bên nhận hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM
- Địa chỉ: Tòa nhà Elcom, Đường Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: +84-438 359 359

### 4. Điều khoản Thanh toán:

- Đợt thanh toán thứ nhất: Bên Mua sẽ thanh toán số tiền 120,000.00 USD bằng phương thức chuyển khoản (T/T) cho Bên Bán trong vòng 05 ngày sau khi hợp đồng được ký kết.
- Đợt thanh toán thứ hai: Bên Mua sẽ thanh toán số tiền 272,000.00 USD bằng phương thức chuyển khoản (T/T) cho Bên Bán trước khi hàng hóa được giao và trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo giao hàng từ Bên Bán.
- Đợt thanh toán thứ ba: Bên Mua sẽ thanh toán số tiền còn lại 291,185.00 USD bằng phương thức chuyển khoản (T/T) cho Bên Bán sau 120 ngày kể từ ngày giao hàng cuối cùng.

#### *Thông tin ngân hàng::*

Tên ngân hàng: Maybank (Chi nhánh Marine Parade)

Địa chỉ ngân hàng: Blk 87 Marine Parade Central #01-502 Singapore 440087

Tên người thụ hưởng: ISG Technology Pte Ltd

Số tài khoản thụ hưởng: 64150055432

Mã ngân hàng: 7302

Mã Swift: MRBESGSG

Bên Mua sẽ chịu các chi phí ngân hàng phát sinh.

5. Bảo hành: Thời gian bảo hành cho các hàng hóa theo hợp đồng này là 36 tháng theo tiêu chuẩn chính hãng.

6. Giấy tờ cần thiết:



Một bộ chứng từ vận chuyển phải được gửi qua email và sau đó gửi ngay cho Người mua, trong vòng 07 ngày kể từ ngày giao hàng, bao gồm:

- Vận đơn ghi rõ "Cước phí phải thu"
- Hóa đơn thương mại và Phiếu đóng gói do Người bán phát hành: 01 bản gốc
- Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) do Phòng Thương mại của nước xuất khẩu cấp: 01 bản gốc
- Giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) do Nhà sản xuất cấp: 01 bản gốc.

Giấy chứng nhận xác nhận bảo hành của Nhà sản xuất có ngày bắt đầu và ngày kết thúc cho tất cả hàng hóa theo hợp đồng: 01 bản gốc

#### 7. Trách nhiệm của các bên:

- Trách nhiệm của Bên Bán: Giao hàng cho Bên A với đúng số lượng, quy cách, thời gian, địa điểm giao hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán.
- Trách nhiệm của Bên Mua: Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên Bán theo thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng mua bán này.

#### 8. Điều khoản phạt:

Bất kỳ sự chậm trễ thanh toán nào của Bên Mua vượt quá thời hạn thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng này sẽ bị phạt với mức 0,5% mỗi tuần trên tổng số tiền hóa đơn quá hạn nhưng không vượt quá 2% giá trị hóa đơn.

Bất kỳ sự chậm trễ giao hàng nào của Bên Bán vượt quá các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này sẽ bị phạt với mức 0,5% mỗi tuần trên tổng số tiền bị chậm nhưng không vượt quá 2% giá trị số tiền bị chậm, được tính theo tỷ lệ từ ngày đến hạn giao hàng.

#### 9. Điều khoản chung:

Hợp đồng này là bảo mật giữa Bên Bán và Bên Mua và không được tiết lộ cho bên thứ ba trong bất kỳ trường hợp nào.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản bằng tiếng Anh, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực từ ngày ký.

#### ĐẠI DIỆN BÊN MUA

Ông Phạm Minh Thắng – Tổng Giám đốc  
(Đã ký tên và đóng dấu)

#### ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

Ông Alan Ho – Giám đốc  
(Đã ký tên và đóng dấu)

## PHỤ LỤC 01

(Theo chiếu Hợp đồng số: JSC24008 ngày 25 tháng 01 năm 2024)

Ngày: 06 tháng 2 năm 2024

**BÊN BÁN** : CÔNG TY TNHH ISG TECHNOLOGY PTE

Địa chỉ : 114 Bedok Reservoir Road #10-142 Singapore 470114

Điện thoại : (65) 96828897 Fax: (65) 68443165

Đại diện bởi : Ông Alan Ho - Giám đốc

VÀ

**BÊN MUA** : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM (ELCOM CORP)

Địa chỉ : Tòa nhà Elcom, Đường Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội Việt Nam

Điện thoại : +84-438 359 359 Fax: +84-438 355

Đại diện bởi : Ông Phạm Minh Thắng – Tổng Giám đốc

Hai bên đã thỏa thuận rằng Bên Bán đồng ý bán, và Bên Mua đồng ý mua Hàng hóa với các điều khoản và điều kiện như sau:

### ĐIỀU 1: HÀNG HÓA

STT	Mô tả	Số lượng	Đơn giá	Tổng giá trị
		(bộ)	(USD)	(USD)
1	VMS P20 RGB 64Hx384W	7	59,600	417,200.00
2	Hộp điều khiển cục bộ	7	375	2,625.00
3	LCS P10 RGB 128Hx128W	16	12,970	207,520.00
4	Hộp điều khiển cục bộ	8	260	2,080.00
5	VMS P10 RGB 64Hx384W	2	29,750	59,500.00
6	Hộp điều khiển cục bộ	2	280	560.00
<b>Tổng cộng (Exwork Taiwan / Incoterms 2020)</b>				<b>689,485.00</b>

### ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN

- 100% giá trị hợp đồng sẽ được thanh toán vào tài khoản của Bên Bán bằng phương thức chuyển khoản TTR như sau:

- Đợt thanh toán thứ nhất: Bên Mua sẽ thanh toán số tiền 120,000.00 USD bằng phương thức chuyển khoản (T/T) cho Bên Bán trong vòng 05 ngày sau khi hợp đồng được ký kết.
- Đợt thanh toán thứ hai: Bên Mua sẽ thanh toán số tiền 272,000.00 USD bằng phương thức chuyển khoản (T/T) cho Bên Bán trước khi hàng hóa được giao và trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo giao hàng từ Bên Bán.
- Đợt thanh toán thứ ba: Bên Mua sẽ thanh toán số tiền còn lại 297,485.00 USD bằng phương thức chuyển khoản (T/T) cho Bên Bán sau 120 ngày kể từ ngày giao hàng cuối cùng.

### **ĐIỀU 3: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

- Các điều khoản và điều kiện khác của Hợp đồng số: JSC24008 ngày 25 tháng 1 năm 2024 vẫn giữ nguyên.
- Phụ lục 01 này được lập thành 02 bản bằng tiếng Anh, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực từ ngày ký.

#### **Đại diện bên mua**

Ông Phạm Minh Thắng – Tổng Giám đốc

(Đã ký tên và đóng dấu)

#### **Đại diện bên bán**

Ông Alan Ho – Giám đốc

(Đã ký tên và đóng dấu)

## PHỤ LỤC 02

(Tham chiếu Hợp đồng số: JSC24008 ngày 25 tháng 1 năm 2024)

Ngày: 29 tháng 7 năm 2024

**BÊN BÁN** : CÔNG TY TNHH ISG TECHNOLOGY PTE

Địa chỉ : 114 Bedok Reservoir Road #10-142 Singapore 470114

Điện thoại : (65) 96828897 Fax: (65) 68443165

Đại diện bởi : Ông Alan Ho - Giám đốc

VÀ

**BÊN MUA** : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỆN THỐNG EL.COM (EL.COM CORP)

Địa chỉ : Tòa nhà Elcom, Đường Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội Việt Nam

Điện thoại : +84-438 359 359 Fax: +84-438 355

Đại diện bởi : Ông Phạm Minh Thăng - Tổng Giám đốc

Hai bên đã đồng ý gia hạn thời gian thanh toán cuối cùng như sau:

### ĐIỀU 1: ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN

- Khoản thanh toán cuối cùng: Bên Mua sẽ thanh toán số tiền còn lại 297,485.00 USD bằng phương thức chuyển khoản (T/T) cho Bên Bán chậm nhất vào ngày 31 tháng 1 năm 2025.

### ĐIỀU 2: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- Các điều khoản và điều kiện khác của Hợp đồng số: JSC24008 ngày 25 tháng 1 năm 2024 và Phụ lục 01 vẫn giữ nguyên.
- Phụ lục 02 này được lập thành 02 bản bằng tiếng Anh, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực từ ngày ký.

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA**

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁN**

Ông Phạm Minh Thăng - Tổng Giám đốc

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ông Alan Ho - Giám đốc

(Đã ký tên và đóng dấu)





# SALES CONTRACT

No.: JSC24008

Dated: 25 January 2024

## BETWEEN

### THE SELLER: ISG TECHNOLOGY PTE LTD

Address : 114 Bedok Reservoir Road #10-142 Singapore 470114

Tel : (65) 9697-8897 Fax: (65) 68443165

Represented by: Mr Alan Ho - Director

## AND

### THE BUYER: ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION (ELCOM CORP).

Address : Elcom Building, Duy Tan Street, Dich Vong Hau Ward., Cau Giay Dist., Hanoi, Vietnam.

Tel: +84-438 359 359 Fax: +84-438 355

Represented by : Mr Pham Minh Thang - General Director

The Buyer and the Seller have mutually agreed to sign this Contract with terms and conditions as follows:

#### 1. Commodity, Quantity and Price:

No	Description	Qty	Unit price	Total price
		(set)	(USD)	(USD)
1	VMS P20 RGB 64Hx384W	7	59,600	417,200.00
2	Local Control box	7	375	2,625.00
3	LCS P10 RGB 128Hx128W	16	12,970	207,520.00
4	Local Control box	8	260	2,080.00
5	VMS P10 RGB 64Hx384W	2	26,600	53,200.00
6	Local control box	2	280	560.00
Grand Total (Exwork Taiwan/ Incoterms 2020)				683,185.00

Total Contract Price is 683,185.00 USD

(In words: US Dollar Six hundred Eighty Three thousand One hundred and Eighty Five only./.)

#### 2. Quality & Packing:

- Quality: all the commodities are 100% brand-new, manufactured in 2023/2024, as manufacturer's standards. If the goods contracts are not of quality, the Buyer have the rights to cancel or delay the payment to the Seller until all losses will be settled down.

Manufacturer: Formolight

- Packing: all the commodities are packed according to export standard of the manufacturer.
- Country of Origin: Taiwan

### 3. Delivery Term:

- Delivery time: the goods will be shipped within 8-12 weeks after the contract has been signed.
- Delivery method: by Sea
- Port of loading: Any port in Taiwan
- Port of discharge: Hai phong port/CatLai port Vietnam
- Partial shipment: Allowed
- Transshipment: Allowed
- Consignee's details: ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION  
Address at: Ekoni Building, Duy Tan Street., Dich Vong Hau Ward., Cau Giay Dist., Hanoi, Vietnam  
Tel: +84-438 359 359

### 4. Payment Term:

- 1<sup>st</sup> Installment: The Buyer shall pay the amount of 120,000.00 USD by T/T to the Seller within 05 days after the contract has been signed.
- 2<sup>nd</sup> Instalment: The Buyer shall pay the amount of 272,000.00 USD by T/T to the Seller before the delivery of goods and within 05 days from the date of Notice of shipment for delivery from the Seller.
- 3<sup>rd</sup> Installment: the Buyer shall pay the balance of 291,185.00 USD by T/T to the Seller after 120 days since the date of the last shipping date.

#### *Banking details:*

Bank Name: Maybank (Marine Parade Branch)  
Bank Address: BIK 87 Marine Parade Central #01-502 Singapore 440087  
Beneficiary Name: ISG Technology Pte Ltd  
Beneficiary Account No.: 64150055432  
Bank Code: 7302  
Swift Code: MBBESGSG

The Buyer will bear the bank charges.

5. **Warranty:** Warranty period for the commodities of this contract is 36 months according to genuine standards.

### 6. Documents required:

A set of the shipping documents should be emailed and then immediately sent to the Buyer within 07 days from date of delivery, including:

- Bill of Lading marked "Freight to collect"
- Commercial Invoice & Packing List issued by the Seller: 01 originals
- Certificate of Origin (C/O) issued by Chamber of Commerce of the exporting country: 01 original
- Certificate of Quality (C/Q) issued by the Manufacturer: 01 original
- Certificate of Manufacturer's warranty confirmation with start date and end date for all contract goods: 01 original

### 7. Liabilities of both parties

- Liabilities of Seller: Delivering products to party A with quantity, specification, time and place of delivery as agreed in sales contract

- Liabilities of Buyer: Making full payment and on time to party B as agreed in article 4 of this sales contract.

### 8. Term of Penalty

Any delay in payment by the Buyer beyond the agreed payment term of this contract will result in a penalty calculated at 0.5% per week for total amount of overdue invoice but not exceeding 2% of Invoice amount.

Any delay in delivery by the Seller beyond the agreed terms of this contract will result in a penalty calculated at 0.5% per week for delay amount total but not exceeding 2% of the delay amount, calculated pro-rata from the date of delivery due

### 9. General Conditions:

Contract is confidential between the Seller and the Buyer and cannot be shown to the third party in any cases

This contract is made into 02 copies in English, each party holds 01 copy with equal value and comes into force since the signing date.

For and on behalf of



CHIEF EXECUTIVE OFFICER

*Phạm Minh Cường*

For and on behalf of  
SELLER



Mr Alan Ho - Director





## ANNEX 01

Date: 06 February 2024

(Refer to Contract No.: ISC24008 date 25 January 2024)

### THE SELLER: ISG TECHNOLOGY PTE LTD

Address : 114 Bedok Reservoir Road #10-142 Singapore 470114

Tel : (65)96828897 Fax: (65) 68443165

Represented by: Mr Alan Ho - Director

AND

### THE BUYER: ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION (ELCOM CORP).

Address : Eicom Building, Duy Tan Street., Dich Vong Hau Ward., Cau Giay Dist., Hanoi, Vietnam.

Tel: +84-438 359 359 Fax: +84-438 355

Represented by : Mr Pham Minh Thang - C.E.O

Both sides have mutually agreed that the Seller agrees to sell, and the Buyer agrees to buy the Terms of Commodity with the terms and conditions as below:



### ARTICLE 1: COMMODITY

No	Description	Qty	Unit price	Total price
		(set)	(USD)	(USD)
1	VMS P20 RGB 64Hx384W	7	59,600	417,200.00
2	Local Control box	7	375	2,625.00
3	LCS P10 RGB 128Hx128W	16	12,970	207,520.00
4	Local Control box	8	260	2,080.00
5	VMS P10 RGB 64Hx384W	2	29,750	59,500.00
6	Local control box	2	280	560.00
<b>Grand Total (Exwork Taiwan/ Incoterms 2020)</b>				<b>689,485.00</b>

**ARTICLE 1 : PAYMENT TERMS**

- 100% contract value will be paid to the seller's account by TTR as below:
- 1<sup>st</sup> Installment: The Buyer shall pay the amount of 120,000.00 USD by T/T to the Seller within 05 days after the contract has been signed
- 2<sup>nd</sup> Installment: The Buyer shall pay the amount of 272,000.00 USD by T/T to the Seller before the delivery of goods and within 05 days from the date of Notice of shipment for delivery from the Seller.
- 3<sup>rd</sup> Installment: the Buyer shall pay the balance of 297,485.00 USD by T/T to the Seller after 120 days since the date of the last shipping date.

**ARTICLE 3: OTHER TERMS**

- Other terms and conditions of the Contract No.: *ISC24008 date 25 January 2024* keep unchanged.
- This Annex 01 is made into 02 copies in English, each party holds 01 copy with equal value and comes into force since the signing date.

**SIGNED for and on behalf of the Buyer**

by Mr Pham Minh Thang - C.E.O



CHIEF EXECUTIVE OFFICER  
*Pham Minh Thang*

**SIGNED for and on behalf of the Seller**

by Mr Alan Ho - Director

Handwritten signature of Mr Alan Ho.



Signature & Stamp

## ANNEX 02

(Refer to Contract No.: JSC24008 date 25 January 2024)

Date: 20 July 2024

### THE SELLER: ISG TECHNOLOGY PTE LTD

Address : 114 Bedok Reservoir Road #10-142 Singapore 470114

Tel : (65)96828897 Fax: (65) 68443165

Represented by: **Mr Alan Ho - Director**

AND

### THE BUYER: ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION (ELCOM CORP).

Address : Elcom Building, Duy Tan Street., Dich Vong Hau Ward., Cau Giay Dist.,  
Hanoi, Vietnam.

Tel : +84-438 359 359 Fax: +84-438 355

Represented by : **Mr Pham Minh Thang – C.E.O**

Both sides have mutually agreed to extend the time of last payment as below:

#### ARTICLE 1 : PAYMENT TERMS

- The last installment: the Buyer shall pay the balance of 297,485.00 USD by T/T to the Seller no later than 31 January 2025.

#### ARTICLE 2: OTHER TERMS

- Other terms and conditions of the Contract No.: JSC24008 date 25 January 2024 and Annex 01 keep unchanged.
- This Annex 02 is made into 02 copies in English, each party holds 01 copy with equal value and comes into force since the signing date.

SIGNED for and on behalf of the Buyer ~~and~~ SIGNED for and on behalf of the Seller


Mr Pham Minh Thang – C.E.O


Mr Alan Ho – Director

## **HỢP ĐỒNG BÁN HÀNG**

Số: JSC24063

Ngày : 20/08/2024

Hợp đồng này được thực hiện giữa :

**BÊN BÁN:** **COMVERSE NETWORK LIMITED**  
Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Henley, Phòng số 7837, 5 Đường Queen  
Road Central, Central, Hồng Kông  
Điện thoại: + 852 3678 7304 Fax : +852 2521 1190  
Đại diện bởi: Ông Peter Zimmermann - Giám đốc  
Sau đây được gọi là "Bên bán"

**BÊN MUA:** **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG ELCOM  
(ELCOM CORP.)**  
Địa chỉ - Tòa nhà Elcom, Đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu,  
quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại : + 84 4 38 359 359 Số Fax : +84 4 38 355 884  
Được đại diện bởi : Ông Phạm Minh Thắng- Tổng giám đốc  
Ở đây sau đó được gọi là " Bên mua "

Cả Bên bán và Bên mua đều đồng ý rằng Bên bán sẽ mua và Bên mua sẽ bán hàng hóa được mô tả ở đây theo các điều khoản và điều kiện sau đây..

### **ĐIỀU 1: HÀNG HÓA**

- Tên hàng hóa : như trên mỗi Phụ lục I
- Mô tả và thông số kỹ thuật : tại Phụ lục I.
- Số lượng và giá cả : tại Phụ lục I
- Chất lượng: hàng mới 100%, tình trạng tốt
- Tổng giá hợp đồng : đề cập tại Điều 2.1 .

### **ĐIỀU 2 – GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG**

2.1. Tổng giá trị Hợp đồng là 41.838,00 USD (Bằng chữ: Bốn mươi một nghìn tám trăm ba mươi tám đô la Mỹ)

Giá hợp đồng được báo giá bằng đô la Mỹ (USD) và là đơn vị tiền tệ dùng để lập hóa đơn và thanh toán. Giá này sẽ cố định trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, tuân thủ thời gian giao hàng.

### **ĐIỀU 3 : THỜI HẠN THANH TOÁN**

3.1. Tất cả các khoản thanh toán sẽ được thực hiện bằng đô la Mỹ



### 3.2. Lịch trình thanh toán:

100% giá trị hợp đồng phải được thanh toán cho Người bán bằng hình thức chuyển khoản điện tín trước ngày 24 tháng 1 năm 2025

### 3.3 Thông tin người thu hưởng:

- Người thụ hưởng: COMVERSE NETWORK LIMITED
- Tên ngân hàng: The Hongkong & Shanghai Banking Corporation Limited
- Địa chỉ: Văn phòng chính - Tòa nhà HSBC, 1 Queen's Road Central, Hồng Kông
- Số tài khoản ngân hàng: 808-257984-838
- Mã Swift: HSBCHKHHKH

3.4 Phí ngân hàng: Bên bán sẽ chịu mọi chi phí ngân hàng phát sinh bên trong quốc gia của Bên bán, trong khi Bên bán sẽ chịu mọi chi phí ngân hàng phát sinh bên ngoài quốc gia của Bên bán.

## ĐIỀU 4 - GIAO PHẦN MỀM

4.1 Phần mềm sẽ được gửi cho Bên bán dưới dạng tải xuống trong vòng 2-4 tuần kể từ ngày ký Hợp đồng.

Bên bán sẽ gửi cho Bên mua các tài liệu dưới đây :

- |                                   |            |
|-----------------------------------|------------|
| (1) Hóa đơn Thương mại:           | 03 bản gốc |
| (2) Giấy chứng nhận của Phần mềm: | 01 bản gốc |
| (3) Biên bản giao nhận:           | 01 bản gốc |

## ĐIỀU 5 - TRỌNG TÀI

Mọi tranh chấp hoặc bất đồng phát sinh liên quan đến Hợp đồng này, mà không thể giải quyết một cách hòa giải, sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Hà Nội theo quy định của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Hà Nội. Quyết định trọng tài sẽ có hiệu lực pháp luật cuối cùng đối với cả hai bên.

Tất cả các chi phí liên quan đến trọng tài sẽ do bên thua kiện chịu.

Ngôn ngữ sử dụng trong trọng tài là tiếng Anh.

## ĐIỀU 6 - HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký kết, trừ trường hợp một trong hai bên chấm dứt hợp đồng sớm hơn.

## ĐIỀU 7 - ĐIỀU KHOẢN CHUNG

7.1 Mọi sửa đổi hoặc bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được cả hai bên đồng ý.

7.2. Không bên nào có quyền chuyển giao quyền lợi hoặc nghĩa vụ của mình cho bên thứ ba mà không có sự đồng ý bằng văn bản của bên kia. Mỗi bên tham gia hợp đồng này sẽ giữ bí mật tất cả các thông tin kỹ thuật, thương mại, tài chính và các thông tin khác thu được từ bên kia và thực hiện mọi biện pháp để ngăn chặn việc tiết lộ thông tin đó cho bên thứ ba hoặc bất kỳ sử dụng trái phép nào đối với thông tin đó.

7.3. Hợp đồng này được viết bằng tiếng Anh và được ký kết qua email, lập thành hai bản, mỗi bên giữ một bản, và cả hai bản đều có giá trị pháp lý như nhau.

**Các bên đã chính thức ký kết Hợp đồng này vào ngày ghi tại trang đầu Hợp đồng**

**ĐẠI DIỆN KÝ TÊN cho và thay mặt**  
**Bên Mua**  
**Ông Phạm Minh Thắng – Tổng giám**  
**đốc**

.....

**ĐẠI DIỆN KÝ TÊN cho và thay mặt**  
**Bên Bán**  
**Ông Peter Zimmermann - Giám đốc**

.....

4/10/2024 10:10:10 AM

10/10/2024 10:10:10 AM

**PHỤ LỤC I: TÊN MẶT HÀNG VÀ GIÁ CẢ**  
**Hợp đồng số: JSC14063 ngày 20 tháng 8 năm 2024**

Stt	Mô tả	Mã số sản phẩm/ Nhà sản xuất/ Nước xuất xứ	Số lượng (bộ)	Loại sản phẩm	Giá đơn vị (đô la Mỹ)	Tổng giá (đô la Mỹ)
1	<p><b>Phân tích Sự kiện giao thông qua hình ảnh tự động cho thiết bị AI Box</b></p> <p>Nhận dạng tự động các đối tượng và hành vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận dạng và theo dõi đối tượng: người, xe</li> <li>+ Nhận dạng biển số xe (LPR)</li> <li>+ Phân loại đối tượng: loại xe.</li> <li>+ Dếm đối tượng: đếm người, đếm xe, đếm LPR.</li> <li>+ Nhận dạng hành vi: vi phạm dừng đỗ, đi sai đường, rẽ sai làn, làn khẩn cấp...</li> <li>+ Đào tạo kỹ thuật trực tuyến</li> </ul>	AI Box Erabyte / Hoa Kỳ	57	Phần mềm	734	41.838,00
<p><b>TỔNG SỐ TIỀN USD</b>  <b>( Bằng chữ: Bốn mươi một nghìn tám trăm ba mươi tám đô la Mỹ)</b></p>						41.838,00

Tôi, Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch



**Đặng Thị Hiền Mai**

**LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN**

Hôm nay, ngày 17 tháng 12 năm 2024. (Ngày mười bảy, tháng mười hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư).

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, **CÔNG CHỨNG VIÊN** Nguyễn Đức Tuấn - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

**CHỨNG NHẬN:**

- Bản dịch này do bà Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đặng Thị Hiền Mai;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 07 bản chính, mỗi bản gồm 02 tờ, 02 trang, lưu một (01) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: ..... 30294 ..... Quyển số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

**CÔNG CHỨNG VIÊN**



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
Nguyễn Đức Tuấn



# SALES CONTRACT

No: JSC24063  
Date: 20 August 2024

This contract is made between:

**THE SELLER: CONVERSE NETWORK LIMITED**  
Address: 12/F, Hentley Building, Suite No. 7837, 5 Queen's Road  
Central, Central, Hong Kong  
Tel: +852 3678 7304 Fax: +852 2521 1190  
Represented by: Mr. Peter Zimmermann - Director  
Hereinafter referred to as "Seller"

**THE BUYER: ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION  
(ELCOM CORP.)**  
Address: Elcom Building, Duy Tan Str., Dich Vong Hau Ward,  
Cau Giay Dist., Hanoi, Vietnam  
Tel: +84 4 38 359 359 Fax: +84 1 38 355 884  
Represented by: Mr. Phan Minh Thang - CEO  
Hereinafter referred to as "Buyer"

It is mutually agreed that the Buyer shall buy and the Seller shall sell the commodity described hereto as per the following set forth terms and conditions.

## ARTICLE 1: COMMODITY

- Name of goods: as per Annex A
- Description and specifications: as per Annex A.
- Quantity and price: as per Annex A.
- Quality: brand-new 100% in good operation.
- Total contract price: as mentioned in Article 2.1.

## ARTICLE 2 - CONTRACT PRICE

2.1. The Contract Price is 41,838.00 USD (In words: US Dollars Forty One thousand Eight hundred and Thirty Eight only)

The Contract Price quoted is expressed in USD currency of account, invoicing and payment and are firm during the performance of the Contract in compliance with the Delivery Time.

## ARTICLE 3: PAYMENT TERM

3.1. All payments shall be made in USD

**3.2. Payment schedule:**

- 100% of the Contract value shall be paid to the Seller by telegraphic transfer no later than 24 January 2025.

**3.3. All payments shall be in favor of:**

- Beneficiary: COMVERSE NETWORK LIMITED
- Bank Name: The Hongkong & Shanghai Banking Corporation Limited
- Address: Main Office - HSBC Building, 1 Queen's Road Central, Hong Kong
- Bank Account No: 808-257984-838
- Swift Code: HSBCCHKHHKED

**3.4 Bank charges:** All the bank charges incurred inside Buyer's country shall be borne by Buyer whereas all the bank charges incurred outside Buyer's country shall be borne by Seller.

**ARTICLE 4 - SOFTWARE DELIVERY**

4.1 The software will be sent to the Buyer via download within 2-4 weeks since signing date.

The Seller shall send out to the Buyer the below documents:

- |                                 |              |
|---------------------------------|--------------|
| (1) Signed Commercial Invoice   | 03 originals |
| (2) Certificate of Software.    | 01 original  |
| (3) Delivery of Acknowledgement | 01 original  |

**ARTICLE 5 - ARBITRATION**

Any disputes or discrepancies in connection with this Contract, which cannot be settled amicably, shall be settled at International Arbitration Centre in Hanoi under the rules of International Arbitration Centre in Hanoi. The arbitration award shall be final and binding for both parties.

All expenses in connection with the arbitration shall be borne by the losing party.

The language for the arbitration shall be English.

**ARTICLE 6 - EFFECTUATION OF THE CONTRACT**

This contract will be in force from the signing date unless terminated earlier by either Party.

**ARTICLE 7 - GENERAL TERMS**

7.1 Any amendments or additions of the terms of this contract must be mutually agreed

7.2. Neither party has right to endorse the benefits or responsibilities to a third party without the other party's written consent. Each Party of this contract will keep all technical, commercial, financial and other information obtained from other party as strictly confidential information and takes all measures to prevent the communication of that information to a third party or any kind of unauthorized use of that information.

10/12  
NG  
NG  
UP  
E/C  
10/12

7.3. This contract is written in English and signed via Email in duplicate, one copy for the Buyer, the other copy for the Seller, each copy being equally authentic.

IN WITNESS the parties have duly executed this Contract on the date first above written.

SIGNED for and on behalf of the Buyer  
Mr. Phan Minh Thang - CEO



CHIEF EXECUTIVE OFFICER  
*Phan Minh Thang*  
For and on behalf of  
Converse Network Limited

SIGNED for and on behalf of the Seller  
Mr. Peter Zimmermann - Director

*Peter Zimmermann*  
Authorized Signatures(s)

14/04/2014

Handwritten red notes and signatures on the right margin.

**ANNEX A - MATERIALS AND PRICE SCHEDULE**

Contract No: JSC/2007 dated 20 August 2007

No	Description	Part Number/ Manufacturer/ Country of Origin	Qty (set)	Product Type	Unit Price (USD)	Total Price (USD)
	<p><b>Traffic Events Image Analytic Automatic for AI Box Devices</b>                      Automatic recognition objects and behaviors:                      + Object recognition and tracking: person, vehicle                      + License plate recognition (LPR)                      + Object classification: vehicle types                      + Object counting: person counting, vehicle counting, LPR counting.                      + Behavior recognition: stop &amp; park violation, wrong way, wrong turn, emergency lane...                      + Online technical training</p>	<p align="center"><b>AIBox Analytic / USA</b></p>	<p align="center"><b>57</b></p>	<p align="center"><b>Software</b></p>	<p align="center"><b>734</b></p>	<p align="center"><b>41,838</b></p>
<p align="center"><b>Total USD</b>  <b>(In words: US Dollars Forty One thousand Eight hundred and Thirty Eight only)</b></p>						<p align="center"><b>41,838.00</b></p>





## **HỢP ĐỒNG MUA BÁN**

Số: JSC 24065

Ngày 08 tháng 08 năm 2024

Hợp đồng này là giữa:

### **BÊN BÁN: HUDSON CAPITAL HOLDING LIMITED**

Địa chỉ: 12/F, Tòa nhà Henley, Số phòng 8332, 5 Queen's Road Central, Hong Kong  
Đại diện bởi: Ông James Scott Christner – Giám đốc

VÀ

### **BÊN MUA: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM (ELCOM CORP).**

Địa chỉ: Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: +84-438 359 359 Fax: +84-438 355

Đại diện bởi: Ông Phạm Minh Thang – Tổng Giám đốc

Theo Hợp đồng này, hai bên thống nhất rằng Bên Bán đồng ý bán và Bên Mua đồng ý mua hàng hóa như sau:

#### **ĐIỀU 1: HÀNG HÓA – PHẦN MỀM**

- Tên và mô tả hàng hóa theo Phụ lục A
- Tổng giá trị hợp đồng: như đã đề cập tại Điều 2.

#### **ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG**

Giá trị Hợp đồng là 330,612 USD.

*(Bảng chữ: Ba trăm ba mươi nghìn sáu trăm mười hai đô la Mỹ)*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hợp đồng này là đô la Mỹ.

Bên Mua sẽ chịu trách nhiệm cho tất cả các khoản phí phát sinh; thuế địa phương hoặc thuế suất phát sinh tại quốc gia của bên Mua.

Giá trên đã được hai bên thỏa thuận cố định. Bên Mua sẽ không chấp nhận bất kỳ lý do nào cho việc tăng giá.

Nếu tổng giá trị hợp đồng giảm do số lượng ít hơn, cả hai bên sẽ đồng ý và cam kết bằng cách ký vào Phụ lục.

Giá trị hợp đồng này không bao gồm thuế địa phương và thuế suất, mà sẽ do bên Mua chịu trách nhiệm.



### **ĐIỀU 3 - ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN**

3.1. Tất cả các khoản thanh toán sẽ được thực hiện bằng đồng đô la Mỹ.

3.2 100% tổng giá trị Hợp đồng là 330,612.00 USD (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi nghìn, sáu trăm mười hai đô la Mỹ) sẽ được thanh toán cho Bên Bán bằng Chuyển tiền Điện tử (T/T) theo lịch trình dưới đây:

100% giá trị hợp đồng sẽ được thanh toán cho bên Bán trong vòng 180 ngày kể từ ngày giao hàng và bên Mua nhận được các tài liệu dưới đây:

- Yêu cầu thanh toán
- Hóa đơn thương mại đã ký: 03 bản gốc.
- Biên nhận giao hàng đã ký để xác nhận việc tải xuống phần mềm điện tử: 02 bản gốc

Bên Mua có trách nhiệm tải xuống phần mềm khi được Bên Bán cung cấp đề tài xuống. Bên Bán sẽ không chịu trách nhiệm về việc không tải xuống hoặc chậm trễ trong việc tải xuống phần mềm do sự chậm trễ do Bên Mua (hoặc khách hàng cuối) hoặc các vấn đề kỹ thuật của Bên Mua (hoặc khách hàng cuối) gây ra. Nếu Bên Mua không tải xuống phần mềm trong vòng 3 ngày kể từ khi Bên Bán cung cấp phần mềm đề tài xuống, Biên nhận giao hàng đã ký sẽ được coi là đã được phát hành.

Giá này không bao gồm phần thuế thu nhập doanh nghiệp (CIT) của thuế nhà thầu nước ngoài.

3.3 Tất cả các khoản thanh toán sẽ được chuyển vào tài khoản của Bên Bán dưới đây:

**Tên người thụ hưởng Beneficiary Name: HUDSON CAPITAL HOLDING LTD**

**Số tài khoản: 005349 -831**

**Tại Ngân hàng: Ngân hàng TNHH OCBC Wing Hang**

**Địa chỉ: 161 Queen's Road Central, Hong Kong**

**Mã SWIFT: WIIHBKHH**

**Mã ngân hàng: 035**

**Mã chi nhánh: 802**

Tất cả các khoản phí ngân hàng tại Việt Nam sẽ do Bên Mua chịu; và tất cả các khoản phí ngân hàng ngoài Việt Nam sẽ do Bên Bán chịu.

3.4 Bên Mua sẽ chịu trách nhiệm cho tất cả các loại thuế và phí địa phương áp dụng, bao gồm thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (VAT), thuế nhà thầu nước ngoài và các loại thuế khác (nếu có).

Bên Mua sẽ cung cấp cho Bên Bán bằng chứng về bất kỳ khoản thuế nào đã được thanh toán nếu được Bên Bán yêu cầu.

#### **ĐIỀU 4 - GIAO HÀNG**

**4.1 Phương thức giao hàng:** Phần mềm sẽ được cung cấp để tải xuống điện tử trong vòng 04 đến 08 tuần kể từ Ngày có hiệu lực của Hợp đồng này. Bên Bán sẽ cung cấp cho Bên Mua liên kết FTP để tải xuống phần mềm.

**4.2 Tài liệu giao hàng:**

- Bên Bán sẽ gửi cho Bên Mua bản nháp của các tài liệu dưới đây qua email trong vòng 3 ngày kể từ ngày giao hàng để xem xét và phê duyệt.  
Trong vòng ba (3) ngày làm việc sau ngày giao hàng, Bên Bán sẽ gửi một bản sao quét của các tài liệu dưới đây qua email, và gửi một bộ tài liệu gốc đầy đủ của các tài liệu dưới đây qua chuyển phát nhanh đến Bên Mua tại địa chỉ dưới đây:  
Địa chỉ: Tòa nhà Eicom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: +84-4 38 359 359                      Fax: +84-4 38355 884

Các tài liệu sẽ bao gồm:

- a) Hóa đơn thương mại đã ký: 03 bản gốc.
- b) Biên nhận giao hàng đã ký để xác nhận việc tải xuống điện tử phần mềm: 02 bản gốc.

**4.3 Phí phạt vi phạm hợp đồng**

Trong trường hợp việc cung cấp phần mềm để tải xuống điện tử bị chậm trễ vượt quá 12 tuần kể từ Ngày có hiệu lực của Hợp đồng này, do lý do hoàn toàn thuộc về Bên Bán, thì Bên Mua có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại từ Bên Bán với tỷ lệ 1% giá trị của phần mềm bị chậm trễ cho mỗi tuần chậm trễ hoàn toàn, tùy thuộc vào các điều kiện sau đây.

Tổng số tiền bồi thường thiệt hại tối đa có thể được yêu cầu theo đơn đặt hàng này được giới hạn ở mức tám (8) phần trăm giá trị của phần mềm bị chậm trễ. Phí phạt vi phạm hợp đồng chỉ áp dụng nếu Bên Mua đã thanh toán phí phạt vi phạm hợp đồng cho khách hàng cuối của mình do chậm trễ trong việc cung cấp phần mềm để tải xuống bởi Bên Bán. Phí phạt vi phạm hợp đồng sẽ được thanh toán hàng cách khấu trừ vào các nghĩa vụ thanh toán chưa thực hiện của Bên Mua đối với Bên Bán. Phí phạt vi phạm hợp đồng là một ước tính thực tế về thiệt hại do chậm trễ gây ra. Mọi yêu cầu về phí phạt vi phạm hợp đồng sẽ là biện pháp duy nhất và độc quyền của Bên Mua đối với bất kỳ thiệt hại nào do chậm trễ gây ra.

**ĐIỀU 5 - BẢO HÀNH**

Theo Hợp đồng Đại lý Chính.

**ĐIỀU 6 - HỦY ĐƠN ĐẶT HÀNG DO BẤT KHẢ KHÁNG**

Hợp đồng này có thể bị hủy theo các điều khoản về bất khả kháng trong Hợp đồng Đại lý Chính.

**ĐẠI DIỆN KÝ TÊN cho và thay mặt Bên Mua**

Ông Phạm Minh Thắng – Tổng Giám đốc .....

Chữ ký và đóng dấu

**ĐẠI DIỆN KÝ TÊN cho và thay mặt Bên Bán**

Ông James Scott Christner – Giám đốc .....

Chữ ký và đóng dấu

13/03/2018





**ANNEX A – DESCRIPTION AND PRICE SCHEDULE**

No.	Name of the goods	Description	Manufacturer/ Origin	Qty (pcs)/Unit	Unit Price (USD)	Total Price (USD)
1	<p align="center"><b>ITS services Framework software</b> Code: Sitraffic Varia</p>	<p>ITS services Framework software The features: + Provide to stratified &amp; layered architecture model, data standardization, and easily expand in the future. + Provide SDK/API library that allows integrating ITS service modules. + Provide data library standardization, protocol synonyms, for connecting and integrating to various devices. + Support Big data architecture, assurance storing and processing large amounts of data, analyzing unstructured data, and support for security. + Smart data organization, and speed up access database.</p>	<p align="center"><b>Ymnoz Traffic / England</b></p>	<p align="center"><b>1</b></p>	<p align="center"><b>330,612</b></p>	<p align="center"><b>330,612</b></p>
<p align="center"><b>Total (USD)</b> <b>(Say in words: US Dollars Three hundred Thirty thousand Six hundred and Twelve only.)</b></p>						<p align="center"><b>330,612.00</b></p>

Tôi, Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch

  
Đặng Thị Hiền Mai

**LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN**

Hôm nay, ngày 17 tháng 12 năm 2024. (Ngày mười bảy, tháng mười hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư).

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
Tôi, *Nguyễn Đức Tuấn* - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

**CHỨNG NHẬN:**

- Bản dịch này do bà Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đặng Thị Hiền Mai;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 07 bản chính, mỗi bản gồm 6.. tờ, 6..trang, lưu một (01) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng:.....*36245*.....Quyển số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

**CÔNG CHỨNG VIÊN**



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Nguyễn Đức Tuấn*

# PURCHASE ORDER

No: JSC 24065

Date: 08 August 2024

This Purchase Order is between:

**THE SELLER: HUDSON CAPITAL HOLDING LIMITED**

Address : 12/F, Henley Building, Suite No. 8332, 5 Queen's Road Central, Central, Hong Kong

Represented by: Mr. James Scott Christner – Director

AND

**THE BUYER: ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION (ELCOM CORP).**

Address : Elcom Building, Duy Tam Street, Dich Vong Huu Ward., Cau Giay Dist., Hanoi, Vietnam.

Tel: +84-438 359 359 Fax: +84-438 355

Represented by : Mr. Pham Minh Thang – CEO

Purchase Order: both sides have mutually agreed that the Seller agrees to sell, and the Buyer agrees to buy the commodity as follows:

## ARTICLE 1: COMMODITY – SOFTWARE

- Name & Description of commodity as per Annex A.
- Total Purchase Order Price: as mentioned in Article 2.

## ARTICLE 2 – PURCHASE ORDER PRICE

The Purchase Order Price shall be **USD 330,612.00**

*(Say in words: US Dollars Three hundred Thirty thousand Six hundred and Twelve only.)*

The transaction currency of this contract is USD.

The Buyer will be responsible all the extra fee, local taxes tax or duties arising in the Buyer's country.

It is above price is fixed by two parties. The Buyer will not accept any reason of increasing price.

If the total price of contract will decrease due to less quantity, both parties will agree and commit by signing Annex.

Purchase Order price excludes local taxes and duties which shall be the responsibility of Buyer.



15/7 5 0 5 15/1



### ARTICLE 3 - TERMS OF PAYMENT

3.1. All payments shall be made in USD.

3.2. 100% Total Purchase Order price being USD 330,612,000 (Say in words: US Dollars Three hundred Thirty thousand Six hundred and Twelve only.) shall be paid to the Seller by Telegraphic Bank Transfer (T/T) as schedule below:

- 100% contract value will be paid to the Seller within 180 days since the date of delivery and the Buyer receives below documents:

- Payment request
- Signed Commercial Invoice: 03 originals.
- Signed delivery acknowledgement to confirm the electronic download of the Software: 02 originals.

Buyer is responsible for downloading the Software when made available for download by Seller. Seller shall not be responsible for failure or delay in downloading the Software due to delay caused by Buyer (or end-customer) or technical problems of the Buyer (or the end-customer). If Buyer fails to download the Software within 3 days of the Seller making the Software available for download, the Signed delivery acknowledgement shall be deemed to have been issued.

This price does not include the Corporate Income Tax (CIT) portions of the Foreign Contractor Withholding Tax.

3.3. All payments shall be in favor of the below Seller's account:

Beneficiary Name: HUDSON CAPITAL HOLDING LTD

Account Number: 005349-831

Bank Name: OCBC Wing Hang Bank Limited

Bank Address: 161 Queen's Road Central, Hong Kong

Swift Code: WHHBK333

Bank Code: 035

Branch Code: 802

All bank charges in Vietnam shall be paid by the Buyer, and all bank charges outside Vietnam shall be paid by the Seller.

3.4. The Buyer will be responsible for all applied local taxes and duties including import tax, VAT, Foreign Contractor Withholding Tax and other taxes (if any). The Buyer will provide the Seller evidence of any taxes paid if requested by the Seller.

Handwritten note: 100% - 180 days

Red stamp: N P 10 C 11/11

Red stamp: 10/11/2011



## ARTICLE 4 - DELIVERY

4.1 **Delivery Method:** Software shall be made available for electronic download within 04 to 08 weeks from the Effective Date of this Purchase Order. The Seller will provide the Buyer with FTP link to download Software.

### 4.2 Delivery documents:

- The Seller shall send to the Buyer the drafts of documents below by email within 3 days of the delivery date for review and approval.
- Within three (3) working days after the date of delivery, Seller shall send a scanned copy of the below documents via email; and send one full set of the below original documents via express courier to Buyer at below address:

Address: Hecan Building, Duy Tan Street, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

Tel: +84-4 38 359 359 Fax: +84-4 38353 884

The documents shall include:

- a) Signed Commercial Invoice: 03 originals.
- b) Signed delivery acknowledgement to confirm the electronic download of the Software: 02 originals.

### 4.2 Liquidated damages

In the event that making the Software available for electronic download is delayed beyond the date that is 12 weeks from the Effective Date of this Purchase Order, due to reasons solely attributable to Seller, then liquidated damages may be claimed by the Buyer from the Seller at the rate of 1% of the value of the delayed Software for each entire week of delay subject to the following conditions:

The total maximum aggregate amount of liquidated damages which may be claimed under this purchase order is capped at eight (8) percent of the value of the delayed Software. Liquidated damages only apply if the Buyer has paid liquidated damages to its end-customer due to a delay in making the Software available for download by the Seller. Liquidated damages shall be payable by way of offset against outstanding payment obligations of Buyer to Seller. Liquidated damages are a genuine pre-estimate of the loss caused by delay. Any claim of liquidated damages will be the Buyer's sole and exclusive remedy for any loss caused by delay.

## ARTICLE 5 - WARRANTY

See the Master Reseller Agreement.

## ARTICLE 6 - ORDER CANCEL DUE TO FORCE MAJEURE

An order may be cancelled in accordance with the force majeure provisions in the Master Reseller Agreement.

SIGNED for and on behalf of the Buyer

By Mr Pham Minh Thang C.E.O



Chief Executive Officer

*Pham Minh Thang*

Signature & Stamp

For and on behalf of  
HUDSON CAPITAL HOLDING LTD.

SIGNED for and on behalf of the Seller

by Mr. James Scott Christner – Director

*James Scott Christner*  
Authorized Signature(s)

Signature & Stamp

Vertical stamp on the right margin with illegible text.

Vertical stamp on the bottom right margin with illegible text.

## ANNEX A – DESCRIPTION AND PRICE SCHEDULE

No.	Name of the goods	Description	Manufacturer/ Origin	Qty (pcs)/Unit	Unit Price (USD)	Total Price (USD)
1	ITS services Framework software Code: Nitraffic Varia	ITS services Framework software The features: + Provide to stratified & layered architecture model, data standardization, and easily expand in the future. + Provide SDK/API library that allows integrating ITS service modules. + Provide data library standardization, protocol synonyms, for connecting and integrating to various devices + Support Big data architecture, assurance storing and processing large amounts of data, analyzing unstructured data, and support for security. + Smart data organization, and speed up access database.	Yunes Traffic / England	1	330,612	330,612
<b>Total (USD)</b>						
(Say in words: US Dollars Three hundred Thirty thousand Six hundred and Twelve only.)						330,612.00



31/05/2014

Số: *01-VI/2024/NQ-HDQT*

Hà Nội, ngày *15* tháng *07* năm 2024

### NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua triển khai và tổng ngân sách đầu tư nghiên cứu phát triển cho các sản phẩm

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày *15/07/2024* của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM.

#### QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua triển khai và tổng ngân sách đầu tư nghiên cứu phát triển cho các sản phẩm, công nghệ của Công ty, chi tiết như sau:

ST T	Công nghệ/Sản phẩm	Chi phí đầu tư nghiên cứu phát triển dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Đầu tư nghiên cứu công nghệ GenAI: phục vụ nâng cấp các dòng sản phẩm hiện tại và phát triển các dòng sản phẩm mới chu kỳ đến 2030.	12.000.000.000	Quý IV/2024 và Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV Năm 2025
2	Đầu tư nghiên cứu thử nghiệm công nghệ Camera AI thế hệ mới của hãng: phục vụ đưa vào các hộp đồng giao thông, an ninh trong giai đoạn đến 2030.	10.935.110.000	
3	Đầu tư nghiên cứu nền tảng kho dữ liệu thông minh: kho dữ liệu thông minh phục vụ cho mảng chuyển đổi số đến năm 2030.	11.000.000.000	
4	Đầu tư nghiên cứu phát triển các công nghệ chặn thu vệ tinh, xử lý dữ liệu: các giải mã mới, vệ tinh mới và xử lý dữ liệu đa nguồn cho việc nâng cấp, phát triển sản phẩm thế hệ mới đáp ứng tình hình an ninh quốc gia ngày càng phức tạp.	9.000.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>42.935.110.000</b>	





**Điều 2: Hiệu lực thi hành**

Ban điều hành, các bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.  
Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

Nội nhân:

- Như Điều 2;
- Lưu VP HĐQT;
- CBT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**PHAN CHIẾN THẮNG**

